NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

THẾ-GIỚI NHẤT-LÃM (1)

Bà bạn quí của tôi là bà ADOLPHE BRISSON, chánh-đốc trường Đại-học *Les Annales*, bà đã có hụng tin yêu ai thì thường ủy cho những việc nặng-nề quá sức; nhân trường Đại-học mở một lớp diễn-thuyết nói về « Các trạng-thái của sự sinh-hoạt đời nay » (*les Aspects de la vie moderne*), bà có giao cho tôi cái trách-nhiệm danh giá làm như một bài tựa cho lớp diễn-thuyết đó. Người Nam-phương chúng tôi có tiếng là hay nói; tôi cũng muốn tỏ lòng cảm ơn bà Đốc mà thu-thập hết cái sức « hùng-biện » của con trai xứ Nam để vào nói chuyện các ngài nghe, nhưng mà cái tài « hùng-biện » ấy đứng ngoài thì giỏi-giang như thế mà bước vào đến đây, trước một cái hội thính-giả trang-nghiêm như thế này, đã thấy nhụt mất đi nhiều lắm.

Mấy câu giáo-đầu đó là cốt để xin các ngài rộng lòng khoan-dung cho diễn-giả. Các ngài có khoan-dung cho thì diễn-giả mới dám nói về một vấn-đề thực không có thú-vị chút nào, mà lại nghiêm-khắc quá-đáng. Cái đầu bài cố-ý mập-mờ: « Thế-giới nhất-lãm », chắc các ngài nghe thấy cũng chưa biết rõ nói về chuyện gì, nếu biết thì có lẽ không hứng đến nghe vậy. Nhưng các ngài đã quá-bộ đến đây mà trường Đại-học đã hứa sẽ trình bày cho các ngài xem « các trạng-thái của sự sinh-hoạt đời nay », thời về phần tôi muốn dẫn các ngài đi xem cái sân khấu lớn là nơi trường-sở của sự sinh-hoạt đó. Sân khấu ấy tức là thế-giới, là cả cái thế-giới bao-la kia, chúng ta sẽ phóng nhãn-quang mà nhìn qua một lượt.

. . .

Nói thế, tôi xem các ngài đã có ý ngại. Vậy xin biết cho rằng bài diễn-thuyết này không phải là một bài học địa-dư hoàn-cầu đâu. Tôi không có sách địa-đồ, không có quả địa cầu ở đây. Chỉ có tập « phi-lộ » của trường Đại-học đây, định rõ cái giới-hạn của bài diễn-thuyết hôm nay là thuộc vào lớp diễn-thuyết chung về các trạng-thái của sự sinh-hoạt đời nay. Nay muốn biết rõ cái đại-ý nó bao-quát cả các bài diễn-thuyết ấy mà đò cái sổ kê phương-danh các diễn-giả, ngài thì nói về mĩ-thuật, về thi-học, về thể-thao, về triết-học, ngài thì nói về âm-

(1) Bài « Thế-giới nhất-lãm » (*Un regard sur le monde*) này là một bài diễn-thuyết lớn của ông ALBERT SARRAUT, nguyên Toàn-quyền Đông-Pháp, nguyên Thuộc-địa-bộ Thượng-thư, đọc ở trường Đại-học *Les Annales* ngày 21 tháng 11 năm 1924, và đọc lại ngày 13 tháng 12. Đã in trong tạp-chí *Conferencia* của trường đại-học. Báo *Echo Annamite* ở Sài-gòn có lục-đăng lại. Bài này khái-luận về hiện-tình thế-giới, nói về cái thế trong thiên-hạ ngày nay xoay về mặt Thái-bình-dương và cái nguy về sự xung-đột nước Nhật với nước Mĩ, — tức là giống vàng với giống trắng, về sau này. Những vấn-đề quan-trọng đó, quốc-dân ta không thể không biết được; vậy bản-chí dịch ra quốc-văn để công đồng-lãm.

nhạc, về sự tiến-bộ các dân-tộc, về sự giáo-tế, về chính-trị, thì biết rằng trường Đại-học đây muốn rắp định phô bày cho các ngài xem khắp các trạng-thái rực-rỡ của sự văn-minh và công khai-hóa đời nay, làm cho loài người được vẻ-vang, mỗi ngày lại càng tăng-tiến những của báu tích-lũy tự đời trước, theo cái lẽ tiến-hóa tuần-tự và hòa-bình. Tôi đọc trong lời « phi-lộ » thấy có một câu như sau này lại càng rõ cái ý đó lắm : « Chúng tôi muốn dò cho biết sự tiến hóa của lý-tưởng, sự phát-hiện của cảm-tình, cho biết cái quả tim của thế-giới nó đập ra làm sao (*le battement du cœur universel*). »

Nhân-loại duy-nhất

Cái chương-trình đẹp-đẽ thay, đủ làm cho đẹp lòng những bậc thượng-lưu trí-thức của nước Đại-Pháp ta, đã từng đem cái tinh-thần sáng-sủa chiếu-diệu và biến-hóa được cái hồn chung của cả thế-giới. Tôi lấy cái câu : « Cho biết cái quả tim của thế-giới nó đập ra làm sao, » làm hay tuyệt, thú tuyệt, nhân đọc câu ấy mà sực nhớ đến một cái lý-tưởng rất lớn-lao của đời nay, là cái lý-tưởng « nhân-loại duy-nhất » (*l'unité humaine*), loài người là một, phàm người ta sinh-trưởng trên mặt địa-cầu này, dù ở rải-rắc ra khắp các đại-châu, phân rẽ ra thành các dân-tộc, mà thực có liên-lạc với nhau một cách rất mật-thiết vậy.

Loài người là một, bốn bể như một nhà, các bộ-phận trong vũ-trụ đều liên-can hệ-thuộc với nhau, ấy đó là cái chân-lý tối-cao về chính-trị, về kinh-tế, về trí-thức, về tinh-thần mà các thời-đại trước và thứ nhất là thế-kỷ này đã phát-minh tuyên-bố ra, nhưng hiện nay còn nhiều người chưa xét tới, chưa nghĩ tới.

Ông Pierre de la Nux mới xuất-bản một quyển sách có ý-nghĩa cao-thượng, tôi rất vui lòng giới-thiệu để các ngài đọc, sách đề là : « Sự gây-dựng ra một cái quốc-tế - luân-lý » (*L'Eveil d'une Ethique Internationale*), trong sách có nói một câu như sau này, tôi muốn tiên lên để toát-yếu cả những lời bình-luận của tôi : « Cái lỗi lớn của người đời nay là không biết để ý quan-sát đến những cái hiện-tượng kỳ-kỳ quái-quái của thời-đại này trình-bày ra cho ta, giữa lúc thế-giới đương kết-tinh rất mau để xoay về đường nhất-trí. »

Vậy thời nay đã đến lúc ta quả-quyết ra mà quan-sát các hiện-tượng đời nay cho biết nó kết-quả thế nào, nó lợi-hại làm sao, nó bày ra cho ta những cái trách-nhiệm, những sự nguy-hiểm và sự hi-vọng thế nào, giữa lúc các trạng-thái của sự sinh - hoạt đơi nay đương lưu-truyền đi khắp cả loài người một cách rất mau và rất mạnh ; nay đã đến lúc ấy chưa ?

Tưởng đã đến lúc rồi, mà không thể trì-hoãn được nữa. Cứ thực ra, ta cũng đã chậm-trễ lắm rồi, mãi không hiểu rằng cái giây liên-lạc của ta với thế-giới nó bền-chặt, nó khăng - khít là đường nào, làm cho sự sinh-hoạt của ta có mật-thiết-quan-hệ với sự sinh-hoạt của cả thiên-hạ vậy.

Cái lòng ham biết về vũ-trụ đó, mới thật khởi ra tự bao giờ ? Tuy các đời trước cũng có công gây-dựng cho thế-giới được nhất-trí, nhưng thực bắt đầu tự bao giờ chúng ta mới có cái quan - niệm rõ - ràng về cái mối liên-lạc nó buộc ta với cả đoàn-thể các sinh-linh trên mặt đất ? Câu hỏi ấy tựa-hồ như có ý trách-móc chi ai, nên không phải là đối với các ngài thính-giả đây toàn là bậc thượng-lưu trí-thức cả mà tôi hỏi như thế. Tôi hỏi thế là hỏi cái người ở ngoài hội thính-giả này, người khách qua đường kia, người mà thế-tục đã đặt tên gọi là « người Pháp trung-bình » (*le Français moyen*) vậy. Vậy thời nếu có ý trách-móc chi,

là trách cái hạng « người Pháp trung-bình » đó, mà hạng đó là kể cả diễn-giả đây nữa.

Âu-châu độc-tôn

Trong biết bao lâu, cái « người Pháp trung-bình » đó, cũng như diễn-giả đây, chỉ biết để ý quan-sát về việc trong xứ mình, trong nước mình mà thôi. Cái lòng thiên đó, kể cũng không phải là không có cớ, vì nước Pháp ta tốt-đẹp quá, đáng yêu đáng quí quá, có lắm vẻ mĩ-miều, phong-thú, rực-rỡ, tráng-lệ quá, ta tưởng ta không cần phải tìm đâu xa mới có chuyện để quan-sát, để thưởng-ngoạn.

Ngoài nước Pháp ta, ta cũng có biết cả Âu-châu nữa, biết cả sự sinh-hoạt của Âu-châu nữa. Ta cũng từng đã vượt ra ngoài cái phạm-vi của nước ta mà đem con mắt xem-xét đến các nước chung-quanh, là những nước cùng giống da trắng với ta, ở về phía Tây trái đất, xưa nay vẫn coi là cái nguồn văn-hóa của thế-giới, phàm tư-tưởng, học-thuật, mĩ-thuật, cùng mọi sự tiến-bộ là khởi-nguyên tự đấy, tự cái miền Đại-trung-hải đó, rồi mới truyền-bá ra mọi nơi khác,— mọi nơi khác đây là chỉ phiếm cả các phần tối-tăm xa-xôi trong nhân-loại kia, phần thì còn dã-man, phần thì đã từng qua có hồi văn-minh rực-rỡ, ngày nay vẫn còn di-tích lại để cho khách điếu-cổ ngậm-ngùi, nhưng từ bấy đến nay như chìm-đắm vào trong giấc mơ-màng, như kiệt hết cả tinh-lực rồi, chỉ còn đem mình cho giống da trắng lợi-dụng mà thôi, giống da trắng này tức là chúa-tể cõi Âu, mà cõi Âu này mới thật là chúa-tể cả toàn-cầu.

Âu-châu làm chúa-tể toàn-cầu ! Lâu nay chúng ta vẫn lấy thế làm tự-cao, mà cũng lấy thế làm tự-mãn. Không phải rằng cái « người Pháp trung-bình » kia tuyệt-nhiên không biết gì đến các phần thế-giới khác ở ngoài đâu. Thỉnh-thoảng nghe tin-tức, nghe chuyện-trò của những người vì phận-sự vì nghề-nghiệp, vì thiên-chức đã từng đi qua và từng nghiên-cứu những cõi xa ấy, như nhà chính-trị, nhà thám-hiểm, nhà bác-học, nhà tôn-giáo, nhà quân, nhà buôn, nhà văn, nhà nghề, mà cũng mang-máng biết một đôi chút. Tình-cờ được gặp những hạng ấy thời cũng nhiễm được một chút kiến-văn của người ta. Song dù cái lòng hiếu-kỳ có bị đó mà kích-thích lên ít nhiều, nhưng cũng không đủ khiến cho đánh bạo dám đi du-lịch xa. Người Pháp trung-bình không có hay vượt bể mấy khi. Cũng có khi đã vượt qua Đại-tây-dương và sang tới đất Hoa-kỳ châu Mĩ, nhưng mà đi thế cũng vẫn là chưa ra khỏi cái phạm-vi của giống da trắng, vẫn chưa ra ngoài cái vòng họ-hàng bà-con mình, vì Mĩ-châu chẳng qua là do người Âu-châu sang di-dân mà thành ra. Sự du-lịch đến thế là cùng.

Thành ra cái thị-giác về thế-giới chẳng qua chỉ khu-khu trong vòng cõi Âu-châu mà thôi. Nói rút lại, đối với người Pháp trung-bình đó, Âu-châu tức là trung-tâm thế-giới đó, còn các phần khác trong loài người, chẳng qua là những xóm xa-xôi hẻo-lánh cả.

Cái thiên-kiến của người Pháp trung-bình đó, thật tôi không có ý muốn quá trách, vì sở-dĩ có cái thiên-kiến ấy không phải là vô-cố, thật có nhiều cớ khiến nên như thế. Vả không phải một mình người bình-thường mới có cái thiên-kiến ấy. Trong bao lâu, các nhà chính-trị, các nhà ngoại-giao cũng nghĩ như thế, vì thế mới thành ra nhiều sự lầm-lỗi, hiện còn di-hại tới giờ. Chắc thời-hồ cũng có ít nhiều người hiểu rằng Âu-châu cùng giống da trắng chẳng qua nhiều lắm là được năm trăm hay năm trăm năm mươi triệu người mà thôi, mà cả mặt địa-cầu tổng-cộng có tới một nghìn bảy trăm triệu. Nhưng mà nhất-ban đều khuynh-hướng về cái chủ-nghĩa

« duy-ngã-độc-tôn » (*égocentrisme*), cho cái trung-tâm của vũ-trụ, cái động-cơ của muôn sự là ở Tây-phương cả, nên dẫu có một đôi người khởi lên câu đó, cũng không ai để tai mà nghe. Âu-châu đã làm chủ-động cho thế-giới thời chỉ cần phải biết, chỉ nên nghiên-cứu cái tình-thế của Âu-châu khi quân-bình, khi thiên-lệch, khi xung-đột, khi cạnh-tranh mà thôi, còn các bộ-phận khác trong thiên-hạ, có quan-sát đến cũng là một cách gián-tiếp mà thôi, tựa như không quan-hệ gì đến toàn-thể cả. Có thể nói rằng Âu-châu như cách-biệt với thế-giới ngoài bằng một cái trường-thành muôn dặm, mà cửa thành chỉ mở hé ra cho giăm ba kẻ hiếu-kỳ muốn xem ở ngoài có những gì mà thôi.

Khi xảy ra việc chiến-tranh năm 1914, thời như có cái mãnh-lực vụt-chốc đâm toang cái cửa ấy ra, khiến cho bạn tôi là người Pháp trung-bình kia trong giây-phút nhác trông thấy một cái nhỡn-giới mênh-mông thăm-thẳm, mà tự đàng xa lũ-lượt kéo lại những người da vàng, da đen, da đỏ, da nhuôm-nhuôm để cùng chúng ta tham-dự chiến-cuộc; lại đem lại những tàu-bè đầy lương-thực để cung-cấp cho ta; bấy giờ mới biết rằng ngoài xứ mình còn có nhiều những bể khơi đất thẳm khác nữa, mà ở những nơi xa xa đó cũng nghe nói có đánh nhau trên cạn, đánh nhau dưới nước, khác nào như những đội quân đi tuần xung-đột nhau ở xa hàng-trận vậy.

Nhưng mà việc chiến-tranh xong thời đối với phần nhiều người Pháp « trung-bình », tựa-hồ như cái cửa ấy lại đóng sập lại. Rồi từ đấy lại chỉ biết có một Âu-châu mà thôi, chỉ chuyên-tâm chú-ý về công-việc Âu-châu mà thôi. Cứ bề ngoài mà xét thì tưởng cũng là một lẽ tự-nhiên vì tình-thế Âu-châu từ khi xong chiến-tranh đến giờ lại càng khó-khăn bối-rối lắm, mà tình-thế ấy có mật-thiết quan-hệ đến lợi-quyền của mỗi người trong chúng ta.

Âu-châu liên-lạc với thế-giới

Nhưng cái lầm chính là ở đó, cái lầm to về tâm-lý, về chính-trị, trong sáu năm nay đã làm cho mờ-ám tư-tưởng ta, khiến cho ta cứ băn-khoăn tìm cái nguyên-nhân của mọi sự khó-khăn ấy ở Âu-châu mà thôi, mà tìm mãi vẫn không thấy cách nào bổ-cứu cho được.

Lấy đơn-độc một Âu-châu mà chỉ xét cái nội-tình khó-khăn của Âu-châu, tìm cách giải-quyết ngoài sự sinh-hoạt chung của cả thế-giới, thời thật không bao giờ xét ra những nguyên-nhân sâu-xa của sự khó-khăn ấy, và không bao giờ tìm được cái phương giải-quyết chính-đáng. Ta nên nói thực, không phải hủy-kỵ gì. Cứ như cái phương-diện nước Pháp ta mà xét thời cái kết-quả sự chiến-tranh vừa rồi làm cho ta phải thất-vọng và gây ra cái nông-nổi khó-khăn cho Âu-châu ngay nay, chính là bởi cuộc đồng-minh đã bị giải-tán, các bạn đồng-minh cũ của ta nay lìa bỏ ta, không thiết gì đến ta nữa, chỉ chăm-chút những quyền-lợi riêng của mình mà thôi. Nhất là cái thái-độ nước Anh, thật là đường-đột quá, làm cho tê-tái cả cái lòng thật-thà cảm-mộ của ta. Ta lấy thế làm lạ, làm phiền, nhưng nếu ta biết rõ cái tình-cảnh nước Anh thì không cho là phiền là lạ lắm nữa: từ khi chiến-tranh xong thì những mối lợi-quyền trọng-yếu của nước Anh, ở ngay Âu-châu ít mà ở ngoài Âu-châu nhiều, thứ nhất là ở cõi Á-châu kia hai nước Mĩ Nhật đương đua nhau kinh-doanh sự võ-bị, chỉ chực gây ra một cái chiến-họa mới. Nước Anh tuy bản-bộ là thuộc Âu-châu, nhưng đế-quốc là bành-trương ra khắp các phương cầu khác, mà cái vận-mệnh, sự lợi-hại đế-quốc ấy phần nhiều là quan-hệ với cái tình-

thế chung của các phần thế-giới ở ngoài Âu-châu vậy. Cái chính-sách chung của mấy cường-quốc như Anh, Mĩ, dẫu khi mới chiến-tranh xong, có quan-hệ với tình-thế Âu-châu một đôi chút, nhưng phần cốt-yếu vẫn là thuộc về quyền lợi ở ngoài Âu-châu nhiều, và thứ nhất là ở Á-châu. Nếu không hiểu rõ lẽ đó, nếu không biết rằng các việc ở ngoài thế-giới có ảnh-hưởng đến đế-quốc Anh sâu-xa là dường nào, thời không thể nào hiểu được cái chính-sách của nước Anh, cái chính-sách của cả giống *Anglo-saxons* vậy. Trong bao lâu ta vẫn không biết rằng trên cái bàn cờ thế-giới, Âu-châu đối với nước Anh chỉ là một quân cờ, một con bài mà thôi. Và bao nhiêu sự phân-tranh, sự bất-bình của ta với nước Anh trong bấy lâu chỉ là vì một cớ như sau này: là trong khi nước Anh đánh cờ ở trên cái bàn cờ thế-giới, chúng ta chỉ khu-khu đánh ở trên cái bàn cờ nhỏ-hẹp của Âu-châu mà thôi.

Bây giờ đã đến lúc phải tỉnh-ngộ mới được. Ta phải đàn-áp cái tính thủ-cựu của ta đi, mà uốn trí cho hiểu rằng Âu-châu bây giờ không phải là một hòn cù-lao cách-biệt với thế-giới ở ngoài, có thể tự mình sinh-hoạt không quan-hệ gì đến sự sinh-hoạt của thế-giới ngoài được. Âu-châu chẳng qua là một bộ-phận có liên-hệ với cả toàn-thể thế-giới, phàm sinh-tồn hoạt-động, thịnh hay suy là thuộc về cuộc sinh-hoạt của cả thế-giới, cũng như mạch máu chạy mạnh hay yếu là do cái quả tim thế-giới nó đập đều hay không đều vậy.

Cơn dông sắp tới

Thành ra ta đã để ý nghiên-cứu về các trạng-thái của sự sinh-hoạt đời nay và tìm cách tô-điểm cho cuộc văn-minh được thêm tốt-đẹp, — văn-minh này qua hồi chiến-tranh vừa rồi đã thấy giảm sắc đi nhiều lắm, — thì trước hết có một vấn-đề ta phải giải đã, là xét xem ở ngoài cõi thế-giới xa-xôi kia có thể nào đột-nhiên khởi ra một cái chiến-họa mới có lẽ dữ-dội ghê-gớm hơn cái chiến-họa vừa rồi, làm cho cuộc văn-minh lại đảo-điên một lần nữa, về văn-minh lại giảm-sút một lần nữa không?

Thế-giới làm gì bây giờ? Thế-giới đi đâu bây-giờ? Ông danh-sĩ nước Ý FERRERO mới làm quyển sách rất hay đề là: « Diễn-thuyết cho bọn điếc nghe » (*Discours aux Sourds*), trong sách cũng phát ra câu hỏi rằng: « Chúng ta đi đâu bây giờ? » Đi lên đỉnh núi, hay xuống vực sâu?... Đương giữa buổi khó-khăn bối-rối này, cái chân-cục-diện trong thiên-hạ ra làm sao? Đó là một câu hỏi mà nhiều kẻ khác cùng với ông FERRERO đã khởi ra, đã băn-khoăn mà tự hỏi, còn đại-đa-số thời cứ mang-nhiên sinh-hoạt như thường, không biết rằng đương bước trên đám băng mỏng và đương men bên bờ vực sâu.

Thế-giới đương băn-khoăn lo-lắng là cố ước-ao cho được yên-ổn hòa-bình. Sự hòa-bình! Ngay ở Âu-châu ta đã được hưởng cái hòa-bình vững-vàng bền-chặt đâu, sự giao-tế các nước với nhau đã được bình-thường đâu, có lẽ chính là bởi cái tình-thế trong thiên-hạ còn chông-chênh mà Âu-châu ta cũng phải chịu ảnh-hưởng xa vậy. Song xét ra trong đám mây đen mờ-ám ở trước mặt ta kia, mới đây đã thấy có vài cái tia hé sáng. Nhưng trong khi ở gần ta đã trông thấy vài cái ánh sáng trời xanh đó, thời ở những miền xa-xôi kia có khỏi những đám mây khác kéo lên đen ngòm mà gây ra những cơn dông cơn tố, khiến cho cái đoàn-thể Âu-châu của ta vẫn phải nơm-nớp sợ mà không thể yên-ổn làm ăn được như thường không? Vậy thời sự hòa-bình gây ra cái trật-tự mới để thay vào cái cảnh hỗn-độn trong quốc-tế ngày nay, sự hòa-bình ấy không phải như xưa chỉ tìm ở trong cái thế quân-bình của các nước Âu-châu mà thấy được nữa. Cái bí-quyết sự hòa-bình của chính ngay Âu-châu, cũng không phải chỉ ở một Âu-châu mà thôi; Âu-châu

có muốn cũng không thể tự-chủ đặt lấy hòa-bình ở trong bờ cõi mình được. Vì ngoài Âu-châu còn có thế-giới ngoài nữa ! Cạnh ngay Âu-châu, còn có Á-châu ; lại có Phi-châu, Úc-châu, là những nơi Âu-châu có quyền-lợi cả, mà sự sinh-hoạt có mật-thiết quan-hệ với nhau theo cái phép « liên-đái quan-hệ» là luật chung của thế-giới ngày nay. Thế-giới ấy xưa kia vẫn ở dưới quyền sử-linh của giống da trắng ; nhưng mà thế-giới ấy phần nhiều là người các sắc, xưa kia yên phận làm ăn, dễ sai dễ khiến, nay thời đã tỉnh dậy mà muốn nổi lên hoạt-động cả, gây ra cho Âu-châu ta một cái hiểm-tượng, mà cái nguy-cơ ở trong chẳng qua là chịu ảnh-hưởng mà thôi, vì là cái hiểm-tượng cho cả Tây - phương, cho cái thanh - thế của giống da trắng, cho cái bá-quyền của Âu-châu ở trong thế-giới vậy.

Ấy cái đại-vấn-đề của mai sau này là đó, nó mới nhóm lên mà đã làm cho dao-động cả Âu-châu rồi, mà Âu-châu vẫn không biết, lại gián-tiếp làm cho cái nguy-cơ ở trong nội-bộ Âu-châu ngày nay khó giải-quyết như thế, — khó bởi làm sao, ta sẽ xét về sau này. Vấn-đề lớn-lao thật, vấn-đề lớn-lao nhất bây giờ, vì can-thiệp đến cả cái vận-mệnh của cuộc văn-minh ta. Vấn-đề này có thể giải-quyết được một cách hòa-bình không ? Những đám mây dùn lên ở đàng xa kia, có thể tránh cho khỏi vỡ ra mà đổ xuống thành thác nước không? Các ngài có muốn chúng ta lại gần mà xem, cho hiểu rõ cái luật « liên - đái quan-hệ » của vạn-quốc, cho biết rằng mọi sự khủng-hoảng của ta về tài-chính, về kinh-tế là biểu-hiệu hiển-nhiên của cái luật đó, và chính sự sinh-hoạt của Âu-châu ta cũng là liên-thuộc với cuộc sinh-hoạt chung của cả thế-giới không ?

Tôi xin thí-dụ ngay một việc vừa mới xảy ra mấy bữa nay, đủ làm minh-chứng cho các lẽ đó : là việc dị - nghị của nước Nhật-bản ở Hội Vạn-quốc.

Tháng trước đây, ở *Genève*, hội Vạn-quốc họp năm-mươi-tư nước cùng nhau đồng-tâm hiệp-lực gia-công đinh-định cho được một cái hiệp-ước để ngăn-ngừa sự chiến-tranh và giữ-gìn sự hòa-bình trong thiên-hạ. Giữa lúc công đã gần thành, thời đại-biểu nước Nhật khởi lên một câu dị-nghị, làm cho công-phu bàn-bạc bấy lâu xuýt nữa thành ra uổng mất. Lời dị-nghị ấy chính - đáng lắm, nên các nước cũng công-nhận. Nhưng giữa lúc thiên-hạ không ngờ, chợt khởi ra một câu như thế, khiến cho ai nấy mới hiểu rõ rằng trong cái dự-án hòa-bình của vạn-quốc khởi-thảo ra đó còn có khuyết-điểm nhiều, là bởi vì chỉ đứng về một phương-diện Âu-châu mà xét, không dự-liệu đến một cái nguy-cơ ở ngoài có thể làm cho cả Âu-châu và cả thế - giới có ngày phải điên-đảo vậy. Bấy giờ tôi mới chợt nhớ đến hai thế-kỷ về trước, ông JEAN-JACQUES ROUSSEAU, chính là người dân thành *Genève* này, cũng đã thảo một cái chương-trình thế-giới-hòa-bình, mà cái chương-trình ấy đã khiến cho ông VOLTAIRE nghĩ ra một bài văn giả đặt là lời sắc-lệnh của vua Tàu bác lại, lời-lẽ có giọng trào-phúng dĩnh-ngộ, thật là thích-hợp với cái tình-trạng hiện-thời lắm

Ông VOLTAIRE giả nghĩ lời vua Tàu nói rằng : « Trẫm xét cái chương-trình đó nói về các cách phòng-bị cho Âu-châu được vĩnh-viễn hòa-bình, đáng những sách như thế phải nói đến cả thế-giới ngoài nữa mới phải, thế mà tình không thấy nói gì hết. Trẫm cũng lấy làm không bằng lòng. Trẫm biết rằng các triều-đình nước Pháp, nước Đức, nước Tây-ban-nha, nước Anh-cát-lợi, nước Ba-lan, nước Thụy-điển đều sẵn lòng y theo điều-ước của thầy JEAN-JACQUES. Trẫm lại nghe thấy nói rằng bà Nữ-hoàng nước Nga là chỗ bà-con với Trẫm cũng được giấy mời tham-dự vào. Duy có tên Trẫm thời xét trong sổ không thấy, Trẫm thật lấy làm lạ quá.

Trẫm vẫn tưởng rằng Trẫm ở gần ngay với Nữ-hoàng Nga, mời Nữ-hoàng tất thế nào cũng mời cả Trẫm. Lại nước Nhật-bản nữa, cũng quên không cho dự vào Hội Vạn-quốc, thì thật là không công-bằng quá. »

Thế thời ra ông VOLTAIRE của ta thật đã có con mắt tinh đời thật ; tự bấy giờ ông đã hiểu rằng trong các việc mưu-mô trù-tính của Âu-châu, cái « thế-giới ngoài » kia cũng phải có một phần vậy. Mà thời-đại ông bấy giờ đã có xảy ra đâu những sự biến-cách về kinh-tế, về tinh-thần, làm cho cái mối liên-lạc của phương ta với thế-giới càng ngày càng mật-thiết, như từ cận-đại đến giờ, giống da trắng cứ mỗi ngày một bành-trướng ra khắp mọi nơi như đi đến các xứ mà đánh thức cho các dân-tộc tỉnh dậy vậy.

Cái đế-quốc-chủ nghĩa đánh thức các dân-tộc

Cái lịch-sử văn-minh Âu-châu truyền-bá ra khắp thế-giới đó là một cái lịch-sử rất hứng-thú, mà ít người biết, từ khi khởi ra cái lịch-sử đó thời theo như lời ông FERRERO nói, «thế-giới trằn-trọc không ngủ yên » (*l'insomnie du monde*) vậy. Trong các sách nói về cái lịch-sử đó, có một bộ kỹ-thuật tường-tận nhất, tôi muốn giới-thiệu với các ngài, là bộ « Nhật-bản-sử » của Hầu-tước DE LA MAZELIÈRE, quyển thứ 8 mới xuất-bản năm ngoái, mà trong quyển thứ 7 thời là tổng-luận cai-quát một cách rất rõ-ràng về các văn-minh Âu-châu, Á-châu, Mĩ-châu tiêm-nhiễm nhau thế nào, theo hai cái phong-trào bành-trướng của Tây-phương, khởi-điểm phần nhiều tự nước Pháp nước Anh mà nhất-diện về phía Đông thời tràn qua Đại-trung-hải và trung-bộ Âu-châu tiến sang cõi Đông-Âu, nước Nga, các xứ Hồi-giáo, Ấn-độ, Á-Đông (Tàu và Nhật), Úc-châu, nhất-diện về phía Nam và phía Tây thời tràn sang đất Phi-châu tịch-mịch và Nam-Bắc-Mĩ.

Trong bài diễn-thuyết một giờ đồng-hồ, phải tóm-tắt, không thể nói tường-tận về cái phong-trào bành-trướng của Tây-phương đó, chẳng qua cũng là bởi cái sức ham sống, cần phải thỏa-mãn những cái dục-vọng của sự sinh-hoạt mình, nên mới xua nhau, đuổi nhau, đua nhau, tranh nhau, mà tràn sang các phương xa đất mới, là những nơi chưa ai biết hay ít người biết mà người thổ-dân thời còn thuộc về trình-độ bán-khai không đủ tư-cách mà khai-khẩn những tài-sản thiên-nhiên của đất nước mình.

Hãng nói tắt ngay đến hiện-thời. Vả cái phong-trào bành-trướng của Âu-châu đi chinh-phục thế-giới, người ta đã gọi là cái « chủ-nghĩa đế-quốc của Âu-châu » (*l'impérialisme européen*), cũng vào khoảng cuối thế-kỷ thứ 19 và đầu thế-kỷ thứ 20 này mới thật là phát-đạt đến cực-điểm. Nói đến cái tiếng « đế-quốc-chủ-nghĩa » ấy, tưởng cũng nên giải nghĩa cho rõ-ràng. Trong tiếng nói thường, tiếng « đế-quốc-chủ-nghĩa » hình như đồng-nghĩa với tiếng « quân-quốc-chủ-nghĩa » (*militarisme*), và hai tiếng đi với nhau như biểu cái ý dùng võ-lực để chiếm-đoạt lấy bá-quyền về chính-trị, là cái ý tự khi chiến-tranh đến giờ các bạn tốt của nước Pháp vẫn thường ngờ cho nước Pháp vậy. Hiểu như thế là lầm to : cái quân-quốc-chủ-nghĩa chẳng qua là một phương-tiện, một thủ-đoạn của cái đế-quốc-chủ-nghĩa, dùng để giúp cho sự hành-động của cái đế-quốc-chủ-nghĩa mà thôi. Nhưng cái ý-nghĩa thâm-trầm của chủ-nghĩa đế-quốc không phải ở đó. Chủ-nghĩa đế-quốc ngày nay trước hết là cái chí hiếu-thắng về đường kinh-tế (*une volonté de puissance économique*), muốn tìm cách thu-đoạt lấy quyền-lợi về kinh-tế ; là cái lòng dục-vọng xâm-lược nó khiến cho lắm nước phải đi tìm kiếm lấy tài-sản vật-chất và gây-dựng lấy cái thế-lực kinh-tế, thế-lực này cần phải có mới giữ được quyền độc-lập chính-trị của mình, vì trong cuộc

sinh-tồn cạnh-tranh trong quốc-tế phải giữ lấy cho ngang bằng hay mạnh hơn các địch-quốc khác mới được.

Cái chủ-nghĩa đế-quốc ấy chẳng qua là một cái trạng-thái cực-đoan của một cái ý-tưởng và một sự yếu-cần, hễ lạm-dụng thì lưu tệ, nhưng nguyên-lý thật chính-đáng. Vì rằng văn-minh càng tấn-tới thời sự yếu-cần về đường sinh-hoạt cũng càng tăng-tiến lên, đối với người ta cũng vậy mà đối với các nước cũng vậy. Kỹ-nghệ mỗi ngày một phát-đạt thời chế-tạo ra càng nhiều, càng phải kiếm nơi tiêu-thụ, kiếm chốn thị-trường mới. Lại thị-dục của người ta cũng mỗi ngày một tăng-tiến thời người ta lại cần đến mỗi ngày một nhiều những sản-vật thiên-nhiên phải đem ra cho công-nghệ chế-tạo để ứng dụng. Nhưng mà tạo-vật bất-thường: những cái nguyên-liệu cần dùng cho sự sinh-hoạt của các dân-tộc đó, phân-phát tích-lũy trên mặt đất không được đều, thành ra đã phú-bẩm cho các giống da trắng ở cuối cõi đất Âu-châu này có cái tài biến-báo, có cái thuật lợi-dụng được những tài-sản thiên-nhiên, mà những tài-sản ấy phần nhiều lại đem chứa-chất ở những đất phương xa kia, như Phi-châu, như Á-châu, như Úc-châu, khiến cho tự sau khi nghề hàng-hải và phép khoa-học phát-minh ra được cách tiện-lợi để đi tới các nơi chứa của và các chốn thị-trường đó, thời các nước văn-minh liền xô nhau mà tràn đến ngay. Muốn chiếm lấy người và của, của để dùng chế-tạo ra đồ hàng, người để dùng tiêu-thụ lấy đồ hàng ấy, các nước Âu-châu bèn đua nhau đi lấy thuộc-địa, cạnh-tranh nhau rất kịch-liệt để chinh-phục chiếm-cứ lấy những đất của các giống yếu-hèn quá không đủ sức mà khai-khẩn các lợi-nguyên của mình, cũng không đủ sức mà chống lại với bọn « văn-minh » kia muốn đến thu-hoạch lấy để đem hưởng-thụ chung; vì cái bọn Âu-châu tiến-thủ đó vốn tài giỏi hơn các giống khác đủ điều, về đường trí-thức, về đường khoa-học, về đường tài-chính, thứ nhất là về đường võ-bị. Sức mạnh về vật-chất, sức mạnh về tinh-thần, hai cái gồm lại làm ra cái « oai-quyền của giống da trắng » (*le prestige blanc*), oai-quyền ấy bao-quát cả thế-giới, như có cái thế lao-lung được mãi-mãi tất cả những dân-tộc về các sắc khác, số có nhiều thật, nhưng vô-lực mà cũng cam-tâm.

Cái phong-trào bành-trướng đó, tự thế-kỷ thứ 17 và 18, đã thấy thịnh rồi, khiến cho nước Pháp và nước Anh hồi bấy giờ cạnh-tranh nhau rất kịch-liệt, và nước Anh phá-hoại được các thuộc-địa lớn của Tây-ban-nha, Bồ-đào-nha, Hòa-lan đã dựng lên từ trước; nhưng như tôi vừa nói trên kia, đến cận-đại này mới thật là phát ra mãnh-liệt, thực như lời ông LÉON HENNEBICQ đã nói trong sách « Nguyên-nhân của cái chủ-nghĩa đế-quốc nước Anh » (*Genèse de l'Impérialisme anglais*), khác nào như bao nhiêu mâu tham đồ xô cả lại mà tranh nhau kiếm lời (*bousculade des cupidités*), tự đấy thời cái chính-sách khai thuộc-địa càng ngày càng tấn-tới, vì như một nước Anh chỉ lấy chính-sách ấy làm gốc thuật ngoại-giao của mình, mà thuật ngoại-giao ấy cũng chỉ là chủ cái mục-đích trục-lợi trí-phú mà thôi.

Ông DISRAELI là người có công thứ nhất trong cái sự-nghiệp đế-quốc của nước Anh, đã từng nói rõ-ràng, không có giấu-giếm gì. Ông nói rằng: « Chúng tôi cho sự khai thuộc-địa đời nay chỉ là một cách làm giàu mà thôi. » (*Nous n'avons vu dans la colonisation moderne que le moyen de nous enrichir*). Lại nhà trước-tác HOBSON trong sách « Đế-quốc-chủ-nghĩa » (*Impérialisme*) cũng nói rằng: « Cái chính-sách của nước Anh về cận-đại chỉ cốt nhất là tranh lấy các thị-trường có lợi cho tư-bản của mình. » (*La politique de la Grande Bretagne aux temps modernes est, avant*

tout, une lutte pour les marchés profitables à ses capitaux.) Ấy đó là cái bí-thuật ngoại-giao của nước Anh từ xưa đến nay, không hề di-dịch và chỉ vụ « duy-kỷ », khiến cho bao giờ cũng gia-công cố sức giữ lấy cái chủ-quyền trên mặt bể, vì như lời ông HERNEBICQ đã nói, bể là đường đi, có đường đi mới có giao-dịch, có giao-dịch mới thành giàu-có, có giàu-có mới có thế-lực khắp mọi nơi. Mà cả cái tư-sản, cả cái vận-mệnh của nước Anh là gốc ở sự giao-dịch luôn-luôn với thế-giới; có hiểu thế thì mới giải được cái chính-sách của nước ấy ngày xưa và cái chính-sách của nước ấy bây giờ.

Nay lại xin quay về cái chủ-ý của bài này, là sự Âu-châu tiếp-xúc với thế-giới. Trong cái cuộc bành-trướng ra khắp thế-giới của các nước da trắng, không những gây ra cái nguồn cạnh-tranh trong các nước ấy với nhau, mà lại gây ra những cớ xung-đột với các dị-chủng mà các nước ấy đến tiếp-xúc. Vì trong các thổ-dân đó, cũng có dân chịu phục-tòng, nhưng cũng có dân kháng-cự lại. Phải dùng võ-lực để mà dẹp cho yên, nhân thế mà cái chủ-nghĩa quân-quốc, thành ra một cái khí-cụ cho cái chủ-nghĩa đế-quốc. Nhưng đã thế thời những dân bị thần-phục như thế không quên được cái nhục chinh-phục, thứ nhất là nếu cái chính-sách của giống cường-quyền lại vụng-về làm cho cái nhục ấy thâm-trầm và rõ-rệt thêm lên, gây ra trong lòng người thổ-dân một cái ác-cảm phản-đối, cố tìm lấy cơ dịp mà phát-lộ ra. Vả lại thời-giờ và sự tiến-bộ cũng lại giúp cho kẻ lao-lung muốn thoát vòng áp-chế. Vì rằng kẻ thắng kẻ bại hằng ngày tiếp-xúc nhau, kẻ nọ dần-dần cũng hiểu được cái bí-thuật về khoa-học, về võ-bị đã làm cho kẻ kia được mạnh hơn mình. Bấy giờ mới cố học lấy cho biết dùng như người. Đến lúc đã tiềm-tiệm biết dùng rồi, thời tùy giống da trắng cầm quyền khoan-dung hay chặt-chẽ, sẽ dùng để dễ-huề cộng-tác hay là dùng để mưu đường giải-thoát. Dù thế nào mặc lòng, việc đã dĩ-nhiên rồi, mà việc tẩy đình thay! Từ nay kẻ ngủ say đã tỉnh giấc rồi! Ở những nơi khí-hậu viêm-nhiệt và nặng-nề kia, họ đương nằm ngủ mơ-màng trong giấc mộng nghìn năm, ta đến tận nơi, ta vỗ vào vai mà ta bảo rằng: « Thức dậy, đi đi! » Nay họ đã thức dậy đó, và nhân đó khởi ra cái vấn-đề tối-quan-trọng, là vấn-đề chủng-tộc, tức một nhà làm sách nọ đã gọi là cái vấn-đề những dân-tộc các sắc đương tiến lên như nước triều vậy *(the rising tide of colour.)*

Thời-kỳ Thái-bình-dương

Vấn-đề này thật giống như một cái tính đố, tính đố có số-mục rõ-ràng, xem số đó to-tát là bao nhiêu thì biết vấn-đề quan-trọng biết dường nào. Mặt địa-cầu ta dung được 1750 triệu con người ở. Trong số đó thời phần giống da trắng ước được 550 triệu, mà 450 triệu tập-hợp cả lại trong một cõi Âu-châu. Vậy thời những dân-tộc các sắc, số nhiều gấp hai giống da trắng, vì có những 1.200 triệu người, chia ra 550 triệu người da vàng, 450 triệu người hung-hung, 150 triệu người da đen và da đỏ. Thế-giới chia ba phần thì hai phần người các sắc ấy ở, mà người Âu-châu thì giữ chủ-quyền, nhưng từ nay vì tiếp-xúc với người Âu mà đã phấn-khởi dậy, có một cái tâm-hồn, một cái tư-tưởng mới, đương năng-hải nổi lên.

Cái phong-trào ấy khởi lên khắp mọi nơi, cứ xem như mấy năm gần đây, những hội-nghị giống da đen, hội-nghị Đại-Phi-châu (*congrès panafricains*) khi họp ở Âu-châu, khi họp ở Mĩ-châu, cùng những sự hoạt-động của các chủng-tộc ở các phương khác, thì đủ biết. Nhưng thứ nhất là ở cõi Á-châu của các giống hung-hung và

giống da vàng, Á-châu của dân Ấn-độ, dân Hồi-hồi, của người Tàu, người Nhật, người An - Nam, ở cái đại - lục chồng-chất tới ngót một ngàn triệu con người kia, cái vấn-đề chủ-quyền của người Âu-châu từ nay mới bày ra một cách rất cần-cấp và rất nguy-hiểm.

Cái vấn-đề Âu-Á đó thật là một cái di-sản của thế-kỷ thứ 19 để lại cho thế-kỷ thứ 20. Vì tự bấy giờ là chính-trị Á-châu mới thành ra mật-thiết-quan-hệ với chính-trị Âu - châu, hay muốn nói cho rõ thời là tự bấy giờ mới thấy phác-hoạ ra cái đại - cương một nền chính-trị « thế-giới-liên-lạc » (*une politique de solidarité mondiale*), vì là tự bấy giờ cái chủ-nghĩa đế-quốc của Âu-châu càng ngày càng tràn khắp sang Á-châu dần-dần gây ra một cái vấn-đề tối-trọng-yếu về thời-đại này : là vấn-đề Thái-bình-dương. Vì các ngài phải chú-ý cho, vận-mệnh thế-giới ngày nay là quan-hệ ở vấn-đề này đó.

Xét về phương-diện lịch-sử kinh-tế và lịch-sử chính-trị, nhân-loại đã qua mấy cái thời - kỳ, thế-tục thường lấy tên bể mà gọi, tùy sự hoạt-động và mối lợi-quyền có quan-hệ đến bể nào làm đường giao-thông hay làm nơi tập-hợp. Bởi thế nên trước có thời-kỳ Địa-trung-hải, rồi đến thời-kỳ Đại-tây-dương. Nay là đến thời-kỳ Thái-bình-dương vậy. Cái trung-tâm thế-giới hình như tự-nhiên chuyển sang cõi đại-dương đó, là nơi chung quanh có tới hơn chín trăm triệu con người làm ăn, sinh-hoạt, lo-lắng, mong-mỏi ở đấy. Sự chuyển-dịch ấy ra làm sao ? Và bởi sao Thái-bình-dương lại thành như cái khu-nữu của vấn-đề Á-châu, của vấn-đề thế-giới nữa, sau này giải-quyết thế nào sẽ quan-hệ đến cuộc hòa-bình trong thiên-hạ, cuộc văn-minh của loài người ? Vì rằng các ngài phải hiểu rõ cho mới được, dù những lời dự - đoán của chúng tôi bây giờ có trái với ý-hướng của các ngài, các ngài cũng có thể tin trước được : sau này nếu các cái sức mạnh phản-kháng nhau mà không điều-hòa được cho thỏa-thuận, thời chẳng bao lâu nữa đâu, trên cái vũ-đài bể Thái-bình này, sẽ diễn ra một cái tối-đại-bi-kịch của nhân-loại, mãnh-liệt, gớm-ghê hơn cả các cái bi-kịch từ xưa đến nay, mà cho đến cái chiến-họa năm năm vừa rồi sánh cũng chửa thấm vào đâu vậy.

Sao vậy ? Bởi sao mà đến nông-nỗi ấy ? Tưởng cũng nên xét qua đại-khái.

Cho đến gần thế-kỷ thứ 20, cái vấn-đề ấy cũng vẫn chưa xuất-hiện ra. Âu-châu còn cách xa Thái-bình-dương lắm ; người Âu-châu cũng còn chưa xuất-tịch ở Á-châu nữa. Trong liệt-cường Thái-Tây, duy có hai nước là thật ra đối-địch nhau ở Á-châu, là nước Anh và nước Nga, mà nước Nga thời cũng là một nửa thuộc về Á-châu rồi. Duy hai nước ấy là có địa-vị quan-trọng, vì quyền-lợi to nhiều.

Nước Nga thì cả bắc-bộ Á-châu là thuộc về bản-đồ mình. Đã chiếm-cứ được các hoang-điền đất Tây-bá (*Sibérie*), lại càng ngày càng bành-trướng xuống phía Nam ; vốn không có đường bể tự-do để giao-thông với ngoài, nên cố xoay về mặt Thái-bình-dương hay mặt Địa-trung-hải ; và có lẽ cũng muốn nhòm qua cái trường-thành Hỉ-mã-lạp-sơn (*Himalaya*) mà liếc nhìn ra bể Ấn-độ ở ngoài kia nữa.

Chiếm-lĩnh Ấn-độ là nước Anh, thế chân nước Pháp tự ngày cái mưu bá-đồ của Dupleix không thành. Cả cái miền nam-bộ Á-châu có hơn ba trăm triệu con người hung-hung ở đó, là ở dưới vòng thế-lực nước Anh đã vững-vàng bền-chặt lắm. Cái đất Ấn-độ phong-phú kia, đã làm giàu cho bọn nhà buôn thành Luân-đôn, mỗi năm sinh-lợi cho bọn tư-bản Anh có tới mấy trăm triệu, làm một cái thị-trường rất tốt cho công-

nghệ nước Anh, đất Ấn-độ đó thành nơi trung-tâm, cái trụ-cốt của đế-quốc Anh, đế-quốc trăm lần to lớn hơn bản-bộ nước Anh, chiếm có tới chia tư một phần trái đất. Ngay tự bấy giờ cái chính-sách ngoại-giao riêng của nước Anh đã nhóm lên rồi, chính-sách ấy hiện nay lại rõ-rệt hơn tự trước đến giờ, là chỉ lấy Ấn-độ làm mục-đích, chỉ chăm-chút giữ-gìn phòng-bị lấy Ấn-độ, bao nhiêu những đường thủy đường bộ tiếp với Ấn-độ muốn chủ-trương chiếm-cứ lấy hết, bao nhiêu những đất nước lân-cận với Ấn-độ muốn bành-trướng thế-lực ra khắp, hoặc kiêm-tính, hoặc chiếm-đoạt, hoặc bảo-hộ, hoặc giám-đốc, coi như những tường ngăn cửa ngõ của Ấn-độ cả.

Anh vẫn sợ Nga tràn xuống Ấn-độ, cho nên tuy cách xa nhau hàng nghìn dặm, vẫn có ý xem-xét, giữ-gìn, lại có khi dùng đến thế công thế thủ. Lịch-sử Á-châu trong ngót một thế-kỷ nay phần nhiều là lịch-sử những cái thủ-đoạn ngoại-giao của hai nước Anh Nga tranh-cạnh nhau đó; ông VICTOR BÉRARD đã từng trước-thuật nhiều sách để chép cái lịch-sử đó, mà sách có giá-trị nhất là quyển để là « Sự phản-kháng của Á-châu » (*La Révolte de l'Asie*).

Cuộc thi chạy đến bể Thái-bình

Song, trong khi ấy các nước khác ở Âu-châu cũng dần dần chú-ý đến cõi Á-Đông, trước kia còn mơ-màng tưởng-tượng là đất giàu - có vô-cùng, thừa của cung-cấp cho sự cần-dùng cả nhân-loại, sau bọn nhà buôn đi thăm-thú mới biết rằng quả như thế thật. Từ khi nhờ cái tài một người Pháp đào được cái eo đất Tô-tư-yêu (*Suez*), thu rút được đường đi ngắn lại, khiến cho đi sang Á-châu thành một sự dễ-dàng, thời bấy giờ kế sau người Anh, người Bồ - đào, người Hòa-lan, đến người Pháp, người Đức, người Ý, người Tỉ, cũng đua nhau chạy xô sang châu Á.

Ai nấy đều tiến về phía Đông, tức là phía Thái-bình-dương. Nước Anh thì về miền Nam-dương chiếm-cứ đất Úc-châu, đất *Tasmanie*, đảo *Nouvelle-Zélande*, về phía đông Ấn-độ khuếch-trương bờ-cõi Ấn-độ ra mặt nước Tàu mà kiêm-tính đất Diến-điện (*Birmanie*); nước Pháp thời chiếm-lĩnh đất Nam-kỳ trước, rồi đến cả bán-đảo Ấn-độ-China, cùng với các đảo *Nouvelle-Calédonie* và *Tahiti* đã có từ trước, kéo dài ra qua bể Ấn-độ và bể Thái-bình thành như một dẫy bao-lơn ngót hai nghìn cây-lô-mét ở trên bể Đại-dương vậy. Ở phía trên thời người Nga cũng tiến ra mặt bể, đặt đường xe lửa Tây-bá-đại-lục (*Transsibérien*) chạy qua các hoang-điền đất Tây-bá. Thành ra phía trên phía dưới, cũng là thi nhau chạy ra bể cả, nơi thì dùng đường bộ, nơi thì dùng đường thủy; thì chạy thế nào cho mau hơn kẻ cùng chạy với mình, ngày nay còn là kẻ cạnh-tranh, ngày mai có lẽ là kẻ cừu thù.

Về bên kia Thái-bình-dương, ở bên bờ Tân-thế-giới kia, lại thêm một tay cạnh-tranh nữa, cũng muốn giương buồm tiến sang cõi Á; tức là nước Mĩ-Hoa-kỳ, trước chiếm-lĩnh đảo *Hawaï*, rồi sau đoạt của Tây-ban-nha quần-đảo Phi-luật-tân (*Philippines*), ở ngay đối-diện nước Tàu. Xem thế thì ra bốn phương tứ bề, bao nhiêu cái lòng tham-dục như bị hấp-dẫn cả vào một nơi, nơi ấy là cái kho vàng của bể Thái-bình, là nước Tàu, nước Tàu lão-đại kia, là nơi bao nhiêu kẻ mưu-tính, bao nhiêu kẻ mong-mỏi vào đấy, vì nó là một cái chợ lớn có bốn năm trăm triệu con người sẵn để tiêu - thụ đồ hàng, lại có những mỏ than to rộng tới bảy-mươi vạn cây-lô-mét vuông, cùng vô-số các thứ khoáng-sản khác nữa, có mấy chục hàng-tỉnh to bằng từng nước một, chỉ đợi máy-mọc, xe lửa, sắt gang của ngoài đem đến để mở-mang kinh-lý mà thôi. Thôi, tự bấy giờ trong bọn địch-quốc Âu-châu, tha-hồ tranh nhau cho đến được trước ở cái đất

hoàng-kim đó để chiếm lấy phần hơn, để chiếm lấy chỗ tốt, để khuếch-trương cái vòng khuôn thế-lực của mình ra cho thật to thật rộng; trừ có nước Mĩ thì chỉ yêu-cầu cho được « khai-phóng môn-hộ » và « lợi-ích quân-chiêm », nghĩa là không mong chiếm lấy phần hơn, chỉ xin cho bằng-đẳng mà cạnh-tranh với các nước vậy.

Nhưng mà hãy khoan khoan!... Không phải chỉ có một Âu-châu là có cái lòng dục-vọng đối với nước Tàu, có cái mơ-mộng muốn qua-phân nước Tàu mà thôi. Ngay ở giữa bể Thái bình, có một tay mới-mẻ đột-khởi lên, mà tay này lại chính là người châu Á: tức là nước Nhật-bản vậy, — nước Nhật-bản mà chính người Âu đã đánh thức cho tỉnh một cái giấc ngủ triền-miên tới hai trăm năm-mươi năm, nay đã thành một quốc-gia lối mới, cũng thấy phải cần đến thị-trường và cần đến nguyên-liệu. Quanh nước Tàu đã bao nhiêu kẻ dòm-dỏ chực mồi, nay lại thêm một tay nữa. Kịp đến năm 1894, nước Tàu dại ra tranh quyền bảo-hộ Cao-li với người Nhật, Nhật bấy giờ đã duy-tân, liền thừa-cơ đánh cho Thiên-triều một trận đại-bại. Đó là cái chiến-thắng thứ nhất của Nhật vậy.

Cái chính-sách cướp mồi

Nhưng nước Nhật chưa được hoạch-lợi về sự chiến-thắng đó, nước Nga đã can-thiệp vào, do Đức xui-siểm, vì từ khi Nga đồng-minh với Pháp thời chính-sách thâm-hiểm của Đức là chỉ cố tìm cách cho Nga mưu-tính việc khác để nhãng việc Âu-châu đi. Bên bắt nước Nhật phải nhả mồi ra, trả lại Tàu tỉnh Liêu-đông của Tàu đã nhường cho, — lấy cớ rằng phải tôn-trọng cái quyền « lĩnh-thổ hoàn-toàn » của Tàu! Thật không còn cớ gì giả-trá bằng! Vì Nhật-bản vừa vâng lời chịu theo, thời chính những nước ra mặt đạo-đức bênh-vực cho cái quyền của nước Tàu đó lại xô nhau vào mà mưu sự qua-phân nước Tàu. Bắt-đầu lại chính là nước Đức. Nước Đức cũng muốn làm một cường-quốc có thuộc-địa, cũng muốn bồi-thực cái thế-lực ở Á-Đông. Ở Tàu thời vẫn ngấp-nghé một cái miếng ngon nhất, là tỉnh Sơn-đông, dân-số có 30 triệu người, mà tài-sản thiên-nhiên không biết bao nhiêu mà kể. Nhân có dịp hai người cố đạo Đức bị giết, nước Đức liền lấy cớ ấy phái một hạm-đội sang Tàu chiếm ngay lấy tỉnh Sơn-đông, ra hiệu cho các nước vào mà cướp mồi. Nga liền chạy lại, bắt Tàu phải nhường cho cái phần đất tiếp theo đường xe-lửa Tây-bá-đại-lục, và nhường cả bán-đảo Liêu-đông năm trước vừa bắt Nhật phải bỏ lại. Anh thời đòi đất Uy-hải-vệ, mà Pháp thì chiếm Quảng-châu-loan để làm chỗ tiếp-cận phòng-bị cho Ấn-độ-Chi-na.

Kết-quả của cái chính-sách ấy là khiến cho người Tàu nổi lòng công-phẫn lên gây ra loạn Quyền-phỉ, làm cho cái lão-đại-đế-quốc kia bị một phen kích động, rồi sinh ra cách-mệnh mà nhà Mãn-Thanh phải đổ. Âu Mĩ hiệp-lực với Nhật-bản để dẹp cái loạn đó chính là một phong-trào bài-ngoại. Nhưng xong việc rồi, cái lòng tham-dục của liệt-cường lại nổi lên bời-bời. Nga vẫn bị Đức xui-siểm, thừa việc dẹp loạn, chiếm-cứ ngay đất Mãn-châu, ở phía bắc nước Tàu, nói rằng xong việc rút quân về, nhưng cứ trù-trừ ở mãi. Ở đấy rồi, lại còn ngấp-nghé Cao-li nữa, muốn bài-trừ Nhật-bản đi. Nhật-bản lấy làm tức, nhưng tức hơn nữa lại là phái thuộc-địa nước Anh, là phái chủ-trương cái chủ-nghĩa đế-quốc. Vì cái chính-sách của Bộ Thuộc-địa Anh tuy sợ cái phong-trào đông-tiến của Nga, nhưng cũng lại sợ cái phong-trào nam-tiến của Nhật nữa, sợ rằng Nhật bị Nga cấm cửa nước Tàu không vào được, tất nghĩ đến cái mưu cũ tràn xuống đất Úc-châu của Anh. Bấy giờ Anh liền đính ước đồng-minh với Nhật năm 1902, cuộc đồng-minh này có ảnh-hưởng về vận-

mệnh Á-châu nhiều lắm. Phá thuộc-địa nước Anh không những làm thế mà thôi, lại còn mưu sâu hơn nữa. Xui-giục cho nước Nhật còn đương lưỡng-lự quyết khai-chiến với nước Nga. Tôi nói « phải thuộc-địa » nước Anh, chứ không nói Chính-phủ Anh, vì trong những sự hành-động của người Anh ở các đất ngoài, phải phân-biệt sự hành-động của bộ Ngoại-giao (*Foreign Office*) và sự hành-động của bộ Thuộc-địa (*Colonial Office*), nhiều khi những viên thừa-hành của bộ Thuộc-địa cứ tự-tiện dùng những cách âm-mưu riêng, khiến cho việc đã thành rồi chính-phủ không thể không thừa-nhận được. Như đối với việc phân-tranh nước Nhật và nước Nga, thái-độ chính-phủ Anh rất là ôn-hòa, vì vua EDOUARD thứ VII là người có trí-tuệ sáng-suốt lắm, các quan Nội-các cũng là những tay thận-trọng khôn-ngoan, biết rằng hai nước đánh nhau mà kết-quả đến nước Nga thua thì tất xảy ra lắm sự không hay (ta sẽ xét sau này). Nhưng hồi bấy giờ LORD CURZON làm toàn-quyền Ấn-độ, mà LORD CURZON là tay thủ-xướng trong đảng thuộc-địa, chỉ ước-ao, chỉ cầu-nguyện cho Nga phải thất-bại mới nghe ; LORD CURZON bèn dùng cách âm-mưu vận-động. Thế là đột-nhiên khởi ra trận Nhật-Nga năm 1904. Đảng đế-quốc nước Anh, cùng với cả nước Mĩ, đều cầu-nguyện, đều giúp đỡ cho Nhật đánh được Nga, vì ghét Nga là tham-lam vô-độ. Quả-nhiên nước Nhật nhỏ thắng được nước Nga lớn, các nhà ngoại-giao Âu-châu đều lấy làm kinh-ngạc. Thế là người *da vàng* đã đánh được người *da trắng*, Á-châu đã thắng được Âu-châu lần thứ nhất ; tin ấy truyền suốt đi khắp cả Á-Đông, ảnh-hưởng vô-cùng, kích-động vô-cùng.

Á-châu và cái thế quân-bình của Âu-châu

Trước hết có ảnh-hưởng đến Âu-châu. Xem việc này thì nghiệm biết như tôi nói trên kia rằng việc Á-châu có quan-hệ đến vận-mệnh Âu-châu. Đây thời vấn-đề Á-châu thật là biến đổi cả cục-diện Âu-châu, cả cái thế quân-bình của liệt-cường đồng-minh liên-kết với nhau.

Nhân vì Pháp đồng-minh với Nga ở Âu-châu, nên Đức có ý sợ, mới xui Nga tiến sang mặt Thái-bình-dương, để một là mong cho Nga xung-đột với Nhật thì thế nào cũng thua Nhật, vì Đức vốn biết Nhật có sức mạnh, một là khiến cho Nga đem quân-đội chia dùng ra các nơi xa, không đóng liền ở ngay địa-giới Phổ được. Lòng tham-dục của Nga tự-nhiên mắc mưu hiểm-độc của Đức. Nga thua chuyến ấy siêng-liêng, lâu năm mới mong khôi-phục được ; lại nhân sự chiến-bại, trong nước sinh ra nội-loạn, thế là Đức đối với Pháp được tự-do khiêu-động, không còn phải kiêng-kỵ nữa, ấy là cái mưu nước Đức đã tính từ trước như thế. Nhân đó, ngay tự năm 1905, xảy ra việc *Maroc*, cái thủ-đoạn đem tàu chiến đến cửa *Tanger*, cái thủ-đoạn nước Áo kiêm-tính hai châu *Bosnie* và *Herzégovine*, mấy việc đó là những triệu-trầm cho trận năm 1914 sau này vậy. Nhưng mà tình-thế phản-động, cũng nhân thế mà sinh ra cuộc hiệp-ước Anh Pháp. Vì rằng tuy ở Anh có bọn chính-khách ước-ao cho Nga thất-bại đã đành, nhưng Anh cũng hiểu ngay rằng Nga mà thất-bại thì cái thế-lực của đảng Tam-quốc-đồng-minh (*Triplice*, là Đức, Áo, Ý), và thứ nhất là nước Đức, tất mỗi ngày một bành-trướng ra, hiện ngay bấy giờ Đức đâu đâu cũng đã có ý trở-ngại đến quyền-lợi của Anh rồi, vì hải-quân Đức mỗi ngày một tăng-tiến, thương nghiệp Đức mỗi ngày một phát-đạt, và thứ nhất là vì sự vận-động của Đức ở miền Cận-Đông, ở Thổ-nhĩ-kỳ, ở các nơi tiếp-cận Ấn-độ. Đối với cái thế-lực ngay-hiểm đó, Anh phải kết-ước thân-thiện với Pháp để đối-phó lại. Các ngài

nhậu ngay đây thì biết cái thế quân-bình của Âu-châu thật là tùy-thuộc ở cái thế quân-bình của thế-giới, vì rằng nhờ có đồng-minh với Nhật, được Nhật đảm-nhận đem hải-quân lục-quân để giúp quyền-lợi ở Ấn-độ và ở Thái-bình-dương cho, nên nước Anh mới có thể đem các hạm-đội ở Á-châu về đóng ở miền Bắc-hải nhà, giữ nghiêm cho các hạm-đội của Đức không dám khinh-suất.

Những sự tổn-hại đến oai quyền giống trắng

Nhưng ngạn-ngữ nói rằng cái «mền-đay» nào cũng có mặt trái. Mặt trái của cái « mền-đay » là đây. Trận Nhật-Nga ảnh-hưởng sang Âu-châu đã sâu-xa như thế, mà ảnh-hưởng ở Á-châu lại sâu-xa lắm nữa, thứ nhất là đối với chính nước Anh có thuộc-địa ở đấy.

Sự chiến-thắng của nước Nhật nhờ có nước Anh giúp, chính là cái thủ-đoạn thứ nhất tổn-hại đến oai-quyền giống trắng. Nước Nhật thuộc giống vàng đã thắng được nước Nga thuộc giống trắng. Thắng được không những bởi cái lòng ái-quốc oanh-liệt của người Nhật, lại là bởi nhờ có những khoa-học kỹ-thuật bắt-chước của Thái-Tây, nhờ cái công-hiệu duy-tân của các chế-độ phỏng chép của Âu-châu. Bài học rực-rỡ thay ! các dân-tộc Đông-phương, đương triền-miên trong những phong-thói hủ-lậu, bó-buộc ở dưới chủ-quyền ngoại-quốc, liền hiểu ngay ý-nghĩa của bài học đó. Bấy giờ như có một cái luồng gió thổi qua, chuyển-động cả các dân-tộc châu Á, tự giáp-giới Âu-châu cho đến bờ bể Thái-bình. Ở Nga thời nổi lên cái phong-trào dân-chủ, bách Nga-hoàng phải đặt Nghị-viện, rồi kế đến cách-mệnh ở Ba-tư, ở Thổ-nhĩ-kỳ năm 1908, ở Tàu năm 1911. Trong dân-tâm các nước, dù là người theo đạo Hồi, đạo Phật hay là đạo Bà-la-môn, đều khởi lên một cái lòng khao-khát tự-do độc-lập. Như phong-trào quốc-gia của Ấn-độ, hiện nay bành-trướng ra rất dữ, làm cho nước Anh đương phải để tâm lo-lắng, công-nhiên không giấu-giếm gì, tức là trực-tiếp ở sự chiến-thắng của Nhật mà ra. Lại Ai-cập là cái trụ thứ nhì của đế-quốc Anh, là nơi cửa ngõ của đường Ấn-độ, cũng bị kích-động về sự chiến-thắng đó, là cái hiệu báo cho những dân-tộc các sắc biết rằng phần thế-giới này có thể thắng được phần thế-giới kia và trong thiên-hạ sẽ sắp mở ra một thời-kỳ tự-do và mới-mẻ. Cái thế-lực của liệt-cường Âu-châu bấy giờ còn đương muốn bồng-bột lên, những ngấp-nghé muốn qua-phân nước Tàu, lại qua-phân nước Thổ, nhưng tự đấy thì có thể nói là bị đình-đốn hẳn lại.

Xong cuộc ấy, lại sắp đến một cuộc hệ-trọng hơn nữa. Là cuộc tối-đại-chiến-tranh năm 1914, làm cho cái oai-quyền giống trắng lại bị một hồi khuynh-đảo dữ nữa, và cái bá-quyền giống trắng cũng gặp một buổi nguy-cơ khốn-nạn.

Tự trước đến bấy giờ, cái bá-quyền ấy sở-dĩ vững-vàng mạnh-mẽ là bởi lẽ lợi-quyền liên-lạc, khiến cho liệt-cường Âu-châu phải đồng-tâm hiệp-lực để đối-phó với sự hoạt-động của giống người các sắc. Dù trong bọn da trắng với nhau có lắm nỗi phân-tranh bất-bình, và sự cạnh tranh với nhau kịch-liệt thế nào đi nữa, gặp đến những cơ-hội quan-trọng, có lợi hại đến chủng-tộc, đến oai-quyền mình, các nước Âu-châu vẫn biết bỏ sự hiềm riêng mà giữ lấy đoàn-thể để cùng nhau ngăn-ngừa cái sóng châu Á nó tràn lên. Sự đoàn-thể của Âu-châu đó, Á-châu cũng đã từng biết, hồi loạn Quyền-phỉ, chính một tướng Đức là nguyên-súy DE WALDERSEE cầm chức thống-lĩnh cả các đội liên binh của Pháp, của Anh, v.v..

Nay chợt năm 1914, cái đoàn-thể Âu-châu đó bị tan, cái đảng liên-hợp của giống da trắng đó chia ra làm hai phái ra sức phá-hoại nhau. Bọn Âu-châu

xưa nay vẫn tuyên-bá rằng đem cái văn-minh tốt-đẹp của mình sang truyền cho người Á, nay Á-châu trông thấy chính bọn thiên - sứ văn - minh đó lại khai-chiến với nhau rất kịch-liệt, thù nhau đến thề « bất cộng đái thiên », mà hai bên đánh nhau bên nào cũng tự xưng rằng mình hộ - vệ cho văn - minh cả. Người giống vàng tất không khỏi cười mỉa mà tự nghĩ rằng : Họ văn-minh gì hơn mình mà xâu-xé nhau đến thế?

Không những thế mà thôi ! Người các sắc trước còn đứng cái địa-vị khách-quan để xem cái oai-quyền của giống trắng trụy-lạc thế nào, sau cũng can-thiệp vào chiến - cục, dẫu không đủ quyết được thắng-phụ, nhưng cũng giúp vào có phần. Chính các nước tham-chiến gọi đến giúp, nên tự những phương xa tịch-mịch châu Á châu Phi, như đất Ấn-độ, đất *Soudan* của Anh, đất *Indochine*, đất *Maroc* của Pháp, hàng vạn hàng triệu con người da đen, da vàng, hung-hung các sắc kéo đến, kẻ thì ra đánh ở nơi hầm-hố trận-tiền, kẻ thời làm công ở các xưởng chế binh-khí. Lại vô-số người Tàu nữa, cũng sang giúp các công-nghệ cần cho việc chiến-tranh. Người các sắc theo ngọn cờ của Đồng-minh, thật đã có công giúp cho công-lý được thắng, giúp cho cái chân-văn-minh thắng được cái giả-văn-minh của nước Đức, chỉ có hình-thức văn-minh mà không có chút nhân-đạo nào. Người các sắc nhất - dân được giống da trắng để-huề để cùng nhau bênh-vực cho cái lý-tưởng rất cao của văn-minh Thái-Tây, các ngài thử nghĩ như thế có khỏi khiến cho trong lòng trong trí rung-động cảm-kích hay không?

Nhưng ta cũng phải biết sự kết quả ra thế nào : những kẻ gọi đến người các sắc giúp cho mình như thế, cũng bị cái lịch-sử cao-thượng của mình bó-buộc, không thể bắt chước như thành *Carthage* ngày xưa dùng cái lối « cố-binh », nghĩa là thuê người để ra đương-trận cho mình. Không thể làm như các vua chúa đời xưa thuê tiền để lấy lính hộ-vệ cho mình. Các nước Âu-châu ấy là những nước dân-chủ đời nay, gặp lúc quốc-gia bị-nạn, gọi người đến giúp, tất phải coi những người ấy như người nhà, như con nuôi của nước mình đến để chống-giữ cho Mẫu-quốc chung. Đã như thế thì cứ hình-lý, những người các sắc đó có thể mong-mỏi, có thể yêu-cầu phải làm thế nào thay-đổi cho cái số-phận tùy-thuộc của người ta. Người ta yêu-cầu cho được quyền-lợi rộng-rãi hơn. Gia-chi-dĩ, đương giữa lúc muôn vàn con người giơ tay lên để chực tiếp lấy cái hiến-pháp mới đó, thời quan Giám-quốc Wilson nước Mĩ cao thanh tật-hô xướng lên cái chủ-nghĩa « dân-tộc tự-quyết ». Lời nói ấy như tiếng sấm vang, truyền đi tự Địa-trung-hải đến Thái-bình-dương, tự thành *Caire* đến Bắc-kinh, kích-động tâm-não người ta, khiến cho trong suốt cõi Á-châu khởi ra một cái phong-trào quốc-gia-trước còn mơ-màng phảng-phất, sau càng ngày càng sáng-sủa rõ-rệt ra. Nay ví trong bọn đồng-minh thắng trận đó, có nước nào khi được trận rồi không giữ lời ước cũ đã hứa với kẻ thuộc-dân mình trong khi đương cần đến họ tận-tâm giúm-giúp, thời tất lòng công-phẫn, sự thất-vọng nổi lên bời-bời, mỗi ngày một mạnh, và nếu lại nhờ có cái men mới nào ở ngoài bên vào thời chất đã sẵn tất gây ra cái độc lại càng mau và càng dữ dữa.

Chủ-nghĩa quá-khích phản-đối với Tây-phương.

Mà cái men mới đó, là do cái chủ-nghĩa quá-khích của Nga đem lại. Chủ-nghĩa này truyền-một cách rất khôn-bá ra khéo và nhiệt thành, khác nào như đem cái mầm độc rắc vào trong « nước cấy » sẵn (*bouillon de culture*) của Á-châu

từ Thổ-nhĩ-kỳ cho đến Nhật-bản, khéo lợi-dụng hết cả những sự lầm-lỗi của Đồng-minh từ khi phá tan mất cuộc đồng-tâm đã làm cho mình có sức mạnh, bỏ điều công-lợi mà chỉ thiết-tha đến những mối tư-lợi riêng của mỗi nước.

Nước Nga thật là xứ vào cái địa-thế rất tốt để chủ-trương sự tuyên-truyền đó. Vì nước Nga vừa thuộc Âu-châu, vừa thuộc Á-châu. Mà cái tâm-lý người Nga có lẽ lại thuộc Á-châu nhiều hơn Âu-châu. Trong ba thế-kỷ rưỡi, nước Nga bị giống Mông-cổ chuyên-chế, cái hồn-tính người Nga đã hóa theo Mông-cổ, rồi sau đến vua Đại-Bi-đắc (PIERRE LE GRAND) và nhà vua ROMANOFF hóa theo Âu-châu thời cái dấu-vết cũ nó vẫn hãy còn. Bản-chất người Nga là bản-chất Á-châu, nhà vua ROMANOFF chẳng qua là phủ cho một nước sơn Âu-tây ở ngoài, nay đem đốt vào cái lửa quá-khích thì lượt sơn ấy nứt rạn ra ngay, và bao nhiêu những cái cặn-bã hung-tàn độc-ác của cái căn-tích Mông-cổ từ xưa di-truyền lại nhất-đán xuất-lộ ra cả.

Nước Nga địa-giới tiếp với các dân Hồi ở Thổ-nhĩ-kỳ, Tiểu-Á-tê-Á, Ba-tư, *Afghanistan*, *Turkestan* ; giáp với các đường giao-thông Ấn-độ, với Mông-cổ, Tây-tàng, Tàu, trước định chinh-phục Âu-châu không xong mới quay về Á-châu để dự-bị công-kích Âu-châu bằng một cách mới : là dùng Á-châu để đánh lại Âu-châu ; nhờ được bọn quan-lại của Nga-hoàng cũ, nhờ được những bút-lục của các nhà ngoại-giao Nga trước đã sưu-tập thuộc về cái chính-sách bành-trướng ra phía Nam và phía Đông châu Á, chính-phủ quá-khích nước Nga ngày nay được sẵn-sàng cả chiến-lược cùng khí-giới để thi-hành cái mưu của mình.

Một nhà trước-thuất có tài ở nước Mĩ, ông LOTHROP STODDARD, có làm một quyển sách tài-liệu rất phong-phú, để là « Thế giới mới của đạo Hồi » (*Le nouveau monde de l'Islam*), trong sách ấy có nhiều đoạn nói về sự tuyên-truyền của nước Nga tường lắm. Các ngài có muốn nghiên-cứu về vấn-đề này thời tôi lại xin giới-thiệu một quyển sách hay nữa của ông RENÉ PIXON đề là « Sự cải-tạo chính-trị Âu-châu » (*La Reconstruction politique de l'Europe*), có một thiên sau cùng kỹ-thuật rất rõ-ràng về cái cách Chính-phủ Sô-viết dự-bị sự Đông-phương công-kích Âu-châu thế nào ; lại thuộc về các phương-pháp tuyên-truyền cổ-động ở Á-châu, và thứ nhất là ở các thuộc-địa của các nước Âu-châu ở Á-châu, thời có một thiên trong sách của ông ALEXINSKY, nguyên có chân nghị-viện Nga cũ, xuất-bản ở Pháp đề là « Tự chủ-nghĩa chuyên-chế đến chủ-nghĩa cộng-sản » (*Du Tzarisme au Communisme*), cũng nên đọc. Các ngài xem trong các sách đó thời biết bọn cộng-sản Nga tai-quái quỉ-quyệt là đường nào, biết khéo châm-chước cái chủ-nghĩa cách-mệnh của mình cho thích-hợp với các hoàn-cảnh Á-châu, và thích-hợp với sự nguyện-vọng của đẳng quốc gia trong các nước, để mà tập-hợp cả lại thành một cái đại-liên-đẳng Á-châu tiến lên công-kích cái chủ-nghĩa đế-quốc và chủ-nghĩa tư-bản của Tây-phương.

Trước hết đối với các dân-chúng Hồi-hồi, các dân-tộc châu Á, thời đẳng cộng-sản tỏ ra là chủ-trương sự giải-phóng cho các dân-tộc bị người Âu áp-chế hơn là chủ-trương sự phá-hoại cái chế-độ tư-bản. Từ eo bể *Bosphore* cho đến bể lớn Thái-bình, bọn này tự xưng là đi giải-thoát cho các giống khỏi cái ách người Âu. Khéo lợi-dụng những cái lòng ghen-ghét, oán-thù, căm-hờn, giận-dữ, thật là tinh-khôn ma-quái quá. Lại khéo cổ-động cho các dân-tộc ấy liên-lạc thành đoàn-thể để hiệp-lực mà cộng-tác. Nhất-diện thời đặt ra những trường học riêng như trường thành

Tachkend luyện lấy những tay cổ-động thuộc về khắp các giống để phái đi suốt Á-châu mà truyền-bá cái chủ-nghĩa phản-đối Âu-châu ; nhất-diện thời họp những hội-nghị các dân-tộc Đông-phương, như hội-nghị *Bakou* có tới ngót hai nghìn đại-biểu ở khắp các miền Cận-Đông, Trung-Đông và Viễn-Đông, đến để chịu mệnh-lệnh công-kích cái đế-quốc-chủ-nghĩa của Tây-phương.

Sự công-kích ấy, — chính bọn quá-khích Nga cũng không giấu-giếm gì, — chủ nhất là nước Anh là kẻ thù mấy trăm năm của nước Nga và là nước có quyền-lợi lớn nhất ở Á-châu. Ấy đó là cái lẽ thứ nhất vì sao nước Anh về hồi ông LLOYD GEORGE cũng như về hồi ông MAC DONALD cầm quyền, vẫn tìm cách tục-giao thân-thiện với Chính-phủ Sô-viết, người ta thường cho là vì cái mục-đích doanh-nghiệp, muốn nối sự thông-thương để lợi-ích cho bọn nhà buôn Anh, nhưng cốt nhất là để mong ngăn-ngừa sự cổ-động phản-đối Anh ở Ấn-độ và ở các miền tiếp-cận Ấn-độ, nghĩa là các xứ theo đạo Hồi từ thành *Le Caire* cho đến cao-nguyên *Pamir* làm thành như cái thành bao-bọc cho Ấn-độ. Điều-kiện thứ nhất để cho nước Anh công-nhận Chính-phủ Sô-viết, là Chính-phủ Sô-viết phải đình-chỉ sự vận-động phản-đối Anh, điều này dẫu ông LLOYD GEORGE hay ông MAC DONALD làm thủ-tướng cũng bắt-buộc như thế cả, ông sau thì dù ý riêng thế nào mặc lòng, chứ về khoản đó cũng phải tuân theo lề lối của bộ Ngoại-giao từ xưa đến nay. Bọn quá-khích phản đối nước Anh bèn ngầm giúp cho người Thổ-nhĩ-kỳ, người Ai-cập, người Ấn-độ ; khéo lợi-dụng những sự sai-lầm của chính-trị nước Anh, — trong sách « Á-châu tỉnh dậy » (*Le Réveil de l'Asie*) của ông RENÉ GROUSSET đã thuật rõ những sự sai-lầm đó —, để khôi-phục lại cái sức sinh-hoạt mạnh-mẽ của đạo Hồi và cái mộng Đại-Hồi-hồi trong hai trăm năm mươi triệu dân Hồi ở khắp Á-châu, Âu-châu, Phi-châu và cả Mĩ-châu nữa ; lại lợi-dụng cả cách « võ-đoán » của người Anh trong khi đàn-áp cái phong-trào quốc-gia Ấn-độ do ông Đại-thánh GANDHI chủ-trương xướng-suất. Về một phương-diện khác thời lợi-dụng cái tình-thế rối-loạn nước Tàu, sự nội-chiến trong các đảng-phái Tàu, để tuyên-truyền cổ-động khắp trong nước, cứ xem ngay cái chiến-cục về quân-sự, về ngoại-giao của Tàu hiện bây giờ thì đủ biết. Lại ở quần-đảo Mã-lai thuộc Hòa-lan, cũng thấy có tay bọn cách-mệnh Nga vận-động, khiến cho Chính-phủ Hòa-lan cũng phải để tâm lo về sự nguyện-vọng của ba-mươi-mốt triệu dân Hồi trong thuộc-địa. Bọn đó lại tìm cách truyền-nhiễm sang cả đất Ấn-độ-China tốt đẹp của ta nữa, nhưng mà chưa làm được, vì cái chính-sách của ta đối với người bản-xứ vốn khoan-dung đại-độ, không phải đợi có cái bài học chiến-tranh mới khởi-hành mọi sự cải-cách, khiến cho người Việt-Nam một lòng trung-thành với ta, không sợ nhiễm phải cái độc quá-khích vậy. Sau nữa, hiện nay có lẽ đảng quá-khích cũng tìm cách lợi-dụng cả cái lòng công-phẫn của quốc-dân Nhật về mấy việc gần đây, ấy đó mới là cách vận-động có quan-hệ đến sự giải-quyết cái vấn-đề Thái-bình-dương vậy.

(Còn nữa)

T.-C. *dịch*

PHÁP-DU HÀNH-TRÌNH NHẬT-KÝ(1)

XXV

Thứ tư, 19 tháng 7.

Hôm nay ở nhà soạn diễn-thuyết.

Nghĩ trong các vấn-đề thiết-yếu cho người mình không gì bằng vấn-đề giáo-dục. Bèn khởi thảo một bài tả rõ cái tình-trạng sự giáo-dục ở nước ta, phân-trần những điều lợi-hại, những sự khó-khăn, và hỏi ý tòa Hàn-lâm nên giải-quyết thế nào cho hợp lẽ. Đại-khái nói rằng nước Việt-Nam là một nước cổ, vốn đã có một cái văn-hóa cũ, nhưng cái văn-hóa cũ ấy ngày nay không thích-hợp với thời-thế nữa, cần phải có cái-văn hóa mới đời nay thì mới có thể sinh-tồn được trong thế-giới bây giờ. Cái văn-hóa mới ấy dân chúng ta nhờ Qui-Đái-Pháp truyền-bá cho. Hồi đầu qui-chính-phủ dạy người An-Nam chẳng qua là dạy lấy ít tiếng tây để sai khiến các công việc cho dễ, chưa phải là truyền-bá văn-minh học-thuật gì. Gần đây mới gọi là bắt đầu ban-bố một cái học cao hơn trước một chút. Nhưng trong sự truyền-bá cái học mới ấy, có nhiều nông-nỗi khó-khăn, qui chính-phủ vẫn chưa giải-quyết được ổn-thỏa. Nếu dân Việt-Nam là một dân mới có, chưa có nền-nếp, chưa có lịch-sử gì, thì qui-quốc cứ việc hóa theo tây cả, dạy cho học chữ tây hết cả, đồng-hóa được đến đâu hay đến đó. Nhưng ngặt thay, dân Việt-Nam không phải là một tờ giấy trắng muốn vẽ gì vào cũng được ; tức là một tập giấy đã có chữ sẵn từ đời nào đến giờ rồi. Nếu bây giờ viết đè một thứ chữ mới nữa lên trên, thì e thành giấy lộn mất. Cho nên bây giờ dạy khắp chữ tây cho người An-Nam từ tuổi nhỏ đến tuổi lớn, như ở các trường Pháp-Việt ngày nay, kết-quả chỉ đủ làm cho người An-Nam mất tính-cách An-Nam mà chửa chắc đã hóa được theo tây hẳn, thành ra một giống lửng-lơ thật là nguy-hiểm. Muốn tránh sự nguy-hiểm ấy, chỉ có một cách : là dạy cho con trẻ An-Nam bằng tiếng An-Nam cho hết bậc tiểu-học, lấy cái phổ-thông-giáo-dục bằng quốc-văn làm gốc, như thế vừa tiện và vừa mau, vì không mất thì-giờ học một thứ tiếng ngoại-quốc dở-dang không đến nơi và không dùng được việc gì. Học-trò đã được bằng tiểu-học tốt-nghiệp bằng tiếng An-Nam rồi, bấy giờ mới kén chọn người nào có sức học được lên các bậc trên nữa, như trung-học, đại-học, thời cho vào một trường dự-bị chỉ chuyên học tiếng Pháp, nhưng học theo cách tấn-tốc, như người Pháp học tiếng Anh tiếng Đức, nghĩa là học như học tiếng ngoại quốc vậy. Học thế chỉ vài ba năm có thể thông chữ Pháp đủ theo được các lớp trung-học như bây giờ. Như thế mới khỏi được cái nguy-hiểm thành một hạng người dở-dang, tốt-nghiệp ở trường tiểu-học ra, chữ tây không đủ dùng được việc gì mà cái phổ-thông-thường-thức học bằng chữ tây cũng còn mập-mờ chưa lĩnh-hội được hết, còn tiếng của nước nhà thì hầu như quên cả, v.v... — Ấy bài diễn-thuyết định đại-cương như thế, nhưng còn phải phô-diễn thế nào cho nghe được.

Thứ năm, 20.

Chiều hôm nay lại ăn cơm ở nhà cụ ông cụ bà V. Hai cụ vẫn định một buổi

(1) Xem *N.P.* từ số 58.

mời ông nghị-viên MARCEL SEMBAT và phu-nhân để giới-thiệu cho mình nói chuyện. Nguyên bà nghị-viên là chị em thân-thích với bà cụ V., nên hai nhà thường đi lại với nhau thân lắm. Ông SEMBAT thì ai hơi thuộc lịch-sử chính-trị nước Pháp ngày nay, chắc cũng đã biết tên và biết tiếng cả. Ông là một tay lĩnh-tụ trong đảng xã-hội, trong khi chiến-tranh đã từng làm Công-chính bộ Tổng-trưởng (1914-1915). Học thức rộng rãi, có tài làm văn, tài diễn-thuyết; lại có tiếng là người dĩnh-ngộ khoái-hoạt lắm. Bà vợ cũng là người tài-tình, sở trường về nghề hội-họa. Nghe đâu hai vợ chồng tương-tri tương-đắc và cảm-phục nhau lắm, thật là kiêm được cả tình cảm-sắt lẫn nghĩa cầm-kỳ. Hai cụ mỗi khi nói chuyện đến vẫn thường khen-ngợi. Hôm nay nhân ông nghị bà nghị sắp đi nghỉ hè ở núi *Alpes*, hai cụ mời đến ăn cơm tối, để thừa dịp giới-thiệu cho mình được biết. Hai ông bà thật là người linh lợi và nói chuyện vui-vẻ lắm. Cả nhà chỉ ngồi mà nghe chuyện, không phải nói nữa. Sau bàn đến vấn-đề giáo dục ở bên ta. Đề này chính là cái đề mình định diễn ở Hội Hàn-lâm nay mai; lại là cái đề vẫn thường thảo-luận với cụ V., cụ rất đồng-ý với mình: phàm tiểu-học cần phải dạy bằng quốc-ngữ, không thể dạy bằng ngoại-ngữ được, đó là một lẽ tất-nhiên. Một đứa con trẻ tiếng nước mình không thuộc thì học tiếng nước nào rồi cũng khó; trước hết phải dùng quốc-ngữ để vỡ vạc trí-khôn của con trẻ đã, nhiên hậu học tiếng ngoại-quốc mới mau hiểu. Ông SEMBAT thời lại xét cái vấn-đề ra một phương-diện khác, ra phương-diện chính-trị. Ông là một nhà chính-trị, lại là một nhà chính-trị ý-kiến rất rộng rãi, vì thuộc về đảng xã-hội. Đối với ông thì việc khai thuộc-địa là cái sự nghiệp của bọn tư-bản, ông không ưa gì bọn tư-bản và sẵn lòng đề-huề với kẻ lao-động, tức là dân thuộc-địa. Vậy trong vấn đề này là ông vị dân thuộc-địa, — tức là vị người An-Nam mình, — mà nói. Vẫn biết rằng trân-trọng quốc-âm, bảo-tồn quốc-ngữ là một sự thiết tha cho lòng người, ai cũng nghĩ thế. Nhưng xét việc đời không thể nhất-thiết lấy tình, lấy nghĩa mà xét được; cũng có khi phải lấy lợi, nhất là khi cái lợi ấy là lợi chung cho cả đoàn-thể. Người An-Nam muốn cho có ngày được khai-phóng, tất phải vận-động với người Pháp, hoặc là vận động ở các nơi hội-nghị, nghị-viện, hoặc là vận-động ở trước chỗ công chúng dư luận, muốn vận-động tất phải dùng tiếng Pháp, vì không thể bắt người Pháp học tiếng Nam được. Như thế thời hà chẳng nên học tiếng Pháp cho nhiều, dân càng nhiều người biết tiếng Pháp thì đối với người Pháp lại càng dễ, cái vấn-đề chính-trị có ngày mong giải-quyết được như lòng dân sở-nguyện. — Lẽ đó mình cũng phải chịu là phải. Người An-Nam ở dưới quyền chính-trị nước Pháp, muốn vận-động về đường chính-trị tất phải biết tiếng Pháp, đó là một điều cố nhiên rồi. Nhưng có phải là nhất ban quốc-dân An-Nam đều có thể vận-động về chính-trị được không? Chẳng qua chỉ là một bộ phận gồm những người tai-mắt, kẻ thức-giả trong nước, mới có tư-cách vận-động mà thôi; bọn đó thời phải biết tiếng Pháp cho thật thông, dầu tốn công-phu đến đâu cũng phải học cho kỳ được. Còn phần nhiều người thì cần nhất bây giờ là học lấy cho mau biết những điều thường-thức cần cho người ta ở đời này. Những điều ấy dạy bằng cách nào mau hơn, dạy bằng tiếng Pháp hay dạy bằng tiếng Nam? Nếu dạy bằng tiếng Pháp mà dễ hiểu, mà mau biết, thì cả dân An-Nam chỉ nên học tiếng Pháp mà thôi. Nhưng ngặt thay, chữ Pháp là một thứ văn-tự rất hay mà cũng rất khó, muốn cho tiềm-tiệm thông cũng phải đến mười năm học-tập,

người An-Nam không phải ai cũng có tài có sức mà theo đuổi được như thế. Nay lại đem cái văn-tự khó ấy mà dạy những điều thường-thức cần dùng thời chẳng phải là uổng công vô-ích mà « xôi hỏng bỏng không » ư? Vì là kết-quả tất đến rằng những điều thường-thức ấy không học cho đến nơi đến chốn được, vì có học mà không có hiểu, mà tiếng Pháp tiếng Nam đều cũng dở dang không sõi cả. Người mà không biết sõi một thứ tiếng nào, kể ngay từ tiếng tổ-quốc mình, thì người ấy không bao giờ có nhân-cách hoàn-toàn được. Nay hoặc nói rằng học tiếng ngoại-quốc bao giờ cũng khó, nhưng nếu học ngay từ thủa nhỏ mà thường tập nói luôn thì cũng chóng nhập-diệu được. Vẫn biết thế, nhưng một đứa con trẻ An Nam học tiếng Tây, ngoài giờ học, khi ở gia-đình, khi ra xã-hội, giao-tiếp với người nhà người nước đều dùng tiếng Nam cả, không thể sao lấy tiếng Pháp mà thay vào tiếng nước nhà được, trừ đem sang ở biệt bên Pháp thì không kể. Muốn học một thứ tiếng ngoại quốc cho có thể thế vào tiếng mẫu-quốc mình, phải có một cái « hoàn-cảnh » riêng, mà cái « hoàn cảnh » ấy trừ-phi đi ở ngoại quốc, còn ở nước nhà không bao giờ có được. Cho nên dù thế nào mặc lòng, số người An-Nam học được tiếng Pháp vẫn là số ít, còn phần nhiều phải học bằng tiếng nước nhà mới mau biết những điều thường-thức. Số ít người trên là số thông-minh lọc-lõi, về đường chính-trị phải thay quốc-dân mà vận-động với nước cầm quyền, về đường giáo-dục phải vì quốc-dân mà truyền-bá học-thức mới. Cái quan-niệm ấy có lẽ không được bình-đẳng cho lắm, nhưng mà sự thế như thế, không thể sao được. Nếu có phép tiên gì mà dạy cho cả dân An-Nam biết tiếng Pháp cho có thể thế vào tiếng nước mình được, thì người An-Nam cũng cam-tâm tự-nguyện theo tiếng Pháp hết. Nhưng phép tiên ấy không có, thời dữ-kỳ dở-dang mập-mờ, Tây không thông, Nam không sõi, thà rằng trước hết hẳng học lấy những điều thường-thức bằng tiếng An-Nam cho mau hiểu đã, nhiên hậu có thì-giờ sẽ học đến tiếng ngoài. — Ông nghị-viên cũng cho lẽ đó là phải và nói rằng ý ông chỉ xét về cái phương-tiện chính-trị cho người An Nam cũng như người các thuộc-địa khác, còn đối với tình-thế riêng bên An-Nam có điều không tiện thì ông không biết. Ông ở Nghị-viện Pháp là một tay tai-mắt trong đảng xã-hội, mà chủ-nghĩa của đảng xã-hội là muốn mau khai-phóng cho các thuộc-địa, nên ông mới chủ-trương sự học tiếng Pháp là một cách khai-phóng cho dân An-Nam. Cái tư-tưởng ấy dẫu không thể thi-hành được, nhưng thật là một cái tư-tưởng rộng-rãi, cao-thượng, không giống với cái tư-tưởng những kẻ phản-đối tiếng An-Nam vậy.

Cơm xong, chuyện mãi đến khuya mới tan. Sáng sớm mai, ông nghị bà nghị cùng với cô con gái cụ V. sẽ đi *Chamonix* để nghỉ mát mùa hè này (1).

Thứ sáu, 21.

Hôm nay đã thảo xong bài diễn-thuyết ở Hội Hàn-lâm. Mai đã phải dùng đến rồi, không kịp mượn người đánh máy. Thôi, cứ thế này đem đọc cũng được.

---

(1) Khi ở Pháp về đến Sài-gòn, xem điện-báo mới biết tin rằng ông SEMBAT đã bị-nạn chết ở *Chamonix*, mà bà cũng tuẫn-tử theo. Các báo đều lấy làm cảm-phục cái cách vợ chồng thương yêu nhau đến cùng nhau sống chết như thế, thật là có cái khí-vị tiết-liệt như cổ-phong, đời nay ít thấy. Về đến Hà-nội, liền viết giấy chia buồn với bà cụ V. — Ông SEMBAT chết là nước Pháp thiệt mất một tay chính-trị lỗi-lạc.

Nhưng trước khi ra đọc ở Hội Hàn-lâm, phải nên diễn tập trước một lần. Không gì bằng đem đọc thử cho hai cụ nghe, được chăng thế nào hai cụ sẽ bảo. Vả cụ ông đã cho biết rằng có lẽ mai cũng không ra nghe ở Hội Hàn-lâm được, vì cụ hiện đương có giấy ứng-cử vào chân Hội, không muốn đi lại vội. Như thế thời đọc trước cho cụ nghe, tưởng cũng là một cái nhã-ý đối với cụ. Vậy ngâm-nga riêng một mình rồi, liền đem cả bản thảo lại đường *Saint-Germain*. May hai cụ đều có nhà cả. Tỏ ý đọc trước để hai cụ nghe, hoặc có chỗ nào sai-suyễn hay sơ-suất xin hai cụ chỉ-giáo cho, hai cụ lấy làm cảm-động lắm. Để đồng-hồ bên cạnh, đọc thong-thả rõ-ràng, vừa đúng hai mươi phút, thế là hợp với cái thời-hạn đã định. Còn nội-dung thế nào, lời-lẽ có nghe được không, hay là rườm tai khó hiểu? Xin cụ cứ thực-tình dạy cho. Hai cụ chỉ chữa cho vài cái « phốt » chữ tây vô-ý không biết, còn thời nhất-định quyết rằng nghe được, không những nghe được mà lại có cái giọng nhiệt-thành bạo-dạn, chắc sẽ có ảnh-hưởng, không đến nỗi là những lời không-ngôn. Hai cụ đã phán-đoán như thế, dù là bởi bụng khoan-dung muốn khuyến-lệ cho kẻ tuổi trẻ lòng thành, hay là vì cách lễ-nhượng không muốn kích-thích cái thói « tự-đắc của con nhà văn » mà chỉ-trích cho hết những chỗ khuyết-điểm, dù thế nào mặc lòng, mình cũng tạm yên-tâm, để ngày mai có thể vững-vàng mà ra đối-diện với các quan Hàn-lâm Đại-Pháp. — Hai cụ cũng mừng trước cho và nói rằng nghe bài diễn-thuyết mới biết cái vấn-đề giáo-dục ở nước Nam phiền-phức là dường nào, và lòng nguyện-vọng của người Nam cũng chánh-đáng là dường nào.

Thứ bảy, 22.

Sáng nay không đi chơi đâu, chỉ bữa ăn đi một lát, rồi về nghỉ-ngơi để sửa-soạn ra Hội Hàn lâm. Phân-vân không biết mặc tây-phục hay quốc-phục. Đã có bộ *jaquette*, nếu mặc tây thì cũng tùng-tiệm được. Nhưng nghĩ lại, gặp những cơ-hội như lúc này mà nỡ bỏ quốc-phục đeo tây-phục, thì cũng tủi cái áo cái khăn anh đồ quá; thôi thì cứ mặc An-Nam, cho dẫu đi ngoài phố thiên-hạ chỉ-trỏ nữa cũng chẳng hề gì. Trước hãy đến đón cụ V. để cụ hướng-đạo và giới-thiệu cho các ông phần việc, kẻo lạ-lùng không biết đường nào mà dò. Nhà Hội Hàn-lâm này cũng là một cái lâu-đài cổ ở thành *Paris*, mặt tiền trông ra sông *Seine*, trước có cái cầu gọi là « Cầu Văn-nghệ » (*Pont des Arts*). Phong-cảnh có vẻ cổ-thời. Ngoài đường vắng-vẻ, vào trong tịch-mịch, như có cái khí-vị lặng-lẽ nghiêm-trang. Chỗ này thật là cái « điện Tinh-thần » của nước Pháp. bước vào phía bên tả, có cái sân rộng hình bát-giác, mỗi bên có một cái cửa lớn: cửa bên hữu bước lên nhà đại-diễn-đường, trên có cái mái tròn lớn, là nơi cả năm ban bác-sĩ họp đại-hội-đồng hằng năm và ban Văn-học (*Académie française*) nghênh-tiếp các ông hàn-lâm mới ở đấy; nhà văn nước Pháp, người nào đã hơi nổi danh-giá, không ai là không mơ-mộng được vào Hàn-lâm, được diễn-thuyết ở dưới mái tròn (*parler sous la Coupole*), cho sự đó làm cái tuyệt-phẩm-vinh-hoa ở đời; những ngày thường thì nhà đại-diễn-đường này vẫn đóng cửa luôn, các ban họp hội-đồng thường đã có những phòng riêng ở bên trong; — cửa bên tả thì vào nhà Thư-viện của Hội Hàn-lâm, gọi là *Bibliothèque Mazarine* (có 25 vạn quyển sách. Lại vào một lượt sân trong rộng hơn nữa, và cũng lặng-lẽ nghiêm-trang như thế, tiếng dầy nện xuống sân đá, nghe rõ mồn-một, như vào cái chùa cổ am xưa nào. Rẽ vào cái cửa thứ nhất ở bên tả, đi qua một giải hành-lang, rồi lên từng gác, có

phòng thư-ký ở đấy. Vào hỏi ở phòng thư-ký, rồi có người đưa đến phòng hội-đồng. Ban Luân-lý Chính-trị thường họp hội-đồng cùng một phòng với ban Văn-học, duy khác ngày mà thôi : phòng này gọi là phòng Tự-điển, vì ban Văn-học thường họp để làm tự-điển ở đấy. Phòng rộng rãi, hai bên tường đều có tượng đá các danh-nhân ; ở trong cùng có tượng toàn thân của đại tư-giáo RICHELIEU là tể tướng vua LOUIS XIV đã có công sáng-lập ra hội Hàn-lâm (ban Văn-học) từ năm 1635, rồi đến tượng GUIZOT, COUSIN, DELAVIGNE, LAMARTINE, THIERS, MIGNET, v. v. — Đến nơi đã thấy vài ba nhà biên-tập báo và bốn năm cụ Hàn. Ông vĩnh-viễn-thư-ký LYON-CAEN giới-thiệu mình cho ông trưởng ban LACOUR-GAYET là một nhà sử-học có tiếng chuyên-trị về lịch-sử vua Nã-phá-luân. Mình vẫn tưởng rằng hôm nay chẳng được đông lắm, nhưng cũng được vài ba chục ngài (toàn-ban chỉ có bốn chục ngài cả hảy). Không ngờ lác-đác chỉ có vài ba cụ nữa đến, thế mà thôi, cả thảy được mươi mười hai người, kể cả các nhà báo. Lúc bấy giờ cũng hơi lấy làm thất-vọng. Cái thói con nhà văn vẫn hay tự-đắc : có lẽ nào các cụ Hàn đây được tin ông P. Q. diễn-thuyết mà lại không hăm-hở kéo nhau đến nghe cho thật đông ! Đáng lẽ cả bốn chục ngài phải có mặt ở đấy, không thiếu một ngài nào mới phải ! Sau hỏi ra mới biết rằng những khi hội-đồng thường chỉ có thế thôi, không mấy khi được đến mười lăm ngài có mặt. Vả lại nay đã đến đầu hè, phần nhiều các ngài đi ra bể lên núi nghỉ mát cả, đến được thế này đã là đông rồi đó. Khi đã ngồi đâu vào đấy, thấy một ông cụ đầu râu bạc phơ, lưng khom-khom chống cái ô đi vào ; các cụ đều đứng lên chào một cách kính-trọng lắm. Cụ mới vào đó chính là cụ ALEXANDRE RIBOT, nguyên thủ-tướng Đại-Pháp, hiện có chân ban Chính-trị và ban Văn-học Hội Hàn-lâm. Năm nay tuổi đã cao lắm, — nghe đâu ngoài 80, — thường đau yếu, ít khi đến họp hội-đồng được, hôm nay thấy đến, cử-ban đều lấy làm mừng rỡ lắm. Cụ ngồi vào ghế, rồi ngài ban-trưởng khai hội-đồng. Chương-trình kỳ hội-đồng hôm nay có hai bài « thông-cảo » (*communications*), tức là bài diễn-thuyết cho các cụ Hàn nghe, rồi xét có nên thì sẽ đăng vào sách « Biên-tạp » của Hội Hàn-lâm : một bài của một ông giáo trưởng Đại-học thành *Rennes* có chân thông-tín của Hội, một bài của mình ; rồi đến các công việc Hội, kỳ này có nhiều, vì là kỳ cuối cùng, rồi đến nghỉ hè. Ông ban-trưởng khai hội-đồng, liền mời ông giáo Đại-học diễn-thuyết trước. Ông này người đã có tuổi, nhưng đọc cũng rõ-ràng mạnh-bạo lắm. Bài « thông-cảo » của ông là nói về cái văn-hóa Pháp ở Gia-nã-đại (*Canada*), xứ này trước là đất thực-dân của Pháp, sau thành thuộc-địa của Anh, nhưng người dân vẫn còn nói tiếng Pháp, giữ phong-tục Pháp, bảo-tồn được cái văn-hóa thuần-túy của Pháp, có khi sản-xuất ra văn-chương đặc-biệt. Ông bàn về cách làm thế nào mà bồi-thực, phát-siển cho cái văn-hóa ấy ngày một thêm thịnh lên, khiến cho đất Gia-nã-đại tuy đã lìa với Pháp về đường chính-trị mà còn liền với Pháp về đường tinh-thần. Bài của ông đọc cũng chừng mười-lăm hai-mươi phút. Khi đọc xong thì ông ban-trưởng cám ơn ông giáo đã cho đồng-nhân nghe một bài diễn-thuyết có giá-trị. Đoạn rồi đến lượt mình ; ai đọc cứ ngồi chỗ nấy, không phải đứng dậy. Mình cố đọc cho to-tát dõng-dạt để các cụ nghe cho dễ ; xem dáng các cụ cũng chú-ý nghe. Đọc hết bài dừng lại thì thấy các cụ đều vỗ tay một hồi. Có ý nhận lúc ông giáo Đại-Học đọc lúc nãy thì không có vỗ tay. Sau về nhà nói chuyện với cụ V. mới biết rằng lệ thường ở Hội Hàn-lâm nghe đọc những bài « thông-cảo » không có vỗ tay bao giờ, hôm nay các cụ đặc-cách vỗ như thế

là có ý biệt-đãi vậy. Trong bài « thông-cáo » của mình có kể rõ về cái vấn-đề giáo-dục ở nước ta khó-khăn là đường nào và hỏi ý các ngài Hàn-lâm nên giải-quyết thế nào ; lại có trích - dẫn mấy câu trong một bài đăng ở tạp-chí *Revue de Paris* nói về cái phong-trào tự-do độc-lập ở các dân-tộc Đông-phương, bài không đề tên tác-giả, nhưng chính là của ông Giáo Đại-học LÉVY-BRUHL, cũng có chân ban Chính - trị Hội Hàn-lâm này, viết từ sau khi ông đi du-lịch Á-Đông về (ông có qua cả bên ta nữa). Ông ban-trưởng bèn hỏi rằng những lời dẫn đó là của ai, mình trả lời như trên, ông nói rằng ông Giáo LÉVY-BRUHL chính là người trong ban Hàn-lâm này, tiếc hôm nay mắc bận không lại dự hội-đồng để nghe diễn-thuyết đó. Ông lại nói trong bài diễn-thuyết sở-dĩ dẫn-chứng lời của một vị Hàn lâm như thế thật là đủ tỏ rằng ý-kiến của Hàn-lâm cũng không khác gì ý-kiến của diễn-giả. Diễn-giả sợ cách giáo-dục của Chính - phủ Pháp ở nước Nam không phải đường, kết-quả đến làm mất hết cái cốt-cách tinh-thần của dân-tộc An-Nam, làm « mất giống » An-Nam đi. Cái hiểm-tượng đó cũng đáng lo thật ; diễn-giả muốn hỏi tòa Hàn-lâm nên làm thế nào cho tránh khỏi. Vấn-đề phiền-phức, không thể trong một buổi thảo-luận mà giải-quyết ngay. Nhưng tòa Hàn-lâm xin chú-ý ; vấn-đề đã trình bày ra như thế, hoặc có ngài nào trong ban muốn nghiên-cứu, sẽ có thư-từ bàn-bạc với diễn-giả, và thử nghĩ xem có cách nào giải-quyết được ổn-thỏa cả mọi đường ; nếu quyết-định được một cái chương-trình thỏa-đáng, mà cả ban thuận-nhận thời lâm-thời hội Hàn-lâm sẽ sẵn lòng vận-động với Chính-phủ Đại-Pháp cho có thể thi-hành được. Hiện nay hẵng xin cám ơn diễn-giả đã có lòng tin cậy tòa Hàn-lâm mà đem một vấn-đề quan-trọng như thế trình bày cho biết một cách rõ-ràng mà thâm-thiết như vậy. — Nghe diễn-thuyết xong thì các người ngoài lùi về và hội-đồng vào họp trong buồng trong, để bàn việc kín.

Ở Hội Hàn-lâm ra, về thẳng đường *Saint-Germain* để nói chuyện cho hai cụ biết. Hai cụ lấy làm mừng lắm. Lại nghe nói khi đọc xong cử-tọa có vỗ tay, hai cụ lấy làm lạ, nói xưa nay ít khi như thế, lần này thế là các cụ Hàn có ý biệt-đãi khách phương xa lắm đó. Hai cụ lại nói rằng các ngài Hàn-lâm thường không hay đến hội đồng đông bao giờ, ngay như ở ban Văn-học phải làm Tự-điển mà mỗi lần cũng chỉ mươi lăm vị là cùng. Song các bài « thông-cáo » đều có đăng vào sách « Biên-tập », tức cũng như quyển tạp-chí của Hội, như thế thì người không đến nghe rồi cũng được đọc, tất có ảnh-hưởng to. Cụ ông hứa rằng nếu không ở *Paris* được lâu thì khi nào in bài vào sách « Biên-tập » của Hàn-lâm, cụ sẽ thương-thuyết với nhà in lấy riêng ra mấy trăm bản, rồi gửi sang An-Nam cho.

— Về trọ nghỉ một lát, thay áo ta mặc áo tây, rồi ra nhà Hội *Association Mutuelle des Indochinois* (Đông-Pháp Hỗ-trợ-Hội), ở đường *Sommerard*. Hội này là của học - sinh An-Nam ta ở bên này lập ra đã mấy năm nay, bây giờ mới thuê được nhà, làm chỗ họp-tập cho người đồng-bang, hôm nay khánh-thành Hội - sở mới, có mời Hoàng-thượng và quan Thượng-thư SARRAUT đến chủ lễ. Hội-sở còn chật-hẹp lắm, được có một phòng lớn và vài ba cái buồng nhỏ, tân-khách đứng chật cả. Chủ Hội là ông Cao Văn-Sen, người Lục-tỉnh, sang bên này đã lâu, hiện làm kỹ-sư và đã lấy vợ đầm ở đây. Khi vua quan đã đến đông đủ cả, ông Cao đọc một bài diễn-văn chúc mừng, Hoàng-thượng nói mấy câu trả lời, nhưng nhỏ quá, không nghe thấy tiếng gì cả, rồi ông Ngự-tiền-thông-sự dịch ra tiếng Pháp. Đoạn, tân - chủ chuyện-vãn ít lâu, rồi ông chủ Hội đem

quyển « Kim-thư » của Hội ra xin chữ ký Hoàng-thượng và các quan khánh. Lệ thường các ngài danh-giá ký vào sách « Kim-thư » của các Hội hay phê mấy câu, hoặc để khen-lao, hoặc để khuyến-miễn, và cũng để lưu chút tự-tích trong sách kỷ-niệm của hội. Khi đáng Hoàng-thượng ta ngự-phê thì thấy Ngài cầm quản bút ra dáng nghĩ-ngợi, các quan Tây có ý chờ đợi ngóng trông, bọn mình thì tưởng rằng chắc ngài nghĩ một bài thơ nôm hay thơ chữ, Đường-luật hay tứ-tuyệt gì, nên mới lâu như thế. Lúc bấy giờ củ-hội im phăng-phắc, ai cũng để mắt vào nhìn, có cái vẻ oai-nghiêm vô-cùng. Tưởng chừng đức Chí-tôn ta, đương khi mấy trăm con mắt ném ánh sáng vào bàn tay ngọc đó, — ngọc thật, vì Ngài thường đeo nhẫn kim-cương qui-giá lắm, — thời :

Tay tiên gió táp mưa sa,
Khoảng trên dừng bút thảo và bốn câu,

ngay tức-thì. Nhưng mà không ! Cứ thấy cái quản bút quần-quại trên tay, mà không thấy viết chữ gì. Năm phút, mười phút, mười-lăm phút, người đứng chung-quanh đã thấy thì-thào động-đậy, kẻ nói nhỏ, người đưa mắt, anh em đồng-bang mình thì vừa nóng ruột, vừa động lòng. Sau mới thấy ngòi bút chuyển-động ; ai nấy thở dài ! Hỏi ra thì không phải thơ ngũ-ngôn tứ-tuyệt gì, chỉ có một câu chữ Hán rằng : năm ấy, tháng ấy, Đức Hoàng-đế Việt-Nam đến ngự nhà Hội, thế mà thôi — Ấy đức Chí-tôn ngài viết một chữ một câu cũng thận-trọng như thế....

(Còn nữa)

P. Q.

L'éloquence est une facilité naturelle et une difficulté apprise.

Savez-vous le secret des improvisateurs ? C'est qu'ils n'improvisent pas du tout. Bien pénétrés d'une pensée, d'un sentiment longuement médité dans leur cervelle, ils se sont dit vingt fois, cent fois, la même chose et, l'occasion venue où ils l'expriment à haute et intelligible voix, ils n'ont de mérite dans la vivacité de l'expression que la maturité de la réflexion. Voilà la secret des gens qui parlent en public. Pour moi, qui suis du métier, je ne saurais jamais dire ce que je n'aurais jamais pensé.

BERRYER

Cái tài-biện-thuyết là một sự dễ-dàng tự-nhiên và một sự khó-khăn tập được.

Các ông có biết cái bí-thuật của những người ứng-khẩu biện-thuyết không ? Là họ chẳng ứng-khẩu gì cả. Họ đã hoài-bão sẵn một cái lý-tưởng, một cái cảm-tình trong tâm trong não, trầm-tư mặc-tưởng đã lâu, nghiền đi ngẫm lại nhiều lần, lâm-thời phải nói to tuyên rõ lên, cái tài họ nói được hoạt-bát chẳng qua là trong bụng họ nghĩ đã thật chín vậy. Ấy cái bí-thuật của những kẻ nói chỗ công-chúng là thế. Cái nghề tôi là nghề nói, thật cái gì tôi chửa nghĩ đến nơi thì tôi không sao nói được.

NÓI VỀ NỮ-QUYỀN Ở NƯỚC NAM (1)

Địa-vị người đàn-bà, theo phong-tục, theo luật-pháp nước ta ra thế nào?

Thưa các ngài,

Tôi xin nói chuyện về nữ-quyền ở nước Nam, hay là : địa-vị người đàn bà theo luật-pháp, theo phong-tục nước ta.

Cái thế-lực người đàn-bà lắm lúc thật là to. Ông quan trị dân có tài, mà trong gia-đình lắm khi phải thua một người đàn-bà. Ông vua cả nước ngưỡng-vọng vào, kính cho là đấng thiên-tử, mà cũng có lúc không dám trái ý một người cung-phi có sắc.

Trai thì còn ai sánh được với NAPOLÉON BONAPARTE : một viên quan võ, con nhà tầm-thường, thế mà dần dần đến xưng đế, đánh các nước lân-bang thua bại-hoại trong bao nhiêu trận, muốn sao được vậy, mà đến nỗi mê một người gái góa (tức JOSÉPHINE DE BEAUHARNAIS, sau lấy làm vợ), lắm lúc bỏ cả hàng quân để về thăm.

Ông Ôn-như-hầu, trong tập *Cung-oán-ngâm-khúc*, có nói về cái thế-lực vô-hạn của một người đàn-bà có sắc :

Má hồng không thuốc mà say,
Nước kia muốn đổ thành này muốn long.

Tuy vậy tôi không nói chi đến cái quyền oái-oăm ấy của các bà, vì rằng quyền ấy là do chữ sắc, chữ tình. Tình thì khi nhạt khi nồng ; mà sắc thì khi thắm khi phai. Vả lại chủ-ý tôi hôm nay là nói chuyện về quyền bạn quần-thoa nước nhà trong gia-đình, trong xã-hội.

Nhiều người nói rằng : tự thượng-cổ đến nay ta vẫn quen khinh-bỉ đàn-bà, có khi coi như kẻ ăn người ở, chỉ có việc sinh năm đẻ bảy, có việc buôn-bán ở đầu sông ngọn nguồn, cày sâu cuốc bẫm, để cho cái đức ông chồng được chơi-bời phỉ-chí.

Lời nói đó có lẽ quá-đáng. Vậy bà con ta cố xét xem, trải mấy trăm năm nay theo phong-tục, theo luật-pháp nước ta, thì phận người đàn-bà, quyền người đàn-bà trong gia-đình, trong xã-hội những làm sao.

Trước là các bà khỏi oán-hận vì sinh-trưởng ở một xã-hội ngu hèn nên cái giá mình hạ quá, không bằng chị em bên Âu Mĩ ; sau là chúng ta cũng được hả lòng, khỏi đeo bầu mang tiếng thị-phi.

Ta hãy nói về con gái khi ở nhà, rồi đến khi đi lấy chồng, khi ngược cảnh chồng mất trước, sau nữa đến khi vợ chồng không ăn ở với nhau được trọn đời phải li-dị.

I. — Con gái khi ở nhà. — Người ngoại-quốc thì ai cũng nhất-định là ta rẻ con gái ; con trai mới thật là quí, là có thể bảo-tồn được tông-giống, thờ-phụng tổ-tiên ; người nước ta phần nhiều cũng nghĩ như vậy, vào chơi nhà ai, đàn-bà ta hay có câu hỏi : « Thưa bà được mấy cháu ? ». — Giả chủ đáp lại rằng : « Thưa bà, nhờ trời tôi được tám cháu trai », thì khách tự-nhiên mà khen rằng : « Ồ, phúc-đức ! ». — Giả phải rặt con gái, mà khách vô-tình lại hỏi thì chủ trả lời cũng bẽn-lẽn, và khách cũng sượng-sùng, vì vô-ý lại hỏi móc hay sao.

(1) Diễn-thuyết ở hội Tri-tri Hà-nội ngày 9 tháng 4 năm 1925.

Ta hãy xét qua cái câu chuyện đàn-bà ấy một chút. Con trai, con gái, cửa nhà, đất cát, vật tiện hay vật trọng, chẳng qua là theo lẽ tạo-hóa : ít thì quí, mà nhiều thì mất giá, khó thì tăng-bốc vô-cùng, mà dễ thì gìm xuống vô-hạn (tức chữ tây gọi là : *la théorie de la valeur*). Một nhà giá-dụ được năm con trai rồi mà thêm một cô con gái, ai dám bảo rằng cô con út là con ghét trong nhà ? Có nhà dễ lắm con trai rồi chỉ mong được một vài người con gái, để về sau mẹ con trò-chuyện lúc sớm khuya, để khi trái nắng dỡ trời có người nâng-đấc. Tôi thiết-tưởng phần nhiều con gái lại được bố mẹ thương hơn là anh em trai. Thậm-chí đến có câu : « *Rõ thật con bà cả !* », để chỉ một người con gái quyền-hành trong nhà, đối-đãi với anh em, với kẻ ăn người ở, có ý ngang-tàng ác-nghiệp.

Một nhà trai có, gái có đề-huề, thì cái thú trong gia-đình có lẽ vui hơn là có rặt con trai. Cái tiếng người con gái êm-đềm biết là dường nào ; cái cách cử-chỉ của một người con gái trông ung-dung biết là bao ! Một người con gái dậy-thì hơi có sắc, khác nào như một cái hoa mới nở ở vườn xuân. Vậy tôi cho cái lời khen lắm con trai của bà khách lúc nãy : « Ồ, phúc-đức ! », là không được suy-xét cho kỹ. Dù về việc gì cũng vậy, đạo trung-dung tất là hơn.

Ở nước ta, vì trọng cúng-giỗ về sau, nếu không có con trai thì đành chịu đói mà mua hậu, nên con gái có khi không được quí bằng con trai. Song cũng là những cảnh-ngộ ít có mà thôi.

Tôi có xem một truyện đích-thực của một ông văn-sĩ nào tôi không được nhớ lắm, thuật lại trên báo-trương về chất kim-cương, tức là một chất hiếm có : Một công-ti lớn chuyên đào mỏ kim-cương ở Phi-châu, thuê cả hàng mấy vạn thợ, xuất vốn cả hàng mấy trăm, mấy nghìn triệu quan tiền tây. Công-ti thấy một ông bác-sĩ có tiếng nói rằng : « Tôi tìm được cách tối-tân làm kim-cương không khác một chút nào kim-cương tự-nhiên. » Ông nói khéo lắm, đến nỗi công-ti sợ : nếu hắn như thế thì bao nhiêu kim-cương đã tìm được tất rẻ bằng đá sỏi, bèn yêu-cầu ông bác-sĩ đừng thi-hành cái cách chế-tạo bí-mật của ông và lễ ông đâu ngót một triệu bạc.

Đàn-bà ta hay vi-von, nhân tiện câu chuyện kim-cương ấy, bà con ta lại nói láy lại rằng : ta không rẻ con gái ; con trai khi hiếm, có thể quí bằng mấy kim-cương, mà đến khi con đàn có lúc chẳng hơn gì đá sỏi.

Người ngoại-quốc chê ta rằng : con trai con gái không cho quyền đều nhau. Xét kỹ ra thời lời chê đó chỉ riêng cho ta, có lẽ khí quá.

Người Mĩ, người Anh, người Đức, người Nga, cho đàn-ông đàn-bà, con trai con gái cũng bình-quyền ; nhưng ở Pháp, ở Ý, vân-vân, thì thật con gái kém con trai, đàn-bà kém đàn-ông. Trong bài « Nói chuyện về chính-thể nước Pháp » (1) tôi có nói : đàn-bà Pháp không có quyền đi bầu.

Xét trong gia-đình bên Pháp thì chưa chắc con gái đã nhất-định hơn, hay bằng con trai. Xem qua sách Tây thì thật nuôi một người con gái tốn kém gấp rưỡi, gấp đôi một người con trai ; dựng vợ cho con trai thì không tốn, mà gả chồng cho con gái thì phải cấp tiền nong, nhà-cửa, ruộng-nương ; nhà có con gái thì phải nay tiệc mai trà, cách ăn-mặc phải cho hợp-thời, tiêu-pha phải rộng-rãi. Tôi thiết-tưởng người Pháp sợ đẻ lắm con gái là phải. Vả lại ta đọc sách Tây chỉ thường nghe thấy bố mẹ vợ vội cho con gái với chàng rể gia-tài của mình, rồi đến khổ vì rể, ăn đói ngủ kém vì rể, hao-mòn uất-ức vì rể. Ở nước nào cũng vậy, con

(1) Diễn-thuyết ở Hội Tri-tri năm ngoái.

trai giỏi-giang thì làm vẻ-vang cả nhà, cả họ; con gái xuất-giá, chẳng qua là theo phận chữ tòng, đến cái tên mình cũng bỏ mà mang tên chồng, thì tất có hay tám vạn nghìn tư cũng là đẹp mặt nhà chồng rồi mới thơm lây đến nhà mình.

Vậy thì ngay ở bên Pháp con trai hơn hay là con gái hơn ?

Ở nước ta con trai con gái đều thuộc quyền người gia-trưởng.

Con gái đến thì cập-kê phải có ông bà hay cha mẹ, chú bác, anh, thím, chị dâu đứng làm chủ-hôn cho mới được; con gái xuân-xanh đến 50 tuổi đầu mới xuất-giá cũng vậy; không có phép như đàn-bà Tây, dưới 21 tuổi mà lấy chồng phải cần cha mẹ ưng, trên 21 tuổi cho đến 30 cha mẹ không ưng cũng được, mà ngoài 30 thương yêu ai thì cứ việc sống gửi thịt chết gửi xương với người ấy.

Bên ta, cưới xin thì có cần phải hai bên nam nữ thuận không, hay cứ cốt người chủ-hôn là đủ ? Về cách gả con gái, ta thường nghe thấy câu : « Cha mẹ đặt con đâu thời ngồi đấy, » nghĩa là cưới xin là do người chủ-hôn, kẻ đệ-tử không được trái ý người gia-trưởng.

Ông Camille Briffaut, trước làm quan cố-vấn tòa Thượng-thẩm Hà-nội, có khảo-cứu nhiều lắm về luật-pháp Nam-triều; ông có nói : Cưới xin ở bên Âu-châu thì là hai người ký kết theo phép-luật, giao ước với nhau ăn chung ở lẫn và cho nhau nương-tựa (*contrat entre les deux époux*); ở bên nước Nam là hai họ, hai nhà giao-hiếu với nhau, vì thế phải có người tộc-trưởng, gia-trưởng đứng làm chủ-hôn (*contrat d'alliance entre deux familles*) Ta thường xem thấy ngày xưa vua nước nọ gả con cho vua nước kia để giữ tình lân-bang; mà đến ngay bây giờ, có khi trong một làng hai họ kình-địch gả con cho nhau để gây lấy một cuộc hòa-bình.

Vậy thì ở bên Pháp cha mẹ gả chồng cho con gái thì phải cốt nhất có dâu; mà ở bên ta thì tùy-ý người chủ-hôn. Giả-dụ cô nào muốn cắm sào đợi nước mà phải bố mẹ ép-uổng, thì cũng khó cưỡng được. Người gia-trưởng đối với con cháu không phục ý mình, lúc nào cũng đã có sẵn trong tay điều 307 luật Gia-long để trừng-trị.

Bởi vậy mà ta đã được nghe lắm câu than-thở thiết-tha của cô con gái có sắc, « làng trên chạ dưới thiếu gì trai tơ », mà cha mẹ tham giàu nhất-định gả bán cho một thằng bé tỉ ti ti !

Song ta cũng không nên cho nhất-định là dựng vợ gả chồng tùy cha mẹ cả : vì rằng chính luật cấm không được cưới xin sớm quá. Luật bản-triều, điều 94 có nói : « *Nam-nữ hôn-nhân các hữu kỳ thời* » (男女婚姻各有其辰), nghĩa là lấy vợ lấy chồng phải đến tuổi mới được.

Triều nhà Lê thì định rõ rằng : con trai thì ít ra là 18, con gái ít ra cũng 16 tuổi, cha mẹ mới có phép lập gia-thất cho được ; nếu phải người con gái cha mẹ bất-hạnh mất sớm thì còn ít tuổi cũng được phép lấy chồng, song phải có mối-lái ; bằng không thì ít ra cũng đã lớn 15 tuổi.

Xem như thế thì con trai, con gái khôn lớn, mới được thành-hôn : vậy thì đã biết suy-nghĩ, kén chọn, mà đã biết kén chọn thì tất cha mẹ cũng ít khi lạm-dụng luật-pháp nghiêm-khắc mà ép-uổng con-cái. Nói tóm lại là việc hôn-nhân bên ta cũng phần nhiều tùy hai bên con trai con gái. Hiện bây giờ ở Trung-kỳ vẫn theo luật bản-triều ; ở Bắc-kỳ, từ khi tuyên-bố tập đệ-nhất bộ dân-luật, quan Thống-sứ có cho thi-hành từ mồng một tháng giêng năm 1924 những điều ở tập luật đó nói về sổ sinh-tử-giá-thú, và định rằng cưới xin thì cô dâu, chú rể cũng phải ký vào sổ giá-thú.

Còn như người trong Nam-kỳ hay là người Trung Bắc-kỳ mà đẻ ở chốn nhượng-địa (tức là Hà-nội, Hải-phòng, Đà-nẵng), thì cưới xin hai bên nam-nữ phải thuận nhau, ký-kết vào sổ giá-thú mà trai ít ra cũng phải 16 tuổi, gái cũng phải 14 tuổi. Cha mẹ không được ép duyên (*Précis de législation civile annamite*, nghị-định ngày 3 tháng 10 năm 1883).

Luật-pháp thì thế, còn phong-tục một ngày lại một biến-cải hơn; người đàn-bà con gái nước ta thật không nhất-định như một khối vô-tình trong tay người gia-trưởng đời Hồng-bàng.

Bên ta trai đến tuổi tất-nhiên phải lấy vợ, gái đến thì phải gả chồng. Sách *Lễ-ký* dạy rằng: « Trai không được quá 30 tuổi mới lập gia-thất ».

Còn đàn-bà, con gái, thì cái thân bồ-liễu tất phải cần người đề nương tựa cho theo trọn chữ tòng:

Dẫu rằng cửa sổ chạm rồng,
Chăn loan đệm quế không chồng cũng hư.

Ngay đến những câu ca-dao của bọn làm ăn vất-vả trong nước cũng nói về cái lẽ giá-thú ở bên ta:

Cây nghề có hoa,
Cây cà có trái.
Con gái có chồng,
Đàn-ông có vợ...

Nghĩa là điều tự-nhiên lắm.

Song người con gái cũng phải tùy đàn-ông mới làm bạn được. Luật bản-triều (điều 106) cấm không được lấy sư. Điều 109 lại cấm cả không được lấy người Nùng người Mán. Mà theo điều 107 thì hai bên nam-nữ phải xứng với nhau; giả-dụ con chủ nhà không được lấy đứa ở, và quan viên, con cha cháu ông hay là quan-tư không được lấy ả-đào (điều 107 và 340 luật Gia-long, điều 322 luật nhà Lê).

Nói câu đó thì chắc các bà bằng lòng lắm, song tôi e rằng mất lòng ngài nào ở đây chăng, hay sợ các cô ở xóm Bình-khang quá giận. Tôi xin thêm vài lời để rõ cái quyền người con gái chính nghĩa đi hát ra làm sao.

Người ả-đào trong luật bản-triều vừa nói là con nhà phường hát, giữ lề buôn phấn bán son, hay là các cô tuy dòng-dõi khá mà cũng nhập-tịch vào chốn hồng-lâu, thanh-lâu, học cho thấu « vành ngoài bảy chữ, vành trong tám nghề ».

Còn như những cô chỉ chuyên-trị về việc hát, như xong vụ cấy-cấy lại đi hát cửa đình, hát chúc thọ, hay là hát mừng quan-viên, thì luật cũng đã nghĩ đến mà cho cũng như người làm ăn tử-tế.

Đối với các ngài có bạn tri-kỷ trong xóm Bình-khang, thì tôi lại xin thưa rằng: luật-pháp của vua ta nghiêm-khắc quá. Người đàn-bà «trong giá trắng ngần», có tài, có hạnh, có chân-tình, mà trời « bắt phong-trần, cũng phong-trần như ai ».

Ngài nào đã từng đọc truyện *La Dame aux Camélias* của ông ALEXANDRE DUMAS FILS thì chắc cũng tin được rằng có khi một người đàn bà ba chìm bảy nổi, giả-dối vì không gặp được người thủy-chung, mà đến khi được bạn tri-âm có thể lại « sống thác với tình » cũng cam. Chắc ngài nào có vào cái cảnh đó mà tôi vô-tình lại nói đến chăng, cũng sẵn lòng mà thứ cho.

Bây giờ ở đường trong, quan ta thấy những việc hôn-nhân trái phép như vừa nói ở trên vẫn còn có quyền đem đến công-môn xử-đoán.

Ở Nam Bắc-kỳ, thì lấy vợ lấy chồng lắm khi dễ quá, các ngài cũng đã rõ lắm. Có cô đường-hoàng làm bạn với người đã xuất-gia; và sư tăng tuy nương nhờ cảnh Phật, vẫn công-nhiên nhận người nội-trợ. Ta lại từng thấy có cô, cây cao bóng cả không vừa ý, rồi đến khi lỡ thì

quá lứa, đến sửa túi nâng khăn cho một anh nô-bộc có tình.

Còn những cô ở xóm Bình-khang ngoài Bắc ta cũng không quan-ngại gì, vì luật bản-triều mà không nối được tình cầm-sắt với một « gã kia dại nết chơi bời ». Vì rằng những luật hình trong bộ luật Gia-long thì không thi-hành ở Nam-kỳ từ năm 1883, và ở Bắc-kỳ từ năm có Hoàng-triều-tân-luật (1917), — Vả lại phần nhiều những việc hôn-nhân khác thường như thế không mấy khi dám khai-báo tử-tế vào sổ giá-thú.

Đến đây là tôi đã nói qua về địa-vị người con gái nước ta, về đường ái-tình trong nhà, về đường giá-thú, và riêng về đường sinh-nghiệp của hạng ca-nhi. Giờ chúng ta xét xem về đường tài-sản thì quyền người con gái những làm sao.

Sách *Lễ-ký* có dạy rằng : « *Phụ mẫu tại, bất cảm hữu kỷ thân, bất cảm tư kỷ tài* » (父母在不敢其有身不敢私其財), nghĩa là cha mẹ còn thì không ai được có gì cả, đến cái thân của mình cũng phải coi như là của cha mẹ.

Khi cha mẹ tại-đường, theo điều 377 luật nhà Lê thì con-cái không được bán gia-sản ; theo luật bản-triều điều 82 thì không được « *biệt-lập hộ-tịch, phân-dị tài-sản* ».

Vậy thời con trai con gái còn cha mẹ là không có gì cả : làm ruộng, làm thợ, đi buôn, chẳng qua là làm cho cha mẹ : cha mẹ còn sống là còn chủ-trương trong nhà. Ngay bây giờ cũng lắm nhà, anh em làm ăn xa gần, được bao nhiêu là giao tay cha mẹ cả.

Tuy vậy nhưng cũng có nhà, cha mẹ già yếu, hay đông con, hoặc muốn gây dựng dần cho, hoặc muốn giao gia-sản cho con-cái sinh-cơ lập-nghiệp lấy, để mình được hưởng cái nhàn-hạ cảnh già.

Luật nhà Lê điều 389 có nói : « *Vi phụ mẫu giả lượng kỳ niên lão, tạo lập chúc-thư, vi tộc-trưởng giả quản kỳ đa quả* ». 爲父母者量其年老。造立遺書。爲族長者均其多寡。

Nghĩa là khi cha mẹ biết mình già tuổi yếu muốn chia của cho con, thì phải có người tộc-trưởng đứng chia, nhiều ít phải đều nhau.

Lại điều 82 luật Gia-long cũng định rằng : « *Phụ mẫu tại giả, hứa linh phân tích giả, thính* » (父母在者許令分析者聽) ; nghĩa là cha mẹ còn mà muốn cho chia gia-tài cũng được.

Trong cái gia-tài chia đó thì người con gái có được phần nào không ? Tôi xin thưa rằng : Có, và xin nói rằng theo luật-pháp, theo phong-tục nước ta thì thật đàn-bà con gái không đến nỗi rẻ-rúng.

Luật nhà Lê — tức là một bộ luật của ông cha ta làm ra, có giá-trị và có nhiều chỗ suy-xét không kém gì luật Thái-Tây — có cho con trai, con gái cũng được hưởng gia-tài đều nhau (điều 377 luật nhà Lê). Phong-tục ta — tức là do luật Lê-triều để lại — cũng cho nam-nữ bình-quyền về điều đó.

Xem luật Gia-long thì không thấy nói rõ rằng con gái cũng được cha mẹ chia của cho như con trai. Vì rằng luật Bản-triều chẳng qua là một bản sao của luật nhà Thanh mà thôi, đem tính-tình phong-tục của người Mãn mà làm cương-kỷ cho người mình.

Song có một điều nhất-định là : các nhà-môn tư-pháp bao giờ cũng theo phong-tục và luật nhà Lê mà cho con trai con gái được quyền như nhau trong gia-sản của ông bà, cha mẹ.

II. — Đàn-bà có chồng — Ở nước ta đàn-bà có chồng, cũng năm bảy hạng:

1o) người vợ *cả*, chữ gọi là *thê* ;

2o) vợ *kế*, lấy thay vào người vợ cả bất-hạnh mất trước chồng ;

3o) *vợ lẽ*, tức là *thiếp* ;

4o) *nàng hầu*, tức là *tì*.

Luật-pháp cho bọn đàn-ông ta lấy lắm vợ vì sự thờ-phụng tổ-tiên ; ta cho là ông bà ông vải đến ngày không có

con cháu cũng giỏ là cái cực nhất không còn gì hơn.

Tự thượng-cổ ta theo văn-minh Tàu thì chắc cũng chồng một vợ một, không khác gì các gia-tộc Âu Mĩ bây giờ. Thầy Trang-tử có nói : « *Phu tử bất đương tái-giá* » (夫死不當再嫁). Nghĩa là chồng mất không nên bước đi bước nữa. Trung-hoa ngày xưa lại thưởng cả người đàn-ông góa vợ từ khi chưa đến 30 tuổi mà vẫn thủ-nghĩa, không chịu lấy vợ kế, nàng hầu.

Cũng bởi hai điều cốt-yếu, một là phải có con trai, hai là đàn-ông đàn bà phải một vợ một chồng, mà ta đã thấy có luật nói rằng đàn-bà không sinh nở thì chồng được phép phú về. — Song cứ như thế thì không được hợp với tình bác-ái, nên sinh ra cách lấy vợ lẽ để giữ lấy nòi giống, thờ-phụng tổ tiên. Luật-pháp ngày xưa lại định cả rằng vì vợ cả hiếm-hoi mà muốn lấy hầu non chăng nữa, cũng phải đợi cho người chính-thất đến 50 tuổi mà không con-cái gì.

Về sau này thì ra ông nào phong-phú, nhà quê kẻ chợ, chỗ nào cũng là có vợ lẽ, nàng hầu : « sinh hòe nẩy quế, có là con ai » ?

Mấy hạng đàn-bà có chồng vừa nói ở trên kia, thì quyền trong gia-đình, trong xã-hội khác nhau lắm.

Thê. — Người vợ cả (*thê*) tức là tương-đương với chồng. Luật Gia-long (điều 96) có nói : « *Thê giả tề dã, dữ phu tề thể chi nhân dã.* 妻者齊也。與夫齊體之人也。». Nghĩa là người vợ cả ngang hàng với chồng.— Sách *Lễ-ký* cũng dạy rằng : « *Thê giả gia-thần chi chủ, cảm bất kính dư ?* 妻者家臣之主。敢不敬與». Nghĩa là vợ cả là chủ-trương trong nhà, há lại không đáng kính nể hay sao ?

Chồng làm quan thì vợ cả được phẩm-tước : phu - nhân, cung - nhân, nghi-nhân, thục-nhân, an-nhân, nhụ-nhân ; mà chồng có lắm vợ thì mình là đích-mẫu cả những con vợ bé.

Con trai lớn người vợ cả thì được quyền tập-ấm hơn các em. Theo luật bản-triều thì con vợ cả vợ lẽ « *bất vấn thê, thiếp, tì sinh,* » cũng được hưởng gia-tài của cha đều nhau. Theo luật nhà Lê thì con vợ cả được lợi hơn khi phân-tích gia-sản.

Người vợ cả bao giờ cũng được trọng lắm, và đàn-ông chỉ được lấy một vợ cả (*thê*) mà thôi. Có vợ cả rồi, mà lại lấy người nữa cho làm *cả* (*nhược hữu thê cánh thú thê giả* 若有妻更娶妻者) thì phải tội (điều 96 luật Gia-long).

Theo luật Lê - triều thì say dâm nguyệt-hoa, không nhìn đến vợ cả cũng phải phạt (điều 308)

Lấy vợ lẽ cho làm cả, hạ vợ cả xuống làm lẽ cũng tội (điều 96 luật Gia-long và 308 luật nhà Lê).

Bây giờ cưới xin phải khai vào sổ giá-thú rằng cô dâu là vợ cả hay vợ lẽ ; nếu giả-trá thì người đứng khai, người chủ-hôn, người làm mối và người làm chứng có cữu.

Kế. — Người vợ kế cũng được như người chính-thất, vì kế vào người ấy.

Thiếp. — Thiếp là vợ lẽ Cái tình-cảnh bà vợ lẽ thì ta đã thường nghe thấy, không lấy gì làm vui-vẻ cho lắm:

Kẻ đắp chăn bông, kẻ lạnh-lùng,
Chém cha cái số lấy chồng chung !

Người vợ lẽ thì phải thuộc quyền vợ cả, mà phần nhiều là người chính-thất lấy cho chồng. Lấy vợ lẽ thì không biết có cưới xin tử-tế không ? Luật bản-triều không rõ. Điều 96 luật Gia - long có nói : « *mãi vi thiếp* » (買爲妾). thì có lẽ bỏ tiền ra mua là đủ ; nhưng điều 98 lại nói rằng : « *nữ cư phụ mẫu tang, giá nhân vi thiếp* », (女居父母喪。嫁人爲妾). thì hình như lấy vợ lẽ, tuy không được trọng-thể như cưới người chính-thất, song cũng có lễ-nghi ít nhiều.

Bây giờ bà con ta đây có ông nào muốn lấy một vài bà thiếp, mà muốn về sau con-cái không phải rầy-rà đến

công-môn, xin nhận cho là chính con đẻ của mình, thì đành phải khai-báo tử-tế như là lấy người chính-thất.

Nếu chồng có quan-tước thì người vợ lẽ không được dự gì cả; song nếu chính con mình đẻ mà làm nên thì cũng được phong-tặng. Vợ lẽ không được ngang hàng với chồng: người vợ cả *(thê)* gọi chồng là *phu* (tức là anh, cậu, thầy, ông nó); người vợ lẽ phải gọi chồng là *gia-trưởng*, như kẻ đệ-tử gọi ông chủ nhà.

Cái phận-sự người vợ lẽ kém quá, đến nỗi lắm khi hình như người ăn gửi nằm nhờ. Gần đây, tình-cờ tôi có xem thấy trong tập kỷ-yếu của các phòng thương-mại Viễn-Đông, in ở Thượng-hải (*Bulletin commercial d' Extrême-Orient, Février* 1925) một bài nói về «Địa-vị người vợ lẽ, theo luật-pháp Trung-hoa hiện-thời» (*Statut de la concubine en droit chinois contemporain*). Bài đó có ghi rằng: năm 1918 tòa Thượng-thẩm Trung-hoa có xử một việc cho người vợ lẽ mà thất-tiết với chồng thì không phải tội theo hình-luật, như người gian-phụ, vì rằng vợ lẽ không hẳn là vợ.

Nếu các nha-môn tư-pháp cứ rặt theo một ý-kiến ấy thì tất phong-hóa không còn gì nữa; bởi vậy mà từ năm ấy Trung-hoa đã có luật-pháp định rằng: vợ cả vợ lẽ mà không giữ trọn chữ trinh với chồng thì cũng phải tội như nhau.

Vậy thì phận người vợ lẽ, ở ta hay ở Tàu cũng là kém địa-vị người vợ cả lắm; song lại có điều kéo lại, là:

Thuế vua không phải đóng,
Áo chồng không phải may.

Mà xét kỹ ra, thì lắm bà lấy lẽ cũng sung-sướng lắm: phần thì mình ít tuổi hơn người vợ cả, mà nếu «càng nhìn càng đắm, càng ngắm càng say», thì trong gia-đình có khó-khăn chăng nữa, người chồng cũng cố đắp-điếm cho xuôi; phần thì có khi mình sinh con đẻ cái được đề-huề, người vợ cả hiếm-hoi cũng có ý chiều-chuộng; sau nữa là vợ cả vợ lẽ thường ở riêng nhà, chắc ít khi xung-đột, mà lấy lẽ thì thường lấy người hoặc giàu-có, hoặc quyền-quí. Vậy thì bà con ta đây, kiếp sau có làm đàn-bà An-Nam, ông Tơ bà Nguyệt se cho lấy lẽ cũng không ngại gì.

Tì. — Ngày xưa *tì* là những người đàn-bà con gái phải tội đem cho các quan làm con hầu. Cũng lắm người con nhà tử-tế, phải cha mẹ hay chồng làm điều gì phi-pháp nên mới phải tội như thế.

Bây giờ thì ta chỉ biết *vợ cả, vợ lẽ* mà thôi: cưới xin phải khai vào sổ giá-thú.

Ta vừa coi qua địa-vị người đàn-bà có chồng ra làm sao; giờ ta xét xem về đường tài-sản thì gái có chồng được quyền những thế nào.

Ở Pháp (các nước Âu Mĩ chắc cũng vậy) thì trước khi cưới xin, hai bên cô dâu chú rể có phép định trước rằng: của chìm của nổi, của hiện-thời có hay về sau hoặc kiếm được, hoặc được kế-thừa thì để làm vốn chung hay vốn riêng.

Đại-khái ở Pháp có bốn cách vợ chồng định của-cải về sau ra làm sao.

1º Một là lối: của-cải của hai vợ chồng hiện có và về sau có làm một vốn chung, sinh-sôi nảy-nở để lập gia-thất, gây dựng cho con cái (*régime de communauté*). Nếu hai vợ chồng li-dị nhau, hay một người bất-hạnh mất trước thì của đó chia làm đôi, mỗi người một nửa. Khi một người thác trước thì nửa của người chết về con đẻ, hay bố mẹ anh em người ấy.

2º Hai là lối: của-cải của hai vợ chồng có sau khi lấy nhau là vốn

chung, còn thì riêng cả ; giá-dụ như cửa-nhà đất-cát cha mẹ cho khi cưới và đồ hồi-môn (*régime de communauté réduite aux acquêts*).

3º Ba là lối : vợ để riêng mấy cái nhà-cửa hay đất-cát cho chồng được hưởng hoa-lợi mà thôi, còn thì của người nào riêng người ấy (*régime dotal*).

4º Bốn là lối : của-cải hai vợ chồng riêng cả, vợ giúp cho chồng một phần chia ba (1/3) số hoa-lợi của mình để chi-tiêu trong nhà (*régime de séparation des biens*).

Xem đó thì ra người đàn-bà Pháp được có của riêng, trừ khi để của làm vốn chung với chồng thì mỗi người cũng có một nửa vốn ấy.

Theo luật Gia-long ta thì đàn-bà mang bao nhiêu về hồi-môn, kiếm riêng được bao nhiêu, hay được hương-hỏa bao nhiêu, cũng là của chồng cả. Ở Nam-kỳ các nha-môn tư-pháp đã xử lắm cái án như thế. Thành ra lúc lấy nhau thì người đàn-bà có khi mang nhiều của về, mà đến lúc bất-hạnh mất sớm không có con-cái gì, con chồng, họ-hàng nhà chồng được hưởng.

Con vợ kế hay vợ lẽ được gia-tài của mẹ già, cháu được của bác dâu hay thím dâu, người ngoại-quốc cho là kỳ rồi, nhưng ta cũng không lấy làm khó hiểu lắm.

Còn như lấy vợ giàu rồi đến lúc phú về (thuộc lệ *thất-xuất*) mà nhận cả ruộng vườn, đất cát của người vợ, thì thật như ý-tưởng bà con ta bây giờ cũng khó giải quá.

Ấy đấy, chính luật bản-triều cho là người vợ không bao giờ có của riêng.

Luật nhà Lê thì cho đàn-bà vẫn được giữ của riêng : nhà-cửa, đất-cát cha mẹ cho khi đi lấy chồng, đến lúc bất-hạnh mất sớm hay vợ chồng li-dị nhau, thì của người nào về người ấy, nội ngoại bên nào lại được phép thu lấy của bên ấy (điều 373, 374, 375 luật nhà Lê).

Năm 1910 tòa Thượng-thẩm Hà-nội có xử một việc cho là của của hai vợ chồng là của chung, chứ không là riêng của người chồng. Đến năm 1920 thì toà Thượng - thẩm Hà - nội lại đổi hẳn ý-kiến, cho là đàn-bà ta không có gì cả.

Song năm 1921 thì Tòa Thượng-thẩm Sài-gòn xử một việc lại định rằng : phải theo phong-tục An-Nam và luật-pháp Lê-triều mà cho đàn-bà có của-cải, ruộng-vườn, đất-cát riêng.

Đến năm 1922, tòa Thượng - thẩm Hà-nội xét hai việc hộ có cho tra xét xem ở Hà-đông và Nam - định tục - lệ ta về điều đó ra làm sao.

Nói tóm lại thì các nha-môn tư-pháp ở ba kỳ chưa được nhất-định hẳn về quyền người đàn-bà có chồng có của riêng hay không. Nhưng bà con ta xem qua mấy cái án vừa kể thì hình như là luật Lê-triều lại sắp được đắc-dụng, vì hợp với công-lý, với tính-tình người nước ta.

III. — **Đàn bà góa.** — Xét kỹ ra thì theo luật bản-triều hay luật nhà Lê, người đàn-bà góa thật không đến nỗi khổ-sở.

Nếu chồng là tộc-trưởng hay gia-trưởng thì vợ lại giữ quyền, trông nom con cháu ; và đến lúc già có thể đứng cho chia của được. Ta thường nói : *phụ-nhân tam tòng*, chồng chết phải theo con, đấy là theo về đường cúng-giỗ gia-tiên mà thôi (điều 286 Gia-long).

Nếu bất-hạnh người đàn-bà góa không có con trai thì đã có con vợ lẽ, mà vợ cả vợ lẽ cũng không có con thì phải đặt người kế-tự (điều 76 luật Gia-long và 388 luật Lê).

Theo luật Lê-triều thì khi chồng mất, người đàn-bà góa được lấy lại của riêng của mình ; còn của chung chia làm đôi, mỗi người một nửa ; của của

người chồng thì để cho con chồng, hay họ-hàng nhà chồng, song người vợ cũng được hoa-lợi ít nhiều (điều 374, 376 luật Lê).

Của-cải của con-cái thì người đàn bà góa được trông-nom mà thôi ; nếu cần bán phải có chữ trưởng-tộc.

Người đà -bà góa có phép đi tái-giá không ? Người đã được sắc của nhà vua thì không được cải-giá (Luật Gia-long) ; còn những người thường bất-hạnh chồng mất trước thì được bước đi bước nữa. Song tục-lệ vẫn qui người đàn-bà góa đứng vậy suốt đời. Nhà vua có lệ thưởng chữ vàng cho những người góa chồng sớm mà vẫn thủ-tiết. Sách *Lễ-ký*, sách *Kinh Thi* đều dạy rằng đàn-bà chung-thân chỉ được lấy một đời chồng. Ở bên ta hay bên Tàu, có khi mới làm lễ vấn-danh, chưa cưới xin gì, mà chẳng may người con trai khuất núi đi, người con gái cũng coi như là góa chồng, có người không chịu lấy ai nữa.

Xem đó thì ra luật-pháp, phong-tục bên Viễn-Đông ta lắm khi trái hẳn bên Âu-châu. Ở Pháp thì người ta mong cho đàn-bà góa lại cải-giá để được yên cái thân bồ-liễu, để đến lúc già yếu có người thân-thiết trông nom, để quốc-gia cũng được tăng số đinh bảo-tồn lấy nòi giống. Xét ra đàn-bà góa bên Pháp rất đắt chồng mà con gái lắm khi lại ế. Trước kia ở Pháp, người vợ góa được hưởng ít nhiều lợi-tức về của riêng người chồng. Khi tái-giá thì không được gì nữa ; vì rằng của-cải đáng về tay con cháu, cha mẹ, anh em, họ-hàng người chồng trước mà đến người chồng sau được hưởng thì trái lý quá.

Tuy vậy, từ năm 1917, có luật (ngày 3 tháng 4 năm 1917) định rằng : người đàn-bà góa cải-giá vẫn được hoa-lợi như trước về phần tài-sản của người chồng cũ. Luật-pháp rộng cho thế là cốt để người đàn-bà bất-hạnh góa sớm, khỏi phải « chữ tình cũng muốn mà của trời cũng tham », cứ ngần-ngại tiếc không dám đi lấy chồng, thành có khi uổng một đời.

Luật nhà Lê nói rõ rằng : khi người đàn-bà góa lại cải-giá thì của nhà chồng phải trả hết (điều 373, 374) ; luật bản-triều (điều 76) cũng nói : « *Phu gia tài-sản cập nguyên-hữu trang liêm tịnh thính tiền phu chi gia vi chủ.* » (夫家財產及原有粧奩並聽前夫之家爲主)

Đấy là ta nói về người chính-thất, còn những người *thiếp* khi ch ng mất thì ra thế nào ? Người vợ cả đứng mũi chịu sào, cũng như chồng lúc bình-sinh ; vợ lẽ tất phải theo vợ cả, vẫn chỉ có việc ăn no ngủ kỹ, có việc trông nom con-cái.

Nếu ông bà, cha mẹ chồng hay người chính-thất cho phá -tích gia-tài mà người vợ bé có con thì lại nhờ con.

IV. Nói về vợ chồng khi li-dị. — Xem qua pháp-luật nước Pháp thì vợ chồng bỏ nhau phải kiện-tụng trước công-môn, mà kiện nhau xin li-dị thì những khi này mới được :

1º) một là người đàn ông thất-trinh với vợ hay người đàn-bà thất-trinh với chồng ;

2º) hai là một người phải mắc án đại-hình, như khổ-sai, vì không ai chịu được suốt đời mang tên một người phi-nhân-loại, ăn cướp, làm giặc, v.v..

3º) ba là đánh chửi vợ hay chồng hay ăn-ở tàn-nhẫn quá : như bỏ thuốc độc giết vợ hay hại chồng.

Ở bên ta có khi ông bà, hay cha mẹ, hay chồng được tùy-ý phú cháu dâu, con dâu hay vợ về ; ta gọi là *thất-xuất*. Luật bản-triều và luật nhà Lê đều định như thế cả. Thất-xuất là : 1º) *Vô tử*, là không có con trai ; 2º *dâm-dật*, là tính-hạnh xằng ; 3º *bất-sự công-cô*, là không thờ phụng bố mẹ chồng tử-tế ; 4º *đa ngôn*, là lắm điều ; 5º *đạo-thiết*, là trộm cắp ; 6º *đố-kỵ*, là ghen tuông ; 7º *ác-tật*, là phải bệnh tệ, như bệnh hủi.

Sánh hai cái pháp-luật bên ta và bên Âu-châu thì ra là bọn đàn-ông ta hèn, hà-hiếp các bà quá-đáng. Một đàng thì 3 điều, mà 3 điều *li-dị*, vợ chồng không thể ở với nhau được bách-niên giai-lão, cũng có thể kiện nhau được; một đàng thì 7 điều, gọi là *thất-xuất*, chỉ riêng cho bọn đàn-ông vũ-phu ta!

Xét kỹ ra thì thật bọn đàn-ông chúng ta phần nhiều biết trọng nữ-quyền, và địa-vị các bà trong gia-đình bao giờ cũng được to-tát, vì rằng đàn-bà nước ta thật đong, công, ngôn, hạnh hơn người.

Ở bên ta họa-hoằn mới có trai bỏ vợ, gái bỏ chồng; mà ở các nước điều đó có phần dễ quá.

Ở bên ta, đàn-bà là thật hết bụng quí chồng, nuôi con. Dân nghèo, nước yếu, trí nhỏ, tài mọn là mình; nhưng đến cái cương-thường vợ chồng, ta chắc hơn người.

Người hạng thượng-lưu, gối xếp, chăn cù, vợ chồng nâng nhau như nâng trứng, hứng như hứng hoa đã đành; đến bọn làm ăn khổ-sở cũng biết quí vợ thương chồng:

Chồng người xe ngựa người yêu,
Chồng em khố đũi em chiều em thương.

Lại như câu:

Anh ơi! bỏ áo em ra,
Để em đi chợ kẻo mà chợ trưa.
Chợ trưa rau héo cá ươn,
Lấy gì nuôi bạn, lấy gì nuôi con?

Thì thật rõ cái chịu thương chịu khó của người đàn-bà An-Nam, và cái quí vợ của người đàn-ông nước mình.

Ta lại nên nhớ rằng tuy có 7 điều «*thất-xuất*», người gia-trưởng không mỗi lúc lạm-dụng, lại có 3 điều gọi là «*tam bất-xuất*», nghĩa là: dẫu người đàn-bà có phạm vào một điều trong bảy điều vừa nói trên kia mà lại có một điều trong ba điều sau này kéo lại, thì cũng không bao giờ vợ chồng đến rời nhau. Tam-bất-xuất là: 1º *hữu sở thu vô sở qui*, nghĩa là người đàn bà không còn ai cho nương tựa; 2º *tảng kinh tam niên tang*, là đã có chịu một cái tang ba năm; 3º *tiền bần-tiện hậu phú-qúi*, là vợ chồng lấy nhau lúc hàn-vi rồi sau mới được phú-qúi (luật Gia-long, điều 108).

Luật nhà Lê năm Hồng-đức thứ 25 cấm cả không được bỏ vợ khi đang có đại-tang nhà chồng, hay khi người vợ đang chịu tang cha mẹ đẻ.

Luật Bản-triều và luật nhà Lê cho phép vợ chồng trái duyên không ở với nhau được, làm giấy li-dị, không cần phải giất nhau đến công-môn.

Đàn ông có «thất-xuất», đàn bà cũng có thể kiện chồng xin li-dị:

1º/ Khi người chồng không ra gì, bán thê đợ thiếp (96 Gia-long, 311 luật Lê);

2º/ Khi vợ chồng son mà 5 tháng chầy chồng không đoái-hoài đến vợ, người đàn bà có phép trình quan sở-tại, rồi xin phép tái-giá; nếu có con thì phải một năm mới được (điều 307 luật Lê);

3º/ Theo luật Gia-long, nếu chồng đi đâu mất trong ba năm thì người vợ cũng có phép xin quan cho chữ đi lấy chồng;

4º/ Khi chồng hạ *thê* xuống làm *thiếp*, hay đem *thiếp* lên làm *thê*.

5º/ Khi chồng tàn-nhẫn đánh vợ đến gẫy chân quẻ tay.

Những người đẻ ở nơi nhượng-địa hay ở Nam-kỳ thì phải theo chỉ-dụ ngày mồng 3 tháng 10 năm 1883. Dụ này vẫn giữ mấy điều «*xuất*» của luật ta: vẫn cho phép vợ chồng khi trái duyên được xin li-dị, không cần phải vào điều nào trong «thất-xuất», nhưng phải lấy nhau ít ra cũng được 2 năm, vợ phải ít là 21 tuổi, chồng cũng ít phải 25 tuổi. Nếu vợ xuân-xanh đã 45, hay vợ chồng

đã đoàn-tụ với nhau được hơn 20 năm, mới thấy xung-khắc thì đành phải một duyên hai nợ cho trọn đời. Chỉ-dụ ngày mồng 3 tháng 10 năm 1883 bắt vợ chồng xung-khắc muốn xin li-dị phải có chữ cha mẹ vợ, cha mẹ chồng, hay người chủ-hôn và phải đem đến nha-môn tư-pháp xét qua xem hai bên có nhất-định xin rời nhau không. Sau nữa dụ ấy có thêm mấy điều hơi giống luật-pháp Âu-châu về đường li-dị, thành người đàn-bà nếu không may gặp phải chồng tệ-bạc quá-đáng cũng dễ có lối thoát một vòng phu-phụ đau-đớn.

PHẠM TRỌNG-THIỀU

CUỘC ĐI CHƠI SÀI-SƠN

Nam-lịch năm Khải-định thứ mười, ngày mồng sáu tháng ba, ký-giả với các ngài thân-hữu tự Hà-nội qua cầu Hát-giang 沆 và huyện Thạch-thất 石室, về phủ Quốc-uy 國威, lên núi Sài-sơn 柴山; đó là một cuộc hào-hứng đi chơi trong buổi nhân-hạ.

Cuộc đi chơi này, trong mấy hôm trước nguyên đã có ước sẵn với ông phủ Quốc-uy. Quốc-uy là một phủ đứng đầu trong hạt Sơn-tây. Ông Nguyễn Quí-Toản là một nhà giáo-dục, bắt đầu thay sang phương-diện nhà chính-trị. Mà núi Sài cũng là một trái danh-sơn trong hạt Bắc-kỳ. Nhân chiều hôm trước là ngày thứ bảy, ông phủ Quốc-uy ra chơi Hà-nội, thăm cảnh phồn-hoa, rủ anh em thân-hữu về chơi núi. Ôi! « Non kia ai đắp nên cao, sông kia ai xẻ ai đào nên sâu? » Anh em ta đối với non sông, đã sẵn một cái mối cảm-tình. Huống-chi Sài-sơn đó, huống-chi Sài-sơn gần-gũi trong chốn trung-châu, lại ở về thuộc-hạt Quốc-uy đó. Anh em ai nấy đều hứng-thú vui lòng. Đến ngày mồng sáu là ngày chủ-nhật, mà ngày hôm sau (mồng bảy) lại chính là ngày hội chùa Thầy. Bảy giờ sáng hôm ấy, ông hượng-chi, ông Đông-châu, ông phủ Quốc-uy, ông Hòa-ký, lại ông Nhị-giang cũng sẵn có bộ máy chụp ảnh, các ông và ký-giả mới tự Hà-nội bước lên xe.

Xe máy đi vùn-vụt, ra khỏi thành Thăng-long một chốc, trông về phía tây, thì đã thấy một trái núi mông-lung xinh-xắn, ở đàng xa-xa, tức là núi Sài-sơn đó. Khi mới đi ra, thì núi Sài ở đàng trước mặt. Khi qua cầu Phùng, (tức cầu sông Hát) thì núi Sài ở bên cạnh mình. Đi lên một lúc nữa, thì núi Sài lại ở đàng sau lưng. Khi rẽ xuống Thạch-thất thì núi Sài lại quanh về đàng trước mặt, một phút một gần. Khi xuống đến phủ Quốc-uy, thì núi Sài đã gần mà lại lẳng ra xa. Khi tự Quốc-uy qua Hoàng-xá đi lên, thì cái vẻ mây khai như tóc vén, hoa nở như miệng cười, và cái vẻ đá trắng như phấn xoa, rêu xanh như áo nhuộm, mọi vẻ của núi Sài, bấy giờ mới thật là một bước một gần, mà một nhìn một vẻ một ưa. Núi Sài kia đối với anh em ta, tựa như một kẻ hữu-tình, khi ấy rập-rờn săn-đón, trong mấy chuyến đồng-hồ, làm ra đủ bộ tống-nghênh, để mua lấy cái ái-tình của nhau đó. Cho mới hay người mà đằm-thắm với núi, thì núi cũng hình như không nhạt-nhẽo với người.

Xét ra, Sài-sơn ở về thuộc-hạt tỉnh Sơn-tây, phủ Quốc-uy, gần ngay mé tây ngạn con sông Hát. Núi cũng không lấy gì làm cao cho lắm, nhưng mà lạ, không lấy gì làm to cho lắm, nhưng mà linh. Dân ở phụ-cận trái núi ấy, là

một xã Đa-phúc 多福, với một xã Thụy-khuê 瑞圭 thuộc tổng Lật-sài 栗柴. Dải núi ấy thuần là núi đá, la-liệt kể có mười tám ngọn. Ngọn Sài-sơn chủ-sơn, cao nhất và to nhất. Còn các ngọn khác là ngọn phụ-thuộc, hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc cao hoặc thấp, phần nhiều trông ra hình cô-phong (1). Chắc là khi xưa còn thuộc về phần thương-hải, thì các dải núi cũng liền nhau ; sau này biến ra phần tang-điền, rồi các ngọn núi mới thành ra hình độc-lập. Trong các ngọn núi phụ-thuộc đều theo dải con sông Hát mà chạy xuống phía tây-nam, cũng có một ngọn Phượng-hoàng-sơn 鳳凰山, với một ngọn Hoàng-xá-sơn 黃舍山, coi cũng ra hình đặc-biệt. Phượng-hoàng-sơn tức là núi Gò, dân phụ-cận là làng Phượng-cách 鳳格. Núi Phượng-hoàng có sản-xuất đá hoa, đá trắng vân đen, vân đá đẹp lắm. Làng Phượng-cách là đất giáo-phường, thường sản-xuất những người ả-đào hát có danh-tiếng. Hoàng-xá-sơn tức là Tượng-sơn, dân phụ-cận là làng Hoàng-xá. Hoàng-xá-sơn có một cái động, động-rãi sáng-sủa, hình động lạ lắm. Địa-phận Hoàng-xá có một cái chợ to, tục gọi là chợ Phủ, giáp ngay trước phủ-thành. Lại cách núi Hoàng-xá, cũng theo một dải con sông Hát kéo xuống, nào núi Đồng-lư 同盧, nào núi Sơn-lộ 山路, nào núi Tiên-lữ 仙侶, rặt núi là núi cả. Nhưng từ Đồng-lư trở xuống, đều là núi đất, sắc đất phần nhiều là sắc đỏ ; cư-dân làm nhà trồng cây ở cả chung-quanh núi, hoặc ở trên núi ; cây có chiều xanh-tốt, núi có vẻ thanh-u, cư-dân cũng có mầu an-lạc. Lại có núi Tử-trầm 紫沈, cũng là núi đá, phong-cảnh xinh thay. Ký-giả năm nọ đã có bài ký chơi Tử-trầm đăng ở bản-chí trong số 59, tả về phong-cảnh núi ấy. Nhưng về khoảng ngoại mười năm nay, núi Tử-trầm với núi Tiên-lữ đã xẻ về thuộc-hạt tỉnh Hà-đông, huyện Chương-mĩ rồi, chỉ còn từ núi Sơn-lộ trở lên, là thuộc hạt Quốc-uy mà thôi. Song, dù thế nào mặc lòng, từ xưa đến nay, ai vào đến cõi Quốc-uy, cũng phải lấy Sài-sơn làm nơi danh-thắng (2) đệ-nhất. Trong hạt Quốc-uy, chếch về phía tây-nam, lại có một cánh đồng mênh-mông bát-ngát, kể có mấy nghìn mẫu, gọi là cánh đồng Thập-cửu 十九, nghĩa là mười chín xã chung nhau một cánh đồng ấy. Về mùa tháng năm, tháng sáu, tháng bảy, tháng tám, trông tựa như một cái bể nước trắng ; làn nước vẳng-vặc, lợi về cảnh trăng. Về mùa tháng giêng, tháng hai, tháng ba, tháng tư, trông tựa như một cái bể lúa chiêm ; làn lúa hiu-hiu, lợi về cảnh gió. Ấy cái phong-cảnh sơn-thủy trong hạt Quốc-uy, kể ra đại-khái như vậy.

Anh em ta khi ngồi trên xe, từ Thạch-thất vòng xuống, trông sang mé tay bên hữu, thấy một dải núi đất thấm-thấp ; đất núi sắc đỏ, trông như mầu đan-sa (3) ; cây núi sắc xanh, trông có chiều tú-khí. Người ta bảo ta rằng đó là núi Câu-lậu 勾漏. Nghe đâu ông Cát Hồng 葛洪 đời Tấn thủa xưa, khi làm quan bên nước ta, có lên luyện thuốc tiên ở đấy. Lại nghe ở đấy hiện nay có một cái chùa, gọi là chùa Tây-phương 西方, cũng là một cảnh danh-lam trong miền Thạch-thất. Nhưng chưa có thì-giờ rẽ vào xem được. Đối với ông tiên Cát Hồng, mới được trông cái đất đỏ ; đối với ông Phật Tây-phương mới được trông hàng trúc biếc với chòm cây xanh đấy mà thôi.

Về đến phủ mới ăn cơm sáng. Khi đó, bên tả bên chủ, rạng về đông-nam (4). Gia-dĩ cảnh xuân-vũ chợt biến ra

(1) Cô-phong = ngọn núi đứng một mình.
(2) Danh-thắng = danh-sơn thắng-tích.
(3) Đan-sa = Cát sỏ đỏ, phép tiên chế-luyện đan-sa, có thể hóa ra được hoàng-kim.
(4) Đông-nam = Đông-nam chi-mĩ, nói cái quang-cảnh khách chủ.

Toàn-cảnh Sài-sơn (Chùa Thầy)

Động Hoàng - xá

Kính ảnh T. C. Khuyến

Núi Hoàng-xá (ở Chùa Thầy trông sang)

Động Thánh-hóa (Chùa Thầy)

Kính ảnh T. C. Khuyến

cảnh xuân-tình (1). Khách Sài-sơn tuy không phải là khách Đông-sơn (2), chỗ phủ-đường tuy không phải là quán Bạch-vân, là đình Minh-nguyệt, nhưng cái vận-sự phong-lưu, cổ-kim nguyên vẫn không có giới-hạn. Nên chi trong phủ bấy giờ cũng có bày ra một cuộc cầm-ca, để giúp cho khách du-sơn về đường nhã-hứng.

Trước hẳng ra xem núi Hoàng-xá, núi gần ngay ở phía đông-bắc phủ-thành, cách độ vài trăm bước; hình núi uốn cong như hình cái cánh cung, một bên lù-lù cao lên như hình cái trán voi, một bên sè-sè thấp xuống như hình cái đuôi nheo, chừng cũng vì cái hình ấy mà thành tên là Tượng-sơn. Ở giữa có một cái đỗng, tự mặt đất lên cửa đỗng, cao lên thoai-thoải, phải xây mười mấy bậc đá mà đi lên. Cửa đỗng rộng và cao. Trên mái đỗng lại có ba chỗ hổng, tựa như ba cái cửa sổ ở đôi bên, ngày có thể thấu được nhật-quang, đêm có thể lưu được nguyệt-ảnh. Cho nên trong đỗng vẫn sáng-sủa, chỉ chỗ hang chỗ hốc là hơi tối-tối mà thôi, mà không-khí ở trong đỗng cũng thường thấy ráo-rẻ như ngoài. Ngồi ở trong đỗng mà xem sách, có thể xem được sách chữ nhỏ; đứng ở trong đỗng mà chụp ảnh cũng có thể đủ bóng sáng mà chụp. Ở nơi trung-ương cái đỗng, có một phiến đá hơi giống cái hình vuông, tựa như hình cái sập; chu-vi phỏng độ mười bước chân, cao lên độ hơn một thước tây; một nửa về đàng trước thì thấp dần xuống, một nửa về đàng sau thì cao, mà lại phẳng-phiu như hai chiếc chiếu rộng giải ngang ra ở trong đỗng, khả-dung được bảy tám người ngồi; cái sập ấy có thể tụng kinh, xem sách, uống rượu, đánh cờ, dạo đàn, đập trống được cả. Đôi bên cái sập ấy, chếch về mé đàng sau, thì một bên có một bộ sa-lông nho-nhỏ bằng đá, chừng là người ta nhân cái thế hòn đá mà làm ra. Một bên có hai hòn đá trông như hình con gia-thú, cũng có người gọi là mẹ con kỳ-lân. Ở bên tả lại có hai cái phòng. Một cái phòng ở mé trước thì sáng-sủa, tựa như phòng làm giấy. Một cái phòng ở mé sau thì tối-tối, tựa như phòng ngủ phòng tắm. Cái đỗng lại có đường thông sang đàng sau, đàng sau lại hình ra một cái đỗng nữa, cao rộng và sáng-sủa, có phần lại hơn ở đàng trước. Xem ra, cái đỗng này tựa như tòa thạch-thất; đàng trước tức là cái tiền-đường, đàng sau tức là cái hậu-đường, có sập ngồi, có câu-lơn chắn, có cửa lớn cửa nhỏ, có phòng nọ phòng kia, đủ bộ-phận một tòa nhà. Ông thợ trời bày-đặt cũng tiêm-tất đó thay! Giá có một bác đồ lười nào, không chịu làm cửa làm nhà, cứ đến đấy mà ở thì tưởng cũng sẵn-sàng vậy.

Ở cửa đỗng chếch về mé bên hữu, lại có một cái hồ hình dài, một mé lại hơi cong-cong, tựa như hình bán-nguyệt; nước trong leo-lẻo, dân ở đấy lấy nước hồ ấy làm nước ăn. Ngoài cái hồ thì tức là con đường đại-lộ lượn qua núi Hoàng-xá đi lên núi Sài.

Phong-cảnh cái đỗng này, không phải là không có chiều nhân-nhã, có vẻ thanh-quang. Nhưng núi Hoàng-xá tiếp-cận ngay ở phủ-thành, không phải là chỗ thâm-u, cái đỗng này là nơi du-thưởng lúc tạm-thời, không phải là nơi cao-ẩn. Cho nên trong đỗng này không có dấu-vết kẻ danh-nhân, mà những thơ đề-vịnh cũng thấy ít lắm. Chỉ ở ngoài cửa đỗng về mé tả, có một cái miếu thờ ông Văn-xương, với một cái

(1) *Xuân-tình* = Cảnh xuân thuộc về lúc tạnh, không nắng không mưa.

(2) Đông-sơn = Ông Tạ An đời Tấn thường đem con bát lên Đông-sơn, có làm ra Bạch-vân Minh-nguyệt hai cái đình ở trên Đông-sơn, để làm nơi du-thưởng.

chùa gọi là chùa Hoa-vân 花雲, chẳng qua cũng là cái thói thường trong dân-gian tín-ngưỡng về sự họa-phúc, và chiều-lệ về sự rầm mồng một đấy thôi, chứ đối với đồng và núi cũng không có tình gì.

Duy ở chính giữa mé sau đồng, có ba chữ « Hoàng-thạch-đồng » 黃石峒, khắc vào trong cái khung đá. Trong khung lại thấy khắc rằng : « *Tân-dậu Trần Ngoan-tiên thư thuyên* 辛酉陳頑仙書鐫. » Xem ra thì nét chữ cũng nhuần-nhã dịu-dàng, hơi có bút-pháp ông Triệu Tùng-tuyết, không có nét tục. Độc-giả nên biết rằng cái nghề mĩ-thuật của nước Tàu thủa xưa, nghề chữ ông Triệu Tùng-tuyết cũng như nghề đàn ông Bá-Nha, nghề vẽ ông Ma-Cật, nghề thơ ông Lý Bạch, ông Thiếu-lăng ; người Nam ta mà có bút-pháp ông Triệu Tùng-tuyết, cũng là một vẻ đáng yêu. Ký-giả nhân nghĩ đến nước ta ngày nay cái phong Hán-học đã suy rồi, duy cái phong chơi chữ thì còn thấy thịnh lắm, bức sơn bức khảm, hay hoặc bức liễn, nhà nào nhà ấy, còn thấy san-sát. Nhưng lại nên biết rằng người Nam ta sau này đối với Hán-tự, âu cũng như người Ấn-độ đối với Phạn-tự, cái hồn còn phảng-phất đó thôi ; trừ những người chuyên-môn về cổ-học không kể, còn thì cũng ít người hiểu được ý-vị cho sâu-xa. Duy cái sự chơi chữ đó cũng là một sự nhã-quan, coi mấy hàng Hán-tự, cũng như coi một người bạn hiền - nhân quân-tử chỉnh-chện nghiêm-trang ; vả lại cũng hợp với tính-tình người Đông-phương, mà cũng là cái bản-sắc của người Đông-phương vậy.

Đồng này đặt tên là Hoàng-thạch-đồng, chứng cũng lấy nghĩa rằng làng Hoàng-xá với làng Thạch-thán ở phụ-cận núi này, mà chữ Hoàng-thạch lại có tên một ông tiên thủa xưa là Hoàng-Thạch-công, thì chữ Hoàng-thạch đặt làm tên đồng, cũng có ý-vị thay ! Trần Ngoan-tiên tức là ông Trần Trọng-Triết tri-phủ Quốc-uy mới rồi. Ba chữ Hoàng-thạch-đồng mới đề khắc vào độ năm năm nay, mà ở bên đồng lại có đề khắc một bài thơ nữa. Sẽ biết ông Trần Ngoan-tiên cũng có tình-tứ với nước-non, cũng có ý-nghĩa với hòn đá kia vậy.

Xem xong đồng Hoàng-thạch, mới đi lên, đi một lát, trông sang mé bên hữu, thấy ba cái trái núi mọc liền nhau tựa như đầu và cánh con chim, người ở đấy trỏ bảo rằng đó là núi Phượng-hoàng. Trông ra cũng có vẻ yểu-điệu và xênh-xang, chả trách dân ở phụ-cận núi này hay sản ra những người con gái biết hát và biết múa được. Nhưng cũng chưa kịp rẽ vào xem, mới đi thẳng lên núi Sài.

Bắt đầu vào xem chùa, chùa ở mé tây-nam dưới chân núi. Trước cửa chùa có một cái hồ cũng khá to, mùa hè có sen mọc. Ở mặt hồ có cái thủy-đình, ngày thường làm chỗ thưởng-liên, ngày hội làm nơi múa rối. Đôi bên tả hữu chùa có hai cái kiều, làm ra kiều thượng-gia-hạ-trì. Một bên là Nhật-kiều 日橋. Một bên là Nguyệt-kiều 月橋. Chùa làm có ba lớp liền nhau, mỗi một lớp riêng ra một tòa nhà. Nhà làm ra kiểu cung-đình, khác với kiểu chùa mọi nơi. Duy lớp thứ ba là lớp trong cùng, thì cao nhất và rộng nhất, mà mái đình lại thấp nhất. Xem ra thật là lối kiến-trúc cổ, mà hùng-vĩ khác thường. Chùa này tuy là cái danh-từ phạn-vũ, nhưng tựa là cái qui-chế đế-vương, bảo rằng chùa này là tay vua Lý Thần-tôn 李神宗 kiến-trúc ra, tưởng cũng không phải là lời mộng-thuyết. Vua Lý Thần-tôn là ai ? Tức là một người thác-sinh ra cõi đời, mà thuộc về kiếp sau ông Từ Đạo-Hạnh 徐道行 vậy. Chùa này và núi này có nhiều sự-tích ly kỳ lắm. Nay muốn xem chùa xem núi, trước hết nên xét

qua về thời-đại ông thánh Từ, và lịch-sử ông thánh Từ, cũng là tâm-lý ông thánh Từ.

Nước ta Phật-giáo phát-đạt sớm-sủa nhất. Tự hồi giữa thế-kỷ thứ mười, cho đến cuối thế-kỷ thứ mười ba, về đời nhà Đinh, nhà Tiền-Lê, nhà Lý, đã có nhiều vị cao-tăng học-vấn uyên-thâm, kiến-văn quảng-bác, pháp-thuật siêu-kỳ, như ông Ngô Chân-Lưu 吳眞流, ông Đặng Huyền-Quang 鄧玄光, ông Nguyễn Giác-Hải 阮覺海, ông Ngô Khuông-Việt 吳匡越; cho đến ông Khổ-Đầu 枯頭, ông Đại-Điên 大顛, ông Vạn-Hạnh 萬行, ông Khổng-Lộ 孔路, ông Nguyễn Thường 阮常, vân-vân. Các vị cao-tăng ấy không những là từ-bi khổ-hạnh, chuyên một đường tế-độ cho chúng-sinh, giảng kệ cầu kinh, giốc một niềm siêu-thoát trong lạc-quốc mà thôi. Lại thường có khi tham-dự đến quốc-chính, làm thầy cho đế-vương, ngoại-giao với Trung-triều, đối-đáp với Bắc-sứ nữa. Độc-giả nên biết rằng nhân-vật nước ta bấy giờ, tuy có học sách Tàu, nhưng phần nhiều là theo người mà học những cái bã-cặn. Chỉ mới có một phái cao-tăng, hi-sinh nhất-thiết, cố công gắng sức, sang tận nước Tàu, học được cái tinh-hoa của người Tàu. Cho nên bấy giờ trừ một phái cao-tăng ra, thì cũng chưa có phái nào đã đủ cái tư-cách mà đối-địch được với người Tàu. Cái giá-trị phái cao-tăng bấy giờ thực đã xứng-đáng là giá-trị Bồ-tát, giá-trị Kim-cương. Sẽ biết rằng dân-tộc mà đương về cái thời-kỳ văn-hóa của mình hãy còn khiếm-khuyết, phải đi học của người, quốc-dân phải có cái chí kiên-nhẫn, cái lòng cao-thượng mới được. Phàm muốn kịp người, thì phải học lấy cái tinh-hoa của người. Nếu chỉ theo người mà học lấy cái bã-cặn của người, thì cũng chỉ chung-qui làm nô-lệ người mà thôi.

Ông Từ Đạo-Hạnh tức là một vị Bồ-tát Kim-cương trong thời-đại bấy giờ đó. Ngài là người làng Yên-lãng (tức làng Láng, nay thuộc Hoàn long, Hà-đông) sinh về triều nhà Lý, cha là Từ Vinh 徐榮, mẹ là Tăng-thị 曾氏, cũng là dòng-dõi quí-tộc. Ngài thủa nhỏ, thích những sự phóng-túng hào-hiệp, có chí to; thường chơi thân với một bác nho giả họ Phi, một người đạo-sĩ họ Lê, một bác phường chèo họ Phan; ngày thì thổi sáo, đánh cờ, hoặc đánh trống làm vui, đêm thì khắc-khổ đọc sách; thậm-chí tựa vào án ngủ ngồi, mà tay vẫn không rời quyển sách. Ấy cái lịch-sử thiếu-thời của kẻ vĩ-nhân, thường có cái lịch-sử phóng-túng mà lại khắc-khổ như vậy; vì có chí lớn, không câu-nệ thói thường. Sau đi thi trong giáo-hội, đỗ về khoa Bạch-liên. Rồi lại sang Ấn-độ học đạo, đắc-đạo rồi về. Xét ra, nước ta với Ấn-độ bấy giờ chưa có lối giao-thông; vả lại Phật-học ở nước ta với ở Tàu, ở Cao-ly, ở Nhật-bản, cũng là một phái Đại-thừa, thuộc về Bắc-tôn, có lẽ ngài sang Tàu học thì phải. Khi ngài về nước, xem phong-cảnh Sài-sơn có chiều u-ẩn, có thể làm nơi tu-đạo được, mới lập ra một cái am ở trên núi, gọi là Hương-hải-am 香海庵, ngày tháng ở đó tu-hành. Độc-giả lại nên biết rằng phàm những người cao-tăng bấy giờ đi du-học ở Tàu về, chẳng khác gì ông bác-sĩ ngày nay đi du-học ở Âu Mĩ, ở Nhật-bản về, cái thanh-giá thật là long-trọng, đối với quốc-dân, đối với quốc-gia có quan-hệ lắm. Triều-đình bấy giờ coi ngài như một vị quốc-sư, mà cái danh-dự quốc-sư để đãi riêng một phái cao-tăng ấy, cũng là một cái danh-dự đã quen dùng của nhà Đinh, nhà Lê, nhà Lý. Phàm trong tôn-giáo-giới, trong chính-trị-giới, có sự gì khó-khăn thường phải đem hỏi các vị quốc-sư. Cho nên ngài vẫn thường vãng-lai trong cung-phủ, giao-thiệp với các vương-hầu, để lo-toan việc nước. Mà giốc một lòng tin

ngài chơi thân với ngài nhất là tước Sùng-hiền hầu 崇賢侯, Sùng-hiền-hầu là em ruột vua Lý Nhân-tôn 李仁尊. Bấy giờ vua Nhân-tôn với tước Sùng-hiền tức hai anh em đều tuổi già mà còn hiếm con trai cả. Nhưng ngài vẫn chắc rằng kẻ làm thiện tất có thiện-báo, mà vẫn có ý kỳ-vọng cho Sùng-hiền-hầu. Được ít lâu người vợ ông Sùng-hiền-hầu là bà Đỗ-thị 杜氏, quả-nhiên có hoài-thai. Chợt một hôm, ngài đến chơi nhà Sùng-hiền-hầu, ngài biết rằng kẻ làm thiện đã có thiện-báo. Ngài mới dặn riêng với Sùng-hiền-hầu rằng: « Bao giờ phu-nhân sắp-sửa sinh, thì hầu bảo trước cho tôi biết, về làm con nhà hầu, tức là tôi đó. » Đến ngày phu-nhân trở dạ đẻ, hầu cứ tuân lời ngài, sai người đi lên bảo. Ngài tức-khắc đi vào trong một cái hang ở giữa núi Sài, dỗ hai chân hai tay và in đầu vào vách đá rồi ngài hóa. Đến bây giờ người ta vẫn gọi hang ấy là hang Thánh-hóa 聖化. Khi ấy nhà hầu nghiệm ra thì cái giờ ngài hóa ở trong hang, đúng là cái giờ thế tử khóc oa oa lên vài tiếng mà ra đời. Khi ngài hóa, học-trò đứng chung quanh khóc, ngài đọc cho câu kệ rằng: « *Thu thâm tiểu báo nhạn lai qui, Lãnh tiếu nhân-gian tạm phát bi. Vị báo môn-nhân hưu luyến trước, cổ sư kỷ độ tác kim sư.* 秋深小報雁來歸。冷笑人間暫發悲。爲報門人休戀著。古師幾度作今師 » Ấy cái tinh-thần bất-diệt, cũng là cái lý-thuyết luân-hồi, ngài đã chứng giải ra cho đó. Sau bọn tăng-đồ mới đem hài-cốt ngài ra một cái trái núi nho-nhỏ ở bên cạnh núi Sài là núi Hương-sơn 香山, theo phép Phật đem thiêu-hóa, rồi đem cái tro thanh-tĩnh thơm-tho ấy, luyện lại đắp ra thành tượng để thờ ngài. Trái núi ấy thành danh là Hương-sơn, cũng là tự hồi ấy.

Các sự hóa-kiếp và đầu-thai đó tuy là sự huyền, nhưng kẻ tuệ-giả cũng nên học tìm lấy một cái tia sáng ở trong nơi u-ám, mà cầu lấy chút tâm-lý ngài. Nay cái then-chốt trong Phật-giáo, cốt nhất là cái lý-thuyết luân-hồi ; cái máy luân-hồi ở trong khoảng thời-gian thường làm cái dây liên-lạc cho sự nhân-quả. Hằng cứ đem một kiếp người ra mà nói, thì kiếp này tức là sự kết-quả của kiếp trước, mà lại tức là sự tạo-nhân cho kiếp sau. Thiện đấy, ác đấy, nhân đấy, quả đấy, kết-cục lại cũng chỉ là khuyên người ta tu-hành lấy cái căn-duyên thiện, mà trừ-khử lấy cái căn-duyên ác đấy mà thôi. Song cái lý-thuyết ấy, tự xưa đến nay, chỉ là mập-mờ ở trong vòng khổ-hải, hiện chưa có một sự gì là sự chứng-quả rõ-ràng. Mà cái lòng tín-ngưỡng của người đời, tự xưa đến nay, cũng chỉ là cái lòng còn gửi ở trong cõi chiêm-bao. Âu cũng là vì trong tôn-giáo tự xưa đến nay, chưa có người nào chịu hi-sinh cho lý-thuyết ấy, khiến cho người đời còn mê mà chưa giác đấy thôi. Ngài là một vị phật tái-sinh, tự bé đến lớn, tự lớn đến già, mọi đường vinh-hoa phú-quí ở trong cuộc đời, ngài đã từng hi-sinh nhất-thiết đi cả. Cái công-đức ngài đối với quốc-dân, tự người ngoài mà xem ra, thì kể là đã lớn. Nhưng cái trách-nhiệm ngài đối với tôn-giáo, tự ngài mà xem ra, hoặc-giả ngài còn chưa lấy làm đã yên. Nên chi ngài trở về già, tự mình lại làm giải-thoát cái hình-hài của mình đi, để hi-sinh cho cái lý-thuyết trong tôn-giáo. Muốn cho người đời ở trong cõi chiêm-bao, bước sang cõi mở mắt. Rồi cái mầm ác của người đời sẽ có cơ trừ bỏ, mà cái mầm thiện của người đời sẽ có đất vững bền. Ngài sở-dĩ thánh, là thánh về nhiệt-thành, thánh về nghị-lực, chứ không phải là thánh về những sự phép-thuật hão-huyền.

Phàm trong tôn-giáo, xưa nay hay có những sự huyền-hoặc bịa-đặt, để xui giục cho lòng người mê-tín. Đó cũng là một sự thường ở trong phe tôn-giáo, chứ cũng chẳng lạ gì. Ngay như truyện ông thánh Từ, cũng có một vài truyện huyền

hoặc khác thường ; nay cũng xin kể ra đây cho vui truyện.

Ông Đạo-Hạnh với ông Đại-Điên 大顛, ông Nguyễn Minh-Không 阮明空, ba ông cao-tăng, sinh ra đồng-thời, mà phép thuật cũng đều tài cả. Nhưng sắc-mắc nhất là ông Đại-Điên ; thường dùng phép-thuật đánh chết ông thân-sinh ra ông Từ, ném xác xuống sông Tô-lịch 蘇溪. Cái xác trôi đến cầu Yên-quyết 安決, hốt-nhiên đứng lại, không trôi đi nữa. Đại-Điên ra đọc một câu kệ rằng : « *Tăng-hận bất cách tức, sinh-tử nhất tràng mộng.* 憎恨不隔宿。生死一場夢», cái xác liền trôi đi. Ông Từ lấy làm căm giận, cố chí đi học. Học được phép rồi, mới về sông Yên-quyết, thử ném cái gậy xuống dòng sông, cái gậy lập-tức hóa ra con rồng lượn. Ông Từ mừng rằng phép ta đã tài hơn Đại-Điên, mới làm phép tàng-hình, vào đánh chết Đại-Điên, để báo-thù cho cha. Đại-Điên tuy rằng hóa kiếp, nhưng vẫn hằn-học sự báo-thù lại. Mới hiện ra một cậu bé - con xinh-xẻo đẹp-đẽ, ra chơi ở bờ bể, tự xưng là Giác-hoàng 覺皇. Vua Lý đón về, cho ở trong chùa Báo-thiên 報天, lại thấy thông-minh khác thường yêu lắm, mới định cho làm con nuôi. Ấy là Đại-Điên muốn thác vào cửa đế-vương, để chực báo thù. Sau ông Từ vào đầu-thai cửa họ Lý, được làm hoàng-thái-tử, Đại-Điên biết rằng không làm gì được nữa mới thôi. Đó là sự ông Từ giao-thiệp với ông Đại-Điên. Lại còn sự ông Từ giao-thiệp với ông Nguyễn Minh-Không nữa. Ông Từ với ông Minh-Không nguyên là đạo thầy trò, ông Từ thường bảo Minh-Không rằng : « Thầy kiếp sau còn phải làm hổ nữa, thầy với ngươi có duyên cũ, khi ấy ngươi chữa cho thầy. » Sau vua Thần-tôn khi làm thái-tử, chợt sinh ra một cái bệnh tâm-thần phiền-loạn, gầm hét gớm-ghê, rồi tự-nhiên hóa ra hổ. Mời khắp thiên-hạ cao-tăng đến chữa, không ai chữa được cả. Bấy giờ Minh-Không tuy có phép tài, nhưng chửa nổi tiếng. Ông mới đặt ra một câu hát để trẻ-con hát rằng : « *Cái tập tầm-vông, ông Nguyễn Minh-Không, chữa ông hoàng-thái-tử.* » Vua Lý nghe dân-gian có câu hát ấy, mới sai người đi mời Minh-Không. Khi Minh-Không đến, thì chư-tăng đầy cả ở trong cung. Chư-tăng thấy Minh-Không cù-rù cũ-kỹ, không ra mẽ cao-tăng, mới nói nhiếc Minh-Không một câu rằng : « *Thần-thánh còn chữa ăn ai, nữa là mảnh chĩnh vất ngoài bới tre* ». Minh-Không nín lặng không trả lời, chỉ xin vua lấy một cái đanh thật dài, đóng sâu vào cột điện. Minh-Không thử chư-tăng rằng các người có thể lấy tay nhổ được cái đanh này ra, rồi sẽ nói chuyện chữa cho hoàng-thái-tử. Chư-tăng đều chịu phép cả. Minh-Không mới lấy tay nhổ cái đanh ra, ai nấy đều kinh-phục. Minh-Không liền xin vua lấy cho một cái vạc to để chứa nước, đun cho thật sôi, lấy tay thò vào nước nóng hòa thuốc, rồi đem thái-tử giấn vào nước sôi, tắm cho thái-tử, thái-tử mới lại hóa ra người. Vua mới tặng cho Minh-Không cái danh-hiệu là quốc-sư, để thay chân ông Đạo-Hạnh. Sự tuy huyền-hoặc, nhưng cũng vui thay !

Nay lại xin kể qua về lịch-sử kiếp sau ông Từ Đạo-Hạnh. Ông thế-tử nhà Sùng-hiền-hầu thủa ấy sinh ra, đặt tên là Dương Hoán 陽煥, thông-minh hiếu-học, vua Lý Nhân-tôn yêu lắm, nuôi ở trong cung, lập làm thái-tử, rồi truyền ngôi cho, ấy là vua Lý Thần-tôn. Thế là Phật hóa kiếp ra vua, mà bác truyền ngôi cho cháu vậy. Vua Lý Thần-tôn là ông vua thứ năm trong dòng bát-đế. Vua Thần-tôn thủa bình-sinh vẫn nhận mình là kiếp sau ông Từ Đạo-Hạnh, ông Từ Đạo-Hạnh là kiếp trước mình. « *Kiếp xưa tu vi chẳng dày, phúc nào đổi được giá này cho ngang.* » Cái lý-thuyết luân-hồi trong Phật-giáo, đã rõ-ràng có chứng-quả phân-minh.

Cho nên khi làm vua, bốn lần đại-xá cho kẻ có tội, một lần vì mất mùa giảm thuế cho dân. Lại những điền-thổ của phái bình-dân bị phái quí-tộc chiếm-đoạt xưa nay, bắt phải trả lại cho phái bình-dân; những hạng nô-tì ở cửa vương-công, khai-phóng cho nó, để nó được tự-do đi lấy chồng, nhà vương-công không được chuyên-chế mà lấy hiếp. Những sự đó đều là những sự từ-bi bác-ái, mà lại có ý vớt người trong bể chuyên-chế, đưa sang bến tự-do. Âu cũng nghĩ rằng: «Kiếp này nếu vụng đường tu, kiếp sau ắt hẳn đền bù cho xuôi.» Nên chi những sự tạo-nhân ra ở kiếp này, đều có ý để lại phần kết-quả cho kiếp sau cả. Nếu người đời ai ai cũng nhận-chân cái lý-thuyết luân-hồi như vua Lý Thần-tôn, thì sao có cái giống quỉ-sứ ma-vương xuất-hiện ra ở cuộc đời được thay.

Ấy cái thời-đại ông thánh Từ, cái lịch-sử ông thánh Từ, cái tâm-lý ông thánh Từ, cũng là cái người làm hậu-thân ông thánh Từ đã kể ra như trên. Còn cái di-tích ông thánh Từ, cũng là cái phong-cảnh chùa này núi này, sẽ tả ra như sau.

Chùa này là vì có núi này mà nên chiều thắng-cảnh, núi này cũng là vì có chùa này mà nên giá danh-sơn. Hiện nay ở trong chùa trên lớp trong cùng, có ba pho tượng thờ ngài. Một pho ở gian giữa, thì làm ra dáng thầy tu, đó là hình-dung về kiếp trước ngài. Một pho ở bên cạnh về mé tả, thì làm ra dáng đế-vương, đó là hình-dung về kiếp sau ngài, lại một pho ở bên cạnh về mé hữu, là tượng chân-thân, tượng đặt ở trong khám, ngoài khám lại thường có màn che bốn bên, ít có người được xem. Nghe đâu tượng ấy thì cồ lắm, làm bằng gỗ bạch-đàn, mà lại có kiểu máy lạ-lùng, tượng có thể ngồi lên nằm xuống được. Chỉ đệ-niên đến ngày sắp-sửa mở hội, có hai người lý-trưởng trong hàng tổng được trai-giới vào mở khám làm lễ mộc-dục mà thôi. Chùa gọi là chùa Thiên-phúc 天福. Chùa này là chuyên-chủ về thờ ngài, cho nên chùa dẫu rộng, mà tượng Phật chỉ thấy loáng-thoáng mà thôi, không chuyên-chủ về thờ Phật như mọi chùa. Trong chùa có bốn chữ đề-khắc rằng: «*Hương-hải lưu phương* 香海留芳.» Lại có những câu đối, như câu: «*Vi tiên vi phật vi quốc-vương, sinh hóa tam thân lưu hiển-tích. Hữu đồng hữu hồ hữu thiên-thị, giang-sơn nhất đái biểu kỳ-quan* 爲仙爲佛爲國王 生化三身留顯蹟 有洞有湖有天市。江山一帶表奇觀»; và câu: «*Lý-đại Bạch-liên-khoa, bảo-phiệt kim-thằng tham diệu-quyết. Sái-nham Hương-hải-viện, dương-chi đức-thủy sái trần-tâm* 李代白蓮科。寶筏金繩參妙訣 柴巖香海院 楊枝德水灑塵心.» Xem những câu đó, cũng đủ chứng ra được cái lịch-sử ngài, cái tâm-lý ngài, và cũng đủ họa ra được một bàu phong-cảnh nước non này. Đứng chút lâu mà nhận ra, thì chùa này phân-minh là có cây trăm thước, có hoa bốn mùa, có chim lẳng kệ, có cá nghe kinh; mà một nếp lâu-đài cũng là một nếp lâu-đài thuần-túy về hồi trung-cổ nước ta, chửa hề đã trải qua có phen tu-tạo lại mà biến-đổi đi chút nào; ôi cũng quí thay! Xem chùa xong, mới lên núi.

Núi Sài nguy-nga khởi lên, ngọn cao cùng ngọn thấp, liên-lạc với nhau, kể có sáu bảy ngọn. Đại-khái chia ra có ba mặt. Một mặt giáp ngay ở bên chùa, thì có đường đi lên chợ trời và vào hang Thánh-hóa. Một mặt ở về cuối làng Đa-phúc, thì lưng-chừng núi có hang Các-cờ. Một mặt ở về đầu làng Thụy-khuê, thì trên núi có chùa một mái, có hang bụt-mọc, có đồng gió lùa. Núi Sài có nhiều phong-cảnh lạ, người thì thích chỗ nọ, người thì thích chỗ kia. Khi lên

núi, anh em đều tùy-ý tự-do. Ký-giả mới bắt đầu tìm đường đi lên chợ trời.

Chao ôi! mình nguyên vẫn là một phái ít tiền mà nhiều sự muốn. Bấy lâu dìu-dặt ở trong cuộc đời, muốn mua danh không đủ tiền mà mua, muốn chuộc lợi cũng không đủ tiền mà chuộc. Âu cũng muốn lên trời một chút, để ngó xem cái đường danh-lợi ở trên đó ra làm sao. Cho nên bấy lâu nghe cái tiếng « chợ trời », chẳng biết có quả là trời quả là chợ đấy hay không, nhưng lòng mình vẫn sẵn lòng hăm-hở. Khi đó lóp ngóp mà trèo lên.

Đường đi lên chợ trời, nguyên vẫn không có bậc đá mà đi lên, lởm-chởm quanh co, chẳng qua hòn đá nọ truyền sang hòn đá kia, người lên hư t ề con vượn leo vậy. Hôm ấy chửa phải là ngày chính- ội, cho nên đường đi lên chợ trờ', hãy còn vắng teo. Mình khi ấy cũng không có người đưa lên, chỉ nhận hòn đá nào hơi có vệt nhẵn, thì cứ hòn đá ấy mà trèo lên. Trông sang hai bên vệ đường đá, thì phần nhiều có những thứ trúc lăn-tăn ở khe đá mọc ra, trông cũng vui mắt. Kịp đi lên đến nơi, thì đã thấy một bọn năm bảy cô con gái, trạc độ mười-tám đôi-mươi, hoặc mười-lăm mười-sáu ; cô thì đứng, cô thì ngồi, đương cười nói chỉ-trỏ. Mình sực lên, hoảng-nhiên là cái chợ tiên-nữ vậy. Cô thì nói rằng: Mình tự thủa bé đến giờ mới lên chợ trời. — Cô thì nói rằng: Ngỡ là chợ trời có những gì! — Cô thì nói rằng : Chợ trời lại như chợ ta ấy ư! — Nghe những lời ấy, chẳng khác gì một bài nghiên-cứu về khoa-học thiên-nhân, mà giải-thích cho chợ trời đó. Trông ra thì thuần là mầu con gái nhà quê, chất phác tự-nhiên, lại chẳng khác gì cái hoa đào ở trong suối Vũ-lăng (1), chửa trải qua một hồi mưa Âu gió Mĩ vậy. Các cô ngồi đứng ở trên đó, độ một vài phút, rồi ù ù kéo xuống, thế là chợ tan ; lại hoảng-nhiên như người tiên-nữ chợt biến đi vậy. Còn một mình đứng lại, ngẫm-nghĩa ít lâu, thì chợ trời quả-nhiên là nhiều của lắm. Cỏ hoa bốn mùa, không bao giờ hết, gió mây bốn mặt, không cái gì ngăn. Duy cái *danh* với cái *lợi*, thì bởi đâu cũng chẳng còn, dòm đâu cũng chẳng thấy. Sẽ biết cái lời : « Chợ trời lại như chợ ta ấy ư! » của người thiếu-nữ vừa rồi, thật là một lời phán-đoán được chân xác mà lại có thú-vị vô-cùng.

Nhân lại nhớ đến cổ-nhân đã từng có một bài thơ vịnh « chợ trời » rằng :

Hóa-công xây đắp biết bao đời,
Này cảnh Sài-sơn có chợ trời.
Buổi sớm sương tan trưa nắng dãi,
Ban chiều mây họp tối trăng soi.
Bày hàng hoa quả tư mùa đủ.
Mở phố giang-san bốn mặt ngồi.
Bán lợi mua danh nào những kẻ,
Thử lên mặc-cả một đôi lời!

Xét ra, ý-nghĩa bài thơ này, cũng như ý-nghĩa lời phán-đoán của kẻ thiếu-nữ vừa rồi, có bề cao-thượng, có vẻ phong-lưu, lại có ý cảnh-tỉnh cho người đời. Chắc là thơ của một nhà cao-nhân kỳ-sĩ nào đó, chứ tưởng không phải là thơ Xuân-Hương.

Ký-giả nhân cũng chắp-nối mấy câu, đổi vần *trời* ra vần *chợ*, thay thất-ngôn ra ngũ-ngôn, biến thể luật ra thể cổ, để kỷ-niệm qua về sự lên chợ trời rằng :

Te-tái lên chợ trời,
Nghĩ mình đã hợm chửa.
Ngỡ chợ có những gì,
Chăng là hoa với cỏ.
Rực-rỡ năm sắc mây,
Ồn-ào bốn bên gió,
Hàng gương chị Hằng-nga,
Hàng lụa cô Chức-nữ.

(1) Vũ-lăng = Chàng ngư-phủ người đất Vũ-lăng, lạc lối vào cõi Đào-nguyên.

Ông rề trời dắt trâu,
Người khách tiên dắt chó.
Chợ lúc nào cũng vui,
Họp-hành kể từ thủa.
Mua bán không dùng tiền,
Người đời mới bẽ chứ!
Giá có vạn có nghìn,
Lên đây cũng xếp xó.
May sao móc túi ra,
Còn có năm ba chữ.
Tả lấy phong-cảnh trời,
Cho bõ công đi chợ.

Nhận ra thì chỗ chợ trời tức là chỗ tuyệt-đỉnh núi Sài. Trên đỉnh núi đá, có một chỗ đất phẳng hình tròn, rộng vào độ năm bảy bước chân, có thể dung được độ chín mười người. Chung-quanh lại có những hòn đá lởm-chởm mọc lên, tựa như cái câu-lơn. Một mé lại có hai hòn đá lớn nằm ngang, tựa như chỗ bán hàng. Ở chỗ đất phẳng, thì lún-phún có những vầng cỏ nhỏ. Ở chung-quanh thì thuần có một giống giứa (giứa ăn quả) ở kẽ đá mọc ra. Ở bên cạnh về mé tây, có một vài cây hoa đại, hình đã cổ, mà sinh-khí vẫn thấy nảy ra, hoa thơm phưng-phức. Cái quang-cảnh chợ trời ngày nay, trông cũng có khác cái quang-cảnh chợ-trời ngày xưa. Vì ở giữa chợ, lại thấy có một cái mốc lù-lù xây lên bằng gạch, xây vào độ mấy năm nay, cao độ ngót một thước tây. Cái mốc ở trên núi Sài ngày nay, chừng cũng như cái cột máy-đèn ở trên Ngọc-sơn hồ Hoàn-kiếm năm nọ vậy. Duy cái đất ở trên tuyệt-đỉnh núi đá, thì thuộc về thiên-tạo, hay là thuộc về nhân-tạo? Người để tâm về địa-chất-học, cũng nên nghiên-cứu.

Ký-giả đến lúc xuống, anh em lại gặp nhau cả ở cửa chùa Đỉnh-sơn 鼎山, người thì ở trên trời mới về, người thì ở trong hang mới ra, khi đó hỏi nhau cũng là một cái thú trong cuộc đi chơi núi.

Phong-cảnh chùa Đỉnh-sơn, có phần xinh lắm và thú lắm. Chùa thì ở trên núi, đường đi lên tuy ngoắt-ngoéo, nhưng đã có bậc đá, kể cũng là dễ đi. Thoạt tiên vào một cái quán ở bên chùa, quán này là quán mát-mẻ, thay-lẩy ở bên sườn núi, là nơi nhà chùa tiếp khách thập-phương. Ở trước cái quán tức là cái sân chùa Đỉnh-sơn. Bên kia cái sân, cũng có một cái quán; tức là chỗ bóng có bóng cậu múa-mang, hay hoặc bà Thượng-ngàn hạ-giáng gì đó, cũng là cái phong nực cười. Nhưng ở trên núi mà nghe có tiếng đàn tiếng chầu văn, thì nghe cũng vui tai. Ở giữa tức là chùa Đỉnh-sơn, chùa có một nếp nhà, làm kiểu thờ dọc, mà cũng thấp nhỏ, không lấy gì làm nguy-nga. Trong chùa có một bức tranh thập-điện cổ lắm, có lẽ là qúi lắm. Câu đối khắc có những câu: « *Hạp tịch huyền-cơ sơn hữu chủ, Xuy khư tinh-giới địa vô trần* 闔闢玄機山有主。吹噓淨界地無塵。» Xem câu đối ấy, với ngắm phong-cảnh này, không những là vui mắt, mà cũng xứng-tâm.

Ở ven chùa có một cái cửa xây. Trên có chữ đề rằng: « *Hiền-thụy-am* 顯瑞庵 ». Đôi bên có câu đối rằng: « *Tường-vân liêu-nhiễu thanh-sơn thượng. Linh-tích y-hi thúy-đỗng trung* 祥雲繚繞青山上。靈蹟依稀翠峒中。 » Trong cửa có một con đường hèm-hẹp, đi vào đàng sau chùa, thì tức là chỗ hang Thánh-hóa. Ngoài cửa hang có một cái đỗng, cao-cao nông-nông và sáng-sủa, tựa như một gian nhà. Ở mé sau cái đỗng chếch về bên tả, có một cái hang, hang ở trên lưng-chừng đỗng, cửa hang chỉ lọt một người chui vào; đường lên hang thì phải bắc một cái thang nho-nhỏ mà đi lên, lại phải bò xát vào sườn đỗng

một chút, mới có thể chui vào hang được. Hang thì cũng hẹp, chỉ có thể dung được độ vài ba người; mà tối om-om, thường phải thắp nến mà soi mới trông thấy hình-tích. Trong có một vệt trán và hai vệt chân. Tương-truyền khi ngài hóa, ngài in đầu và đỗ chân vào đá, đá lõm xuống mà thành vệt. Lại có sách chép rằng cái vệt ấy nguyên là cái vệt của tạo-hóa, ngài ướm chân vào, đúng với hình-thể ngài, khi ngài giải-thoát trần-duyên, ngài mới vào đấy ngài hóa. Cái lời sau, có lẽ là đúng hơn. Nhưng thế nào mặc dầu, đến bây giờ trông thấy đấy, há chẳng đủ ghi lấy một cái dấu-vết ông thánh trong Phật-học hay sao. Ở mé hữu bên ngoài đỗng, có một bài bia về hồi Lê Cảnh-thống, ông Chưởng-Hàn-lâm-viện-sự họ Nguyễn phụng-soạn ra, khắc vào vách đá có những câu rằng: « *Nguy bỉ danh-sơn, hồ-cứ long-bàn. Linh-tung thắng-tích, bảng-bạc kỳ gian. Duy tư thần-thạch, tinh thành sở cách. Diệu nhập kim-thân, hồn-dung vô-tích.* (巍彼名山。虎踞龍蟠。雲蹤勝蹟。磅礴其間。怪森神石。精誠所格。妙入金身。渾融無迹。) Đại-để là những lời tán-tụng cái núi này là lạ, kỳ-niệm cái dấu vết này là linh. Lời văn cũng kỳ-tuấn thần-ảo, xứng-đáng với núi này hang này.

Trước cửa chùa Đỉnh-sơn, lại có một phiến núi cao lên, mà vuông-vắn phẳng-phiu, chừng độ bốn năm gian nhà; dân ở đấy gọi là chỗ vườn-trúc, vì năm xưa trúc mọc rậm lầm. Hiện nay thì trúc đã phá quang đi rồi, mà phiến núi ấy còn để không, trên núi đá mà lại có phiến đất vuông-vắn phẳng-phiu, thì chùa này còn có thể mở-mang ra được đẹp nữa. Hỏi ra thì tương-truyền rằng phiến đất ấy tức là chỗ thư-viện của một người hiền-tướng nhà Triệu là ông Lã Gia 呂嘉 thủa xưa. Coi cũng xinh thay mà cũng quí thay!

Khi xuống núi, mới cùng nhau vào nghỉ-ngơi một chốc ở trong đình làng Thụy-khuê. Đình cũng ở liền ngay bên cạnh chùa, đình rộng và cổ, thờ một vị danh-tướng nước ta về hồi Thập-nhị Sứ-quân là ông Đỗ Cảnh-Thạc 杜景碩, cũng xứng-đáng là một vị danh-thần. Trước sân đình có một cây cổ-thụ, gọi là cây trôi, cây thì thật là to-lớn, cành xòe ra bốn bên, mà lại có dáng bé xinh, ngoằn-ngoèo cổ-quái; cây ở sân đình mà lại tựa như cây ở trong chậu, gốc kia ai hãm, cành kia ai uốn? Ông tạo-hóa cũng tỉ-mỉ thế ư? Cái cách chơi cây của Đông-phương ta, thường hay chơi cái cây cổ-thụ ở trên chậu. Cái cách ấy là cái cách tỉ-mỉ, ký-giả bình-nhật vẫn không ưa. Nay thấy cái cây ấy, bất-giác phải bật cười.

Làng Thụy-khuê lại tức là làng ông Phan Huy-Chú 潘輝注, ông Phan tức là một vị danh-nho về hồi Bản-triều Gia-long Minh-mệnh ta, làm ra bộ sách *Lịch-triều-hiến-chương* 歷朝憲章 vậy.

Chúng ta trong cuộc đi chơi này, không những cảm-tưởng về một sự-tích ông thánh Từ đó mà thôi, lại có phần cảm-tưởng về khí-tiết một vị trung-thần, công-nghiệp một vị sứ-quân, văn-sự một vị danh-nho nữa. Cái lịch-sử ba vị ấy, cũng có thể đối với núi Sài này, mà còn mãi ở thiên-địa-gian, người Nam há quên được hay sao! Nay cũng xin kể qua ra đây, để tô-điểm thêm cho về núi.

Kể về lịch-sử ông Lã Gia. Ông Lã Thái-phó là một vị nhân-vật có quan-hệ với sơn-hà xã-tắc nhà Triệu. (Triệu-Nam-việt). Chẳng may nhà Triệu đến lúc hỏng, bị một cái gái đa-tình là nàng Cù-hậu 樛后 thì-thọt với Hán-sứ, đem cơ-nghiệp nhà Triệu làm một món đồ để tặng trai.

Chém cha con dĩ đánh bồng,
Ăn cắp tiền mẹ mua hồng cho trai.
Ngỡ là mua một mua hai,
Ai ngờ mua cả trăm hai quả hồng!

Ả Cù ăn cắp tiền nhà Triệu, đem mua rượu thết-đãi Hán-sứ, ngỡ là một chén hai chén, ai ngờ đem cả sơn-hà xã-tắc nhà Triệu thuộc về Hán-đình. Ông Lã bấy giờ làm tể-tướng sung chức Thái-phó, thương vua yêu nước, nổi giận đùng-đùng, tự xuất tử-đệ của mình làm gia-binh, vào thành, đem mẹ con Cù-hậu lẫn một tụi Hán-sứ nhất-tề giết sạch. Tuy cơ-đồ đã long-lở, sự-thế đã lìa-tan, nước Triệu cũng chẳng phục được nào, mà kẻ trung-nghĩa cũng chẳng sống được nào ; nhưng cái gươm của ông Lã-Thái-phó bấy giờ, cũng đã hách thay! Mà thiên-hạ về sau, nghe những sự đó, cũng đã sướng thay! Nghe đâu mẹ ông Lã là người làng Đa-phúc, thủa ông thiếu-thời, ở quê mẹ học-hành, cho nên ông có cái thư-viện ở trên núi Sài. Lại ở trên núi Sài hiện nay, cũng có một cái lăng bằng gạch xây lên, gọi là lăng Triệu-vương, không biết là lăng vua Triệu nào, lại không biết vì sao vua Triệu lại có lăng ở đấy, sử-sách còn khuyết-lược, chửa biết đâu mà dò. Hiện nay ở ven núi Hoàng-xá có đình thờ ông Lã Gia. Đình cũng cổ và nghiêm-trang. Trong đình có câu đối rằng : « *Vị quán Triệu-ban, lịch-đại bao-phong lưu hiển-tích. Miếu y Hoàng-lĩnh, thiên-thu phụng-tự hạ thần hưu* » 位冠趙班。歷代褒封留顯蹟, 廟依黃嶺。千秋奉祀荷神庥。Dân ở đấy thờ ông Lã làm phúc-thần.

Kể về lịch-sử ông Đỗ Cảnh-Thạc khi chúng ta vào nghỉ trong đình Thụy-khuê, trông thấy có câu đối rằng : « *Thảo muội tế thời truân, Đỗ-đồng hùng-đồ cao thập-nhị. Huân cao lưu vượng-khí, Sài-nham hiền-tự hợp tam-hương* » 草昧濟時屯。杜洞雄圖高十二, 勳高留旺氣。柴巖賢祀合三鄉 Đã biết ngay là đình thờ ông Đỗ sứ-quân. Xét ra, ông Đỗ là một người có giá-trị nhất trong bọn Thập-nhị sứ-quân. Vì ông có cái công-nghiệp giúp vua Nam-Tấn 南晉, đánh đuổi Dương Tam-Kha 楊三哥, khôi-phục được thống-hệ triều Ngô. Sau thiên-hạ loạn, ông mới ra cát-cứ đất Đỗ-đồng-giang 杜洞江, làm một vị hùng-trưởng một phương đó. Lại xét ra, Đỗ-đồng-giang, nay thuộc tỉnh Hà-đông, huyện Thanh-oai, hiện nay làng Bảo-đà trong hạt Thanh-oai, còn có dấu-vết thành cũ quan Đỗ sứ-quân. Ở đây thì hiện nay Thụy-khuê, Đa-phúc, Sài-khê ba làng thờ ông. Không biết vì sao công-nghiệp ở Đỗ-đồng, mà lại hiển-tích ở Sài-nham ? Cái đó còn phải đợi xét.

Kể về lịch-sử ông Phan Huy-Chú. Ông Phan Mai-phong sở-dĩ đối với quốc-dân ta mà có cái công-đức vô-lượng, cái giá-trị vô-song, là vì ông có làm ra một bộ sách *Lịch-triều hiến-chương loại-chí* 歷朝憲章類誌, để lại cho quốc-dân. Bộ sách ấy có bốn mươi chín quyển. Trong bộ chia ra có địa-dư 地輿, nhân-vật 人物, quan-chức 官職, lễ-nghi 禮儀, khoa-mục 科目, quốc-dụng 國用, hình-luật 刑律, binh-chế 兵制, văn-tịch 文籍, bang-giao 邦交, mười mục. Phàm những sự điển-cố thuộc về tinh-túy nước ta, tìm-tòi biên-tập hồ đủ, thật là một kho tài-liệu quí-báu về sự khảo-cứu cho quốc-dân. Quốc-dân ta ví như cái cây, bộ sách ấy ví như cái rễ. Bộ sách ấy là bộ sách gốc-tích người Nam ; phàm làm người Nam, ai ai cũng nên biết đến bộ sách ấy. Chỉ hiềm rằng bộ sách ấy chửa có bản in, mới có mấy bản viết mà thôi, cho nên quốc-dân ta còn ít người được biết. Mới đây bản-chí đã dự-định đem toàn-bộ sách ấy, dần-dà lần-lượt, đăng-lục về phần chữ nho,

để cống-hiến cho quốc-dân. Độc-giả nên hiểu cho rằng pho truyện *Thúy-Kiều* của ông Nguyễn-Du, sở-dĩ quí, là quí về phương-diện quốc-âm ; bộ *Lịch-triều-hiến-chương* của ông Phan Huy-Chú, sở-dĩ quí, là quí về phương-diện gốc-rễ. Chỉ ước-ao rằng quốc-âm sao cho phát-đạt, gốc-rễ sao cho vững-bền, hai đường ấy đều có quan-hệ về nòi giống quốc-dân ta cả.

Ông Phan Huy-Chú tên tự là Lâm-Khanh 霖卿, tên hiệu là Mai-phong 梅峯, tiên-tổ nguyên là người Nghệ-an, sau thiên-cư ra tỉnh Sơn-tây, phủ Quốc-uy, làng Thụy-khuê, được mấy đời rồi đến ông. Nhà ông là một nhà đại-gia về hồi Lê Nguyễn, họ Phan cũng là một họ đại-tộc trong tỉnh Sơn-tây. Ông sinh về cuối năm Cảnh-hưng nhà Lê, thiếu-thời đã nổi tiếng là văn-học. Sang Nguyễn-triều Gia-long ta, đỗ hai khoa tú-tài. Đầu năm Minh-mệnh, có dâng bộ sách *Lịch-triều-hiến-chương*, được triệu-bổ làm chức Hàn-lâm-biên-tu. Rồi làm quan đến Thừa-thiên phủ-thừa, Quảng-nam hiệp-trấn ; hai lần sang sứ Tàu, một lần sang sứ Tây, rồi nghỉ quan về dạy học ở làng Thanh-mai 青梅. Đến năm Minh-mệnh thứ 21 ông mất, thọ được năm mươi chín tuổi. Ông đối với cuộc đời, đã kể là gian-lao lịch-duyệt, mà ông đối với mùi đời lại đạm-bạc như không. Coi nhân-vật ông, thực cũng xứng-đáng với bộ sách ông. Đến bây giờ quốc-dân ta trông thấy ngọn núi Sài nghiêm-chỉnh nguy-nga, tầng-tầng lớp-lớp, đột-khởi giữa đất bình-nguyên, cũng như trông thấy ông vậy.

Nhân vào xem nhà thờ họ Phan, nhà thờ cũng ở gần bên núi, thấy đề là *Phan-Bình-chương từ* 潘平章祠, là nhà thờ các cụ Phan thượng-thư. Cửa nhà thờ có câu đối rằng : «*Đức thiệu niên tôn thiên-hạ lão. Hoạn thành danh lập đại-phu hiền* 德邵年尊天下老, 宦成名立大夫賢.». Phong-cảnh nhà thờ, cũng không thấy sửa-sang gì cho sẳng-khải lắm. Nhưng kẻ quan-giả cũng còn tưởng thấy cái phong-vị đại-gia.

Bấy giờ trời đã xế chiều, cùng nhau đàm-đạo một lúc ; người thì lên xe về Hà-nội, người thì còn ở lại xem hội chùa.

Đệ-niên cứ đến ngày mồng bảy tháng ba ta, là ngày hội chùa Thầy, sĩ-nữ thập-phương, đến du-quan đông lắm. « Bơi Đăm, rước Giá, giã La, hội Thầy, » đều là những cuộc hội-hè rước-xách có danh-tiếng ở chung quanh miền đó. Xem ra cái quang cảnh các hội nọ, giản-hoặc cũng có khác xưa. Duy cái quang-cảnh hội Thầy, thì năm nào năm ấy, vẫn náo-nức như cũ. Cho nên đến ngày hội thì đông lắm, tự trên núi cho đến cửa chùa, cơ-hồ không có chỗ lách chân. Đứng ở dưới cửa chùa mà trông lên trên lối đi chợ trời, tựa như đàn kiến leo lên leo xuống ở cái gốc cây to, sắc đen, sắc đỏ, sắc trắng, sắc nâu, đủ các sắc kiến, cũng là một cái quang-cảnh lạ mắt.

Xem ra thì nhân-vật miền Sơn-tây, phần nhiều còn là nhân-vật chất-phác, theo lối cổ-phong. Nhất là các cô con gái, phần nhiều thấy mặc cái áo đổi vai, tựa như áo vá, nửa trên mầu nâu-non hoặc mầu cánh-gián, nửa dưới mầu hạt-dền hoặc mầu nâu-già, đường kim mũi chỉ lại thấy tinh-tế hẳn-hoi, áo vải cho đến áo lụa áo the, áo cũ cho đến áo mới, người nghèo cho đến người giàu cũng vậy. Lối ấy tuy là cổ-phong, nhưng ta cũng thử nên nghiên-cứu. Nhân hỏi một bà cụ rằng vì sao các cô con gái lại mặc cái áo vá đi xem hội ? Bà cụ giải-thích cho rằng đó là thủa nhỏ cha mẹ dạy về đường cần-kiệm ; khi lớn lên, các cô cũng quen đi, lấy thế làm sang, chứ cũng không lấy thế làm rợ. Vả lại con gái thì phải biết khâu biết vá, mặc cái áo ấy đi ra ngoài, cũng có ý phô đường kim mũi chỉ với chị em. — Nghe nói mà lấy làm kinh thay !

Chả trách câu ngạn có câu rằng : « *Nhác trông em cái áo vá vai, thầy mẹ em vá hay tài vá nên, cái mụn vá em trông cũng có duyên* » Nhưng cách ăn-mặc cũng nên thông-dụng đi một chút, miễn là đừng có học thói chua-ngoa, để cho họ-hàng ghét bỏ người ta chê cười thì thôi. Nếu cứ như vậy, thì ra mặc áo vá cả đời, cũng khí thiệt cho vẻ con gái. Lại cái yếm thì cũng phần nhiều còn thấy yếm cổ xẻ, phần ít thấy yếm cổ xây. Yếm cổ xẻ cũng là một cách cổ-phong, ở cổ yếm có thêu một con nhạn. Cho nên câu hát có câu rằng : « *Yếm cấp huê em để con nhạn, biết bao giờ cho nhạn biết bay !* » Ôi ! con nhạn chất-phác kia, bấy lâu vì không biết chữ, mà đứng về cái địa-vị kém-cỏi, cũng nên có ngày học-vấn mà biết bay. Nhưng thiết-tưởng bay thì nên bay cho phải đường, chớ nên bay mà lạc lối. Cho nên khi nhạn đã biết bay, lại có phần nguy-hiểm hơn khi nhạn chưa biết bay vậy.

Ký-giả khi ấy mới tránh chỗ đông người, đi ra chỗ vắng người. Mới đi ra mé ở bên làng Thụy-khuê. Mé ấy đá thẳng như vách dựng, mà cây-cối lại mọc nhiều, có bề hùng-tuấn, có vẻ thanh-u. Mới đi lên một cái chùa nữa ở trên núi, gọi là chùa Một-mái. Nghĩa là nhân cái đồng mà làm ra, chùa chỉ có một mái đàng trước, còn đàng sau tức là cái đồng, bụt ngồi nhô-nhố cả ở trên tòa đá, kiểu chùa cũng lạ ! Ở gần chùa lại có một cái hang, mới vào chỉ lọt người đi, vào độ dăm bước, cũng thấy hơi rộng dần ra, Trong hang cũng thấy có dấu-vết đề-khắc về cổ-đại, nhưng cũng đã mờ. Vì cái hang ấy hồng đôi dầu, lúc nào cũng thường có gió lùa, đứng ở trong hang mát lắm, người ta gọi là hang gió. Trên tuyệt-đỉnh ngọn núi ấy, lại có một tòa miếu thờ ông Quan-đế ; miếu cũng khá rộng, có hai lớp nhà, cây-cối lại um-thùm mát-mẻ, mà người lên xem đây cũng chỉ loáng-thoáng có ít người, đối với chỗ hội chùa ở bên kia, lại riêng ra một bầu thế-giới khác. Về đàng sau miếu một chút, trên núi lại có một cái hang, trong hang có một cái hình ông Phật đá, mới tìm thấy vào độ mấy năm nay, không biết là tự đời nào tạc ra, người ta gọi là chùa Bụt-mọc.

Đến như cái hang Thần, tức là hang Cắc-cớ, thì lâu nay cũng ít có người dám vào, cửa hang thì hẹp nhỏ, đứng ở ngoài mà trông vào, thì chỉ thấy tối om-om. Nghe người ở đấy nói : Trước kia đã từng có người mạo-hiểm mà đi vào, khi ra có thuật lại rằng cái hang ấy thật là vô-cùng, đi mãi không thấy hết, khi vào phải dự bị một túi trấu, hay hoặc một túi giấy vụn, để đánh dấu lấy lối ra, và mấy bao nến nữa ; đốt nến mà soi, thì thấy có chỗ vũng ra cao rộng như tòa nhà, có chỗ lấp-lánh như đá kim-cương, trong hang lại ngóc-ngoách ra năm bảy cái hang nữa, nếu lạc lối thì nguy ngay ; lúc ra phải nhận lấy chỗ mình đánh dấu trước mà đi ra. Nay xét ra, cái hang ấy âu cũng là vì thế mà gọi là hang cắc-cớ, cắc-cớ nghĩa là trắc-trở đấy thôi. Vào trong hang ấy cũng như vào cõi quỉ-thần, cho nên gọi là hang thần. Cái hang ấy nếu có chỗ thông-thiên, khiến cho ánh sáng mặt trời soi vào được, thì cảnh Sài-sơn chưa biết còn lạ đến thế nào. Âu cũng là ông tạo-hóa ghét người đời ha-tò-mò, khi tò-mò ấy, ngâm-đề phần ít nên câu, mà lại hay ngâm-đề ; đục khắc phần ít nên giá-trị gì, mà lại hay đục khắc ; không khỏi khiến cho vẻ non nước kém mất chiều linh-tú đi. Cho nên ông tạo-hóa còn huyền-bí cái kỳ cái diệu đó, mà chưa chịu ngỏ ra chăng.

Ký-giả nhân còn ở chơi lại trong phủ-thành Quốc-uy ; ngày hôm sau, nhân buổi êm trời, có dạo xe lên chơi núi Đồng-lư nữa. Núi Đồng-lư là một trái núi đất, đất lẫn có đá vụn, đá đỏ như son. Núi ở chếch về mé tây-nam phủ-thành, cách phủ-thành cũng hơi

xa, phải đi một độ xe, chứ không gần như núi Hoàng-xá. Núi thì kề ngay ở mé tây-ngạn con sông Hát, ngày mùa nước, cũng có thứ cát đỏ ở Nhị-hà vận về bồi ở chân núi, cho nên chân núi cũng có một cánh bãi mênh-mông, mà cư-dân cũng làm nhà trồng cây ở cả lưng chừng núi. Ở dưới chân núi, có một con đường đi vòng núi, xe ngựa có thể thông-hành được, tức là con đường Quốc-uy với Hoài-đức hai phủ giao-thông. Khi ấy giữa về tiết tháng ba, giống thực-vật đương cái thời-kỳ phát-sinh. Đứng ở trên đường mà trông, nào cây ở trên núi, nào trúc ở bên làng, nào dâu ở trong bãi, nào lúa ở bên đồng, rõ thật trên trời dưới đất, cùng một sắc xanh, mà ngảnh lại trông quần áo mình, hình như cũng nhuộm lấy mầu xanh vậy. Khi lên núi thì đất núi thấy vàng hoe, đá núi thấy tím ngắt, hoặc thấy đỏ ối, rõ ràng là một cái núi sản ra son. Nhân lại nhớ đến cái phong các thầy đồ ngồi gõ đầu trẻ năm xưa, kể cũng đã là hại son. Nhưng cũng là vì cái son ấy, mà chế-luyện ra được một nền luân-lý cho quốc-dân, vẽ-vời ra được mấy bức công-nghiệp của lịch-đại anh-hùng, tô-điểm ra được một bộ quốc-sử trong mấy nghìn năm, thì cái son ấy đối với quốc-dân ta, còn có quan-hệ về phần hồn, chưa có thể quên đi được, nhân nhặt lấy một hòn mang về để kỷ-niệm. Núi này cũng không có phong-cảnh gì, cổ-tích gì ; chỉ trên núi có một cái chùa của làng Đồng-lư, và chân núi có một cái rừng, đầu rừng có một cái quán của làng Sơn-lộ mà thôi.

Tuy vậy, ký-giả khi đứng ở trên đỉnh núi Đồng lư, cơ-hồ thu-thập được cả toàn-hạt Quốc-uy vào trong nhãn-giới, trên tự núi Sài-sơn đổ xuống, dưới tự núi Tiên-lữ kéo lên, phía tây-bắc tức là dải rừng Ngang giáp với tỉnh Hòa-bình, phía đông-nam thì vạch liền ngay con sông Hát-thủy giáp với tỉnh Hà-đông. Nhân xét ra, phủ Quốc-uy đối với quốc-sử cũng có một phần giá-trị, vì phủ Quốc-uy cũng có quan-hệ với quốc-sử ít nhiều. Một là cái phương-diện quân-sự của lịch-đại. Như vua Lê-Thái-tổ 黎太祖 mấy phen ra đánh quân Minh, ông Trịnh Tùng 鄭松 mấy phen ra dẹp họ Mạc ; thường qua núi Tam-điệp, rẽ sang đạo Mĩ-lương, thu phục lấy thành Quốc-uy rồi tiến lên trấn Sơn-tây, sang sông Nhị-hà, tranh lấy đất Kinh-bắc và đất Hải-đông, khiến cho thành Thăng-long là chỗ trung-tâm của giặc có cơ nguy-hiểm. Xem như một sự ông Đoàn Phát 段發 là tướng vua Lê-Thái-tổ bấy giờ chém được Minh-tướng là Trần Hoằng 陳弘 ở Quốc-uy, thu-phục được thành Quốc-uy mới tiến quân lên Thạch-thất để khiêu-chiến với Minh-tướng là Chu Vinh 朱榮, quân ông Đoàn khi ấy nổi tiếng là Quốc-uy-quân, rồi liên-hợp với cánh quân Tam-đái (nay Vĩnh-an) của ông Nguyễn Trãi 阮薦 ở bên kia sông Nhị-hà, xem vậy thì khác rõ. Hai là cái phương-diện phòng-tiệt giặc Mán, giữ-gìn cho cuộc trị-an của lịch-triều. Hạt Quốc-uy tiếp-cận ngay phía rừng Ngang, các giặc Mán ở rừng Ngang thường hay ra quấy nhiễu, Quốc-uy cũng là một chỗ yếu-địa trong hạt Sơn-tây. Xem như một việc năm nhâm-tuất, về hồi Tự-đức thập-ngũ-niên, phủ Quốc-uy bấy giờ có bị cái giặc Mán, tưởng nó là Bạch Công-Chân 白公眞 ra quấy nhiễu, cụ Tiến-sĩ Nguyễn Hữu-Tạo 阮有造, phải lĩnh chức Hồng-lô ra tỉnh Sơn-tây thương-biện quân-vụ, giúp quan Hộ-đốc Nguyễn Bá-Nghi 阮伯儀, để chiêu-phủ man-khấu ; khi cụ đem quân xuống Quốc-uy, cụ chỉ làm chước chiêu-an, không chém giết một người nào, những kẻ đầu-mục ở Quốc-uy đều là học-trò cụ cả, hết lòng giúp thầy, không ai theo giặc nữa, Bạch Công-Chân mới bỏ hạt Quốc-uy mà ra đầu-hàng, sẽ biết cái phép hành-quân của người nho-tướng, và cái nghĩa thầy-trò ở trong nho-giáo.

lại xem vậy thì khắc rõ. Ký-giả đứng ở trên núi Đồng-lư ít lâu, nửa phần sùng-bái cái công-nghiệp của đấng anh-hùng, nửa phần tưởng-tượng cái đức-vọng của đấng nho-giả, lòng son cũng lai-láng bồi-hồi lắm thay! Trông sang ngọn núi Sài ở bên kia, thì đám mây chiều quanh-co bảng-lảng, đã thấp xuống nửa vời, mới xuống núi lên xe đi về phủ.

Phủ-thành Quốc-uy mới đây độ vài mươi năm, đã kinh-qua một hồi đem phủ-thành chia ba, bán đi mất ngót hai phần cho dân, cho nên cái hình-thế phủ-thành không trang-nghiêm như trước nữa; ông phủ Nguyễn Quí-Toản lấy làm ân-hận về sự đó lắm. Hiện nay chỉ còn một cái góc thành bằng đất, trông ra hình lục-lăng, với một cái pháo-đài bằng gạch, đã hủy-hoại mất nóc đi rồi, mà trông vẫn ra hình lực-lưỡng kiên-cố, là thuộc về dấu-vết cổ mà thôi, ông phủ hiện đương có chí bảo-toàn lấy những dấu vết ấy, Ông phủ lại có cụ tổ là cụ Nguyễn Văn-Thành trước kia đã từng làm tri-phủ Quốc-uy, cụ có chính-tích, dân Quốc-uy hiện còn chửa quên, cho nên ông phủ đối với cái thành cổ phủ Quốc-uy và dân hạt Quốc-uy, phần nhiều lại có cảm-tình. Nhân khi đàm-đạo, mới hỏi chính-kiến ông phủ Quốc-uy. Ông nói phàm làm quan, cần nhất là giúp cho kẻ lương-thiện, và trừng trị dạy-dỗ cho kẻ du-dân, nên khi về nhiệm-chức, bắt đầu chỉnh-đốn ngay việc tuần-phòng, xét nét ngay những kẻ du-dân phải có nghề-nghiệp không được du-thủ du-thực. Nếu trên tự quan-nha, dưới đến tổng-lý, chỉ tô-điểm lấy sự tốt, che đậy những sự xấu, mà làm ngơ cho những đứa bất-lương, đó là một sự đại-hại cho dân; đối với lương-tâm, không nỡ như thế. Lại những sự-tích các danh-thần, lịch-sử các danh-gia, cùng là thời-đại kiến-trúc những đình chùa miếu-vũ của các làng, thừ-đệ bảo dân kê xét mà vựng-khai cho chân-thực rõ-ràng, để bảo-tồn lấy cổ-tích. Lại dân phủ Quốc-uy xưa nay, không có nghề-nghiệp sinh-hoạt gì to-tát khác, chỉ có nghề nông là tính-mệnh; thừ-đệ cũng bảo dân lập lấy một cái nông-đoàn, để giúp-đỡ nhau. Ông nói những điều đó là những điều ông thực-hành, không phải là lời không-ngôn. Sẽ biết phàm trong phái chính-trị, thực-hành-gia hơn là lý-tưởng-gia.

Ký-giả nhân lại xét cái phong-trào ở dân-gian ngày nay, vui-vẻ nhất là cái phong-trào cải-lương. Duy thế-lực làng ấy đủ cái tư-cách cải-lương, và nhân-vật làng ấy có cái thành-tâm cải-lương, thì việc cải-lương sẽ nhanh có thành-hiệu được. Trong hạt Quốc-uy, mười tổng, năm-mươi-tám xã, hiện nay cải-lương cũng đã hồ khắp, nhưng cũng ít làng đã có thành-hiệu. Xem ra đủ cái tư-cách cải-lương hơn nhất là làng Sơn-lộ, vì người nhiều của nhiều. Cái tư-cách dầu quí, nhưng cái thành-tâm thì lại quí hơn. Có cái thành-tâm cải-lương hơn nhất là làng Hoàng-xá, việc chính-trị, việc tục-lệ, việc sinh-hoạt, việc vệ-sinh, việc học-hành, đều dần-dà có khởi-sắc hơn các làng. Làng ấy lại có một cái bia đá, thấy đề rằng: « *Hoàng-xá tam xã trại cải lương kỷ niệm bi*, 黃舍三社寨改良紀念碑, » mới dựng lên ở đầu núi Hoàng-xá, và có hai cái cột hoa-biểu mới xây, thấy khắc một câu rằng: « *Bán thiên đặc lập văn-minh giới. Phiến thạch tràng lưu kỷ-niệm bi.* 半天特立文明界。片石長留紀念碑。 » Những cái ấy, may ra cũng không phải là cái đồ phấn-sức ở bề ngoài. Nghe đâu làng Hoàng-xá có một ông hưu-quan là ông phủ Nguyễn Duy-Luyện, tuổi đã già, mà có nhiệt-thành lắm, cho nên việc cải-lương mau có thành-hiệu. Sẽ biết dân-gian ta vẫn có một cái nền nếp sẵn. Trong dân-gian vẫn có câu rằng: « *Thượng hành hạ hiệu, thượng mục hạ hòa.* » Lại có câu rằng: « *Thượng bất chính, hạ tắc mạn.* » Thế

thì cái trách-nhiệm của các ông hữu-quan đối với việc cải-lương có phần to-tát, mà cái danh-dự của các ông hữu-quan đối với việc cải-lương cũng có phần quan-hệ. Chỉ ước gì cái hương-vị của các nhà cúc-tùng, ngào-ngạt ra khắp nơi dặm phần ngõ hạnh ở trong hạt Bắc-kỳ này, thì chẳng quí lắm thay!

Ký-giả khi về đến nhà, chợt có một ông khách lại chơi, hỏi rằng «: Ông đi chơi Sài-sơn, có mang được cái gì về đấy hay không?» Ký-giả nhân đem một tập thơ khi lên Sài-sơn sao-lục được của các danh-gia đề-vịnh ra cho khách xem. Đại-khái thơ cụ Đinh Thời-Trung 丁辰中 có những câu rằng: « *Địa khoan tiên đắc nguyệt; Đồng cổ tảo tri thu; Điểu khước ba gian túc, Ngư phiên mộc mạt du.* 地寬先得月。洞古早知秋。鳥却波間宿。魚翻木末游。» Thơ cụ Nguyễn Siêu 阮超 có những câu rằng: « *Bán nham trang tự trích. Nhất kính nhập sơn u. Chướng trục liên bình-dã. Yên-hà túc tiểu-lâu.* 半巖莊寺窄。一徑入山幽。嶂軸連平野。烟霞宿小樓。» Cụ Cao Chu-Thần 高周臣 cũng có câu rằng: « *Tà-nguyệt quá sơn lưu tố-ảnh. Qui vân đái thụ ủng cô-bình. Bương môn trú hữu yên lam hợp. Cách lĩnh thời văn chung khánh thanh.* 斜月過山留素影。歸雲帶樹擁孤屏。當門會有烟嵐合。隔嶺辰聞鐘磬聲。» vân-vân. Nhân lại đem hòn son lấy tự núi Đồng-lư về ra phô khách. Khách nhân mài son, cầm bút ra khuyên-khuyên điểm điểm, nào là phán-đoán, nào là phê-bình, làm cho trên tờ giấy đỏ rọi những son. Rồi trỏ vào hòn son mà nói rằng: « Chất cố-nhân vẫn rắn lắm, mầu cố-nhân vẫn tươi lắm! Hiện nay nền giáo-dục cho đến nền quốc-văn, còn nhờ tài-liệu về cố-nhân lắm đấy, cố-nhân đừng quên xã-hội, xã-hội chửa quên cố-nhân đâu. » Khách lại trỏ vào tập thơ mà nói rằng: « Thơ cụ Nguyễn có thể tranh-bá với thơ ông Lý Thái-Bạch, thơ cụ Đinh có thể tranh-hùng được với thơ ông Đỗ Thiếu-Lăng. » Sẽ biết các cụ ta ngày xưa học chữ Tàu, là học được đến nơi, không phải là học dở mùa, là học được cái tinh-hoa, không phải là học được cái bã-cặn. Núi Sài kia cũng vẻ-vang thay!

TÙNG-VĂN

KHẢO VỀ HỌC-THUYẾT MẶC-TỬ (1)

II

Phép Tam biểu của Mặc-tử

(墨子之三表法)

Bài trước chúng ta đã khảo về các phương-pháp triết-học của họ Mặc, bài này xin nói qua về cách luận-chứng (論證) của Mặc-tử ra thế nào. Muốn biết về cách luận-chứng của triết-học họ Mặc, thì không chỉ bằng xét phép « tam-biểu » của họ Mặc vậy.

Sao gọi là tam-biểu? Tức là ba cái tiêu-biểu để xét việc. Trong thiên *Phi-mệnh* Mặc-tử nói rằng: « *Lời nói phải định cái nghĩ-chuẩn trước rồi sẽ nói, nói mà không hợp nghĩ-chuẩn, thì sự phải trái lại hại không rõ-ràng. Cho nên nói phải có ba cái tiêu-biểu. Ba cái tiêu-biểu là gì?* BẢN (本), NGUYÊN (原) *và* DỤNG (用). *BẢN là trên phải lấy những*

(1) Xem *N.-P.* số 91.

việc các thánh-vương ngày trước làm căn-bản ; NGUYÊN *là dưới phải xét về sự nghe thấy của mọi người làm nguyên-nhân ;* DỤNG *là xét nghĩ lời nói ấy thi-hành ra sự hình và chính, thì đối với nước và dân có lợi gì không. Ấy gọi là tam-biểu ». (Đoạn này trích-lược trong thiên Phi-mệnh).*

Trong ba cái tiêu-biểu nói trên này, cái thứ nhất (本) và thứ hai (原), nhiều khi lẫn nhau không được rõ lắm, chỉ có cái tiêu-biểu thứ ba (用) là cái công-phu xét-đoán về sau cùng, xem thế thì đủ biết ông Mặc-tử chú-trọng về mặt « thực-tế ứng dụng » (注 隙 應 用).

Nay xin trích những lời ông Mặc tử đã chép trong thiên *Phi-mệnh* mà chứng về cách luận-chứng của họ Mặc đối với ba cái tiêu-biểu ấy, như sau này :

Về biểu thứ nhất. — Lấy những việc các thánh-vương ngày trước làm căn-bản. Ông nói rằng : « *Người quân-tử đời bây giờ, hoặc cho việc gì cũng có* mệnh, *thế thì đã từng xét những việc của thánh-vương ngày xưa ư ? Ngày xưa vua Kiệt* (桀) *sở-dĩ loạn, vua Thang* (湯) *kế theo mà trị : vua Trụ* (紂) *sở-dĩ loạn, vua Vũ-vương* (武王) *kế theo mà trị. Cũng là đời ấy và dân ấy mà thuộc về Kiệt, Trụ thì thiên-hạ loạn, thuộc về Thang, Vũ thì thiên-hạ trị, như thế có thể gọi là có* mệnh *ư ?.... Những hiến-chế, pháp-luật và lời thề-nguyện của các bậc tiên-vương ngày trước, có chỗ nào nói rằng phúc không nên cầu, họa không nên tránh, kinh-nhường không ích và làm sự bạo-ngược cũng không hại gì ư ? »*

Về biểu thứ hai. — Phải xét về sự nghe thấy của mọi người làm nguyên-nhân. — Ông nói rằng : « *Ta sở-dĩ biết mệnh có cùng không là lấy sự thực của tai mắt mọi người mà biết được, hễ tai có nghe, mắt có thấy thì gọi rằng có, nếu không nghe không thấy thì gọi rằng không . . Từ xưa đến nay có ai thấy cái hình gì của mệnh hay là nghe cái tiếng gì của mệnh không ? Thật chưa hề có ai nghe thấy vậy. »*

Về biểu thứ ba. — Xét về sau thi-hành ra sự hình-chính thì đối với nước và dân có lợi gì không. — Ông nói rằng : « *Nay cứ như lời những người chủ-trương về sự có mệnh nói, người trên thưởng là vì cái mệnh người ấy vẫn được thưởng, chứ không phải vì người hiền mà được thưởng ; người trên phạt là vì cái mệnh người ấy vẫn bị phạt, chứ không phải vì người có tội mà phạt. Nếu cứ như lời nói ấy mà thi-hành ra sự cai-trị, thì sinh ra trộm cướp, giữ thành thì thành phải mất, vua có nạn thì không ai tử-tiết và khi xuất-vong thì không ai đưa đón. Những dân cùng-đinh vì chỉ biết ăn uống mà không lo làm việc, cho nên không đủ dùng mà sinh ra cơ-hàn, nếu không biết cái sự cơ-hàn ấy là vì mình không có tài và không làm việc, thì tất-nhiên đổ cho rằng sự nghèo là tại mệnh của mình vẫn phải nghèo ; những vua bạo-ngược mất nước nhà, nghiêng xã-tắc, nếu không biết sự nghiêng mất ấy là vì mình không hiền và chính-trị không giỏi, thì tất đổ cho rằng vì cái mệnh mình phải bị mất nước. Nay việc gì cũng cho là có mệnh, thế thì trên không cần phải lo việc chính-trị, dưới không cần phải làm việc, mà trên không lo chính-trị thì chính-trị loạn, dưới không làm việc thì của-cải không có mà dùng... Cho nên những lời tà-thuyết ấy sinh ra là đủ làm hại cho loài người ».*

Ấy chính là những lối thảo-luận thuộc về lối « tam-biểu » mà rất trọng-yếu là biểu thứ ba. Nay chúng ta xin xét luận về cái giá-trị của phép tam-biểu ấy ra thế nào. Trước xin nói về biểu thứ ba. — Biểu thứ ba là lối ứng-dụng về thực-tế, lối ấy vẫn là thực hay, chỗ hay ấy thế nào bài trước vẫn đã bàn qua rồi, nay chỉ nói đến những sự lưu-tệ về lối ấy. Cái lưu tệ rất lớn về

lối này là vì đem chữ *dụng* và chữ *lợi* giải rất hẹp-hòi. Ở đời thường-thường có việc làm ra mà không thể thấy ngay hay là thấy rõ-ràng chỗ dụng-xứ được, có lắm việc làm ra bây giờ mà đến sau mấy trăm năm mới thấy được chỗ dùng nó ra thế nào ; lại có việc tuy dùng ngay bây giờ, nhưng mà bề ngoài không thấy được, chỉ hữu-dụng ở nơi cốt-tử mà thôi. Vì-dụ như ông Mặc-tử chê sự âm-nhạc là vô-dụng, ông cho rằng một là tốn tiền, hai là không có cứu sự nghèo-khổ của dân, ba là không có bảo-hộ nước nhà được, bốn là làm cho người ta sinh ra thói xa-xỉ, vân-vân. Đã biết thực-tế thì tuy vậy, nhưng mà hữu-dụng vô-hình của âm-nhạc ông không xét đến, âm-nhạc để di-dưỡng tinh-tình cho người đời cũng là một sự hữu-ích về vô-hình. Người ta nếu lo làm sự khó-nhọc đầu tắt mặt tối cả đời, thì còn gì là cái thú làm người, mà ai lại muốn sống ở đời làm chi nữa. Âm-nhạc là một thứ để vui lòng người sau khi trải qua những cơn khó-nhọc. Chúng ta xin dẫn mấy lời ông Trình Phồn (程繁) bài-bác ông Mặc-tử ra sau này thì đủ rõ. Ông Trình Phồn nói rằng : « *Ngày xưa các nước chư-hầu vì mệt-nhọc về sự cai-trị, nhờ có cái nhạc chung-cồ để mà nghỉ-ngơi ; những kẻ nông-phu vì cày bừa cấy gặt nhọc-nhằn, nhờ có cái nhạc ngõa-phẫu để mà nghỉ-ngơi. Nay thầy Mặc-tử nói rằng bậc thánh-nhân không dùng đến nhạc, thế thì khác nào như ngựa đóng xe mãi mà không cởi đồ ra, cung giăng lên mà cứ để thế mãi, thử hỏi những loài người có huyết-khí, có thể đương được như thế ư ?* »

Câu hỏi của ông Trình Phồn dẫn ra trên này, cũng vì căn-cứ về đường thực-dụng mà bài-bác ông Mặc-tử vậy. Xét ra cho kỹ thì chẳng qua ông Mặc-tử là một nhà tôn-giáo khổ-hạnh cứu-thế, cho nên cái lý-thuyết ông có chỗ thiên mà không nghĩ đến cái công-dụng âm-nhạc ấy vậy. Cái lưu-tệ về điều thứ ba đại-khái như thế.

Thứ luận đến biểu thứ hai. — Biểu thứ hai là cốt bằng-cứ chỗ tai nghe mắt thấy của người đời, hễ việc gì mà tai mắt người đời có nghe thấy được là có, còn không nghe thấy được là không. Cái lý-thuyết ấy vẫn cũng có lưu-tệ mà sự lưu-tệ ấy vì có hai lẽ như sau này : một là chỗ tai nghe mắt thấy của người đời vẫn có hạn, có lắm sự xem không thấy và nghe không thấu được ; hai là tai mắt của người thường chỗ nghe thấy rất dễ sai-lầm mê-hoặc, như sự quỉ-thần, thì trong tiểu-thuyết của cổ-nhân làm ra cũng nhiều chỗ nói rất xác-tạc có chứng-cứ, và người đời cũng lắm kẻ nói rằng đã tằng mắt trông thấy ma-quỉ, như thế chúng ta có thể định chắc cho là có quỉ ư ?

Tuy vậy biểu thứ hai vẫn có lưu-tệ, nhưng mà cái lý-thuyết ấy xét ra thật có công-dụng rất lớn. Vì sao ? Từ xưa đến nay những nhà triết-học nước Tàu không hề xét đến sự kinh-nghiệm của tai mắt, chỉ xét lý-tưởng trong lòng mà thôi. Như ông Lão-tử (老子) nói rằng : « Không ra khỏi ngõ mà biết được thiên-hạ, không trông ra khỏi cửa sổ mà biết được đạo trời, nếu ra càng xa thì sự biết càng ít, vân-vân ». Ấy là chỉ trọng về tư-tưởng mà không trọng về lối kinh-nghiệm. Đến đức Khổng-tử thì tuy nói rằng : « Học mà không nghĩ-ngợi thì mờ-tối, nghĩ-ngợi mà không học thì sai-lầm », vẫn có ý không thiên-trọng về tư-tưởng mà phải dùng đến công-phu học-vấn để xét về lối kinh-nghiệm. Nhưng mà chữ *học* của ngài nói là thuộc về lối đọc sách mà học, chứ không phải xét đến chỗ tai nghe mắt thấy của mọi người. Sau đến đời ông Mặc-tử mới khởi-xướng ra cái lối xét về kinh-nghiệm rất rõ-ràng ; ông nói rằng : « *Cái cách mà xét-đoán ra sự có cùng không là bằng-cứ theo chỗ thực-tế của tai mắt mọi người mà biết có cùng không vậy.*

Nếu thật tai có nghe mắt có thấy thì chắc là có, không nghe không thấy thì chắc là không ». Cái cách chú-trọng về tai mắt như thế, chính là cái căn-bản về khoa-học vậy.

Thứ luận đến biểu thứ nhất. — Biểu này nói rằng việc gì cũng phải lấy những sự của thánh-vương ngày xưa làm gốc, như thế có phải là cái chủ-nghĩa «phục-cổ» hay là cái chủ-nghĩa « thủ-cựu » hay không ? Ông Mặc-tử bài-bác cái lối « phục-cổ » của nho-giả. Trong thiên *Phi-nho* ông có nói rằng « *Phái nho-giả lời nói việc làm tất theo cổ, họ mới cho là nhân, như thế thời lời nói việc làm của cổ-nhân vẫn là cổ-nhân mới sáng-nghĩ ra không theo ai cả, mà cổ-nhân vẫn nói vẫn làm, thành ra cổ-nhân không phải là bậc quân-tử.* » Ông đã phản-đối lối « phục-cổ » của nho-giả như thế, vì sao ông lại chủ-trương về biểu thứ nhất này mà nói rằng việc gì cũng lấy những sự của thánh-vương ngày xưa làm gốc ? Điều ấy chúng ta tưởng nên xét cho rõ-ràng, không thì e dễ ngộ-hội.

Ông Mặc-tử vẫn là một nhà rất trọng về lối thực-tế ứng-dụng mà biểu thứ nhất và biểu thứ ba cũng cùng một ý-tứ : Biểu thứ ba là nói lối thực-tế ứng-dụng về hiện-tại và tương-lai ; biểu thứ nhất là nói lối thực-tế ứng-dụng về quá-khứ. Cái kinh-nghiệm lịch-duyệt quá-khứ đều có thể làm gương cho chúng ta sau này, việc gì người đời xưa làm ra đã có công-hiệu thì người nay đều có thể bắt-chước theo mà làm, còn việc gì mà người đời xưa làm ra có hại, thì chúng ta có lẽ nào lại làm theo nữa. Cho nên ông nói rằng : « *Hễ sự ngôn-động mà hợp với Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Vũ và mấy bậc thánh-vương ngày xưa thì làm, còn sự ngôn-động gì mà hợp với Kiệt, Trụ, U, Lệ và các bậc bạo-vương ngày xưa thì chớ làm* ». Xét như thế thì cái cách đề-xướng ra biểu thứ nhất này không phải là chủ-trương về lối phục-cổ thủ-cựu, chính là cái phương-pháp « ôn cũ mà biết mới » (温故而知新), « xem trước mà xét sau » (笃往而察来) vậy.

Trong thiên *Lỗ-vấn* có chép rằng : « *Ông Bành Khinh-Sinh* (彭輕生) *hỏi ông Mặc-tử rằng : Việc đã qua thì biết được, chứ việc chưa đến có thể biết được ư ? Ông trả lời lại rằng : Nếu nhà ngươi ở ngoài trăm dặm gặp có sự hoạn-nạn, định đi trong một ngày cho kịp đến nơi thì được sống, không thì phải bị chết. Trong khi ấy có con ngựa hay, cỗ xe tốt, và con ngựa dở, cỗ xe xấu, bảo nhà ngươi chọn lấy một thứ mà đi, thì nhà ngươi chọn thứ nào ? — Thưa rằng chắc cưỡi con ngựa hay, cỗ xe tốt đi mới mau được. — Vậy thì có thể biết đến sự về sau vậy* ».

Ấy vậy, ngựa hay xe tốt đi được mau, ngựa dở xe xấu thì đi phải chậm, ấy là cái sự kinh-nghiệm đã quá-khứ rồi, nhân cái sự kinh-nghiệm đã quá-khứ mà biết được cái hiệu-dụng tương-lai, trong một ngày trời ta định đi qua khỏi cái con đường một trăm dặm, cần phải có ngựa hay xe tốt thì đi mới kịp, ấy chính là lối xem trước biết sau, chứ không phải là lối phục-cổ thủ-cựu. Mà lối ấy vẫn đồng một đạo-lý với tất cả luật-lệnh về khoa-học vậy.

Khảo về tôn-giáo của Mặc-tử (墨子之尊教的)

Mấy bài trước đã lược-khảo cái quan niệm căn-bản về học-thuyết của Mặc-tử, còn như các mục khác như là : *Kiêm-ái* (兼愛), *Phi-công* (非攻), *Thượng-hiền* (尚賢), *Thượng-đồng* (尚同), *Phi-nhạc* (非樂) *Phi-mệnh* (非命), *Tiết-dụng* (節用), *Tiết-táng* (節葬) vân-vân, đều là cách ứng-dụng về cái quan-niệm căn-bản ấy. Cái quan-niệm căn-bản của ông Mặc-tử là cốt ở lối ứng-dụng về sự hành-vi của người đời ; mà đã nói rằng ứng-dụng, thì sự ứng-dụng

của người đời nghìn neo muôn mối, quyết khó lòng mà định được một cái công-thức để cho mọi nơi đều theo, trăm đời không đổi được. Vì vậy, ông Mặc-tử mới định ra một cách tùy-thời tùy-địa mà nói rằng : « *Phàm vào một nước nào phải tùy theo tình-thế nước ấy mà làm, nước loạn thì nói về lối thượng-hiền (trọng người hiền - tài), thượng - đồng (đồng một chính - sách với người cầm quyền) ; nước nghèo thì nói về lối tiết-dụng, tiết-táng ; nước nào mà theo sự vui chơi và mê-hoặc thì nói về lối phi-nhạc, phi-mệnh ; nước nào mà dâm-tịch vô-lễ thì nói về lối tôn trời, thờ quỉ-thần ; nước nào mà chỉ mưu sự xâm-đoạt người ta thì nói về lối kiêm-ái, phi-công.* »

Ông Mặc-tử là một nhà giáo-chủ dựng ra tôn-giáo, mấy điều vừa kể trên này có thể cho là các tín-điều về tôn-giáo họ Mặc vậy. Nay xin phân-biệt mà lược-luận về các tín-điều ấy.

Trước xin nói tín-điều thứ nhất là thiên-chí (天 志). — Tôn-giáo của Mặc-tử lấy « thiên-chí » làm gốc, nghĩa là người đời phải theo cái ý-chí của trời vậy. Ông nói rằng : « *Ta giữ được cái ý-chí trời, như là người thợ xe có thước tròn, người thợ mộc có thước vuông. Bọn thợ kia đem cái qui-củ để đo cái vuông tròn trong thiên-hạ, nó đo mà đúng thì cho rằng phải, đo mà không đúng thì cho rằng trái. Ngày nay bậc sĩ - quân - tử làm sách ra cũng nhiều, lời nói cũng không xiết kể ; trên bàn luận với các vua chư - hầu, dưới bàn luận với các quan. Nhưng mà về đường nhân - nghĩa thì nói rất sai nhiều lắm. Vì sao mà ta biết sai ? Vì ta có cái pháp-độ rõ-ràng để mà đo lường vậy.* »

Ấy vậy, cái pháp-độ rõ-ràng ấy, tức là «thiên-chí», là cái ý-chí của trời vậy,

Cái ý-chí của trời ra thế nào ? Ông Mặc-tử nói rằng : « *Trời muốn người thương nhau và làm lợi cho nhau mà không muốn người ghét nhau và hại nhau.* » Ông Mặc-tử cho sự thương yêu nhau là cái ý-chí của trời, lòng trời là lòng kiêm-ái. Nhưng vì sao mà ông biết cái ý-chí của trời là kiêm-ái ? Thì ông có nói như thế này : « *Vì là trời gồm mà thương và làm lợi cho mọi người. Mà cái cớ sở-dĩ biết trời gồm mà thương và làm lợi cho mọi người, vì là trời gồm có cả thiên-hạ và che - chở chung cho mọi người vậy.* »

Nay xin nói tín-điều thứ hai là kiêm-ái (兼 愛). — Cái ý-chí của trời là cần người đời phải kiêm-ái, ấy là lời dạy của Mặc-tử thuộc về tôn-giáo, nhưng kỳ-thực kiêm-ái cũng là một cái yếu-vụ về thực-tế vậy. Nay chúng ta xin dẫn những lời ông Mặc-tử nói trong thiên *Kiêm-ái* ra sau này :

« *Công việc của Thánh-nhân cốt ở trị thiên-hạ thì phải xét xem thiên-hạ vì sao mà sinh loạn. Vì sao mà sinh loạn ? Là vì không thương nhau. . . Đứa kẻ trộm chỉ vì thương nó mà không thương đến người khác, cho nên trộm cắp của người để lợi cho mình : người giặc cướp chỉ vì thương thân nó mà không thương đến người khác, cho nên giết hại người khác để lợi cho thân mình : người làm quan chỉ vì thương nhà mình mà không thương đến nhà người, cho nên làm hư-hại nhà người để làm lợi cho nhà mình : nước chư-hầu chỉ vì thương nước mình mà không thương nước người, cho nên đi đánh cướp nước người để làm lợi cho nước mình... Nếu người thiên-hạ xem của ai cũng như của mình, thì không có trộm cắp, xem thân ai cũng như thân mình, thì không ai làm giặc, xem nhà ai cũng như nhà mình, thì không làm hư-hại hại cho ai, xem nước ai cũng như nước mình thì không hề đánh cướp nhau bao giờ... Vì vậy, cho nên biết rằng thiên-hạ cùng thương nhau thì trị mà ghét nhau thì loạn vậy.* »

Về thiên *Kiêm-ái trung* và *Kiêm-ái*

hạ thì ông đều nói rằng chỉ vì cần phải mở-mang sự lợi và trừ sự hại trong thiên-hạ, cho nên phải kiêm-ái.

Thứ nữa tín-điều thứ ba là phi-công (非 攻).— Tất cả tội-ác trong thiên-hạ là cốt ở sự không kiêm-ái, mà tội-ác không gì lớn bằng sự đi đánh nước người. Ông Mặc-tử cho rằng người đời không cứ nói đạo-đức nhân-nghĩa thế nào mà không chịu phản-đối với sự công-chiến, ấy là chỉ rõ việc nhỏ mà không rõ đến việc lớn (明 小 物 而 不 明 大 物). Cho nên ông nói rằng : *« Người đời nay sở - dĩ khen là nghĩa có phải là vì trên thì hợp cái lợi của trời, giữa hợp cái lợi của quỉ-thần và dưới thì hợp cái lợi của người mà khen đấy ư ? Ta tưởng rằng tuy người hạ-ngu cũng đều cho là thế. Nhưng ta xem các nước chư-hầu đời nay đều lấy sự công-phạt được khen, thế thì chỉ có cái danh khen là nghĩa mà không xét cái thực có phải nghĩa hay không. Khác nào như tên đui mù cũng biết cái danh gọi rằng đen và trắng mà không trỏ được những thứ đồ-vật đen và trắng vậy. »*

Ông Mặc-tử cho rằng nghĩa tức là lợi, nghĩa là danh, lợi là thực ; nghĩa là cái mĩ-danh của lợi mà lợi là sự thực-dụng của nghĩa. Kiêm-ái là nghĩa mà đi đánh nước người là bất-nghĩa, vì kiêm-ái là có lợi cho trời và quỉ-thần cũng nhân-dân, mà sự công-phạt thì có hại. Cho nên trong thiên *Phi-công thượng* chỉ nói rằng đi đánh nước người là « bất-nghĩa » ; thiên *Phi-công trung* và *hạ* chỉ nói rằng đi đánh nước người là « bất-lợi », vì bất-lợi sở-dĩ cho là bất-nghĩa vậy.

Ông lại bài-bác về sự công-phạt, có nói rằng : *« Tính đến sự đánh hơn thì cũng không biết dùng cái hơn ấy ra làm gì ; tính đến sự được thì không đủ bù đến chỗ mất. »*

Ông lại nói rằng : *« Sự lợi cốt cả thiên-hạ đều lợi, nếu chỉ ba bốn nước được lợi, cũng cho là không hành-đạo được. Ví-dụ như thầy lang bốc thuốc, có thể chữa cho những người có bệnh trong thiên-hạ, muôn nghìn người đều dùng được cả. Nếu chỉ làm thuốc cho bốn năm người mà thôi, thì sao gọi là thầy lang được. »*

Xem thế thì đủ biết chữ « lợi » của ông Mặc-tử nói ra không phải là chữ lợi thuộc về « tự-tư tự-lợi », chính là cái tối-đại-hạnh-phúc chung cả thiên-hạ. Ấy thật là cái chân-nghĩa về lý-thuyết « kiêm-ái », mà tức là bản-ý về chủ-nghĩa « phi-công ».

Thứ nữa, tín-điều thứ tư là minh-quỉ (明 鬼). — Đạo nho nghiên-cứu về lễ tang lễ tế, chẳng qua là dùng cái thủ-đoạn « thận-chung truy-viễn » (愼 終 追 遠) để làm cho đời được cái mục-đích « dân-đức qui-hậu » mà thôi, chứ không phải là thâm-tín có quỉ-thần thực. Còn như ông Mặc-tử là một nhà giáo-chủ, ông nghĩ rằng nếu loài người mà không có cái gì để tài-chế về mọi sự hành-vi thì người đời đua nhau làm những sự độc-ác, không còn ai biết kiêng-nể gì cả. Vì vậy, ông cực-lực xướng ra cái thuyết « minh-quỉ », không những ông nhận rằng quỉ-thần chính là có thực, mà ông lại nói rằng quỉ - thần có thể uy - phúc được loài người, thưởng người hiền mà phạt người dữ. Cái mục-đích ông là cốt cho loài người biết rằng chỗ minh-minh có quyền giám-đốc mà kiêng sợ, cho nên trong thiên *Minh-quỉ* ông nói rằng : *« Làm quan mà không liêm-khiết, trai gái mà không phân-biệt, thì có quỉ-thần chứng thấy, dân mà làm những sự dâm-loạn đạo-tặc, dám giết người vô-tội và cướp của-cải người ta để tự-lợi, thì cũng có quỉ-thần chứng thấy. »* Cái tôn-chỉ «minh-quỉ» của ông Mặc-tử là một cách ứng-dụng về thực-tế, cũng cốt làm cho « dân-đức qui-hậu », nhưng ông không theo cái thủ-đoạn đạo nho đã không tin quỉ-thần mà còn nghiên-cứu sự tế-tự,

về phần ông thì ông nhất-định rằng quỉ-thần vẫn là có thực vậy.

Thứ nữa, tín-điều thứ năm là « phi-mệnh » (非 命). — Ông Mặc-tử đã tin trời lại tin quỉ, vì sao mà ông không tin mệnh? Ông sở-dĩ không tin mệnh là vì ông đã rất tin cái ý-chí của trời và rất tin quỉ-thần có thể thưởng người lành phạt người dữ, thế thì cái thuyết mệnh-định (命 定) của các nhà xướng ra ông có thể cho là không bằng-cứ. Ông Lão-tử và đức Khổng đều cho « trời » là « tự nhiên nhi nhiên » (自 然 而 然), hễ công-cuộc ở đời đều có mệnh-định, không thể vãn - hồi được. Vì vậy ông Lão-tử cho là « thiên địa bất nhân » (天 地 不 仁), nghĩa là trời đất chỉ lấy cái mệnh nhất-định đối - đãi với loài người, không để cho ai lấy sức người mà chuyển-di được, trời đất không có lòng nhân-từ gì với người; đức Khổng thì nói rằng: « Có tội với trời thì không thể cầu khấn mà tránh khỏi tội. » Còn như ông Mặc-tử thì cho rằng cái ý-chí trời là muốn cho loài người thương nhau chứ không muốn hại nhau; quỉ-thần thì có thể thưởng người lành mà phạt người dữ được, vì vậy hễ người nào mà thuận theo ý-chí trời và hợp theo đạo quỉ-thần thì có thể được phúc, không thể thì phải họa, họa cùng phúc cốt ở sự hành-vi của mình và cái ý-chí tự-do của mọi người mà gây nên, chứ không phải có mệnh-định trước. Nếu họa phúc mà có mệnh-định trước, thì thành ra không làm điều hay cũng có thể đắc-phúc, mà không làm điều dở cũng có thể đắc-họa ư? Nếu người nào cũng đều tin cái thuyết mệnh-định ấy thì thiên-hạ có ai cần nỗ-lực đi làm những sự hay làm gì.

Thứ nữa, tín-điều thứ sáu là « tiết-táng và đoản-tang » (節 葬 短 喪.) — Ông Mặc-tử phản-đối đạo nho vì nỗi đạo nho đã không tin quỉ mà cớ sao lại bày ra lắm hư-văn nghi-tiết đối với người đã chết. Vì vậy ông đối với quỉ-thần chỉ chú-trọng tín - ngưỡng về bề tinh-thần, chứ không chú-trọng những hư-văn về bề hình-thức. Ông nói rằng đạo nho hậu sự đưa ma và để tang-chế lâu ngày có ba điều hại lớn: 1) là nước nhà tất nghèo; 2) là số dân tất ít; 3) là hình-chính tất loạn, v. v.. Vì vậy, ông mới định lại những chế-độ như sau này:

« Khi người đã chết mà liệm ma thì quan-tài bằng vóng dày ba tấc vừa đủ mục thây, áo chăng ba lớp vừa đủ che thân mà thôi; đến khi chôn thì dưới không chôn sâu đến suối vàng, ngoài quan không dùng quách và đối với người chết không cần phải phục-tang, chỉ để tang trong ba ngày rồi phải kíp mà đi làm việc, người nào làm việc ấy để cho lợi-ích cùng nhau. »

Thứ nữa, tín-điều thứ bảy là « phi-nhạc » (非 樂), — Ông Mặc-tử bài-bác về lối âm-nhạc, trên kia đã nói qua đại-lược. Nhưng ông sở-vị là « nhạc », tức là chữ « nhạc » thuộc về nghĩa rất rộng, như những lời trong thiên *Phi-nhạc thượng* đã nói thì chữ «nhạc» chính là bao-quát cả những tiếng chuông trống đàn sáo; những sắc chạm trổ vẽ-vời; những mùi ngon-ngọt thơm-tho và những cảnh nhà cao cửa rộng, rừng rậm vườn hoa. Xem thế, thì ông Mặc-tử đối với tất cả mĩ-thuật như âm-nhạc, điêu-khắc, kiến-trúc và phanh-nhẫm, v.v., đều cho là xa-xỉ-phẩm (奢 侈 品), nên phế-trừ đi cả. Cái quan-niệm như thế e có hẹp-hòi thật, nhưng chúng ta cũng không nên trách gì ông Mặc-tử là một nhà tôn-giáo lấy sự tự-khổ (自 苦) làm xu-hướng, cho nên ông phải phản-đối tất cả mĩ-thuật.

Thứ nữa, tín-điều thứ tám là «thượng-hiền » (尚 賢). — Trong đời ông Mặc-tử thì cái chính-trị quí-tộc hãy còn, chưa hề tiêu-duyệt, tuy có một ít số người kỳ-kiệt trong đời từ bậc hạ-đẳng xã-hội nhảy lên chốn vũ-đài chính-trị, nhưng đại-đa-số là những bọn thế-gia quí-tộc đương cầm quyền-thế trong tay;

xét ra cái thời-đại bấy giờ chính như lối đạo nho đề-xướng về lối « thân-thân » (親親) « quí-quí » (貴貴) vậy. Ông Mặc-tử sinh gặp đời ấy, chủ-trương nghĩa kiêm-ái, cho nên ông phải phản-đối cái chế-độ gia-tộc và lối chính-trị quí-tộc. Ông nói trong thiên *Thượng-hiền* rằng: «*Nay những bậc vương-công đại-nhân, áo xiêm không thể may mà mặc được, phải nhờ đến tay thợ thầy; trâu dê không thể làm mà ăn được, phải nhờ đến tay đồ-tể, . . ; cớ sao gặp khi nước nhà loạn, xã-tắc nguy, thì không biết dùng người tài mà giúp trị, chỉ tin-dùng những bọn thân-thích và cho chúng nó được phú-quí quyền-thế là lẽ gì.* »

Vì vậy, ông nói đến chính-trị thì chỉ cần tôn-trọng người hiền mà dùng người có tài, thân thế nào cũng không phe, quí thế nào cũng không đảng, và không cần đến ai lấy nhan-sắc mà nịnh-nọt. Ôi! cách đề-xướng như thế thật là hợp với cái công-đạo về đường chính-trị vậy.

Thứ nữa, tín-điều thứ chín là « Thượng-đồng » (尙同). — Theo như những lời ông Mặc-tử chép trong thiên *Thượng-đồng*, thì chữ « thượng-đồng » này nên giải nghĩa là đồng với người bề trên, chữ 尙 cũng như chữ 上, chứ không phải là chuộng về lối đại-đồng vậy. Tôn-giáo ông Mặc-tử đã lấy «thiên-chí» làm khởi-điểm, lại lấy « thượng-đồng » làm chung-cục. Vì ông sinh ở đời Xuân-thu, mắt trông thấy các nước đánh dành nhau, không ai phục nhau cả, mà triều vua thiên-tử nhà Chu thì không có hi-vọng gì nhất-thống thiên-hạ được. Khi bấy giờ các nước Tề, Tấn, Sở và Việt chia tư nước Tàu, mà ông Mặc-tử là một người chủ-trương về cái thuyết « phi-công », ông không muốn cho trong bốn nước ấy có một nước nào dùng binh-lực mà thống-nhất nước Tàu, cho nên ông phải cần dùng đến « trời » để thống-nhất thiên-hạ. Ông nói rằng: « *Ngày xưa, khi dân mới sinh ra, chưa có hình-chính, thì tiếng nói của loài người mỗi người đều giải một nghĩa riêng của mình nghĩ ra, một người thì một nghĩa, hai người thì hai nghĩa, mà mười người thì mười nghĩa, người càng nhiều thì nghĩa càng nhiều. Vì vậy, ai cũng lấy cái nghĩa của mình làm phải mà chê cái nghĩa của người là trái, hễ chê lẫn nhau rồi bài-bác lẫn nhau, hóa ra thiên-hạ loạn như cầm-thú. . . Biết thiên-hạ sở-dĩ loạn là vì không có người chủ-trương, vì vậy mới cử người hiền lập lên làm vị thiên-tử, lại chọn thêm người hiền nữa lập làm chức tam-công. Thiên-tử và tam-công đã lập rồi lại nghĩ rằng thiên-hạ rộng lớn, những nơi đất xa cảnh lạ và những điều lợi hại phải chăng, không thể nhất-nhất mà rõ biết được, cho nên mới chia ra vạn-quốc mà lập ra các nước chư-hầu, rồi chọn những người hiền lập lên làm quốc-trưởng. Đã lập đủ quốc-trưởng rồi, ông thiên-tử mới phát chính-lệnh cho cả thiên-hạ và truyền rằng hễ nghe điều lành cùng chẳng lành, đều tỏ với người bề trên, trên cho là phải thì đều lấy làm phải; trên cho là trái thì đều lấy làm trái; trên có lỗi thì phải khuyên-can, dưới có người lành thì phải tiến-cử. Đồng với người trên mà không phe-đảng với người dưới, vì vậy trên đã thưởng thì dưới cũng đều khen-ngợi.* »

Ôi! « trên cho là phải thì dưới cũng cho là phải, trên cho là trái thì dưới cũng cho là trái, đồng với trên mà không phe với dưới, » ấy thật gọi là « thượng-đồng » vậy. Cái chủ-nghĩa thượng-đồng ấy cần làm sao cho người hương-trưởng thì nhất-trí được cái nghĩa trong một làng; ông quốc-trưởng thì nhất-trí được cái nghĩa trong một nước; ông thiên-tử thì nhất-trí được cái nghĩa cả thiên-hạ. Tuy vậy, nếu chỉ như thế mà rồi thì e cũng không vững-vàng được. Vì sao? Vì ông thiên-tử nếu thành ra một cái tiêu-biểu chí-cao vô-

thượng, không có hạn-chế gì, thì chẳng hóa ra cái chính-thể chuyên-chế lắm ư? Bởi vậy, ông Mặc-tử lại nói rằng: *« Đã đồng với thiên-tử mà chưa đồng với trời, thì sẽ bị những tai-họa của trời làm..., cho nên ngày xưa các bậc thánh-vương rõ biết chỗ yêu muốn của trời và quỉ-thần mà làm theo, cũng biết chỗ ghét bỏ của trời và quỉ-thần mà tránh đi, để cầu cho được hưng-lợi và trừ-hại ở trong thiên-hạ. »*

Xét như thế thì thiên-chí tức là thượng-đồng mà thượng-đồng tức là thiên-chí, cái tôn-chỉ thiên-chí và thượng-đồng là cần làm sao cho ở trên những sự tổ-chức về các thứ chính-trị lại còn có một cái « trời » để thống-nhất thiên-hạ nữa. Vậy nên chúng ta nghĩ rằng ông Mặc-tử nếu được làm đến cái địa-vị giáo-chủ đời trung-cổ bên Âu-châu, thì nhất-định biến thành ra một thứ chính-thể về giáo-hội, mà ông cũng thành ra một vị « giáo-vương » vậy.

Các tín-điều kể ra trên này đều là các giáo-điều (教 條) của « Mặc-giáo », đối với sử triết-học không có trọng-yếu gì cho lắm. Lấy cái nhỡn-quang về sử triết-học mà xem, thì các khoản ấy đều là chi-diệp của Mặc-học, còn như cái quan-niệm căn-bản về triết-học của Mặc-tử, thì thuộc về những phương-pháp chúng ta đã lược kể trên vậy. (Xem bài Phương-pháp triết-học của Mặc-tử đăng kỳ 91 và mục Tam-biểu-pháp ở phần trước bài này). Chỗ trọng-yếu về triết-học-sử của ông Mặc-tử là cốt ở cái « ứng-dụng-chủ-nghĩa » (應 用 主 義). Chỗ nào ông cũng đem những cách ứng-dụng về sự hành-vi của người đời làm tiêu-chuẩn cho tất cả những sự hay dở phải trái. Còn như kiêm-ái, phi-công, tiết-táng, phi-mệnh, phi-nhạc, v. v., đều chẳng qua là các thứ ứng-dụng đặc-biệt đấy mà thôi. Ông lại biết rằng trong thiên-hạ chỉ có một số ít người biết được cái tối-đại-hạnh-phúc của công-chúng, còn bao nhiêu người thì đều nghĩ cái tiểu-lợi trước mắt cả, vì vậy cho nên ông mới chủ-trương một lối « hiền-nhân chính-trị » (賢 人 政 治) cần cho người đời phải đồng với bề trên mà dưới không phe-đảng cùng nhau; ông lại nghĩ rằng như thế còn e không vững được, cho nên mới chủ-trương lấy cái « ý-chí của trời » làm qui-tắc cho thiên-hạ, cốt cho người thiên-hạ ai ai cũng phải đồng với ý trời mà ở đời. Vì vậy ông Mặc-tử là một nhà triết-học mà lại biến thành một bậc cứu-chủ về tôn-giáo vậy.

AN-KHÊ

TUỒNG NGUYỄN TRẢI[1]

V

HỒI THỨ VI

Bất Vương Thông trả được thù cha, Phong Thị-Lộ đội chung ơn nước.

I. – Cảnh Triều-đình

Thị-vệ một người ra tâu rằng: — Muôn tâu thánh-thượng, Lạc-xuyên thắng-trạng, lộ-bá tấu-văn, chuyển-phó hạ-thần, xin dâng ngự-lãm.

(Nói rồi đưa cái cờ đỏ quị dâng lên, triều-thần một người cầm giang ra cho Lê Lợi xem).

Lê Lợi cười nói: — Ừ, như nay, quân-phong sơ-thí, thủ sát Mã Kỳ, quân-sư

(1) Xem *N.-P.* số 88, 89, 91, 92.

vị ngã tuyên-uy, Trần Nguyên bất-phụ kỳ sở cử, lạc thậm, lạc thậm.

(Triều-thần đồng hô: Thiên-tuế! thiên-tuế!)

Lại cùng hát bài rằng:

Hạ ngã thánh triều, hạ ngã thánh triều,

賀我聖朝。賀我聖朝。

Mưu-thần Chư-cát Lượng, mãnh tướng Hoắc Phiêu-diêu.

謀臣諸葛亮。猛將霍驃驍。

Tam quân uy hổ lữ, nhất kiếm trảm thiên-kiêu.

三軍威虎旅。一劍斬天驕。

Giang sơn chỉ nhật, qui ngã thánh triều, hạ ngã thánh triều.

江山指日歸我聖朝。賀我聖朝。

Thị-vệ ra tâu rằng: — Muôn tâu chúa-thượng, quân-sư phá tặc hồi-triều, hạ-thần dám tiên-văn ngọc-bệ.

Lê Lợi mừng nói: — Tức triệu quân-sư, lai tiền bệ-kiến.

(Thị-vệ dạ, hạ)

Trãi và Nguyên-Hãn vào tâu rằng: — Muôn tâu chúa-thượng, thần-hạ từ thủa khâm-ban kiếm-ấn, đồng việc binh-nhung, đánh Lạc-xuyên may được tấu-công, cũng cậy có mưu-mô thần-vũ. Mã Kỳ đã trận-tiền thụ thủ, còn chư-thành hồ thỏ mọi nơi, tôi cũng đà nhờ cậy uy trời, truyền hịch cũng vâng lời qui-thuận; phận thần-tử giữ đà hết phận, lời quân-vương nói được như lời; dám tâu qua trước mặt trời, xin soi tỏ tấm lòng thành-khẩn.

Lê Lợi nói: — Đắc-lực chân đắc-lực, khoái-tâm đại-khoái-tâm, thị-thần thủ tửu lai châm, vị quân-sư thiết tẩy-trần ẩm-chí, nghe.

(Thị-thần dạ, đem rượu rót, Trãi, Nguyên Hãn cùng triều-thần uống).

Trãi lại tâu rằng: — Dám tâu như nay các thành đã sợ uy qui-thuận, còn một xứ Đông-quan cự-trấn, có Vương Thông bền giữ cô-thành, xin lên đại-giá bắc-chinh, cho thiên-hạ đề bình nhất-luật, dám tâu.

Lê Lợi nói: — Văn khanh định-toán, chính hợp ngã-tâm, cấp truyền thiết đặt vũ lâm, hỗ giá vọng Đông-quan tiến-phát; lại truyền cho Lê Thiện, Lê Sát, hịch cho các đạo biền-binh, yếu đương khí giới tinh-minh, khắc-nhật hội Đông-quan phá-tặc, nghe.

(Trãi, Nguyên-Hãn và triều-thần dạ, cùng hạ).

II — Cảnh thành Đông-quan cùng bến Bồ-đề

(Trãi Nguyên-Hãn cùng quân tướng bốn năm người theo Lê-Lợi đi ra).

Trãi nói: — Đây đã đến Bồ-đề tân-thứ, đối-ngạn Đông-quan, chư tướng-quân hỗ-tụng sa-loan, phụng thánh-giá nhập hành-doanh an-yết.

Lê Lợi ngồi nói: — Quân-sư, như chư-tướng nay đà tề-hội, mà Vương Thông còn đợi viện-binh, truyền chư-quân hạ trại công-thành, mau mau kẻo thất-kỳ-cơ-hội, nghe.

Trãi nói: — Vừa nghe biên-báo, chưa kịp dâng tâu, Mộc Thạnh thời chết ở Lãnh-câu, Liễu-Thăng chết Mã-yên-sơn hạ, thế là tặc chi viện binh đã phá, thành Đông-quan công-đã chẳng lâu, xin cho giá-khởi tầng-lâu, để chúa-thượng khản thành-trung động tĩnh.

Lê Lợi lên tầng-lâu ngồi nói: — Như nay Vương Thông nó thế cùng viện-tuyệt, nếu cấp-công thì nó quyết thư-hùng, hãy truyền cho chư-tướng thong-dong, quân-sư tác nhất phong chiêu-dụ, nếu nó hàng thì ta tha nó, nó không hàng thời dụng võ chưa chầy, nghe.

(Trãi dạ, viết thư)

Trãi đưa thư cho quân-hiệu nói: — Quân hiệu, thư này ta đã giam phong, đưa cho tới Vương Thông khai khản, có hồi thư thời ngươi phải nhận, cấp-cấp hành bất-đắc khiên trì.

(Quân-hiệu dạ, Lê Lợi và Trãi đều hạ).

III — Cảnh tướng-mạc Vương Thông ngoài thành

Vương Thông ra ngồi nói : — Như ta đây, thiên-triều nho-tướng, biểu-tự Vương Thông, chức tổng-binh chuyên-khổn đồng-nhung, tài thao-lược kiêm-văn kiêm-võ; ở Đông-quan đây là chức cư thủ-thổ, mấy năm trời trấn-phủ man-dân; vừa rồi nghe báo Đông-tân, có Lê Mỗ tặc-thần tác-loạn. Quân, truyền đòi thủ-tướng, nghị-sự trướng-tiền, nghe.

Quân dạ, vào lại ra nói : — Dám bẩm có người Lê Mỗ, sang đó đưa thư, cho vào chưa tỏ thực-hư, tôi xin hãy nhận thư dâng nạp.

Thông cầm thư xem, cả giận nói: — Chà-chà ! dã-man, vô-lễ, vô-lễ, đã dám mống lòng tác-loạn, lại còn mở miệng chiêu-hàng : phen này mi nát thịt tan xương ! Lấy bút đây ta phê hồi-thư nó mi, đem giao phó rồi mời Hàn mỗ nghị-binh, nghe.

(Vương Thông phê thư giao cho quân, quân nhận thư đi vào.)

Hàn Trọng-Kỳ ra nói : — Dám bẩm đại-nhân có lệnh, tiểu-tướng vô hầu.

Thông nói : — Thủ-tướng ngồi.

Thông nói : — Rầy nghe tặc-thần Lê mỗ, ra bến Đông-tân, đem tặc-đồ đồn-trú xa gần, ngày lỗ-lược dề phương-dân bị-hại; nước đến chân lẽ đâu ngồi dợi, cờ tới tay ta phải phất ngay, phiền tướng-quân giúp-đỡ một tay, phá được giặc mỗ đây tâu thưởng.

Kỳ nói : — Như nay giặc đến nhà ai không phải đánh, mà tổng-binh có mệnh sai đi, dẫu xuất-sinh-nhập-tử quản chi, tiểu-tướng phải vâng lời đại-tướng, xin lui hồ-trướng, cho mỗ xuất-thành.

(Nói rồi Thông hạ)

Kỳ đi hát loạn rằng :

Khinh khinh dược mã quá Lư-giang,

輕輕躍馬過瀘江。

Cấp cấp huy qua tru loạn-tặc.

急急揮戈誅亂賊。

Nam-nhi vạn lý thủ phong hầu.

男兒萬里取封侯,

Bất-nhượng Ban Siêu thâu Vệ Hoắc.

不讓班超翰衛霍。

IV — Cảnh tầng-lâu bên sông

(Lê Lợi cùng Trãi ra)

Trãi nói:—Xin tâu chúa-thượng, nay Vương Thông còn hãy quật-cường, xem hồi-thư có ý khinh-thường, xin đánh cho biết sức, sẽ chiêu-hàng mới chịu.

Lê Lợi nói: — Ừ, phải, truyền cho Lê Công-Soạn, Lâm Thiếu-Ngại cùng Trần Nguyên-Hãn xuất trại công-thành, nghe.

(Lê Lợi nói rồi hạ, Trãi ở lại).

Công-Soạn, Thiếu-Ngại, Trần Nguyên-Hãn ra nói : — Hữu-lệnh công-thành-chư-tướng tề-lai thính-lệnh.

Trãi nói : — Nay Vương Thông nó chửa chịu hàng, chúa-thượng sai chư-tướng độ-giang, cấp-cấp phải đánh thành cho được.

(Chư tướng dạ dạ cùng Trãi cùng đi Loạn rằng :

Kỷ độ trầm-qua đồng đãi đán,

幾度枕戈同待旦。

Như kim kích-tiếp thủ trung-nguyên.

如今擊楫取中原。

Tam-quân cổ dũng cầm Hồ-lỗ,

三軍賈勇擒胡虜。

Chỉ nhật giang-sơn tẩy uế chiến.

指日江山洗穢氈。

(Hạ)

Trọng-Kỳ ra nói : — Như ta đây, Đông-quan thủ-tướng, phụng thiên-triều đế-mệnh ra đây, việc binh-cơ giao-phó một tay, Hàn Trọng-Kỳ là mỗ; rầy nghe Lê-tặc nó xương-cuồng thị-võ, dám qua đây nhiễu-khổ phương-

dân, lệnh truyền xuất ngã tam-quân, mau mau sát tặc-thần Lê Mỗ.

Công Soạn, Trần Nguyên-Hãn, Thiếu-Ngại ra gặp Kỳ, Kỳ nói : — Những tên này có phải thầy tớ thằng cha Lê-tặc đấy không?

Chư-tướng cùng nói: — Ừ, tao đã biết mi là thầy tớ Vương Thông, mi không biết Lê Công-Soạn với Lâm Thiếu-Ngại, à.

Kỳ trỏ Trần Nguyên-Hãn nói : — Thế thằng kia là thằng nào ?

Nguyên Hãn nói : — Thế mi chưa biết giết thằng Mã Kỳ là ai, mà mi còn phải hỏi.

Lại nói : — Chư-tướng,bất tu nhàn-thoại, cấp-cấp giao-phong.

(Nói rồi cùng Trọng-Kỳ đánh nhau một hai vòng, rồi giết Trọng-Kỳ, hạ.)

Vương Thông ra nói : — Khả-hận-khả - hận, sát ngô danh-tướng, ngô quyết phục thù.

(Chư-tướng lại ra đánh nhau một vòng, rồi Thông thua chạy vào thành, chư-tướng hạ.)

Lê Lợi cùng Trãi ra nói : — Nay Vương Thông nó đã biết sợ, hẳn phen này nó phải thụ-hàng ; quân-sư đâu, thảo du-thư sang, bảo cho nó hạn-kỳ thúc-giáp.

(Một đứa quân Minh ra ngơ-ngẩn cầm cái thư.)

Quân-lính hỏi tên quân Minh rằng : — Chứ thằng này mi đi đâu, mi người nhà ai mà dám tới đây ?

Quân Minh nói : — Thưa cậu tôi là người nhà thầy Thông.

Quân nói : — Thầy Thông mi ở đâu, làm việc gì?

Quân Minh nói : — Thầy Thông tôi ở trong thành, làm việc quan lớn.

Quân nói : — Ái chà ! lớn-lớn với bé-bé, có phải Vương Thông thời đã mất vía đêm qua, bảo thầy mi muốn tốt thì ra, kẻo trận nữa thời muốn về cái nhà chẳng được, nghe không.

Quân Minh nói : — Thưa cậu, thầy tôi bảo tôi đem thư, xin cậu nhận giúp cho tôi.

Quân nói : — Ừ, đưa thư đây, cho mi trở lại.

(Quân Minh đưa thư rồi hạ.)

Quân dâng thư nói : — Dám bẩm, Vương Thông có thư đưa lại, tôi xin nạp tới kỷ-tiền.

Trãi cầm thư dâng lên Lê Lợi nói : — Vương Thông có thư lai đáo, xin tâu ngự tiền.

Lê Lợi cầm thư ra xem nói : — Xem trong thư báo, rõ ý Vương Thông, tự biết rằng viện tuyệt thế cùng, xin hàng phục lại xin toàn quân bắc phản,thực hư thành-khoản,quân sư thử đoán tâu qua.

Trãi nói : — Dám tâu, như Vương Thông trước còn giữ thành chờ đợi, nay thời quẫn-bách xin hàng, tình khô-ngư nghĩ cũng nên thương, thế dưỡng-hổ lại e di-hoạn, ngưỡng thừa dụê đoán, thánh ý xử-phân.

Lê Lợi nói : —Như nay Vương Thông nó thế-nhược cầu hòa, ta đánh nó thì ta bất-vũ, ví bằng nó nạp-hoàn cương thổ, ta cũng muốn cho nam-bắc nhĩ binh, phục-thư cho nó xuất-thành, đem đồ-tịch hướng quân-doanh hiến nạp, nghe.

(Trãi dạ, thảo thư đưa cho quân, rồi Trãi cùng Lê Lợi hạ).

V—Cảnh tướng-mạc Vương Thông

Vương Thông cùng tướng-tá ba bốn người ra, Thông nói : — Này chư tướng tá, ta từ thủa vâng thừa triều-mệnh, sang trấn Nam-bang, lòng những mong bền giữ thành vàng,tiếng cũng muốn dài ghi bia đá ; như nay lòng trời đà cho hối-họa, chốn Giao-châu rầy đã có người, vì thương dân nên phải thuận trời, nay ta tính giao-hoàn cương-thổ,

trước nghĩ chữ «chỉ qua vi vũ», sau mở lòng «dĩ đức phục nhân», truyền cho chư tướng chư quân, mau thu xếp để ban sư nhập tái.

Chư-tướng nói : — Dám bẩm, từ khi tổng binh phụng-mệnh sang đây, anh em tôi chấp chiên tùy đăng, mấy năm trời lược-địa công-thành, máu chém người gươm rửa còn tanh, mồ hôi ngựa áo rây chưa sạch; hàng hĩ tai chung thần Di địch, thà rằng liều mã cách khỏa thi; như bây giờ vội tỏa binh uy, e để tiếng man di sỉ tiếu; vả ban sư chưa thừa minh chiếu, tội khi thành ai chịu cho ta; xin tổng binh nhắc lại cân qua, kẻo để tiếng thiên binh khiếp địch.

Thông nói : — Việc này ta đã biểu tấu hồi triều, biểu cầu phong Lê cũng xin theo, âu chư tướng phải nghe lời mổ, truyền cho đội ngũ, bả thủ thành-môn, đặng cho mổ quá giang đả thoại, nghe.

(Chư-tướng dạ, tức giận rồi hạ)

Thông đứng lên đi, vợ Thông ra ngăn lại nói : — Dám thưa phu tướng, trộm nghe Việt-nhân bản-tính, trá-ngạo ngu-si; vả từ khi ta bắt Qui-Ly, lòng nó vẫn nhiều bề phản-trắc; rày nghe Lê-tặc, mặt muốn hòa mà lòng chửa chắc hòa, nay đại - nhân đường - đột xông - pha, e sơ-thất để nước nhà ai giữ.

Thông nói : — Nay mình chưa biết, ta xem Lê Mỗ là người đại-độ, đưa thư sang đã tỏ chân-tình, âu ta qua bảo lấy chí-thành, để tức chiến hưu-binh cho khỏi; em không phải nói, trở lại trướng-trung.

Vợ Thông hát nam rằng :

Phu tướng ơi ! lòng ấy-nay gan càng phấp-phỏng,
Một bước đường coi giống quan-san.
Phu tướng ơi ! Sao cho cho được vạn-toàn,
Cho phu quí phụ vinh là cạy, phu-tướng ơi !

Lại nói : — Quân, mi theo ông sang đó, tin-tức sao kíp nhủ ta hay, nghe.

(Nói rồi hạ. Thông cùng quân hạ)

VI — Cảnh tầng-lâu dinh trại Lê Lợi

(Lê Lợi cùng Trãi ngồi).

Thị-vệ tâu rằng : — Có Vương Thông phụng-mệnh lai-đáo doanh-tiền.

Lê Lợi trông Trãi cười nói : — Quân-sư, quả-nhiên thư nhất chỉ hiền ư sư thập-vạn, mới thực là liệu-địch chi thắng toán. Vương Thông nó đã ra hàng, âu cho triệu cận tiền diện-dụ, nghe.

(Thị-vệ dạ, hạ)

Vương Thông ra quì trước Lê Lợi tâu rằng : — Dám gửi Minh-công thiên-tuế, tôi nay quan triều Minh-quốc, quyền kiêm Bố Ân nhị-ti, vì cứu Trần đã bắt Qui-Ly, mà Nam-quốc chưa ai tự-chủ, vậy sai tôi sang đây thủ-thổ, để chờ người đại-độ khoan-nhân; nay Minh-công hay nối nghiệp Trần, đồ-tịch với ấn-chương tôi xin đem nạp, lại còn như quan-quân khí-giới, rộng thương cho tướng lại đem về, ân trên đất chở trời che, cho được vẹn còn tính mệnh.

Lê Lợi nói : — Ừ, như nhà ngươi phụng-mệnh bắc-triều, lai quan Nam-thổ, vâng lời quân-phụ, nghĩa cũng là thần-tử đương-nhiên, ta muốn cho Nam Bắc đều yên, lòng đây cũng hiếu-sinh ố-sát, vậy khoan đường công-phạt, cho gã ra hàng, giờ hãy thu đồ-tịch ấn-chương, còn tướng-lại sẽ thong-dong phát-lạc. Thị-thần đâu, chọn nơi khoan-sước, cho Vương Thông hãy tạm đình lưu, nghe.

(Nói rồi hạ)

(Thị-thần đem Vương Thông đi diễu trong trại).

Trãi ra giận nói rằng : — Vương Thông, Vương Thông, nào cha anh tao đâu, mi có bảo nhau đem trả tao không !

Nói rồi rút gươm chực chém, thị-thần đẳng lấy gươm nói :

— Không được, không được. Xin quân-sư hãy tạm thong-dong, để mai mốt còn chờ quân-mệnh.

Trãi bỏ gươm than rằng : — Ơi ! cha ơi ! ơi ! anh ơi ! chia tay mười mấy năm trời, bây giờ mới trả được lời đinh-ninh. Ơi ! cha ơi ! ơi ! anh ơi ! Kim-lăng hay ở Yên-kinh, còn không xin thấu chút tình con em. Cha ơi ! anh ơi !

Thị-thần nói : — Dám gửi quân-sư, quân-sư tuy rằng niệm phụ-tử chi tình, nhưng xin phải nghĩ triều-đình chi sự.

Trãi nói : — À ! quân-hiệu, hãy đem thằng Vương Thông này giam lại, để nay mai tao tấu chúa-thượng chém cổ nó đi.

(Quân dạ, đem Thông bạ ; thị-thần cùng Trãi cùng bạ)

VII. — Cảnh Triều-đình

(Trãi cùng văn-võ các quan ra ngồi hai bên.)

Trãi nói : — Như nay Vương Thông nó đã ra hàng, các thành đều xin trả đất, giờ thời Nam-quốc sơn-hà, trùng-khai thiên-nhật, cũng là nhờ uy-phúc một người, xin tôn lên sửa trị ngôi trời, cho thỏa bụng muôn phương mong-mỏi ; vả những kẻ theo rồng lặn suối, nay đã vượt bể qua sông, cũng mong nhờ cậy thốn-công, xin triều-nghị cấp tôn-vương là phải.

Chư-thần nói : — Nghe quân-sư bàn là rất phải, xin phụng-nghinh xa-giá vào thành, ở đây là Trần-thị cựu-kinh, sơn-thủy thực long-bàn hổ-cứ, xin tôn thiên-tử, định đó đây là đế-ngự thần-kinh, loan-nghi đâu chỉnh-túc nghiêm-minh, phụng chúa-thượng thăng hoàng-đế-vị.

Quan-quân cùng dạ, rước Lê-tổ ra ngồi ; *Lê-tổ nói* : — Như ta nay gội mưa trải gió, cũng vì thương muôn họ lầm-than, giúp công ta nhờ có bách-quan, nay mới được giang-san bình-định, hiệu Thuận-thiên kỷ-nguyên cải-chính, công-thần ban tước-mệnh hữu - sai. Nguyễn-quân-sư tế-thế kỳ-tài, luận-công ở quan-giai đệ-nhất ; như Trần Nguyên-Hãn là Trần Tôn-thất, cũng phong cho tước-trật thượng-công ; chư-thần trước đã hết lòng, nay lại phải tận-trung báo-quốc, nghe.

Chư-thần dạ, đồng-thanh hô : *Thiên-tuế ! Thiên-tuế* ! Lại hát ban rằng :

Huy qua hề bình việt,

揮 戈 兮 秉 鉞。

Tảo yêu-phân hề khai nhật nguyệt.

掃 妖 氛 兮 開 日 月。

Nhật nguyệt hề tại thiên,

日 月 兮 在 天。

Hà vạn vật hề chiếu bách xuyên.

照 萬 物 兮 照 百 川。

Xuân-phong hề hạ-vũ,

春 風 兮 夏 雨。

Phong phồ thiên hề vũ suất thổ.

風 普 天 兮 雨 率 土。

Nam-sơn hề thọ trường,

南 山 兮 壽 長。

Bái khể thủ hề chúc ngô hoàng.

拜 稽 首 兮 祝 吾 皇。

(Hạ)

VIII. — Cảnh nhà ông Trãi

Trãi ra nói : — Ta từ thủa vâng lời thân-phụ, trải biết bao tân-khổ gian-nan ; nằm chông nếm mật không an, lặn suối trèo non chẳng quản.

Ngâm thán rằng :

Quốc loạn quân-thần tán.

國 亂 君 臣 散。

Gia vong cốt-nhục ly,

家 亡 骨 肉 離。

Kim nhật giang-sơn trùng tái-tạo,

今日江山重再造。

Phụ huynh hà nhật hựu đồng qui !

父兄何日又同歸。

Quản-nhân vào bẩm rằng : — Dám gửi có Trần thượng-tước qua chơi, xin vào bẩm tướng-công ra tiếp.

Trãi nghe nói, đứng lên, Trần Nguyên-Hãn vào chào rằng : — Cung hạ thừa-chỉ.

Trãi nói : — Xin tướng-công an-vị.

(Nguyên-Hãn ngồi)

Trãi cười nói : — Tả-tướng có nhớ khi Thụy-hương-đình Đông an-miếu hay không ?

Nguyên-Hãn nói : — Nhớ, chứ quên sao được.

Trãi nói : — Nhưng mà em lại nhớ cả bà Tiên-hương thần-nữ nữa kia.

Nguyên-Hãn nói : — Sao tướng-công bảo rằng quốc-loạn thính ư thần, như giờ thần đã giúp, thời ta cũng phải có cho ta thần mới được chứ ?

Trãi nói : — Phải, bữa nọ em đã tâu qua Thiên-tử, xin tặng-phong rồi, nhưng em lại nghĩ một nỗi, con người ta có ngũ-luân, như nay long-vân khánh-hội, giao-tất tương-đầu, nghĩa quân-thần bằng-hữu đã vậy, còn như phụ-tử, huynh-đệ, phu-phụ sao đây ?

Nguyên-Hãn nói : — Tiên-sinh nói em chưa kịp nói, nghĩ nỗi nhà bối-rối chưa an ; còn mẹ già giấu ở Tản-viên, cùng gia-tiểu cùng khi tị-loạn ; xin đón lại thừa-hoan khuya sớm, cũng gọi là giãi chút tình con ; tấm lòng nhụ-mộ thần-hôn, xin gửi lại tiên-sinh đặng rõ.

Trãi than rằng : — Nghe nói châu rơi lã-chã, nghĩ lời ruột xót lâm-râm. Cha anh ơi ! muôn dặm xa-xăm, dường diệu-vợi biết tìm sao cho đặng !

Lại nói : — Như tả - tướng nay, có tôn-từ dề dầu-thăng đãi-dưỡng ; như em giờ dẫu vạn-chung thiên-tử, còn ai mà phụng-sự thừa-hoan ! Tả-tướng mau về chốn thâm-sơn, đón rước lấy từ-thân cho phải ; em cũng tới Côn-sơn cựu-trại, hỏi thăm nơi tổ ngoại dưỡng-nhân. Âu là ta thúc chinh-an, sách tuấn-mã trông chừng thượng-lộ.

(Nói rồi lên ngựa cùng đi, hát nam rằng :)

Sách mã trông chừng thượng-lộ,
Ngó giang-sơn như cũ cùng vui,
Hoa đưa liễu đón từng thôi,
Nước non rửa sạch tanh hôi từ rày.

(Hạ)

IX — Cảnh phố hàng

Thị-Lộ gánh chiếu ra nói : — Tôi nay Nguyễn - thị, quê ở Ngự - thiên, nghe muôn dân chăn chiếu đã yên, mừng chiếu dắt tôi đi bán chiếu. Nghĩ phận gái chút thân bồ-liễu, chẳng bằng trai phỉ chí tang-bồng ; bấy lâu nay bỏ việc nữ-công, lo nước đồ vậy chồng chưa muốn lấy; trai thời loạn nay đà lừng-lẫy, gái thời bình ở vậy hay sao? Âu ta mượn mâu một gánh tiêu-dao, ai mua chiếu xem ai chung một chiếu !

Hát nam :

Chiếu hoa bỏ vắng,
Luống một mình ngồi đừng cùng ai !
Chăn đơn gối chiếc hôm mai,
Chiếu hoa luống để đợi người tài-hoa.

Lại nói : — Chiếu tôi đây, mau cây nhỏ cói, nâm chiếu này chẳng gối cũng êm ; muốn dắt hàng nên phải đi tìm, ai mua chiếu để tôi về kẻo tối !

(Hạ)

Trãi ra nói : — Ta từ khi chức cư thừa-chỉ, coi việc Hàn - lâm, khi thời tham-chính nhạc-âm, lại lúc phụng-sung Giám thi ; nào là biểu cầu-phong, nào là Thần-đạo-ký, việc văn-chương chẳng mấy lúc rồi ; nay vừa gặp buổi triều-hồi, thong-thả ta dạo chơi kinh-phố, chăng à.

Ngâm rằng :

Đào lý mãn thành đai tự cẩm,
桃李滿城皆似錦。
Lâu đài nhất thốc các liên vân.
樓臺一簇各連雲。
Liễu-hạng hoa-nhai tam thập lục,
柳巷花街三十六。
Liệu ưng tuyệt-đại hữu giai-nhân.
料應絕代有佳人。

Lại nói : — Chà ! nay xem phố-phường khác trước, dân-sự hơn xưa, thế mới biết thử hỏi thiên-hạ đô vô-sự.

Thị-Lộ lại gánh chiếu ra nói : — Ấy mới thực là chiếu ấm chiếu êm, chiếu thế này mà không ai mua chiếu à ?

Lại nói : — Ai mua chiếu không ?

Trãi nghe tiếng ngảnh lại nói : — Yểu - điệu chân yểu - điệu, hữu mạo tất hữu tài ; âu ta hỏi thử một lời, thi-khán giai-nhân đối-đáp sao, chẳng hả.

Lại nói : — Kìa ai yểu-điệu, đi bán chiếu gon, trời đã hầu tối, sao chẳng về con ?

Thi-Lộ nói : — Phận gái tì-hon, đi bán chiếu gon, chồng chưa có, hỏi chi con !

Trãi nói : — Khen cho tài-nữ, có sắc có tài, cớ sao luân-lạc trần-ai, không kiếm chốn tìm nơi kết bạn làm vậy ?

Thi-Lộ nói : — Thiếp tôi nay, hồ sinh má phấn, đương thủa đầu xanh, chót đa-mang hai chữ tài-tình, vậy nên phải giữ mình chờ đợi ; nếu quí-nhân có lòng chung-ái, duyên loan-hoàng còn lại đâu bằng ; xe tơ-hồng lọ phải dưới trăng, nâng khăn-lược xin hầu dưới trướng.

Trãi nói : — Đã vừa nhan-sắc, lại cách văn-chương, kể sắc-tài đáng giá ngàn vàng, duyên loan-phượng biết tìm nơi xứng-đáng ; ta đây dương thiếu người nội-tướng, âu là nàng cũng gắng giúp ta ; như nay tạm trở lại nhà, để mai mốt cho người nghênh-tiếp.

(Nói rồi ha)

X. — Cảnh nhà ông Trãi

Trãi ra nói : — Như nay Triều-đình vô-sự, quốc-thái dân-phong, nước thái-bình, nhà cũng thong-dong. Quân đâu, thỉnh tiểu - phu - nhân tới hoa-đường nhàn-thoại.

(Quân dạ)

Thị-Lộ ra nói : — Tướng-công có lệnh, tiểu-thiếp ra hầu.

Trãi nói : — Phu-nhân ngồi.

Lại nói : — Từ khi gặp-gỡ, đã biết tài-hoa, nay trúc mai xum-họp một nhà, mượn ngọn thổ vẽ-vời phong-nguyệt, nên chăng ?

Thị-Lộ nói : — Dám gửi, thiếp tôi, thuyền-quyên thơ dại, việc đàn-bà kim chỉ vá may, nghề bút-nghiên đâu dám dùng tay, e vẽ quạ để bày trò sĩ-tiếu.

Trãi nói : — Này phu-nhân, thiên chỉ sinh nhân tình tiện-liễu, đã có tài ắt hẳn có tình, âu để bài lấy một chữ tình, ngâm câu thử để tỏ tình tương-ái, phải chăng ?

Thị-Lộ đứng nói : — Lời trên đã dạy, có lẽ trái lời, âu là mượn bút vẽ-vời, dẫu hay dở xin ngài chỉ-giáo.

Ngâm rằng :

Trời chỉ sinh ra một chữ tình,
Xui người tài-sắc bỗng không đành.
Đố ai quên được chung-tình ấy,
Một khối tình-chung vẫn cạnh mình.

Trãi nói : — Ừ, ấy mới thực là cầm-tâm tú-khẩu, thanh-vận khanh-tương, tì hoa hoa giải ngữ, tì ngọc ngọc sinh hương, làng quần-thoa kém mặt văn-chương, bạn hồng-phấn thua tay hàn-mặc, như thử giai-nhân chân hãn-đắc, rõ gồm cả bên sắc bên tài, vui cùng ta cùng trọn tuổi trời, dẫu thiên-tử vạn-chung đâu có nghĩ.

Quân bạch rằng : — Dám gửi, thiên-tử mệnh sứ, lai đáo môn-tiền, thỉnh tướng-công xuất-môn nghênh-tiếp.

Trãi đứng dậy đi ra, Thị Lộ vào.

Trãi trông thấy sứ quị nói : — Phụng-nghinh thiên-sứ, hà-sự giáng-lâm, thỉnh đáo sảnh-đường, tỉ thần-hạ hậu thừa thiên-ngữ.

Trãi lại nói : — Thỉnh đại-nhân an-vị.

Sứ nói : — Như nay Thiên-tử có chiếu, sai dụ tướng-thần, nghe tướng-thần có tiểu-phu-nhân, nhan-sắc với văn-chương kiêm-mĩ, lòng muốn cho phu-vinh phụ-quí, vậy truyền đòi nhập-thị cung-trung, chức Lễ-nghi học-sĩ sắc-phong, cho phu-phụ quan-giai vinh-hiển; tướng-thần với phu-nhân phải vào bệ-kiến, để hậu-chỉ đương-diện truyền qua, quân-mệnh bất-khả đậu tại tư-gia, mỗ khả cấp hồi-triều phục-mệnh.

(Trãi đạ, đứng dậy tiễn sứ, sứ hạ)

Trãi lại ngồi nói : — Ấy mới là khó nghĩ, như nay đạo làm tôi chúa, nghĩa nặng vợ chồng, ở làm sao cho được cả hai lòng, sao cho vẹn cả bên trung bên nghĩa, bây giờ à ? Quân truyền, mời phu-nhân ra, ta nói chuyện đây.

(Quân dạ vào bẩm).

Thị-Lộ ra nói : — Trộm nghe thiên-sứ, lại có việc gì, tướng-công truyền gọi tiểu-tì, thiếp tôi xin ra vâng dạy.

Trãi nói : — Phu-nhân ngồi.

Trãi nói : — Này phu-nhân, như nay, Thiên-tử sai sứ-thần ra dụ, truyền phu-nhân nhập-thị cung-trung, nhưng một mình nghĩ-nghị chưa xong, hỏi nương-tử xem lòng sao cho tỏ.

Thị-Lộ nói : — Dám gửi tướng-công, như nay, thiên-tử chỉ truyền làm vậy, ai dám trái lời, nhưng trộm nghĩ rằng ngũ-luân là đạo thường người, có vợ chồng rồi vua tôi mới có, nghĩa vua vậy nghĩa chồng khôn bỏ, vào làm sao ra lại làm sao, e những lời sớm mận tối đào, dẫu chức trọng quyền cao khôn giữ hết, nghĩ sao cho xiết, xin cậy lòng trên.

Trãi nói : — Như phu-nhân nghĩ làm vậy, là phụ-nhân tông-nhất, đạo đàn-bà phải giữ chính-chuyên, nhưng chấp-kinh có lúc tòng-quyền, quyền khi tới thì kinh khôn lẽ giữ ; vả quân-thần khác gì phụ-tử, đạo tôi con cũng chữ trung-trinh, há như ai phải giữ thường-tình, thờ vua phải sao cho tận-lễ, âu là ta vào triều ngọc-bệ, hiu sắc-phong rồi sẽ lâm-tuyền, mau truyền sắm-sửa y-quan, hai ta đặng nhập-triều bệ-kiến.

(*Trãi cùng Thị-Lộ vào chầu, Trãi hát bắc rằng :*

Phất bội song song triều ngọc-khuyết,

拂 珮 雙 雙 朝 玉 闕。

Thoa-quần chỉ nhật liệt tiên-ban,

釵 裙 指 日 列 仙 班。

— *Thị-Lộ tiếp hát nam rằng :*

Nào ngờ chút phận hồng-nhan,

Quần-thoa mà cũng y-quan có ngày.

(đều hạ)

XI — Cảnh triều đình

Sứ ra tâu : — Khâm-thừa thánh-ý, tuyên thừa-chỉ nhập-triều, Trãi phu-thê dĩ tại đan-đình hậu-mệnh.

Lê Thái-tôn nói : — Tuyên nhập.

Trãi cùng Thị-Lộ vào tâu rằng : — Muôn tâu thiên-tử, hạ-thần Nguyễn Mỗ cùng Thị-Lộ tiểu-thê, vâng chiếu đòi lạy trước đan-trì, thần phu-phụ hậu-thừa thánh-chỉ.

Lê-Hoàng nói : — Tử tọa, tứ bách-quan đồng tọa.

Lại nói : — Nguyễn Mỗ, trẫm nay nối ngôi hoàng-phụ, sửa trị muôn dân, nhờ tướng-thần gặp hội long-vân, cùng thần-khảo kết duyên ngư-thủy, nay mừng được nội-an ngoại-trị, nhờ tướng-thần ra sức phụ-thành, lấy văn-chương phấn-sức thái-bình, không thiếu kẻ quỳnh-lâm hàn-uyển, nghe phu-nhân từ-hoa lão-luyện, ta muốn

cho phu-phụ câu-vinh, sắc Lễ-nghi học-sĩ ban hành, cùng tướng-thần đặng phân-ban thị-tụng, trước là thị nhân-tài chi chúng, sau là vi bang-quốc chi hoa, tướng-thần vâng lấy lời ta, cùng phu-nhân tới Hàn-lâm thụ-sắc, nghe.

Trãi nói : — Ơn trên thánh - chúa, thương kẻ lão-thần, đội ơn trời mưa-móc thấm-nhuần, cây cỏ đặng bội-phần tươi-tốt, lòng chẩn-niệm minh - tâm khắc-cốt, nghĩa báo đền chưa chút quyên ai, e phụ-nhân cũng dự ban-giai, sợ thần-hạ lại thêm lời quan - bảng, muôn tâu thánh-thượng, xét lại thần-tâm.

Lê-hoàng nói : — Này tướng-thần, tướng-thần là đồng-hưu cộng - thích, vậy muốn cho chủ-lạc thần-vinh, lời đã ban trước đan-đình, đâu có lẽ thu-hồi thành-mệnh, miễn tướng-thần tận-tâm phu-chính, cùng phu - nhân từ - lệnh thảo-luận, xưa thập-thần con có phụ-nhân, hiềm-nghi chi mà có lòng e sợ vậy.

Trãi nói : — Lời vàng dạy xuống, chiếu ngọc vâng ban, tạ ân lạy trước long-nhan, lại dám tỏ lòng nghĩ-khôn, hạ-thần chẳng lượng tài ngu-độn, theo tiên-hoàng từ chốn tiềm-vi, trải mấy năm bí-sách khu-trì, may đã được phan-lân phụ-dực, sức nô-thai nay đã hết sức, lòng hoắc-quì vẫn vững một lòng, e tuổi già như cây trúc long-chung, việc lương-đống xin nhường tài kỷ-tử, xin lượng trên rộng lòng khoan-dữ, cho hơi tàn về chốn nham-a ; núi Côn-sơn tổ ngoại có nhà, xin về đó phụng-kỳ triều-sảnh.

Lê-hoàng nói : — Ừ, quả-nhân nay còn đương tuổi trẻ, mong trước sau có kẻ lão-thần, tướng-thần sao vội bỏ quả-nhân, vui nham - hác để miếu-đường ai đó ? Nghĩ tướng-thần trải phen mưa gió, theo tiên-hoàng tân-khổ đã lâu, âu là tạm hứa qui-hưu, nước có đại-chính phải xu triều-dự-thính, nghe.

(Trãi phu-thê dạ hạ)

(Lê-hoàng hạ)

Các quan tiễn Trãi phu-thê ra đi, các quan nói : — Nay tướng-công cùng học-sĩ mới phụng chiếu gia-phong, mà đã từ triều giai-ẩn, đồng-liêu gọi là tiễn-biệt lên đường.

Hát nam :

Năm mây mới xuống tờ đan-chiếu,
Bóng quan-hà bể liễu cùng tay.

Chừ thôi thời đồng-liêu cùng tướng-công đô-môn ẩm-tiễn gọi là.

Đô-môn rượu tiễn chén này,
Khuyên người giai-ẩn chớ khuây đồng triều.

Trãi đáp rằng : — Như nay đồng-liêu có lòng tương-tống, mà lão-quan ngần-ngại, bây giờ thì tạm biệt nhau, nhưng mà

Đoái trông năm thức mây che,
Kẻ lưu kinh-quốc người về gia-sơn,
Giang-hồ lang-miếu bàn-hoàn,
Ngâm câu tam-điệp Dương-quan ngậm-ngùi.

Thị-Lộ nói : — Nay triều-quan có ý tiễn tướng-công tôi, cùng tiểu-nữ-quan làm vậy, là :

Tạ lòng chân - trọng, bước đô-môn, tương-tống cùng nhau.

Cỏ xanh sông biếc một màu,
Hoa đào nước chảy biết sâu mấy trùng

(hạ)

XII — Cảnh Côn-sơn

Trãi ra hát nam rằng :

Gió thu thổi lạnh sông Ngô,
Rau thuần canh ngọt cá rô gỏi bùi.

Thị-Lộ tiếp hát rằng :

Cửa Hành nước suối cùng vui,
Câu thơ chén rượu hơn mùi đỉnh-chung.

Trần Nguyên-Hãn ra, Trãi trỏ bảo Thị-Lộ nói : — Đó xa xa, ai coi như là Trần Tả-tướng vậy ?

Trần-Nguyên-Hãn trông Trãi Thị-Lộ nói : — Phải, xin chào Tướng-công cùng Học-sĩ, em từ khi xin đi tìm lão-mẫu, về ở Hoắc-sa, còn đương lo tính việc nhà, nghe Tướng-công có tin mừng, mà lại nghe tin sợ, mừng là mừng Học-sĩ mới được sắc phong, sợ là sợ Tướng-công vội lòng thoái-ẩn, nhưng mà em nghĩ ra cũng phải, vậy tiện đường qua đó, tương-tống nhất-trình.

Hát nam rằng :

Tướng-công ơi ! Lương-cung xạ cao-điểu, điểu tận lương-cung tàng.

Chim cao đã mắc cánh giáng,
Chiếc thuyền Phạm Lãi nghênh-ngang Ngũ-hồ.

Lại nói :

— Như Tướng-công đã vậy, còn em biết tính sao đây, vậy cho nên :

Tiền người giai-ẩn,
Nghĩ nỗi mình ngơ-ngẩn càng thêm.
Buộc mình vào chốn áo xiêm,
Một mùi chung-hoạch kẻ thèm người chê.
Biết bao kẻ ở người về,
Thị-thành mấy kẻ thôn-quê mấy người ?

Trãi nói : — Tả-tướng ơi ! *Khẳng-khái quân liên ngã, sơ-cuồng tử tự dư, tha-niên Nhi-khê ước, đái lạp hạ xuân sư,*

慷慨君憐我。疎狂子似予。
他年苔溪約。戴笠荷春鋤。

giờ thì :

Xa nhau lòng những ngẩn-ngơ,
Cay xuân nón lá đợi chờ về sau.

Thị-Lộ nói : — Tả tướng ơi ! như nay Tả-tướng có lòng tương-tống làm vậy,

Trường-đình tương-tống,
Lời tiễn đưa trân-trọng biết bao.
Hãy xin gắng sức thánh-triều,
Thuận buồm khi sẽ cốn lèo về sau.

Trần Nguyên-Hãn nói : — Như Tướng-công nay là phỏng mãn giới-doanh, em cũng muốn công-thành thân-thoái, mừng Tướng-công ngao du vật-ngoại, em hãy xin trở lại triều-trung.

(Hạ)

Trãi cùng Thị-Lộ đi, trông thấy núi Côn-sơn.

Trãi trỏ bảo Thị-Lộ nói : — Kia kìa đây đã tới gia-sơn rồi đây, đó là *Bằng-hồ tinh-sá* của Trần Tướng-công ngoại-tổ ngày xưa, trải mấy phen chống gió che mưa, giờ lại thấy non cao nước biếc, nay ta về đó, dưỡng-nhàn tuế-nguyệt, thi tửu vui chơi.

Lại hát nam rằng :

Gian tay về chốn Nham-kha,
Câu thơ Bàn-giản ngâm-nga tháng ngày.
Bạn-bè trăng nước cỏ cây,
Công-danh coi một áng mây trắng chừng.

Thị-Lộ hát : — *Mây trắng chừng thử xem mấy nổi* ;
Mệt lòng người một gối hoàng-lương.
Sao bằng thơ rượu sênh-sang,
Khi vui bỏ hết tang-thương ra ngoài.

∴

Một người kép ra nói xếp trò rằng :

— Dám trình khán-quan, như trời đất có khi bĩ khi thái, người ta có lúc nhục lúc vinh, nhưng thờ vua phải giữ đạo trung, thờ cha phải hết lòng hiếu-nghĩa ; ông Nguyễn Trãi hiếu-trung là thế, xin làm gương mà để soi chung ; đã làm trai phải để bên lòng, gánh lấy chữ hiếu-trung cho phải.

Hát nam :

Gánh chữ hiếu-trung cho phải,
Việc giang-sơn đồ lại việc mình,
Hữu-tình xin chớ vô-tình,
Ai ơi ! chim Việt đậu cành nam-chi.

HẾT

LOÀI VẬT HAY (1)

III

27. — Chim can-đảm

Trần Nguyên-Hãn người Sơn đông, khi còn đi bán dầu có nuôi hai con chim bồ-câu thổi sáo hay lắm ; lại thạo việc đưa thư, sai đâu được đấy, dù xa ngoài muôn dặm, cũng chả hề suy-suyển. Ông yêu lắm. Sau vào Lam-sơn, theo vua Lê Lợi khởi-nghĩa, có đem theo để phòng khi dùng đến. Trận đánh ở Vũ-ninh, quân ông bị giặc Minh vi-hãm trong làng Yên-nội, điệp-điệp trùng-trùng, con sẻ bay không lọt, thế rất nguy-cấp, các thủ-hạ không ai có tài phá vây đi cầu-cứu được, lo quá ; sực nhớ đôi bồ câu, liền thảo một tờ biểu-văn cáo-cấp, gói kĩ buộc vào chân, dặn bay về Thăng long-thành, dâng cho vua Lê Lợi, đợi đêm khuya tháo lồng thả ra, nó liền cất cánh bay thẳng, quả thoát được vòng vây ; về đến nơi hạ xuống giữa sân rồng. Lê Lợi nhận được, an-ủi cho nó ăn uống, rồi thảo thủ-chiếu trả lời cho ông biết sẽ kéo quân đến giải vây ngay ; lại y mẫu thế, buộc vào chân nó mà thả, nó phụng-mệnh cắm đầu bay riết. Chuyến này nó bị một mũi tên rơi bẳn gãy lìa một ngón chân, thế mà nó vẫn mãnh-miễn cố bay, như không biết đau-đớn gì, về được đến nơi, ông mừng quá, liền trông thấy nó bị thương, cảm-tình rỏ nước mắt. Sau quả Lê Lợi y ước dẫn quân đến cứu, nội-ngoại giáp-công, chuyển thua làm được, thực là nhờ ở công đưa thư của chim bồ-câu đó.

Quân bọc dường như lưới sắt quây,
Kia ai can-đảm dám xông vây.
Đưa thư muôn dặm xin quân cứu,
Nghĩa-khí như chim mấy kẻ tày.

Lời phê

Trong đám quân hùng tướng hổ, chả ai còn dám đột trận xông vây cầu-cứu, phải nhờ đến chim mới thoát-nạn thành-công được ; kia như sự đưa thư không lạc lối, bị thương không ngã lòng, chim thực là can-đảm tín-nghĩa, đáng trọng đáng qui !

28. — Chó lễ-nhượng

Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng, ở bầu thì tròn, ở ống thì dài, là một câu nói xác-lý ; xem nhà ông Trần Cảnh ở đời Tống, chín đời cùng ở với nhau, trên hòa dưới thuận, không có mảy tai tiếng gì, nên cái thói hay lễ-nhượng ấy cũng cảm-hóa được loài vật. Nhà ông có nuôi hơn một trăm con chó, cứ đến bữa ăn thì đánh ba hồi mõ gọi về cho ăn một lượt cho tiện, ngộ bữa nào một hai con chậm chân chưa đến kịp, thì cả đàn kia đều đợi không chịu ăn trước, bao giờ đủ cả mới cùng ăn ; và lại đàn nó nhiều thế mà không hề cắn lộn bậy nhau bao giờ, ngộ có con nào lầm lỗi, chủ quát một tiếng là sợ nem-nép. Lễ-nhượng thay !

Một miếng ăn kia cũng nhượng phần,
Rõ tình tương-ái lại tương-thân.
Anh em ai đó không hòa-thuận,
Cũng thẹn lòng thay chó của Trần !

Lời phê

Chó là loài vật vô-tri, còn biết theo gương lễ-nhượng, mà đối-đãi với nhau được thế, thôi những người cùng một cha mẹ mà chia lòng, cùng một giống nòi mà khác chí, cứ ganh đua nhau, ghen ghét nhau, chả đáng thẹn lắm sao !

(1) Xem *N.-P.* số 91, 92.

29. — Kiến đền ơn

Nhà họ Tống có hai người con : anh là Tường, em là Giao, đều giỏi nghề văn-học, nổi tiếng đời bấy giờ, nhưng Tường khí kém Giao.

Trong khi Tường còn bé đi chơi có thấy một đàn kiến sa vào vũng nước, động lòng thương, lấy những cái rác làm cầu để cứu vớt. Sau hai anh em đi thi hương hội, đều đỗ đồng khoa nhưng tên Tường thường ở dưới Giao. Kịp đến lúc vào điện-thi, vua ngự-lãm hai quyển đỗ đầu, thì văn-lý ở quyển Giao có phần xuất-sắc hơn quyển Tường, muốn phê lấy đỗ đầu, nhưng cầm đến ngự-bút chấm vào đĩa son, thì thấy ở mặt đĩa đầy ra những kiến bám đặc lại, ngài lấy làm lạ, liền bỏ quyển ấy xuống, kéo quyển kia phê, thì kiến đều tháo ra hết thảy, nên ngài chấm ngay quyển ấy đỗ trên. Khi xướng-danh thành ra Tường đỗ Trạng-nguyên, Giao thứ hai, vào bái mạng tạ ơn, ngài ban hỏi, mới biết là hai anh em ruột : « Em nhường anh cũng đáng lắm ». Nhân tỏ cho biết chuyện lúc ngài ngự-lãm, có sự lạ thế, Tường biết là kiến trả ơn mình, liền đem chuyện xưa tâu lên ngài rõ.

Châu-điểm đầu tên ở bảng rồng,
Mừng nay đèn sách đã nên công.
Kia xem chuyện kiến đền ơn đó,
Tài giỏi còn thua kẻ tốt lòng.

Lời phê

Kiến là loài côn-trùng rất nhỏ, còn biết lo đáp nghĩa đền ơn, nữa là loài người mà lại cử cư-xử một cách vô-ân bạc-nghĩa, thì chả đáng thẹn với lương-tâm lắm sao !

30. — Ong đáp nghĩa

Dự Minh-Chỉ là người đẹp trai, con nhà thế-phiệt, tài cao học rộng, chữ tốt văn hay, nổi tiếng cả vùng Hồ-quảng. Trong khi quan Hộ-bộ họ Vương yết bảng ra văn, kén chồng cho con gái tên là Như-Ngọc, có hứa cho mọi người niên thiếu, hễ ai thi trúng-tuyển đỗ đầu, thì gả không con gái cho. Tin ấy đồn đi, vương-tôn công-tử, mặc-khách văn-nhân, đua nhau đến xin ứng-thí, vì ai cũng biết Như-Ngọc là một người tuyệt-sắc, đủ cả ngôn dung công hạnh, thạo cả thi họa cầm kỳ, sẵn lòng mơ ước đã lâu, nên kỳ thi này rất là náo-nhiệt. Minh-Chỉ cũng nức lòng, nộp danh-sách vào thi, trong các kỳ đều đoạt giải nhất, không ai bì kịp ; thế là lầu thước-ngọc đã kén được tài xứng-đáng ở ngôi đông-sàng ; Vương Hộ-bộ mừng rỡ, mời vào nhà sinh-quán khoản đãi. Đến xế chiều Minh-Chỉ mới từ-giã ra về ; khi ra đến cửa, sắp lên ngựa, thì bỗng có một đàn ong bay đến, lượn đi lượn lại trước mặt, ra ý ngăn đón không cho đi ; Hộ-bộ sinh-nghi, liền lưu Minh-Chỉ ở lại đến mai sẽ về sớm. Ấy thực may cho Minh-Chỉ : nếu đêm ấy mà về thì tất mắc họa. Vì gần đấy có một vị công-tử, đã người xấu mà lại xấu nết, con quan Tể-tướng, tên là Trần Bưu, xưa nay vẫn mơ tưởng tiếng Như-Ngọc, ba bốn lần cho đến hỏi, Vương Hộ-bộ đều từ chối không nhận lời. Nay nghe tin Ngọc đã thành-giá, về tay Minh-Chỉ, thì tức hộc lên, liền mưu-thông với lũ cường-đạo, đêm ấy đón đường đánh giết Minh-Chỉ, cho tuyệt lòng hi-vọng của Vương, để dễ tính việc mình.

Đến sáng Minh-Chỉ về được rõ tin ấy, giật mình kinh sợ, lấy làm cảm nghĩa đàn ong ; rồi sực nghĩ ra mấy năm trước khi còn bé theo cha đi săn, có thấy một lũ mục-đồng đương đốt lửa hun một tổ ong ở gốc cây, chết hại đã nhiều ; động lòng thương, cho lũ kia tiền cam không nên làm thế ; nên đến nay đàn ong còn nhớ ơn mà đáp báo như thế này. Đáng khen thay !

Trước ngựa quây-quần một đàm ong,
Vì ân nên quyết trả ân xong.

Kìa như những kẻ vô-nghĩ đó,
Xem chuyện ong đây cũng thẹn lòng!

Lời phê

Lành gặp lành, làm ác gặp ác, đó là lẽ thường của Tạo-hóa! Minh-Chỉ vì không có ơn riêng với dân ong, thì đêm ấy tất-nhiên bị hại; thế thời loài ong gọi là có nghĩa cũng đáng!

31. — Cáo hợp-quần

Tùy Nhượng-đế đi săn ở Đường-lâm, có bắt được con cáo cái giao cho Bùi Cảnh-Trực lỏ cũi đem về trước. Trực trông thấy nó đương hoài-thai, đã động lòng thương, muốn thả, nhưng sợ mệnh vua sai không dám; bỗng thấy nó phá cũi ẩm-ỹ, kêu khóc thảm-thê, sợ động đến thai, cầm lòng không đậu, liều chịu tội vi-mệnh mà thả ra. Khi Nhượng-đế ngự về, hỏi đến con cáo không có, trị tội Trực, cách hết quan-chức.

Trực về nhà, nghèo túng quá, vì lúc làm quan thanh-liêm không có tư-bản gì riêng, chỉ trông vào mấy người quen biết và họ-hàng giúp-đỡ qua ngày.

Một hôm đi chơi ở núi Phi-thúy, bỗng có con cáo chạy đến, quanh-quẩn bên mình, rồi cắn áo Trực lôi đi, Trực lấy làm lạ đi theo, đến cửa hang kia, cáo chạy vào trước, Trực cũng đánh bạo lần theo, thì thấy vô-số là vàng bạc. Trực biết là cáo trả ơn mình, liền thu nhặt đem về làm giàu. Được mươi năm nữa, thiên-hạ loạn-li, bốn phương trộm cướp, những quân thảo-khấu thấy Trực giàu có, mới thừa cơ bắt cóc, giam lại một chỗ hang sâu, bốn bề giăng lưới sắt. Vợ con ở nhà được tin đem của chuộc, hết chuyến ấy sang chuyến khác, nhưng chúng nó sách-nhiễu quá thế, không biết sao cho vừa lòng tham. Vả lại thăm dò tin-tức thì mịt-mù không biết ở đâu, đành rằng một sống hai mái. Trực trong khi phải giam trong lưới, cực khổ trăm chiều. Chợt có con cáo chạy qua ngoài lưới, cảm tình than rằng: « Ngươi đã cho ta khá, có lẽ để ta khổ sao! » Cáo liền cắn đứt lưới, nhưng lưới bền không sao phá được; tức mình bỏ đi. Đến đêm khuya kéo đến một lũ cáo ước độ linh trăm, nào con cắn nào con xé, một lúc lưới phá tung ra, thế là Trực được thoát-thân, nhưng còn ngại đường-sá không am-hiểu, lỡ quân canh biết, lại sa vào hang hùm lần nữa, ngo-ngẩn chưa biết trốn đường nào, thì cáo liền đến kéo áo dẫn đi. Trực lần bước theo sau, quả thoát nạn về nhà được, ấy là nhờ ơn cáo báo-đáp.

Có phúc rồi ra ắt có phần,
Trời nào có phụ kẻ làm nhân.
Xem như chuyện cáo đền ơn đó,
Muốn được nên công phải hợp-quần!

Lời phê

Một cây làm chẳng nên non, một cột chống chẳng nổi nhà, bởi lẽ ấy muốn làm nên công việc to lớn, thì tất phải hợp quần, cáo kia còn biết thế, nữa là người, lại cứ ly-quần độc-lập thì sao bảo-tồn được ở thời-thế cạnh-tranh này!

32. Voi bảo-chủng

Trong khi hai anh em Đào Ngạn đi săn, có con voi trông thấy quì rạp xuống, cất đầu chào lạy, tỏ ý kêu-ca, anh em Ngạn chẳng rõ duyên-cớ gì, đứng ngẩn người ra, voi liền thò vòi quấn lấy để lên trên mình, rồi thẳng-thẳng đem đi, hết rừng ấy sang rừng khác, chẳng còn biết đâu là đâu. Đến một chỗ kia, voi đứng lại, hí lên một tiếng, thì thấy vô-số là voi kéo đến, xúm quanh lại: con đưa nước uống, con dâng quả ăn, ra ý mừng-rỡ lắm, rồi cả đàn kéo đi, đến một cái hang đá xanh chơm-chởm, cỏ rậm âm-tum, ra tình e sợ, xô đẩy nhau tránh xa ra. Con voi trước liền nằm để cho anh em Ngạn xuống.

lấy vòi gõ vào cây đại thụ ở đấy, anh em Ngạn hiểu ý, liền trèo lên cây, ngồi giữ thế, lắp tên thuốc vào nỏ. Một lúc thấy một con trăn to tướng, ở trong hang bò ra, dồn đuổi đàn voi, bắt được một con quấn chặt lấy. Anh em Ngạn liền phát luôn mấy mũi tên thuốc, trúng vào con trăn chết tươi. Con voi kia được thoát nạn, cả đàn mừng rỡ xô đến, rày vò con chăn nát như tương, rồi quì cả trước mặt anh em Ngạn, ra ý bái tạ. Lại đua nhau ra sức : con bừa cỏ, con kéo cây, làm cho chỗ ấy sạch quang. Anh em Ngạn thấy vô số là ngà voi, xương voi, ngổn ngang bừa bãi tại đấy. Liền khuân hết để lên mình các voi, rồi cùng tải ra, đưa anh em Ngạn về đến chỗ cũ, bỏ đấy từ tạ thảo đi.

Anh em Ngạn về được nhà, đem người lên khiêng vác những ngà, xương voi ấy về bán đi, làm nên giàu có.

Thế mới biết đàn voi kia bị con trăn làm hại đã lâu, thế không cưỡng lại được, nên nhờ tay hai anh em Ngạn trừ hộ, để bảo tồn lấy nòi giống, qúi hóa thay !

Một giống cùng trong một máu đào,
Tấm lòng bác ái nghĩ ra sao !
Xem voi lo tính mưu trừ hại,
Bảo chẳng gương kia tỏ biết bao !

LỜI PHÊ

Con trăn làm hại loài voi, voi kia còn biết tìm phương trừ hại để giữ-gìn lấy nòi giống, nữa là người đối với nòi giống mình, lại không sẵn lòng tương lân tương ái, thì sao cho phải !

33. Gâu gụ khách

Hạnh-hương lâu ở xóm Bình-khang, tỉnh Phúc-kiến, là một nơi ca-xướng náo nhiệt, quan-khách tấp-nập suốt ngày. Người chủ tiệm có nuôi được con chim gâu rất khôn, treo tại cửa làm bảng chiêu hàng, hễ có khách đến, thì nó liền cất tiếng gáy chào, mà tiếng gáy của nó nghe rất có phân biệt đẳng đệ : như khách sang-trọng thì rúc luôn hồi, khách vừa-vừa thì rúc một hồi, còn khách xoàng thì điểm giọng một, tỏ ý báo-hiệu cho người trong nhà biết trước mà sửa-soạn chỗ ăn ngồi, cách tiếp đãi, nên ai cũng nức tiếng, mục là « gâu gụ khách ».

Sau có người khách xa thấy nó hay thế, thích mua quá, ngỏ lời với đứa ở chịu trả giá cao, đứa ở tham tiền, lừa tối bắt trộm đem bán, người kia mua được, hả quá đem về nuôi, chăm nom hết sức, mà nó tuyệt-nhiên không gáy một tiếng, cứ đứng rủ ra như sắp-sửa chết, tức mình thả ra.

Nó thoát được nạn, tìm đường bay thẳng về Hạnh-hương lâu, đậu ở mái nhà cất tiếng gáy, người chủ nghe quen chắc là nó, mừng quá, đem lồng ra dử, thì nó chui vào ngay. Đương lúc ấy đứa ở cũng chạy đến xem, nó liền mổ chan-chát vào nan lồng, người chủ sinh-nghi, nắm lấy đứa ở tra hỏi, đều nhận tội, từ đấy mà đi nó lại y như mẫu trước mà gáy luôn.

Trong khi nó bị mất, có nhiều người khách mến tiếng nó, tìm đến chơi để xem, nhưng không có nữa, thường phát chán bỏ ra về, không chịu ở lại, nên nhà chủ cứ mất không chè nước mà không bổng lợi gì luôn, rất lấy làm thương tiếc, tìm tòi mãi cũng chẳng thấy tăm hơi, nay bỗng dưng nó lại bay về ở với chủ cũ, thì qui hóa biết bao !

Tình đời cặp mắt tỏ mười-mươi,
Tiếng gáy chia theo các hạng người.
Lầu Hạnh đến nay còn nhớ chuyện,
Biết gian nhớ chủ tỏng con người !

LỜI PHÊ

Chim gâu kia là một mối lợi to của người chủ Hạnh-hương-lâu, đứa ở tham tiền, nhẫn tâm ăn cắp mà bán đi, thực là phi nghĩa ! Duy nó còn nhớ lối tìm về, không vì mới mà nới cũ, thì tấm lòng vị nghĩa chan chứa biết bao !

34. — Hồ cứu người

Hồ Sủng người Hán-châu, tài cao học rộng, trong khi đêm hè, đọc sách mỏi mệt, nhân lúc sáng trăng xuông, dạo bước ra bè vó ngóng mát, thấy có con hồ đói đương rốc đó, ăn vụng cá, bị kẹp ở mảng nứa, vùng quẫy mãi không ra được, Sủng mới làm phúc, tháo mảng cứu cho.

Sau chúa Nguyễn nghe tiếng vời vào Thuận-hóa, cho làm chức Thiêm-sự, phụng sứ ra Bắc-thành, đệ đồ cống-hiến và điều-đình việc cương-giới. Đi qua đèo Ngang, bị lũ thảo khấu dòm dõi, đón đường cướp đoạt, đám quân-sĩ tùy tùng chống cự không nổi, đều tán loạn chạy cả, còn chọi một mình, thế rất nguy cấp. Bỗng có con hồ ở đâu xông đến, gầm thét vồ cắn đảng cướp kia chết một vài đứa, đều sợ bỏ chạy trốn cả, thực là một phúc.

Khi đến Thăng-long vào bệ-kiến vua Lê, dâng đồ cống-hiến xong, ra Vương-phủ yết-kiến chúa Trịnh, vì tấu đối trái ý, chúa đầy lên Mường-kha an-trí. Ông lên đấy trông thấy cảnh sơn-lâm lam-chướng, nước độc ma thiêng, cực khổ trăm chiều, kém ăn mất ngủ, tủi thân khách-địa, nhớ cảnh quê hương, sự buồn rầu không sao xiết kể. Bỗng lại có con hồ đến phủ-phục trước mặt, ông mừng quá, quên cả sợ, tạ ơn trước, lại tỏ muốn nhờ cứu vớt cho lần nữa ; hồ gật đầu, để ông cưỡi lên mình, rồi xông pha rừng núi đưa về cố-hương, vào Thuận-hóa phục-mệnh, chúa ban thưởng rất nhiều; ông nhớ ơn hồ ra đèo Ngang lập đền thờ gọi là « Nghĩa-hồ-từ ».

Hại người tinh sẵn của sơn-quân,
Chuyện lạ chi bằng chuyện cứu nhân!
Kia lúc đèo Ngang gầm thét giặc,
Đem ân mà trả kẻ làm ân !

Lời phê

Hồ là một loài ác-thú, hay làm hại người, thế mà nay lại cứu người, thực là việc lạ ; ấy cũng bởi đức-chính của ông Hồ Sủng đủ cảm-hóa được hồ, nên hồ mới giốc lòng vì nghĩa để báo-đáp lại thế đấy !

35. — Bò nhận chủ

Nam Củng-Chiếu người làng Xuân-an, nuôi được con bò cày rất khôn, sau bị mất trộm, tìm mãi không ra. Một hôm có việc đi qua Dương-châu, định vào nghỉ ở quán cơm, nên còn đứng vơ-vẩn trước cửa hàng, thì có cái xe chở mật, lộc-sộc đi đến, con bò kéo xe đứng dừng ngay lại, người xa-phu đánh giục thế nào, cũng cứ ỳ ra, không chịu đi nữa. Nam chạy lại xem, thì thấy nó nhìn vào mình trông-trọc mà rân-rưn đầy nước mắt, lấy làm lạ, nhận dấu-tích thời biết là con bò của mình, liền bảo người xa-phu rằng : « Con bò này là của tôi mất trộm đã lâu, nay sao lại thấy ở đây ? » Người xa-phu phát cáu nói hắt đi rằng : « Bác nói thế, thì để tôi ăn trộm của bác hẳn ? » Rồi hai bên đẩng xé nhau, ai cũng nhận là của mình, sinh ra ẩu-đả. Kéo nhau đến cửa quan, quan tra xét lấy cung cả hai bên, rồi truy đến người chủ lò mật, hỏi nuôi con bò từ bao giờ, mà mua của ai ? Chủ lò cứ thực khai trình nguyên-ủy. Quan xét ra việc ấy biết rõ là tên gian-nhân ăn trộm của Nam đem bán cho người chủ lò mật dùng để kéo xe, nên người chủ lò phải chịu tội ngộ-mãi, còn con bò thì phát-hoàn lại cho nguyên chủ là Nam.

Nam được kiện đem bò về, rất lấy làm quí về sự nó có nghĩa lâu ngày còn nhớ được chủ mà nhận, nếu không thế, thì hồ-đồ đã truy ra được.

Công nuôi đã đổi sức cày bừa,
Xa cách còn hay nhớ chủ xưa.
Chuộng mới ấy ai hay nới cũ ?
Vô-tình có đáng giống người chưa ?

Lời phê

Xa-xôi nghìn dặm, cách-biệt lâu năm,

bò kia còn nhận được chủ, thế thời những kẻ vô-tình ăn rồi quẹt mỏ, khỏi cửa làm lơ chả đáng thẹn sao!

36. — Khỉ thờ thầy

Hàn Tự-Phấn người Việt-đông, có nuôi một con khỉ, một con cừu và một con dê. Khỉ thì dạy cách ăn mặc, nghề khiêu-vũ, còn dê và cừu thì dùng làm ngựa kéo xe cho khỉ; đem đi hát xiếc sinh-nhai, hết xứ này sang xứ khác. Trong khi khai-diễn, Hàn tay cầm cái thanh-la, vừa đánh vừa hát, còn con khỉ thì đóng các vai trò, nào cưỡi ngựa dê, nào đi xe cừu, trông thực lạ mắt, nên ai ai cũng nô-nức đến xem đông như kiến; khi hạ màn giã đám, thì con khỉ cầm cái thanh-la đi xin tiền từng người một, tùy-ý ai muốn cho thế nào thì cho, ngộ ai biển-lận không cho thì nó liền kéo áo lại, thu được bao nhiêu tiền đưa cho Hàn cả.

Có một ngày đến hát tại Nga-đầu-trấn, Hàn bị bệnh, nằm ở quán cơm, thuốc thang mãi không đỡ, tiền lưng đã cạn, khỉ cứ ngày ngày đi từng nhà, làm trò xin tiền, ai thấy thế cũng động lòng thương cho nhiều tiền, nó lại đem về nuôi chủ, trả tiền thuốc tiền cơm; Hàn vì thế được an-thân. Nhưng khốn thay bệnh một ngày một trọng, thuốc uống cũng như không, ít lâu thì chết. Khỉ lăn khóc, ra hiệu nhờ nhà quán làm phúc hộ cho, rồi chỉ vào con dê con cừu, tỏ ý nhờ bán đi để lấy tiền chi-dụng. Khi được tiền, chôn cất Hàn xong, thì khỉ cũng quật mình chết ngay bên mộ; người ta thương quá, vùi luôn xuống đấy, gọi là « Hiếu-hầu tuẫn-thân chi mộ ».

Khôn-ngoan nào có khác chi người,
Sống chết đem mình trả nghĩa nuôi.
Cũng đáng giống nòi cùng Đại-thánh,
Xem thường chớ bảo vật trò chơi!

Lời phê

Khỉ kia nghĩ đến công ơn đã hết lòng dưỡng-sinh tống-tử, trọn đạo tớ thầy, rồi lại liều mình chết theo, nghĩa-khí như thế, gọi là hiếu-hầu, thực đáng! Này những người làm con mà bất-hiếu bất-mục, xem chuyện này thì tự nghĩ ra sao!

37. — Yểng lừa tiền

Chư Tuyên người làng Bạch-thủy, con nhà tử-tế, tính thích chơi chim, có nuôi con yểng, hệt như người: khôn-ngoan rất mực, nói-năng phải điều. Tuyên coi như người bạn chí-thiết, sớm tối không rời một bước. Trong khi Tuyên gặp lúc vận bĩ, làm ăn chẳng được như lòng, thành ra túng kiết, nhiều người thích con yểng muốn bỏ nhiều tiền gạn mua, nhưng Tuyên quyết đói thì chịu, chớ không sao dứt tình bán nó được.

Một hôm yểng nói: « Thầy túng quá, lấy gì mà tiêu! » Tuyên đáp: « Xuây-xoa rồi cũng qua ngày! » Yểng nói: « Con muốn thầy đưa con ra kinh-thành chơi một chuyến có được không? » Tuyên nói: « Con đi làm gì? » Yểng nói: « Thầy cứ cho con đi rồi sẽ biết. » Tuyên nói: « Thế thì đến mai ». Khi trời đã rạng đông, Tuyên bỏ yểng vào lồng xách đi, thủng-thỉnh ngắm xem phong-cảnh cho khuây, hết đường này sang đường khác, truyền phố này đến phố kia, yểng ở trong lồng, gặp gì cũng hỏi, cứ nói luôn mồm, nghe rất ngộ-nghĩnh thú-vị, gấp mấy lần đứa trẻ lên ba lên bốn mới bập bẹ biết nói, thiên-hạ thấy lạ, đua nhau xúm quanh lại xem đông như kiến, kẻ tán thế nọ, người bàn thế kia, tấm-tắc khen con yểng ít có. Trong khi ấy những đứa thị-tì ở Khánh-hòa vương-phủ ra phố mua hàng cũng đến xem, về học chuyện hầu Vương-phi, Vương-phi lại tâu bày với Vương-tước, Vương-tước liền cho lính ra triệu vào. Tuyên sợ quá, tính trốn. Yểng nói: « Cứ vào, không việc gì mà ngại. » Tuyên mới định-thần, lệ-kệ xách

yểng theo vào hầu. Vương-tước và Vương-phi cùng cả phủ đều sán đến xem, hễ hỏi câu gì thì yểng đáp ngay câu ấy, khôn-ngoan quá ; Vương-tước và Vương-phi đều thích cuống lên, truyền lệnh hỏi mua, Tuyên nhất-định không bán, tâu rằng : « Nó là sinh-mệnh của con, không thể dời bán được ! Thiên-tuế chả thiếu gì... » Vương-tước cũng chẳng nghe, nhất-định là mua lấy được, xách ngay lồng yểng vào nhà trong, rồi đưa ra một trăm lạng bạc giao cho Tuyên mà bảo rằng : « Ngươi không bán, ta cũng chẳng nghe, nếu biết điều thì cầm lấy bạc mà đi, chớ để trái ý ta thì tất là sinh họa cho nhà ngươi đó ! » Tuyên không thể sao được nữa, bất-đắc-dĩ phải gạt nước mắt cầm lấy bạc trở ra về, khi về đến nhà, vừa thương, tiếc vừa tức giận, uất lên thành bệnh, mãi mới khỏi. Nhưng thực may cho vợ con nhờ được cái vốn trăm lạng bạc ấy đem sinh-nhai thì cảnh nhà lại khá ngay.

Yểng ở Vương-phủ hơn một năm, Vương-tước và Vương-phi đều quí-hóa, nâng như trứng, hứng như hoa. Một hôm yểng tâu rằng : « Cúi xin thiên-tuế bảo lấy cái thau vàng đổ nước cho con tắm. » Vương-tước truyền lệnh ngay. Yểng tắm xong, bay lên mái nhà đậu rỉa lông, rồi lại bay vót lên cây cao, Vương-phủ đổ ra trông theo, thì nghe tiếng yểng tâu rằng : « Cung chúc thiên-tuế và quí nương-nương ở lại vạn-phúc. Con nay đã mãn phần, không sao ở cõi trần được nữa ! » Nói xong bay bổng thoáng một cái tít đến mây xanh, không còn thấy bóng. Yểng tìm về nhà Tuyên hạ xuống, hớn-hở bảo Tuyên rằng : « Xa cách thầy bấy lâu nay, con nhớ lắm ! Nay mới có thể thoát-thân về được. » Tuyên mừng quá ; như bắt được vàng, liền đem yểng giấu kỹ.

Bán mình lấy của trả ơn sâu,
Về lại mưu kia tính mới mầu !
Vẫn biết vương-gia to thế-lực,
Sống lòng khôn lẽ biết tìm đâu !

Lời PHÊ

Yểng kia trông thấy chủ nghèo, còn động lòng thương, tạm bán mình để làm giàu cho chủ, rồi lại kiếm cách tìm về, chẳng vì sự phú-quí ở Vương-phủ mà đổi lòng, khôn-ngoan nghĩa-khí như thế thực là ít có !

38 — Mèo trộm nhẫn

Phùng Thụy-Trương làm quan Cấp-sự-trung tại kinh, có một cái nhẫn ngọc nhỡn-miêu rất quí, xem xét được cả thì giờ thời-tiết, trị-giá ngàn vàng, thường đeo ở tay. Một hôm sang Lương Tướng-phủ thị-yến, đến khuya mới mãn tiệc trở về, đánh rơi mất cái nhẫn, không biết đâu mà tìm, phàn-nàn nói với phu-nhân rằng : « Cái nhẫn gia-bảo, nay vô-ý đánh mất, thì đời nào mà lại có ! »

Độ hơn một năm, Phùng sang ăn cưới nhà quan Thứ-sử Ký-châu là Đường Ái-Nhật, thấy ở tay Đường có cái nhẫn, nhận dấu biết là của mình, nhưng không dám hỏi, liền tán vờ rằng : « Cái nhẫn này quí vô-giá ! » Đường nói : « Phải, tôi mới mua hơn ba trăm lạng mà còn rẻ đấy ! » Phùng nhân đem chuyện gốc-tích cái nhẫn và dấu-vết cùng sự-thể hôm đánh mất thuật lại một lượt dâng Đường nghe, rồi tỏ ý muốn đưa nộp lại món tiền ấy mà xin lại. Đường ra ý không bằng lòng, nói mát rằng : « Cứ như lời ngài dạy, thì có lẽ tôi mang tội ngộ-mãi chắc ! » Phùng hiểu ý không dám nói nữa. Khi trở về thuật chuyện cho phu-nhân nghe, rồi tấm-tắc than-thở mãi.

Con mèo của phu-nhân nuôi rất khôn, thường quấn-quít ở bên mình, nghe biết chuyện thế, liền bỏ đi, lần mò sang nhà Đường, truyền phòng này sang phòng khác, cứ suốt đêm ở trên sà nhà xem xét, thì không thấy Đường chịu tháo cái nhẫn ra lúc nào.

Có một đêm, Đường say rượu, vào phòng Nhị-phu-nhân, bồng đứa con bé mới lên ba lên tay đùa bỡn, đứa bé đòi cái nhẫn để chơi, Đường mới chiều ý tháo ra đưa cho nó. Đương lúc nó chơi đùa thì Đường ngủ thiếp đi ; phu-nhân bồng đứa bé ra ngoài chơi, rồi đem cất cái nhẫn vào hộp nữ-trang vẫn để trên chốc tủ, khép cửa lại cho Đường ngủ. Mèo dòm thấy, liền phóng xuống, nhân lúc không có ai cậy nắp hộp ra thủ lấy cái nhẫn, ngậm vào miệng, rồi tếch thẳng về nhà Phùng, nhả ra trước mặt phu-nhân, phu-nhân cầm lấy xem, mừng quá, gọi Phùng đưa cho, rồi soa-suýt khen mèo mãi.

Châu về bích lại ở tay ai?
Bởi ở mèo kia khéo trổ tài.
Quân-tử trên sà như có gặp,
Cười rằng khôn thế dễ không hai!

LỜI PHÊ

Vì chủ mà lấy lại được của qui đã đánh mất, thì cái trí khôn-ngoan, lòng trung-thành của mèo kia, có khác gì công hoàn-bích của Lạn Tương-Như, thực đáng khen thay!

39. — Vẹt thân-oan

Hoàng Đức-Nhuận vốn người lương-thiện, sớm khuất thung-huyên, một mình chòi-chọi, có nuôi thêm một đứa ở để giúp việc làm ăn. Tính thích chơi cảnh, nuôi đủ các chim, có một con vẹt, biết nói đủ các tiếng, chẳng kém chi người. Nhuận qui lắm, khuya sớm quấn-quít với nó làm vui. Ngoài ra thì còn người bạn tên là Dương Duy-Thứ, ở cùng xóm, là chỗ chí-thiết, ngày đêm qua lại chơi-bời, hai nhà cũng như một. Vợ Thứ là Nam-thị có chút phần tư-sắc, coi Nhuận cũng như em ruột, là lấy tình thân, chớ không phải có ý-tứ riêng gì. Một hôm Thứ đi vắng, vợ ở nhà, đến tối có đứa gian lén vào, muốn hành-hung cưỡng-hiếp, Nam-thị không nghe, liền thí cho một mũi dao chết tươi, thu quấn hết các đồ tế - nhuyễn qui-báu và tiền của rồi tháo ra thẳng. Sáng Thứ về thấy nông - nỗi thế, đau xót quá, thân báo quan, quan lên biên khám, hỏi lân - bang thì đều khai có một mình Nhuận hay qua lại ở đấy, liền tình-nghi cho Nhuận, bắt điệu về tra tấn cực hình, đau khổ quá, Nhuận không thể chịu được, liều nhắm mắt nhận tội, cơ-hồ thành án.

Trong khi ấy vẹt bảo đứa ở rằng : « Thầy ta oan quá, anh ạ!» Đứa ở đáp : « Vẫn biết thế, nhưng làm thế nào được!» Vẹt nói : « Từ nay thời anh phải chịu khó đưa cơm nước cho thầy, còn tôi thì đi xem có phương-kế nào cứu giúp được không.» Đứa ở nhận lời. Vẹt liền bay thẳng đến phủ-đường, lượn đi lượn lại kêu rằng : « Việc án tên Nhuận oan lắm, quan-lớn phải nên thư tay đã!» Quan phủ nghe tiếng rất lấy làm thần-dị, không dám thẳng tay, tạm kết làm nghi-án bỏ đó, nên Nhuận được dỡ vòng tra tấn, chỉ còn phải giam thôi.

Vẹt trở về bảo cho đứa ở biết chuyện để nó an-tâm, rồi cứ ngày ngày bay đi thăm dò tin-tức, hết đậu nhà này, lại sang nhà khác, vừa ngót một năm.

Một ngày kia đến đậu ở trên nhà một người tay chơi, tên là Tạc-Thập, nghe ở dưới có tiếng vợ hỏi chồng rằng : « Món đồ ấy đã tiêu được chưa?» Chồng đáp : « Đã tiêu được đâu, vẫn còn để cả trong hốc cây đại-thụ sau vườn ấy. » Vẹt nghe được, mừng quá, bay về bảo đứa ở đi nhờ người làm giấy thân-oan cho Nhuận và tỏ giác luôn cả việc tên Tạc-Thập một thể. Khi giấy làm xong, vẹt cắp vào mỏ, rồi bay thẳng xuống giữa phủ-đường để trên văn-án. Quan phủ xem thấy, lấy làm lạ, lập-tức phái nha-lệ áp-đảo ngay nhà tên Tạc-Thập khám xét, quả bắt được đủ tang-vật, điệu về tra tấn, đều cung-xưng thú-nhận cả. Thế là Nhuận được thoát nạn, vô-sự về nhà, lại càng qui vẹt lắm, coi như một vị ân-nhân.

Lưới trời khôn lẽ lại dung gian,
Lương-thiện thương thay chủ bị oan!
Thảo-sổ vì không tài sức vẹt,
Có đâu trinh-thám chuyện kỳ-quan!

LỜI PHÊ

Vui chia buồn xẻ, gỡ khó giúp suy, người ta còn ít lòng thay! Thế mà chim vẹt kia, nào thân-oan, nào trinh-thám, tìm ra được đứa thủ-phạm để gỡ tội hàm oan cho chủ, tấm lòng nghĩa - hiệp như thế, thực đủ treo gương ở đời.

40. — Chó giữ của

Trầm Thấu Tư buôn bán tại Giang tô, gia tư giàu có, nhà nuôi con chó rất khôn. Có một đêm, trời đã khuya, lũ cướp sán đến trước cửa, chó thấy động sủa ầm lên, lũ kia đánh bạt nó đi, rồi phá cửa kéo bừa vào, bắt trói hai vợ chồng Tư và đầy tớ con ở mỗi người một nơi để tra khảo của. Chó thấy thế nguy-cấp, liền phóng đại đi, đến ngã ba đường vừa gặp toán lính tuần-cảnh đang đi tuần, bèn chạy sát đến gần, chân cào miệng sủa vang trời, toán lính cho là chó dại, dồn đuổi đánh bắt, chó quay mình chạy thẳng, thì toán lính cũng đồ dồn theo cho kỳ được. Đến trước cửa nhà Tư, thì nghe có tiếng kêu khóc van lạy, lấy làm lạ, đẩy cửa xô vào, tóm được cả bọn cướp. Mới biết con chó ấy là của nhà Tư nó đi báo, ai cũng khen là khôn tuyệt.

Tư được thoát nạn, quí con chó ấy lắm, đi đâu cũng đem theo. Một hôm có việc cần, phóng ngựa sang Trân-định, trụt rơi mất túi bạc, chó theo sau trông thấy, sủa rầm lên, nhưng Tư vô tình không nghe tiếng, cứ tế ngựa đi tràn. Chó liền cắp lấy túi bạc tha vào trong bụi rậm, để đấy, nằm lên trên mà giữ. Khi Tư đã đến Trân-định, ngoảnh lại xem, không thấy chó, sờ đến túi bạc thì mất, giật mình quay ngựa lại tìm, đến giữa đường, nghe tiếng chó sủa, dừng ngựa lại, chó liền chạy ra chào mừng, rồi cắn lấy áo đưa lại chỗ giấu bạc. Tư khôn xiết sự vui mừng, vuốt-ve chó tỏ ý cảm ơn.

Giận thay đảng ác chỉ ăn không,
Sá quản trong ngoài sức ngó trông!
Cơ-nghiệp chủ nay trọn-vẹn cả,
Canh đêm như thế cũng nên công!

LỜI PHÊ

Trong lúc lâm-nguy lý-hiểm, mà còn biết tìm phương dụng kế, để cứu-vớt lại, thì người ta hồ-dễ đã khôn được thế! Như chuyện chó đây, vì chủ mà hai lần giữ được của, cái công-lao giữ nhà kia, thực là đáng khen đáng quí!

LÊ GIỤ

LƯỢC-SỬ CỤ NGUYỄN CÔNG-TRỨ

(阮公著)

Ông là người Nghi-xuân 宜春 tỉnh Hà-tĩnh, lúc nhỏ, người rất thích-thảng có khí-tiết. Năm Gia-long thứ 2, Ngài ngự Bắc-tuần, ông đương hàn - vi đến Hành-dinh dâng kế. Năm thứ 18 đậu giải - nguyên. Đầu triều Minh-mệng, sung biên-tu Quốc-sử-quán; năm thứ 4, làm Huyện doãn huyện Mĩ-hào 美豪, lần thăng lên chức Tham - hiệp tỉnh Thanh hóa, rồi gặp tang ông thân xin về, nhà vua xét ông nhà nghèo sai sứ đem cho một trăm lạng bạc. Sau ông làm Bắc - thành Tham - tán quân - vụ, thăng Hình-bộ Thị - lang, quyền tả Bắc-thành Hình-tào; năm thứ 8 truyền chiếu sai ông cùng Tiền - quân Thống - quân Phạm Văn-Lý 范文理 hội quân đi đánh giặc thổ Nam-định là Phan Bá-

Vinh 潘伯榮 (tức Ba Vành). Nguyên trước bọn giặc trộm cứ những nơi hiểm-yếu chốn hải-tần mà tụ-đảng. Ông bày phương-lược, đánh thường được giặc. Ngài dạy rằng : « Công-Trứ gặp việc hay nhận-chán mà làm, không phụ với lòng ủy dụng ».

Rồi bọn Bá-Vinh bị bắt, Ngài ban chiếu-thư khen ngợi, thưởng một cái bạch-ngọc chạm hình núi, một cái mã-não chạm hình con ngựa, và một cái Kim-khánh, đòi ông vào chầu.

Trong triều Minh-mệnh, ông làm Hình-bộ tả-thị-lang, lĩnh Nam-định Doanh-điền-sứ : nguyên trước ông dâng sớ tâu ba việc : 1º Nghiêm phép cấm để trừ tuyệt đảng giặc : 2º Minh thưởng-phạt để khuyến lại-trị ; 3º Mở ruộng hoang để giúp dân nghèo. Ngài giao xuống Đình-nghị mà thi-hành, rồi sai ông sung Doanh-điền-sứ. Lúc bệ-từ, ngài dụ rằng : « Các hạt Bắc-thành đã hơi yên, nên cho dân về làm ruộng, phàm những việc đối với dân mà hưng-lợi trừ-hại, cho phép được tiện-nghi mà làm. » Ông bèn xin cứ trong số mộ-khẩn, chia ra lập làm ấp, xóm, trại và giáp.

Ông đã đến nơi, liền khai-khẩn một dải Tiền-châu tại phủ Kiến-xương tỉnh Nam-định (兩定經昌府建州), do đất hoang phân cho dân cùng ; lập được 14 làng, 27 ấp, 20 trại, 10 giáp, số đinh được 2350 người, số điền được 18.970 mẫu. Ông xin lập làm một huyện gọi là huyện Tiền-hải 錢海. Tại hai xã Ninh-cương 寧疆, Cát-hải 葛海 khẩn được 4 làng, 4 ấp, 1 trại, lập làm một tổng, thuộc về huyện Nam-trực 南直 ; tại tổng Hoành-nha 橫牙, khẩn được 5 ấp, 2 trại, 3 giáp, cũng lập làm một tổng thuộc huyện Giao-thủy 交水 ; còn nhà cửa và ngưu-canh điền-khí, thời lượng chi tiền Nhà-nước cấp cho. Ông lại xin khẩn đất duyên-hải ngoài núi Hồng-lĩnh về phủ An-khánh tỉnh Ninh-bình, do đất chia ra, lập được 3 làng, 22 ấp, 24 trại, 4 giáp, số đinh được 1260 người, số điền được 1460 mẫu, xin lập làm một huyện gọi là huyện Kim-sơn 金山, cách-thức cũng xin như lệ đã thi-hành ở huyện Tiền-hải ; nếu đã thành ruộng, thời năm ấy phải nạp thuế, còn bao nhiêu sẽ đợi 3 năm rồi đăng vào tịch : Ngài đều y theo lời tâu.

Ông lại tâu rằng : « Hai huyện mới lập đó, những các làng ấp đều nhóm họp dân phiêu-lưu, chưa có liên-thuộc với nhau, nay xin định điều qui-ước : 1º đặt học-điền, 2º đặt xã-thương, 3º chăm sự giáo-hóa, 4º cẩn việc phòng thủ, 5º nghiêm việc khuyến-trừng. » Lời tâu ấy giao cho đình-nghị. Đình-thần bàn rằng chưa nên làm gấp, rồi việc ấy bỏ đi. Năm thứ 10 tháng 4, ông về Kinh phục mạng : năm thứ 11 thự Công-bộ Hữu-Tham-tri, quyền-chưởng Hình-bộ ấn-triện, rồi giáng xuống Hữu-thị-lang sung-tá Nội-các-sự-vụ ; lại bị tội giáng xuống, bổ làm Kinh-huyện, dần thăng Nội-vụ-phủ Lang-trung. Năm thứ 13 thự Hải-dương Bố-chánh, Ngài ban cho 200 lạng bạc để tỏ ý khuyến điều liêm-tiết ; lần thăng Tuần-vũ lĩnh chức Hải-an Tổng-đốc. Người thuộc-hạt có kẻ phản-nghịch, ông lập-tức đem binh bắt được, trong cõi được yên ; ông lại lưu-ý việc đồn-khẩn, thường dâng sớ xin làm. Năm thứ 14, tướng giặc là bọn Trương Nghiêm 張嚴 tụ đảng cướp phá huyện Tứ-kỳ 四岐, ông tự đốc-binh đánh tại Thiết tranh 鐵爭 phá được, ngài xuống dụ ban khen ; rồi có chỉ truyền ông qua Tuyên-quang cùng với Sơn, Hưng, Tuyên Tổng-đốc là Lê Văn-Đức 黎文德 đánh giặc Nùng Văn-Vân 儂文雲, ông noi theo tả hữu sông Lô-giang, thẳng tới nơi sào huyệt của giặc, quân đến đâu thời giặc chạy trốn cả, bèn đem quân về. Năm thứ 15, giặc Vân lại cứ-hiểm nhóm họp, ngài sai Văn-Đức sung Tuyên-quang Tổng-đốc quân-vụ. Ông Trứ sung Tham-tán, noi đàng Côn-lôn tiến binh cùng hội với Văn-Đức ; giặc Vân lần trốn đi, ngài truyền ban

quân về ; ít lâu giặc lại xâm-bức tỉnh Cao-bằng, ngài sai ông hội binh đi đánh, vừa khi quân ta đã thu-phục tỉnh-thành rồi ; ông lại tâu xin trở qua Thái-nguyên, để cùng với Ninh-Thái Tổng-đốc Nguyễn Đình-Phổ mà bàn định việc binh, đến trung-tuần tháng 9 thời nhất-tề hội-tiễu, ngài y cho. Lại sai ông sung Thái-nguyên-đạo Tham-tán, Đình-Phổ cùng ông cầm đạo quân Thái-nguyên hiệp-đồng cùng đạo quân Cao-bằng là tướng Tạ Quang-Cự, Nguyễn Tấn-Lâm, Hồ Hựu, đạo quân Tuyên-quang là tướng Phạm Văn-Điển, Lê Văn-Đức, đều tiến quân đến Vân-trung, giặc Vân trốn vào hang núi, đạo Tuyên-quang mới dùng hỏa-công, Vân bị cháy thiêu, ngài nghe báo-tiệp, truyền đạo quân kéo binh về Kinh. Lúc bệ-kiến, ngài tự rót rượu ban cho, để tỏ lòng sủng-đáp, lại thưởng đồ ngoạn-vật, cho khai-ấm một người con làm Cẩm-y vệ-úy ; rồi truyền ông về nguyên-ly. Ông đương chức cự-khôn lâu ngày, sắp đặt bày lập được nhiều việc, lại thấy tỉnh-thành Quảng-yên là nơi hình-thắng, ông tâu xin sửa-sang thêm, ngài y cho. Năm thứ 19, ông đem binh-thuyền từ Quảng-yên ra biển, thẳng đến Chàng-sơn 澌山, vây bắt bọn giặc biển, nhân đó ông xin trú-binh tại chỗ ấy và cấp cho điền-khí để khai-khẩn ; qua năm sau ông lại đến Chàng-sơn, tìm bắt được thủ phạm và chiêu-phục được hơn 180 người, lập làm làng Hướng-hóa 向化 đăng vào tịch nạp-thuế ; rồi vua đòi về Kinh, thăng Hữu-tham-tri, lại kiêm Tả-phó-đô-ngự-sử. Năm thứ 21, vì việc Trấn-tây lâu ngày chưa yên, ông dâng sớ xin đi đánh giặc, ngài khen rồi cho đi, sai sung Trấn tây Tán-lý-cơ-vụ, lúc bệ-từ, ngài dụ rằng : « Phạm Văn-Điển 范文典, Nguyễn Tiến-Lâm 阮進林 thời không lo vì thiếu sức, chỉ lo vì thiếu mưu, nhà ngươi thời nho-tướng, nhưng việc quân-lữ vốn đã rõ biết, nên trù-tính cơ-nghi, mau được thành-công, cho xứng-đáng lòng ta ủy-thác. » Năm Thiệu-trị nguyên-niên, ông cùng tướng-quân Trương Minh-Giảng 張明講 phá đồn-lũy của giặc cả thảy 12 sở, được gia một cấp quân-công, rồi quan-quân trở về An-giang ; định tội-quá của các quân tướng Trấn-tây, ông bị tước cả quan-chức. Khi ấy lại sai ông cùng với Phạm Văn-Điển đến quân-thứ Lạc-hóa 樂化 hội tiễu ; mùa đông năm ấy, quan-quân đánh phá xứ Lâm sâm 林森, chém Phiên tăng 番僧, xứ Lạc-hóa đều yên, ông được khởi phục Binh-bộ Thị-lang, lĩnh An-giang Tuần-vũ. Năm thứ 4 bị tội phải đi làm lính tại duyên-biên tỉnh Quảng-ngãi, năm sau khởi-phục chức Chủ-sự, thự Hình-bộ Viên-ngoại, quyền thự Quảng-nghĩa Án-sát, rồi kế lĩnh Thừa-thiên Phủ-thừa ; năm thứ 7 lĩnh lên chức Phủ-doãn ; vì tuổi đến 70, ông dâng sớ xin về hưu, ngài không cho. Năm Tự-đức nguyên-niên ông lại xin về lần nữa, đức Tự-đức ban ơn cho cứ lấy hàm Thừa-thiên Phủ-doãn mà về hưu-trí ; sau khi về rồi, ông làm nhà ở bên cạnh chùa. Năm thứ 12, có chỉ cho khởi-dụng làm quan võ, ông dâng sớ trần-tình rằng trong mình già yếu làm việc không nổi, ngài cho. Rồi ông mất, thọ được 82 tuổi.

Nguyễn Công-Trứ là người lỗi-lạc, có tài-khí, có văn-tài, lại càng sở-trường tiếng Quốc-âm ; có làm những ca, thi, rất có khí hào-mại, nổi tiếng về nghề thanh-luật, đến nay còn truyền-tụng ; lúc làm quan thời thường gặp bước gian-truân. Ông sinh ra gặp cái thời-đại đất cát nước ta chưa mở-mang được hết, giặc-giã nam bắc chưa bình-định được hết, mà ông ra sức phò vua giúp nước, khi thời chống-ngự chốn cương-trường, khi thời mở-mang nơi điền-dã. Cúc-cung tận-tụy, một lòng vì nước vì dân, mà vẫn giữ một bề liêm-khiết, không có một chút bụi tham-ô gì nhiễm đến mình. Ôi ! người xưa ra chịu chức-trách với đời công-nghiệp to lớn như thế, quyết làm cho rõ mặt trượng-phu để,

không phụ với non sông đất nước. Nhưng công-lao bao nhiêu thì hoạn-nạn bấy nhiêu, một vì tướng-công chinh-đông phạt-bắc vừa được thành công, lại bị luận tội đi đầy, làm linh nơi viễn-biên. Làm quan một đời tận trung tận trí, vì vua vì nước, lập biết bao nhiêu là công mà kết-cục hơn 70 tuổi đầu, chỉ còn một cái hàm Phủ-đoãn về hưu-trí, mà cái hàm ấy lại là cái hàm mông ơn mới được! Chúng ta thường thấy những người ra chịu trách-nhiệm trong xã-hội đời bây giờ, cả đời họ không thấy bày một phương-kế gì, làm một công việc gì cho đáng kể được, chỉ giữ một cái tư-cách « lêm-nhêm » và xảo-quyệt vụn-vặt, mà chức tước thăng lên vùn vụt. Xem như thế thì cũng nên ân-hận thay cho công-nghiệp ông Nguyễn Công-Trứ! Tuy vậy, ông Nguyễn Công-Trứ có chút nào ân-hận đâu! Những bọn danh to mà không công-nghiệp, thì chết đi là mất, không còn ai kể đến nữa, còn như ông Nguyễn Công-Trứ cái công-nghiệp của ông và sự trước-thuật của ông không khi nào mà mất đi được; ông tuy đã chết rồi mà bông hoa một huyện Tiền-hải và thi văn trong lối quốc-âm, hãy còn phảng-phất cái linh-hồn của ông lưu-truyền lại mãi mãi. Nhân-vật như thế đáng hình-hương mà thờ phụng, nay những nơi mà ông đã lập ra huyện ấp hãy còn có từ-đường để thờ phụng ông.

(*Trích-dịch trong « Liệt-truyện » bản-triều*)

VĂN-UYỂN

THƠ VĂN CỔ

Bài phú « Tịch cư ninh thể »

(僻居寧體賦)

(*Của ông dật-sĩ làng Xuân-lũng*)

Yêu thay miền thôn-tịch, yêu thay miền thôn-tịch!

Cư-xử dẫu lòng; ngao-du mặc thích.
Khéo chiều người mến cảnh yên-hà;
Dễ quyến khách vui miền toản-thạch.

Xô-xỉnh góc trời mom đất, một bầu thu cảnh mọn bẹp-hòi;

Ấy-ỏ ruộng núi vườn đèo, bốn mùa đủ thú vui cộc-kệch.

Nhưng-nhưng thói dật hằng vui;
Vãng-vẳng bụi trần dễ cách.

Vậy nên: Dưỡng tính khề-khà, náu thân ngờ-nghệch.

Lều bạch-mao mảng học chàng Tôn; miền lục-dã biếng tìm người Tích.

Cue khuỗi nắng mưa dầu vậy, trên kết tranh mấy tấm bờ sờ; dung vừa ngồi đứng tuổi thôi, dưới cắm sậy ba gian rộc-rệch.

Song sớm đề bình non vây lại, đặt phên râu thấp sẻ; cửa hôm dầu đèn nguyệt soi vào, rủ bức rèm thưa thếch.

Khách nhân họp ba chồi cúc muộn, đứng dựa bên thềm; bạn lão xum mấy gốc mai già, chen kề tận ngạch.

Gió nhân là quạt mát, điểm trần-ai thay-thảy tan không; nước tri ấy gương trong, miền tục-lụy lâng-lâng rửa sạch.

Hàng trúc ngăn nửa cửa nửa sân, lá bồng dất làm tường làm vách.

Cảnh sài-môn bé nửa, đi sẽ nghiêng lưng bức thổ-trướng dăng ngang, đứng vừa cạp nách.

Cảnh hẹp lòng càng rộng, mặc tới lui hằng đủ nắng vui; nhà thấp đạo càng cao, dù cúi ngửa chi biềm chi trách.

Ta thường: vấn khăn gốc đen sì; vận quần náu đỏ quạch.

Mũ đề ngăn sương chống tuyết, mũ mảng bao sang-sửa cánh dơi;

Áo vừa ấm cật che binh, áo chẳng lọ phủ-phê chân bịch.

Hạ làm màn đông làm đệm, mấy lần sô coi đã hầm sì ;

Tay là túi vạt là khăn, ba bức thồn mặc dầu cũ rích.

Nằm võng tre ngắn cật vẩn-vẻ ;

Đi guốc gỗ dịp chân lạch-đạch.

Ăn thì tương bạnh chua lòm, muốn bầu nhạt thếch.

Sớm ba chén chè sen mát ruột, nài chi vò đất hầm-hiu :

Bữa vài lưng cơm lốc no lòng, sá quản mâm sộc-sệch.

Vì tươi thường ngọn quất lá vi ;

Miếng ngon đủ nhân tùng hạt bách.

Tiệc vãy tiêu-tử, một niêu canh cầu-kỷ chát sì ;

Yến thết cố-nhân, lưng bầu rượu sương-bồ cay rách.

Thuốc phi-phảo quản sậy điếu tre ;

Giầu phúm-phím vỏ da rễ quạch.

Ép dưa măng, mài bột củ, những giao cho mụ lão lom-khom ;

Quét sân lá, hái nương dâu, dầu phó mặc thằng đồng lách-chách.

Trong thì : Dấu ngựa xe chẳng đến, cỏ bên hơi xuân ;

Bạn viên-hạc quen tìm, hoa cười đón khách.

Cầm một chương, thơ mấy quyển, đủ tháng ngày ngâm-ngợi, ấy thú mầu ông Mạnh Hiệu-Nhiên ;

Lan chín khóm-cúc ba hàng, rồi hôm sớm bù-chì, này của bác ông Đào Bành-Trạch.

Ngoài thì rườm-rà hàng cỏ - thụ, lồng những tán dù ;

Quanh-quất dãi kỳ-phong, bao làm thành quách.

Vượn chào hòa khiếu hót, cách ngàn đưa khúc xướng khúc ca ;

Suối chảy lẫn thông reo, bên tai rõi dịp đàn dịp phách.

Chợ chân trời mây họp đùn-đùn ;

Chày sườn núi nước đâm thình-thịch.

Khi thì : cầm quạt lá sênh-sang ;

Quẩy túi thơ xốc-xếch.

Lẻo-đẻo thằng hề mọn, trước ngàn mai thơ-thẩn đứng chờ ;

Lẳng-khẳng cái lửa gầy, bên rừng trúc dẫn-dà sẽ lách.

Hem-hẻm đường mây lần bước, đứng nhìn non gió thổi hiu-hiu ;

Phây-phây sườn núi rũ đầu, ngồi xem ác bóng đã chênh-chếch

Nghiêng giỏ hái rau nương quế, đủng-đỉnh mách mang ;

Treo bầu chất nước suối khe, thảnh-thơi tay xách.

Quét am tiên sớm để luyện đan ;

Tựa tòa đá hôm dầu xem sách.

Nương gậy tre, dẫy dép cỏ, thủa bước khoan dúng - đỉnh, ngồi bên khe dịp miệng hát ngao ;

Rải chiếu lá, ngả giường song, khi hóng mát la-kha, về dưới cửa vắt chân nằm đạch.

Tính lặng dễ say mùi đạo, gối quyền vàng giấc ngủ ngày o-o ;

Mệnh yên xây tình lòng trần, trỏ mây bạc vỗ tay cười khanh-khách.

Nghiệm thuở hoa tàn nhị nở, biết tuế-thời sớm muộn, điểm tay suy giáp-tí lân-la ;

Xem khi yến tới nhạn về, dòm khí-hậu đổi thay, vui dạ nói dương-xuân tuốc-mạch.

Của thiên-nhiên, bạc tuyết dủ dùng ;

Giàu thổ-sản, tiền rêu để tích.

Phương nhân-nghĩa để hòa dưỡng-tính, bậu nhi-tôn chấp hãy nặng trầm ;

Chữ thanh-nhàn nào phải mua ai, tiền mẫu-tử túi dầu sóc sách.

Cỏ cây thương vì tình lẫn-dung ;

Nước non thấu thửa lòng thanh-bạch.

Cầm lầu canh ẩn-dật, đánh-hanh rừng giống diệu chim ;

Gầy khúc nhạc ưu - du, đồng-vọng ao khua trống ếch.

Xem một phút diều bay cá nhảy, đánh hay lý ngụ huyền-vi ;

Thấy hai vầng thỏ lặn ác soi, biết thửa cơ thường biến-dịch.

Tả dòng tham, khơi nguồn độc, vũng con-con thả muống một bè ;

Dứt mối tưởng, rũ niềm sầu, vườn mọn-mọn trồng huyên mấy rạch.

Cách chất-chiu nương đậu nương khoai;

Mùa đắp-đổi bảng kê bảng mạch.

Cây lũng tuyết sớm giong đủng-đỉnh, trải thung trè, trèo đèo sở, nèo tắt bình gốc bạc ngẳng-nghiu ;

Hái củi mây hôm quầy sênh-sang, qua đặm liễu, tới ngàn sâm, đường uốn khúc-ruột dê ngóc-ngách.

Dù ai thăm hỏi nguồn-cơn ; mặc kẻ đón tìm dấu-tích.

Lắng tai mảng rành-rành lời trước : phải đoái thương tính-mệnh, ngoại-vật dầu lọn thửa thờ-ơ :

Kẻo hồ còn lục-lục tài bèo, luống dầy đội càn-khôn, trong đời chửa chút chi bổ-ích.

Mông-mênh miền bể bạc, mảng rủ-giề chi giống dầu-dầu ; chất-ngất đặm rừng xanh, sá tìm-tòi chi loài chích-chích.

Tuy ngày tháng đả ngày tháng Thuấn, đân cũng vẫy chiếu đất thênh-thênh ;

Song nước non còn nước non Nghiêu, ta thường vỗ bụng rau phạch-phạch.

Ngươi chẳng thấy : Cánh buồm nhẹ giong chơi bể bắc, kìa ai lánh đục về trong ;

Cuộc cờ tàn nằm mát non đông, nọ kẻ phù nghiêng chữa lệch.

Dở-dang tuồng canh-mục ngư-tiều ; pha-phách thói nho-y đạo-thích.

Tựa mây tầm suối, miễn được tiêu-dao : ương giá phú xa, sá gì bộc-bạch.

Thong-thả một năm mười hai tháng, gặp thì bình-trị được làm người ;

Ngao-du ba vạn sáu nghìn ngày, tới cõi tràng-sinh cảng rõi mạch.

Dù ai cười thơ-thần ngẩn-ngơ ; thì ta cũng ngô-nghê ngốc-nghếch.

An-sơn PHẠM TRẦN-ĐÌNH *sao-lục*

THI CA MỚI

Đánh thức chồng tát nước

(Ngâm-khúc)

Ơi trời ơi ! Kìa, vầng đông đã rạng từ lâu rồi, thế mà anh còn chưa dậy, để cho em đứng em ngồi, em những thở cùng than ! Ngoài đồng kia một giọt nước cũng khó-khăn, vì ai cám-dỗ để cho anh mê-man đến thế này ? Kìa cái bể đông kia nước vẫn còn đầy, mà một mình em ra tát thì biết đến ngày nào cho nó xong ? Em nghĩ : ông cha mình tốn của hao công, biết bao cây cấy vun trồng từ xưa... Thế mà sao anh cứ ngủ trưa ? Này anh ơi ! Xin anh thức dậy để cho em thưa một đôi lời : đã có thân ta ra đứng ở cõi đời, thì lo sao cho nó khỏi phụ cái tấm lòng người vì ta... Em nghĩ xót cái thân em là phận đàn-bà, mà khuyên chồng không được thì chẳng thà em thác cho nó xong ! Tấm lòng em nguyện với non sông ! . . .

Tát nước

Trời làm đại-hạn chàng ơi !
Đôi ta kịp phải ra nơi ruộng nhà.
Nước non ta lại đôi ta,
Tát sao cho được mới là người ngoan !

Tiếc xuân

Hỡi xuân ơi !
Thấy xuân thêm đông tấm lòng,
Ra gương soi lại má hồng xem sao ?

Giật mình thay mới ngày nào,
Hây hây đôi cặp má đào tốt-tươi.
Mia-mai ngọc nói hoa cười,
Nghìn vàng chưa dễ mấy người biết hoa.
Phận sao bạc mấy ru mà!
Ánh vàng đâu giục xuân già hỡi xuân!
Má hồng dầy-dạn mấy lần,
Những sương cùng tuyết xót thân liễu-bồ.
Chém cha cái kiếp giang-hồ!

Tự-thuật

Hai-mươi bảy tuổi mấy phong-trần,
Trời đất giao cho một tấm thân.
Không được hiền lành không ác-nghiệp,
Chẳng hay khôn-khéo chẳng ngu-đần.
Thơ ngâm lếu-láo thay làm phú,
Vẽ bán lăng-nhăng đỡ lúc bần.
Hẹn với non sông câu chuyện cũ,
Còn thân ta cũng lúc xoay vần.

Tự-trào

Tôi ngồi tôi nghĩ gớm thằng tôi,
Mặn nhạt chua cay đủ vị rồi.
Cái nợ tang-bồng chưa chút trả,
Câu cười thế-thái biết bao thôi.
Chợ trưa mất cắp cho rằng vận,
Nhà mới chuyên tay đổ tại hồi.
Tóc bạc răng long chừng mới biết,
Ngày xuân thấm-thoắt ên đưa thôi.

Tư cố-hương

Trời tối nhà ta ở mãi đâu?
Càng trông càng khuất mấy ngàn dâu.
Đường về lối cũ đường xa lắc,
Chốn ở từ xưa ở đã lâu.
Mặt nước đôi phen cơn sóng vỗ,
Chân trời nghe vẳng tiếng chuông sầu!
Thấy ai người cũ mà than hỏi,
Một bước quê người một bước đau!

Lên núi Dục-thúy

I

Lên đây cũng muốn đề thơ,
Còn e non nước như chưa biết mình.
Nhớ câu sơn-thủy hữu-tình,
Mà tình non nước với mình có chăng?

II

Mơ-màng chẳng biết rằng ta,
Đây là trần-giới hay là Bồng-lai?
Trên cao còn đó là trời,
Nước non này hỡi ai người chủ-trương?

Nhớ bạn

Nghe tiếng chim kêu nhớ nhớ ai,
Nhớ ai xa cách một phương trời.
Phương trời chỉ thấy non cùng nước,
Non nước thêm buồn chuyện lắng tai!

Cảm-tác

Cái kiếp văn-chương khéo cũng vờ,
Nước non biết có thấu tình chưa?
Kiếp sau xin hóa làm con quốc,
Khắc-khoải năm canh khóc nỗi xưa!

LƯƠNG VỊ-THỦY

Cảnh Phủ-Giày

Nghìn thu nghi-ngút khói hương bay,
Phủ Mẹ này là có phải đây?
Sóng lặng hồ trong trông suốt đáy,
Lầu cao gác rộng ngất tầng mây.
Con công cái bán đông như tưới,
Bóng cậu đồng có sít tựa bầy.
Ngài có linh thiêng xin ủng-hộ,
Non Hồng nước Lạc một ngày hay.

Nghĩ vần thương vay

Canh trường lữ-khách nghĩ phân-vân,
Nghĩ hết xa thôi lại nghĩ gần.
Son-phấn thương ai mà bạc mệnh,
Bút-nghiên thẩm nỗi cũng trầm-luân,
Má hồng con tạo hay ghen-ghét,
Mặt trắng ông xanh có nợ-nần?
Trống đã tàn canh còn chửa ngủ,
Buồn chăng ai hỡi bạn sầu-nhân?

Nhớ người Bắc-kạn

Ngồi không yên đứng cũng không yên,
Tấc dạ khôn khuây nhớ bạn hiền.
Đất Bắc xa-xăm muôn dặm cách,
Trời Nam ủ-dột mối sầu liên.
Nước non đã chán cơn mê-mộng,
Vàng đá còn ghi nghĩa kết-nguyền.
Này mới độ nào ai với tớ,
Bên bờ sông Vị nhớ hay quên ?

TẠ QUANG-NINH

. . .

Phú đắc « Ta về ta tắm ao ta, dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn »

Ao ta không tắm tắm ao nào,
Về lạ người đời những ước-ao.
Trong đục ao nhà riêng thú hẳn,
Vẫy-vùng tự-chủ chẳng hơn sao !
Nửa cân tám lạng ai hơn kém,
Mấy cọc ba đồng dễ thấp cao.
Đứng ngọn núi này trông núi khác,
Phật nhà chẳng vái vái nơi nao ?

Anh đánh dậm

Đem thân ra nước vẫy-vùng chơi,
Lũ tép đàn tôm phải khiếp oai !
Nửa nguyệt ngang trời vung cối đất,
Chữ trung khắp thế nhẹ bên vai.
Lưng bầu non nước gương đời tỏ,
Đôi túi anh-hùng vẻ nước soi.
Thời-thế có chăng chung-đúc được,
Ngại-ngùng nước cạn những thương ai !

Buổi tối nhà quê

Trời đất thôn-quê tối mịt-mờ,
Bốn bên cây cỏ lặng như tờ.
Ngọn đèn lần-khuất khi mờ tỏ,
Hồi trống thi-thùng lúc nhặt thưa.
Ngõ tối nỉ-non đàn dế réo,
Chùa xa vang-vẳng tiếng chuông đưa.
Nước non như cả trong vòng mộng,
Giục-dã canh gà đã tỉnh chưa ?

NGUYỄN VĂN-NĂNG

. . .

Họa bài « Hổ giả hổ oai » (1)

Chồn giả hơi hùm mặc ghẹo trêu,
Dầu chưa nên cọp cũng nên beo.
Ra oai trợn mắt kinh hồn thỏ,
Mượn lốt nhăn nanh khiếp vía mèo.
Mấy lũ sài-lang còn vỡ mật,
Những loài muông sói khéo trèo leo.
Mưu thần sắp sẵn trong tay thợ,
Phờ-phỉnh mà chơi đỡ ngặt-nghèo.

HOÀNG HỮU-TRI

. . .

Tự-trào

Thấm-thoát gần ba tám chẵn rồi,
Mà ra vẫn chẳng thấy bằng ai.
Rừng Âu chim chích còn bay mỏi,
Bể Á con thuyền chưa tới khơi.
Sự-nghiệp hứa mười chưa được một,
Công-danh tưởng cố hóa ra lười.
Thế mà vẫn tự-cao kia đấy,
Tự-mệnh trung-tâm cả đất trời.

Đề ảnh

Khen cho thực đã hệt như ta,
Chỉ khác gan lì mãi thế a ?
Gió thổi không hề bay mái tóc,
Bụi lầm chẳng chút nhuốm màu da.
Lợi-danh hai chữ dường quên bẵng,
Đen bạc trò đời được đứng xa.
Dung-mạo rõ-ràng ra vẻ sĩ,
Càng nhìn càng tỏ nét hào-hoa.

Người mình

Nhiều sãi mà ra ngỏ cửa chùa,
Nỗi-niềm nghĩ tới đã buồn chưa !
Lợi-dân ích-quốc nào ai hám,
Lập-chí tu-tài ít kẻ đua.
Tính đố-kỵ nhau còn cố giữ,
Thói khuynh-loát lẫn mãi không chừa.
Trách chi nước bốn nghìn năm lẻ,
Mà sánh cùng người vẫn kém thua.

NGUYỄN NHÚN

---

(1) Bài này đăng trong N-P, số 91.

.·.

Nhớ bạn cũ

Muốn hở môi ra lại ngại-ngùng,
Tơ tình ai nỡ dứt cho xong ?
Những người trong cuộc nhiều người lạ,
Mà của trên đời vốn của chung.
Duyên-phận ngán cho thân thiếu-nữ,
Tài-hoa gầy cả mặt anh-hùng.
Thôi thôi còn nói làm chi nữa,
Ghen-ghét nên nhiều chuyện có không!

NGUYỄN NHƯ-CƯƠNG

.·.

Cảnh hồng-lâu

(Thuận nghịch độc)

(Đọc xuôi)

Chênh-chênh bóng thỏ nét in tường,
Cảnh nọ tình này dạ vấn-vương.
Sênh phách đoạn sầu lơ-lửng dịp,
Nước mây cơn thảm dạn-dày sương.
Mành ngang liễu rủ tơ lay gió,
Cửa trước trăng soi bóng rãi đường.
Quanh-quẩn những mong ai có biết,
Tình-tang tính lại nghĩ mà thương.

(Đọc ngược)

Thương mà nghĩ lại tình tang tình.
Biết có ai mong những quẩn-quanh.
Đường rãi bóng soi trăng trước cửa,
Gió lay tơ rủ liễu ngang mành.
Sương dày-dạn thảm cơn mây nước,
Dịp lửng-lơ sầu đoạn phách sênh.
Vương-vấn dạ này tình nọ cảnh,
Tường in nét thỏ bóng chênh-chênh!

TẠ MẠNH-KHẢI

.·.

Họa nguyên-vận bài trên

(Đọc xuôi)

Chênh-chênh bóng nguyệt rọi hoa tường,
Nặng ước vì tình nợ chót vương.
Sênh rất-réo chen lời bạc-mệnh.
Khúc tang-tình điểm giọt tàn sương.
Mành lay gió thảm sầu đôi lứa,
Núi ngất mây xa cách dặm đường.
Quanh dạo gót vàng lòng phới-phới,
Tình chung mối đề có ai thương.

(Đọc ngược)

Thương ai có đề mối chung-tình,
Phới phới lòng vàng gót dạo quanh.
Tường dặm cách xa mây ngất núi,
Lứa đôi sầu thảm gió lay mành.
Sương tàn giọt điểm tình-tang khúc,
Mệnh bạc lời chen réo-rắt sênh.
Vương chót nợ tình vì ước nặng,
Tường hoa rọi nguyệt bóng chênh-chênh.

NGUYỄN NHƯ-CƯƠNG

.·.

Tỉnh-thế

(Lời thầy tu)

Cơ trời dâu bể thấy mà ghê,
Sống gửi no rồi thác lại về.
Khôn dại chẳng qua ba thước đất,
Sang giàu chưa chín một nồi kê.
Nước non là thú vui chơi đó,
Danh-lợi đừng tham mệt lắm nề.
Ba vạn sáu ngàn thôi cũng bấy,
Cửa thiền thong-thả ngủ phê-phê.

Nhủ bạn quần-thoa

Tóc đã ngang vai, má đã hồng,
Chữ trinh em phải thuộc vào lòng.
Ngàn vàng chớ có cho rằng rẻ,
Mất nết rồi ra khó kiếm chồng.

NGUYỄN KỲ-PHONG

.·.

Người oan

Một cuộc trăm năm một giấc mồng,
Điều đâu bay buộc dễ như không.
Hoài lòng đỏ nọ trên đời bạc.
Sẵn mắt xanh đâu dưới bụi hồng.
Dầu-dãi tuyết-sương cùng đất nước,
Bẽ-bàng thân-thế với non sông.
Than ôi ! phải trái người hay dở,
Tâm-sự nghìn thu gửi hóa-công.

Viếng người

Dứt tiếng, than ơi ! lại giật mình,
Tấm thân luân-lạc kiếp phù-sinh !

Lòng son chói-lọi vầng ô đỏ,
Phận bạc tiêu-điều nấm cỏ xanh.
Sống lại riêng ai càng tổ nhục,
Chết đi như bác cũng còn vinh.
Trăm năm mộng lớn âu là thế,
Chín suối chưa tan một khối tình.

Nhớ bạn

(Minh-nguyệt khúc)

Đứng ngồi với bóng,
Mong đợi thâu canh.
Ngàn dặm quan-san một mảnh tình.
Trăng lọt bóng,
Gió lay mành.
Nông-nỗi đêm trường ai có biết ?
Hắt-hiu đèn trước án,
Rộn-rịp trống bên thành.
Nghĩ muốn hóa thân làm bướm trắng,
Trông càng hoa mắt với đèn xanh.

Ph. T.-T.

∴

Nhớ nhà

Lữ-đình sực tỉnh lúc đêm thanh,
Lưu-lạc bơ-vơ ngán nỗi mình.
Mỏi mắt trông về nơi cố-quận,
Lòng vàng xin gửi đám mây xanh.

Tiễn-biệt

Một bước phân-ly một đoạn sầu,
Vừa quen nhau đó đã xa nhau.
Chia tay tiễn-biệt lòng ngao-ngán,
Cất chén quan-hà dạ chạnh đau.
Cái bước khoa-danh xin cố gắng,
Con đường xum-họp đợi khi sau.
Người đi kẻ ở thêm buồn nỗi,
Một bước phân-ly một đoạn sầu.

Hoàng Văn-Bích

∴

Đêm khuya nhớ nhà

Canh tàn thơ-thẩn chốn hiên tây,
Trăm mối tơ vương nghĩ biếng khuây.
Non nước xa khơi tình ái-ngại,
Tử-phần cách nẻo dạ vơi đầy.
Dặm đường học-vấn đương mau gót,
Thân-thế tang-bồng nỡ bỏ tay.
Văng-vẳng bên thềm đàn dế giục,
Lòng quê thêm ngán nỗi bèo mây.

Phan Đình-Đỗ

∴

Thư-sinh tự-trào

I

Thấm-thoắt ngày qua tháng lại qua,
Bấm tay mấy chốc cái xuân già !
Hai-mươi năm lẻ hay gì chửa,
Sự-nghiệp mai sau mãi thế a !

II

Sự nghiệp mai sau mãi thế a !
Không hay vì nước lại vì nhà.
Hoa thơm hết kiếp hương còn lại,
Chẳng thẹn mình ru tiếng khóc oa !

III

Chẳng thẹn mình ru tiếng khóc oa !
Nhủ ta ta có biết chăng mà.
Có nên vun-xới nền tư-tưởng,
Hay cứ bông-lông đợi cái già !

Nguyễn Văn-Minh

∴

Đời người

Tỉnh giấc Nam-kha luống giật mình,
Cõi đời ngán nỗi kiếp phù-sinh !
Đã sa chân xuống nơi trần-thế,
Chỉ thoát tuần-hoàn lẽ tử sinh.
Kia cái bóng câu qua cửa sổ,
Nọ tia ánh sáng lướt bên mành.
Trăm năm hết kiếp còn chi đó,
Sao chẳng yêu nhau lấy chút tình ?

Nguyễn Ái-Mĩ

Ngày xuân

Ngày xuân phơi-phới cỏ hoa tươi,
Khí-sắc hòa vui khắp một trời.
Riu-rít cành dương oanh học nói,
Rập-rớn chồi quế bướm đua chơi.
Đỏ lòe đầu ngõ đào cười gió,
Trắng xóa sườn non tuyết lần mai.
Chín chục thiều-quang chưa mấy nhỉ,
Chơi xuân ta dễ chịu thua ai !

Nghĩ mình

Nghĩ mình mình cũng đủ yên vui,
No phải quan-nha mới sướng đời.
Hống-hách ra chi phường đội lốt,
Ngang-tàng mặc kệ bọn đua chơi.
Giữ lòng trung-ái soi gương trước,
Lo việc non sông sáng đạo người.
Thư-kiếm bốn phương là chí-khí,
Đường trần chi sá ngại xa-xôi.

BÙI DIỄN

Tiễn bạn cảm-tác

Một bước đưa nhau một bước sầu,
Người đi kẻ ở chạnh lòng đau.
Nước non ngao-ngán niềm tan-hợp,
Hoa cỏ bâng-khuâng nỗi dãi-dầu.
Ngại ngẩm bóng đào bay trước gió,
Xa trông bóng liễu khuất ngàn dâu.
Tri-âm cách mặt từ đây nhỉ,
Một bước đưa nhau một bước sầu.

ĐỖ THỊ-SEN

THOÌ-ĐÀM

Việc thế-giới

Tình-hình nước Pháp. — Từ khi Nội-các PAINLEVÉ lên cầm quyền đến nay, tình-hình vẫn yên-ổn cả. Nội-các này chính-kiến cũng không khác gì Nội-các HERRIOT trước, vì cũng là gốc ở đảng xã-hội-cấp-tiến, là đảng chiếm đa-số ở Hạ-Nghị-viện. Duy có một cái đặc-sắc, là trong Các gồm được hai nhân-vật lỗi-lạc giữ hai bộ trọng-yếu : ông BRIAND lĩnh Bộ Ngoại-vụ và ông CAILLAUX lĩnh bộ Tài-chính. Hai ông xưa nay vẫn không đồng-ý nhau, và cũng có điều bất-bình với nhau. Nay bỏ cả sự tư-hiềm mà cùng nhau hiệp-lực để giúp ông thủ-tướng PAINLEVÉ cáng-đáng việc nước, thật là một điều đáng khen. Hai ông đã từng nhiều lần làm thủ-tướng, không phải ham sự quyền-lợi gì, chẳng qua chỉ vì nghĩa-vụ mà kỳ này phải nhận vào Nội-các vậy. Giữa lúc tài-chính khủng-hoảng, công-việc của ông CAILLAUX lại càng nặng-nề lắm. Nhưng ông có tiếng là tay lý-tài giỏi, cả nước có bụng trông mong, nên tuy nhiều kẻ hiềm-thù mà ai ai cũng phải chịu. Khi lĩnh bộ Tài-chính, ông xin ngay với Nội-các cho ông cái quyền « tài-chính chuyên-chế » (*dictature financière*), nghĩa là thuộc về việc tài-chính được có quyền giám-sát cả các bộ khác, Nội-các cũng bằng lòng như thế. Vậy thời hiện nay, người trọng-yếu nhất trong Chính-phủ Pháp, không phải là ông Thủ-tướng, mà chính là ông Tài-chính vậy. Vì sự thay đổi Nội-các vừa rồi, chỉ là vì vấn-đề tài-chính nhiều, không phải vì vấn-đề chính-trị chung.

Nhân tài-chính quẫn-bách, tòa Nội-các HERRIOT trước phải xướng ra cái nghị đánh thuế tư-bản, Thượng-nghị-viện phản-đối, nên Nội-các phải đổ. Nay Nội-các mới phải nghĩ ra phương-kế nào khác để giải-quyết vấn-đề tài-chính. Chính ông CAILLAUX cũng không ưng sự đánh thuế tư-bản, hiện ông còn đương trù-tính cách khác nhẹ hơn và êm hơn, dẫu không giải-quyết được ngay mọi sự khó-khăn, nhưng mong rằng nhờ lòng tín-dụng của quốc-dân cũng có thể giải-quyết được dần-dần. Vì vấn-đề tài-chính ở nước Pháp bây giờ rút lại là một « vấn-đề tín-dụng ». Nước Pháp từ khi chiến-tranh đến giờ đã phải mộ quốc-trái nhiều lắm, quốc-trái ấy có cái ngắn hạn, có cái dài hạn. Những cái dài hạn thì còn lo ít, những cái ngắn hạn thì từ nay hằng năm đã phải bắt đầu trả rồi. Như tính ra trong năm nay, nếu bao nhiêu người có vé quốc-trái hết hạn đều đem đến đòi hết cả thì công-khố phải xuất ra mấy ngàn triệu một lúc. Vì quốc-dân không có lòng tin Chính-phủ thì tất bao nhiêu người có vé sẽ đòi hết cả; vì quốc-dân có lòng tin thì có lẽ nhiều người cũng không đòi vội và đem vé của mình giao-dịch hối-đoái với thứ vé khác dài hạn và có lợi hơn. Chính-phủ cũng chỉ mong như thế mà thôi. Cho nên nói vấn-đề tài-chính là một vấn-đề tín-dụng. Nay cái thủ-đoạn ông CAILLAUX là chỉ làm thế nào cho quốc-dân tín-dụng mà thôi.

Còn về các vấn-đề khác thì Nội-các PAINLEVÉ đại-khái cũng đồng một chính-kiến như Nội-các HERRIOT. Thứ nhất là về vấn-đề ngoại-giao, ông BRIAND phần nhiều cũng là kế-tục cái sự-nghiệp của ông HERRIOT. Sự-nghiệp ông HERRIOT thế nào? Tuy các đảng phản-đối cực-lực bài-bác, nhưng cứ bình-tĩnh mà xét, ông HERRIOT không phải là không có công với nước Pháp. Trong sách « Biên-tập của Hội Nhân-quyền » (*Cahier de la Ligue des Droits de l'Homme*), có bình-phẩm về sự-nghiệp Nội-các HERRIOT như sau này, tưởng cũng là công-bằng và xác-đáng lắm:

« Nội-các HERRIOT bị đổ, phàm người có tư-tưởng về chủ-nghĩa cộng-hòa đều lấy làm buồn. Ngay từ kỳ tổng-tuyển-cử ngày 11 tháng 5 năm 1924, quốc-dân đã có bụng tin cậy ông nhiều lắm. Mà kể cũng ít người có đủ tư-cách tiêu-biểu cho cái tư-tưởng cộng-hòa bằng ông. Ông có tài-trí, lại có bụng tốt, được kẻ bình-dân yêu-mến lắm. Học-thức rộng, biện-thuyết giỏi, nhưng lời-lẽ thiết-thực mà đậm-đà; người có cảm-tình nhiều, có tính-khí tốt, không có những lối khôn-khéo qui-quyệt như người ta; lại thản-nhiên không có một chút bụng tư-kỷ gì, và rất hăng-hái nhiệt-thành về việc công.

« Chính những cái tính-cách của ông có người bài-bác lại làm cho ông đáng yêu đáng mến hơn nữa. Người ta thường tưởng-tượng một ông thủ-tướng là một người khăng-khăng quả-quyết, có một vài cái ý-kiến nhất-định cố-chấp không chịu bỏ, gặp sự ngăn-trở thế nào cũng hết sức đạt cho kỳ được. Ông HERRIOT lại là một người rất uyển-chuyển; ông đủ sức thông-minh mà hiểu rằng dẫu bè-bạn mình cũng có chỗ khuyết-điểm, dẫu kẻ thù mình cũng có điều khả-thủ; lại có bụng rất rộng-rãi, cho nên dẫu việc dở mà thấy được chút hay cũng không nỡ bỏ, thành ra phàm xử-sự không có muốn làm thẳng tay để thiệt-hại hay mất lòng ai bao giờ, chỉ muốn châm-chước chiết-trung cho ổn-thỏa cả.

« Không muốn miễn-cưỡng ai phải theo mình; chỉ dùng hết tài biện-thuyết để cho người ta vui lòng theo mà thôi. Cầm quyền cai-trị một nước mà chỉ muốn cho cả nước thuận-tình vui-vẻ mà đi với mình. Ông thật là một người chí-thành chí-thực vậy. Thật như người

trong truyện thần - tiên Ai - cập kia, khi ra trước tòa án Thượng-đế để cân nhắc công tội ở đời, nói một câu rằng: « Xin các quan tòa xét cho: tôi cả đời chỉ muốn cho không có một người nào vì tôi mà phải khóc. »

« Nay hãy còn mới-mẻ quá, chưa có thể bình-tĩnh mà xét được công việc của ông HERRIOT. Nhưng có một điều có thể chắc tự bây giờ, là cái chính-sách ngoại-giao của ông sau này đáng ghi vào lịch-sử.

« Khi ông lên cầm quyền thì các nước khác đối với nước Pháp đương có bụng hồ-nghi. Nhân về vấn-đề bồi-thường có kẻ nói ra nói vào, nước Pháp bèn khăng-khăng cố đòi cho được. Lại các đồng-minh cũ xem ra cũng không thiết đến sự phòng-bị của Pháp, Pháp muốn tỏ ý rằng dẫu không có người giúp cũng có sức tự-vệ được. Nhân đó đối với ngoại-quốc nước Pháp mới mang tiếng là muốn dụng võ-lực, muốn thi-hành cái chủ-nghĩa quân-quốc, muốn cho thiên-hạ sợ chứ không muốn thiên-hạ yêu.

« Cái đặc-sắc của chính-sách ông HERRIOT là công-nhiên đem hai cái vấn-đề bồi-thường và phòng-bị ấy cho thế-giới phán-đoán, cho thế-giới giải-quyết hộ. Ở Hội-nghị Luân-đôn ông công-nhận cái chương-trình *Dawes* về vấn-đề bồi-thường. Ở Hội-nghị *Genève*, ông bộc-bạch hết cái tình-hình nước Pháp cho Vạn-quốc biết. Ông nói rằng: « Vạn-quốc ngờ rằng nước tôi hiếu-chiến. Vạn-quốc có muốn một cái chứng-cớ hiển-nhiên về cái bụng chủ-hòa của chúng tôi không? Tôi xin thay mặt nước tôi cam-đoan rằng mỗi lần có điều gì phân-tranh về việc bồi-thường, chúng tôi xin đệ ra cho tòa án Vạn-quốc xét, và tòa án phán-đoán thế nào nước tôi xin chịu. » Ông lại nói rằng: « Tôi xin thề rằng không có xâm-phạm đến một nước lân-bang nào. Hoặc nước nào ngờ rằng nước tôi có ý xâm-phạm, hay nước tôi ngờ rằng nước khác có ý xâm-phạm, thời xin rằng không khi nào vì lẽ gì đến gây ra sự chiến-tranh; tất phải đem ra cho Hội Vạn-quốc xét-xử thế nào cho hợp với nhân-đạo, với công - lý. » Ông khởi-xướng lên cái ước với Vạn-quốc như thế, và trước nhất ông thay mặt nước Pháp ký tên vào ước ấy.

« Bởi thế nên sau khi Hội-nghị *Genève*, cả thế-giới đều chú-mục vào nước Pháp, cảm ơn rằng đã xướng ra cái chủ-nghĩa hòa-bình trong Vạn-quốc. Cái oai-nghiêm nước Pháp bấy giờ tot-tát biết đường nào! Lịch-sử sẽ ghi tên ông HERRIOT là một người đã thành-tâm chủ-trương gây-dựng ra cuộc hòa-bình trong thiên-hạ vậy. »

— Trong Nội-các PAINLEVÉ, lĩnh bộ thuộc-địa là ông ANDRÉ HESSE. Ông là một tay luật-học xuất-thân ở trường Đại-Học *Paris* (ban Pháp-luật), và trường Chính-trị-học (*Ecole des Sciences politiques*) là nơi đã đào-tạo được lắm tay hành-chính giỏi. Khi mới ra làm trạng-sư đã được sung chức thư-ký của Hội-nghị Trạng-sư (*Conférence des Avocats*) là một chức các tay hộ-biện mới nổi tài thường hay ham chuộng lắm. Ông vốn đã sẵn có tư-cách một nhà luật-học, lại được sáu năm giúp việc một tay luật-sư đệ-nhất đời nay, là HENRI ROBERT tiên-sinh. Ông lại thạo các việc hành-chính nữa, vì trong lâu năm đã từng làm hộ-biện cho các Bộ Ngoại-giao, Lục-quân, Bưu-chính, Lao-động, cho « Quốc-gia Hưu-bổng Tổng-quĩ » (*Caisse nationale des Retraites*), cho hành-phố *Paris*. Ngay từ năm 1910, ông mới có 26 tuổi đã được hạt *Charente inférieure* bầu làm nghị-viên, cho đến 1919; năm 1924 lại được tái-bầu. Trong mấy khóa làm nghị-viên, ông đã từng có chân hội-đồng ủy-viên xét sổ dự-toán, lại làm phó hội-trưởng hội-đồng ủy-viên về tàu

buôn, nên cũng đã có nhiều dịp biết đến việc thuộc-địa.— Ở Nghị-viện ông thuộc về đảng xã-hội cấp-tiến.

∴

Việc nước Đức. — Từ khi chiến-tranh đến giờ, nước Đức thành một nước dân-chủ. Có một nghị-viện lập-pháp (*Reischtag*) và một ông Giám-quốc bầu bảy năm để chủ-trương quyền hành-chính. Cái hiến-pháp mới đó gọi là hiến-pháp thành *Weimar*. Nhưng cái phong-trào dân-chủ khi mới chiến-bại thì xem ra thịnh lắm, mà về sau càng ngày càng như nhạt đi. Ở Nghị-viện thời các đảng bên hữu là những đảng bảo-thủ, đảng quân-chủ, dần dần có thế-lực thêm lên, mà những đảng bên tả là đảng dân-chủ, đảng cấp-tiến, thời lại kém sút đi. Trong dân-gian nhiều lần đã khởi lên cái dư-luận muốn khôi-phục đế-vị, và nhân khôi-phục đế-vị khôi-phục cả cái đế-quốc cũ nữa, nghĩa là rửa cái thù thất-bại trong cuộc đại-chiến vừa rồi, bãi bỏ hòa-ước *Versailles* và lấy lại những châu-quận bị mất. Nói tóm lại, từ khi lập thành Dân-quốc đến giờ, cái nền dân-chủ ở nước Đức vẫn chưa lấy gì làm vững-vàng cho lắm. Ông Giám-quốc thứ nhất tên là EBERT bầu lên hồi mới lập Dân-quốc, là xuất-thân ở bình-dân, thuộc về bên tả, đảng xã-hội (*socialiste*). Chưa mãn hạn, ông vừa mới chết. Vậy nước Đức phải bầu một ông giám-quốc mới. Theo hiến-pháp *Weimar* cũng như hiến-pháp nước Hoa-kỳ, chức giám-quốc là cả quốc-dân bầu, tính ra có tới hơn 30 triệu người (cả đàn bà cũng có quyền đầu-phiếu). Xem cuộc tuyển-cử này thì biết quốc-dân Đức ngày nay khuynh-hướng về đường nào. Tuyển-cử vào cuối tháng ba năm 1925. Đảng nào cũng có người ứng-cử, nhưng ngay từ khi chưa bắt đầu bỏ vé cũng đã biết rằng các đảng hữu thắng hơn các đảng-tả. Lần bỏ vé thứ nhất không đủ lệ, chưa ai được trúng-cử, nhưng được nhiều vé nhất là ông JARRES, người về đảng hữu. Lần bỏ vé thứ nhì thì các đảng hữu thắng-thế suy-tôn một người khác có tư-cách hơn ra ứng-cử: người ấy chính là Thống-chế HINDENBURG là thống-tướng quân Đức hồi chiến-tranh vừa rồi. Khi bỏ vé xong thì Thống-chế HINDENBURG trúng-cử, được hơn 14 triệu rưỡi vé. Thống-chế xưa nay vẫn trung-thành với nhà vua *Hohenzollen*, vẫn chủ-trương sự khôi-phục đế-vị. Tuy nay được làm giám-quốc, phải tuyên thệ thành-tâm tôn-trọng hiến-pháp, chắc không dám phản-bội nào, nhưng sở-dĩ quốc-dân biết ông có cái tư-tưởng về đế-chính như thế mà cũng bầu cho ông thì đủ biết rằng chính quốc-dân Đức cũng có ý khuynh-hướng về đế-chính vậy. Cho nên kẻ thức-giả nghiệm việc bầu-cử Giám-quốc này dự-đoán nước Đức sớm trưa sẽ có một ngày lại khôi-phục quân-chủ như trước. Hiện nay thời mới có cái trẫm-triệu như thế mà thôi. Nhưng việc khôi-phục quân-chủ dù lâu chóng thế nào mặc lòng, dư-luận nước Đức đối với thời-cục Âu-châu bây giờ đã nhiều lần tỏ ra bất-bình, như muốn đòi sửa lại địa-giới về mặt *Pologne*, mặt *Tcheco-Slovaquie*, lại khởi ra cái nghị sáp-nhập nước Áo vào Đức. Nói tóm lại là Đức cảm sự thất-bại vừa rồi, bây giờ chỉ tìm cách để phục-thù mà thôi. Muốn phục-thù cho được thì trước nhất hẳng gây lấy cái thế-lực ở Trung-Âu đã. Ở *Autriche* (Áo), ở *Hongrie* (Hung), ở *Tchéco-Slovaquie*, ở *Pologne*, đều có dân Đức ở cả. Bọn đó, nhất là ở *Autriche*, muốn yêu-cầu cho được sáp-nhập vào Đức. Bây giờ Đức còn yếu thì còn phải yêu-cầu như thế, chứ đến ngày Đức mạnh, thì lọ là phải yêu-cầu, Đức tất tìm kế mà tự sáp-nhập lấy. Không những đối với *Autriche*, đối với *Hongrie*, *Pologne*, *Tchéco-Slovaquie* cũng thế.

Đức mà mạnh lên thì không sáp-nhập được cũng chinh-phục cho kỳ được, để cho có ngày đạt được cái mưu đặt bá-quyền ở cả cõi Trung-Âu, tức là cái mưu của BISMARK ngày xưa, cái mưu của nhà vua HOHENZOLLEREN khi trước. Như thế thời cái vận-mệnh của những nước nhỏ mới thành-lập như *Pologne*, *Tchéco Slovaquie* thật cũng nguy-hiểm và mong-manh lắm. Nhưng cái mưu của Đức đã rõ-ràng như thế, liệt-cường có lẽ cứ để yên cho Đức khôi-phục lại cái chủ-nghĩa xâm-lược như trước dư? Song phải biết liệt-cường đây là ai? Liệt-cường đây bất-quá chỉ có ba nước Anh, Pháp, và Ý, là có quan-hệ đến thời-cục Âu-châu. Trong ba nước ấy thì duy chỉ có Pháp đối với Đức là có cái thù « bất-cộng đái-thiên. » Còn Ý thì cũng trung-lập, mà Anh thì xem ra từ khi chiến-cục liễu-kết, không những không thù gì với Đức nữa, mà lại có ý vị Đức hơn Pháp. Điều đó tựa hồ như là một sự lạ lùng, nhưng xét kỹ ra mới hiểu rằng thật là hợp với cái chính-sách cố-hữu của Anh xưa nay. Anh cổ-lai vẫn cạnh-tranh với Pháp, cứ xem lịch-sử hai nước thì biết. Hồi năm 1914, vì hải quân của Đức mạnh quá, Anh sợ Đức cướp mất chủ-quyền trên mặt bể của mình, phải hiệp-lực với Pháp để đánh Đức. Nhưng đến khi phá được hải-quân của Đức rồi thì không còn gì hiểm-thù với Đức nữa. Thấy Đức thua Pháp được, bấy giờ lại có ý sợ thế-lực của Pháp mạnh quá và muốn ngầm giúp cho Đức khôi-phục để chống lại với Pháp. Ngoài mặt vẫn bè bạn, nhưng ở trong thật không ưa gì nhau. Cho nên sự khôi-phục của Đức ngày nay duy chỉ có Pháp là phản-đối mà thôi. Đảng quốc-dân ở Pháp đến nay còn tiếc rằng khi nghị-hòa không hết sức phân-lìa cho nước Đức tan-tác ra để sau này không thể nào tập-hợp lại được nữa. Song đó chẳng qua cũng là một sự mộng-tưởng, vì một nước lớn mạnh nhất nhì trong thế-giới, muốn phân-lìa cho được thật không phải dễ, và cho dẫu thừa khi thất-bại phân-lìa được nữa, rồi sau gặp cơ-hội tốt tất cũng có ngày tập hợp lại được. Nói rút lại thì vấn đề nước Đức ngày nay có quan-hệ nhiều nhất là đối với nước Pháp, cho nên các nhà chính-trị Pháp lấy việc bầu-cử tướng HINDENBURG làm giám-quốc làm quan tâm lắm. Có người nói rằng thà thế lại còn hơn, vì thế là nước Đức công-nhiên biểu-lộ cái chí phục-thù của mình, khiến cho Pháp không còn ngộ-nhận được nữa và sẽ hết sức phòng-bị sự bất-kỳ. Chứ nếu Đức bầu một người nào về đảng tả hay đảng trung-ương ôn-hòa, thì còn sợ rằng có người hiểu lầm cho là cái tư-tưởng dân-chủ cộng-hòa ở Đức hãy còn mạnh và người Đức đã tuyệt hết cái bụng xâm-lược chiến-tranh rồi. Tóm lại, vấn-đề Đức ngày nay chính là vấn-đề Pháp-Đức vậy, và cả thời-cục Âu-châu là quan-hệ ở đó.

Nội-các nước Pháp từ trước đến giờ, dù thuộc về đảng nào mặc lòng, cũng biết sự nguy-hiểm về mặt Đức đó, và thường thường tố-cáo cho quốc-dân và cho thiên-hạ được

Nước Đức bị hòa ước bó buộc chưa thể công-nhiên khôi-phục về đường chính-trị, đường quân-bị được. Nhưng về đường kinh-tế thì cái tình-hình của Đức bây giờ đã khá lắm. Trong « Tạp-chí hai Thế-giới (*Revue des deux Mondes*) mới rồi có một bài của ông GEORGES BLONDEL xét về tình-hình kinh-tế nước Đức năm 1925, đại khái nói rằng: Mấy tháng sau khi Đức bị thua thì Đức đã qua một hồi rất khó-khăn; nhưng thừa được sự do-dự của Đồng-minh, Đức dần-dần khôi phục lại ngay. Trước hết, có bao nhiêu tư bản trong nước cho thoát ra ngoài cả, công-nhiên cáo cùng vỡ nợ, khiến cho tiền «mũ-khắc» (*mark*)

(là tiền bản-vị của Đức) sút xuống đến không còn giá-trị gì nữa. Ngoài mặt thì thế mà ở trong vẫn hết sức chấn-chỉnh các cuộc công-thương. Công-khố đã cùng-kiệt, tất phải in ra giấy bạc nhiều, gây ra cái tệ « ứ bạc giấy » (*inflation*). Nhưng cái tệ này lại lợi cho các nhà công-nghệ có tư-bản có thể khôi-phục các công-cuộc của mình, lợi cho nước Đức trang-trải được các cái nợ, lại dễ đặt được một thứ tiền-tệ mới, có lẽ vãn-hồi được cả cái « mã-khắc » trước khi chiến-tranh nữa. Nước Đức không lấy những sự khó-khăn về chính-trị làm quan-hệ, chỉ chuyên-chủ về các vấn-đề kinh-tế. Tài-chính khôi-phục được thì công-nghệ cũng mau khôi-phục và bọn « đầu-cơ » (*les spéculateurs*) cũng bớt kiếm nghề. Tình-hình các đường xe lửa và các hãng tàu buôn xem ra mỗi ngày một khá, và nghề chế kim-loại lại càng thịnh-vượng lắm. Như gần đây mới lập lên một hội lớn đặt tên là « Đế-quốc chế-kim đại-liên-đẳng » (*Ligue impériale de l'industrie métallurgique.*) Trong liệt-cường có nước Mĩ là có lòng tin ở sự khôi-phục kinh-tế của Đức lắm. Bởi thế nên chính-phủ Đức muốn dùng điều-ước thương-mại làm một cái khí-giới về chính-trị, và nói rằng trong việc ký ước thông-thương với Pháp thời Pháp lại còn lợi hơn là Đức. Đức mà khôi-phục được về đường kinh-tế thì tất là mưu khôi-phục về đường chính trị; đó là một cái nguy cho sự hòa-bình ở Âu-lục. — Ông BLONDEL cũng kết-luận khuyên nước Pháp không nên sao-nhãng việc quân-phòng.

. .

Các tư trào ở Âu-châu ngày nay. — Phàm những phong trào về chính-trị, về kinh-tế, phần nhiều là do những phong-trào trong tư tưởng mà ra. Các nhà tư-tưởng thường làm tiên-phong cho các nhà chính-trị, nhà doanh-nghiệp, nhà giáo-dục, nhà cải-cách. Nay các tư-trào lớn ở Âu-châu trong khoảng gần đây thế nào? Có một nhà trước-tác người Đan-mạnh (*Danemark*) tên là GEORG BRANDES, xưa nay làm sách nghị-luận về chính-trị triết-học đã có tiếng, mới có một bài báo bàn về vấn-đề ấy. Ông nói rằng về thế-kỷ thứ hai-mươi này, các nước Âu-châu phần nhiều đối với đạo Thiên-chúa có bụng hoài-nghi, mà lại muốn khao-khát tin một sự gì để thế vào, thành ra xướng ra nhiều chủ-nghĩa khác nhau về chính-trị, về văn-học, về tôn-giáo, về xã-hội, nhưng rút lại chỉ muốn kiếm lấy một người nào có tư-cách phi-thường, một nhân-vật có tài đảm-đương sướng suất, một kẻ « hướng-đạo » (*meneur*) để giốc lòng theo mà thôi. Ở nước Anh thì chủ-nghĩa tiến-hóa của HERBERT SPENCER đã chủ-trương chi-phối tư-tưởng người ta và dư-luận trong nước trong bao nhiêu lâu. Trong bọn học-giả, nhiều người coi ông SPENCER (Âu dịch là Ti-tân-tắc) như một vị thánh-sư vậy. — Ở Nga thời cũng thấy xuất-hiện ra hai người « hướng-đạo » như thế, mà thế-lực lại còn mạnh hơn, ảnh-hưởng lại còn sâu hơn nhiều. Một người là TOLSTOÏ xướng lên một cái-lý tưởng-chủ-nghĩa thuộc về thần bí, dạy người ta cái đạo vô-vi như Lão tử, đối với mọi sự ác ở đời cứ nhẫn-nhục mà chịu, không nên đề-kháng lại. Có người nói rằng chính cái đạo vô-vi của ông đã làm cho người bình-dân Nga có cái tính nhẫn-nhục lạ, cái tính « thụ-động », khổ-sở thế nào cũng chịu được, như khi đẳng quá khích mới lên cầm quyền giết hại người ta biết bao nhiêu mà người dân cứ chịu vậy, không hề nổi lòng công-phẫn lên mà phản kháng lại. Một người nữa là KROPOTKINE thì truyền-bá cái chủ-nghĩa vô chính-phủ (*anarchisme*), gây ra cái lý-tưởng cộng-sản, ngày nay thịnh-hành như thế. Ở

nước Pháp thời tự năm 1913, có lẽ là bởi cái dư-hưởng của cái án DREYFUS, có một cái phong-trào quốc-gia rất mạnh (*un puissant courant de nationalisme*) truyền ra khắp trong nước và đến nay hãy còn thịnh-hành lắm. Xét ra thời từ năm 1914, cái lòng « dục-vọng chiến-tranh » (*le besoin de guerre*) của các nước lớn Âu-châu đã mãnh-liệt lắm, cái thảm-kịch mấy năm vừa rồi thế-tất phải xảy ra, không thể nào tránh được. Nhưng mà cái lòng dục-vọng ấy nó làm mờ mất cả trí khôn của người ta, khiến cho không dự-liệu trước những sự kết-quả ác-hại của cuộc đại-chiến này còn diên-man ra không biết đến bao nhiêu, mấy lớp người phải chịu đựng như chịu cái gánh nặng trên vai vậy. — Ông BRANDES kết-luận một cách bi-quan, nói rằng muôn sự khổ-hại của Âu-châu là bởi cái chủ-nghĩa quốc-gia đem đến cực-đoan, bởi cái dục-vọng chiến-tranh phát ra bạo-liệt vậy.

Nhưng cái chủ-nghĩa ấy, cái dục-vọng ấy đã tác hại tác-ác như thế mà hào có tuyệt-diệt đâu. Chiến-tranh-chi-hậu lại có phần thịnh hơn chiến-tranh-chi-tiền, cơ-hồ như muốn gây ra một cái chiến-họa nữa mới thỏa. Mà cái chiến-họa sau này còn ghê-gớm hơn cái trước không biết bao nhiêu lần.

.·.

Điều-ước Nhật-Nga có ảnh-hưởng đến thời-cục Á-Đông thế nào ? — Điều-ước của nước Nhật vừa ký với Chính-phủ Sô-viết nước Nga đầu năm nay (ký ngày 21 tháng giêng năm 1925 ở Bắc-kinh), kẻ thức-giả đều cho là một việc quan-hệ vô-cùng. Điều-ước ấy đại-khái thế nào, bản chí đã từng nói mấy kỳ trước. Song, nghe đâu cứ như hai Chính phủ công-bố cho thiên-hạ biết, thời mới là cái « ngoại-dung » của điều-ước mà thôi, kể cũng không có điều gì là khác thường ; còn phần « nội-dung » thì có lẽ còn giữ kín. Cứ xem như thế này thì đủ biết : là xét trong công-văn đã tuyên-bố, lấy làm lạ rằng chỉ thấy nước Nhật chịu nhường cho nước Nga mà không thấy nước Nhật được lợi một điều gì, cái đó thật là trái với thói thường ngoại-giao của Nhật xưa nay ; lại suốt trong văn ước, không hề đả-động nói đến Tàu, điều này mới lại lạ nữa, vì ai không biết rằng Nga với Nhật xưa nay vẫn có âm-mưu về việc Tàu, nhất là trong việc Trương Tác-Lâm thắng Ngô Bội-Phu mới rồi. — Nghiêm như thế thì biết rằng ngoài những điều đã công-bố chắc còn nhiều điều giữ bí-mật, và có lẽ có hẳn một phần mật-ước trong ba nước Nhật, Nga và Tàu, Tàu can-thiệp vào là vì Trương Tác-Lâm xưa nay vẫn về phe với Nhật. Theo báo *Lokal Anzeiger* của Đức thời trong mật-ước ấy nghe đâu nước Tàu cam-đoan rằng bình-thời phải nuôi một quân-đội 60 vạn người giao cho các quân-quan Nga và Nhật huấn-luyện và phàm binh-khí đạn-dược cần-dùng chỉ được mua của hai nước Nhật và Nga mà thôi. Đổi lại thì hoặc khi nước Mĩ, nước Anh hay nước Pháp có dụng-binh đối với chính-phủ Bắc-kinh hay là đối với một bộ-phận nào trong nước Tàu không phải là đất trung-lập, thì nước Nga lâm-thời sẽ cấp giúp cho Tàu một quân-đội 20 vạn người mà bao nhiêu binh-khí đạn-dược do Nhật-bản cung-cấp. — Trong ước còn nhiều điều bí-mật nữa, nhưng cứ mấy điều vừa nói đó cũng đủ biết điều-ước này quan-hệ cho thời-cục Á-Đông biết đường nào. Những điều đó, chắc là các chính-phủ quan-hệ bác đi là không phải, nhưng dù phải dù không, cũng nên xét qua xem thế nào, vì hình như những điều đó có phảng-phất giống như 21 điều của Nhật cưỡng-bách Tàu phải chịu năm 1915 và giống cả những điều trong mật-ước của Nhật ký với Chính-phủ Nga-hoàng năm 1916.

— Cái kết-quả thứ nhất của điều-ước mới này là khiến cho nước Tàu cứ như chính-thể bây giờ thật là hoàn-toàn phụ-thuộc nước Nhật. Ấy cái mưu nước Nhật đã năm-mươi năm nay vẫn chỉ chủ như thế, cốt làm thế nào cho Chính-phủ Tàu ở Kinh-đô thời vô-lực và thông ra bề thì không có đường. Mưu ấy thế là ngày nay đã tiềm-tiệm đạt được rồi, vì Tàu muốn cầu-viện ở ngoài tất phải qua Nhật, trừ khi Nhật bị thất-bại với nước khác thì không kể. — Cái quyền giám-đốc nước Tàu đó, đối với Nhật không phải là một cái mục-đích cốt-yếu, chẳng qua là một cái kế-hoạch để khuếch-trương thế-lực của Đế-quốc Nhật, khiến cho cái số dân đầy-ứ của Nhật có chỗ di-cư ra ngoài mà vẫn được tuân theo pháp-luật nước nhà. Ấy đó là cái tối-đại-vấn-đề cho nước Nhật ngày nay, dân-số nhiều quá, đất nhà không đủ nuôi được hết. Cũng vì tình cảnh đó, nên phong-trào quá-khích ở Nhật-bản ngày một thịnh thêm, khiến cho bọn cầm quyền trong nước thường phải lo sợ. Vậy thời làm thế nào nước Nhật cũng phải có chỗ di-thực cho dân mới được. Nay nghiệm ra thì người Nhật không thể ở trên 45 vĩ-độ về phía Bắc được, và trong các xứ khí-hậu cùng sản-vật thích-hợp cho họ, duy có Phi-luật-tân, quần-đảo Mã-lai thuộc Hòa-lan và Úc-châu, là dân-cư còn ít, có thể sang di-dân được mà thôi. Nhưng mà hễ động di-dân về các nơi đó thì tất có xung-đột với nước Mĩ hay nước Anh hay là cả hai nước hiệp lại. Sự xung-đột đó, các nhà chính trị Nhật xem ra cũng không hãi-hùng gì. Vì chắc rằng các quân-cảng sắp-đặt đã chỉnh-bị, lại được cái địa-thế là một đảo-quốc, có phần hiểm-yếu, địch-quân không thể nào xâm-phạm được, và từ nay cho đến ngày người Anh làm xong cửa Tân-gia-ba, Anh Mĩ muốn sang đánh Nhật-bản mà dùng đến đại-chiến-hạm thì có nhiều điều nguy-hiểm lắm. Song nước Nhật tự-lực một mình, không thể theo đuổi sự chiến-tranh lâu được ; phải làm thế nào giữ được đường giao-thông với Âu-châu, vì thế nên phải có nước Tàu. Ngoài cái lợi cốt-yếu đó, Tàu lại còn lợi cho Nhật về nhiều đường nữa : như người nhiều, cần dùng đến bao nhiêu cũng không hết, lại có mỏ sắt tốt, mà những mỏ to nhất ở giữa ngay tỉnh Sơn-đông là nơi Nhật-bản vốn vẫn có quyền-lợi xưa nay. Người Nhật cũng biết rằng dân Tàu không ưa gì mình, nhưng lại biết rằng nước Tàu là một nước hễ có tiền thì làm gì cũng được, và muốn bao nhiêu quân-lính cũng có. Chắc rằng khi giao-chiến với Anh, được 80 vạn quân của Trương Tác-Lâm, thời cũng đủ giữ đường cho quân Nhật-bản tiến xuống chiếm Hương-cảng. — Về một phương-diện khác thời nước Tàu vốn là một cái chợ mua hàng lớn nhất ở thế-giới ; nay được đặc-quyền buôn-bán ở trong cái chợ ấy, há chẳng phải là một cái lợi to cho Nhật dư ? Trương Tác-Lâm chắc là giúp cho Nhật đắc-lực về đường đó. Bấy giờ các nước Âu-châu bị thiệt đến lợi-quyền mình, không khỏi kháng-nghị với Chính-phủ Bắc-kinh, và kháng-nghị không được tất đem quân sang đàn-áp. Theo như báo *Lokal Anzeiger* thì khi ấy Nga sẽ can-thiệp vào. Nhật nhờ được Nga giúp sẽ được tự-do lợi-dụng đường xe lửa Tây-bá-đại-lục để giao-thông với các nước trung-lập Âu-châu. — Nay trong việc điều ước này thì phần Sô-viết nước Nga có được lợi gì hay không ? Mới xét thì tựa-hồ như không được lợi gì cả. Nhưng phải biết rằng nước Nga không phải toàn là một nước Âu-châu, thực là một nửa thuộc Á-châu, và cái mục-đích độ-nhất của Chính-phủ quá-khích chính là dùng cách bạo-động để phá-hoại cái văn-minh Âu-Tây. Hiện nay đảng Sô-viết vận-động ở các thuộc-địa là chỉ để

phản-đối với các nước Âu-châu mà thôi; sau này có xảy ra việc chiến-tranh như trên, đối với Sô-viết chỉ là một cách để tỏa-chiết cái thế-lực của giống Anh Mĩ ở Á-châu mà thôi. — Còn như binh-lực của Sô-viết thế nào thì cũng không ai biết đích được. Chỉ biết trong năm 1921, Sô-viết nhờ các công-ti Đức giúp cho khuếch-trương các đội tàu bay ra nhiều lắm. Xét ra thì quân-đội của Chính-phủ cách-mệnh Nga có tham-dự vào chiến-cục sau này, không phải là đem sang giúp Nhật ở tận Á-châu đâu, nhưng chắc là để gây sự ở Âu-châu cho Anh phải lưu-quân ở nhà không đem đi hết để đối-phó với Nhật được. Có nhà chính-trị Pháp ngờ và sợ rằng có lẽ ba nước Đức, Nga và Nhật kết-ước đồng-minh với nhau. Điều đó cũng chưa có chứng-cớ gì, nhưng nếu cái mưu đó mà thành thì cái chí phục-thù của Đức lại càng dễ lắm. Dù thế nào mặc lòng, có một điều chắc là làm thời Sô-viết sẽ hết sức quấy rối ở Ấn-độ, ở Ba-tư, ở *Afghanistan*, để cho Anh bị mắc-mưu ở đấy; Nga với Nhật đã kết-liên với nhau thì sự đó là một sự tất-nhiên. Rút lại gây ra cái tình-thế đó, chính là lỗi tại Hội-nghị Hoa-thịnh-đốn, phá cái ước đồng-minh của Anh Nhật, khiến cho Nhật vẫn nơm-nớp sợ rằng có ngày sẽ phải đối-phó với Anh Mĩ liên nhau. — Còn như Nhật trong cuộc chiến-tranh này, không phải là không có cơ thắng được. Vì rằng về phần nước Anh, cho dầu làm xong được quân-cảng Tân-gia-ba nữa, nghĩa là phải đến 10 năm, cũng chỉ có thể đem sang tham-chiến được 3/5 (ba phần năm) các đại-chiến-hạm (*capital ships*) của mình mà thôi, mà nếu quân-cảng chưa xong thì phàm những đại-thiết-hạm và tuần-dương-thiết-hạm kiểu mới, không thể dùng được một chiếc nào. Về phần nước Mĩ thì các tàu chiến phải hành-động ở xa cả các quân-cảng của mình, tất phải đem theo những tàu, than tàu nước, tàu máy, nặng-nề phiền-kịch quá, mỗi giờ không chạy được hơn 16 hải-lí. Lại phải đi qua quần đảo *Marshall*, là nơi những tàu ngầm và thủy-lôi Nhật-ẩn-nấp tiện và hiểm lắm, nếu không khéo thì mắc vào đấy cũng hại. Mà tàu có hư-hỏng, không đỗ vào chỗ nào mà chữa được. Bấy nhiêu cái nhược-điểm của Anh Mĩ là những cái ưu-điểm cho Nhất cả. Nhật có thể mong đánh gấp cho chóng thắng được. Nhưng Nhật thắng, Anh Mĩ chắc không chịu nào, như thế thời chiến-cục còn diên-man ra lâu nữa, cho đến Nhật thua mới thôi. Song hai nước kia chỉ có cách vậy cho Nhật tuyệt-giao-thông với thế-giới, nay nếu Nhật đã kết-liên với Nga và lại có quyền giám-đốc nước Tàu, thì sự vậy ấy cũng vô-hiệu.

Ấy đó là ý-kiến của một nhà trước-thuật nước Anh, ông BRITTEN AUSTIN, có làm một bài luận về vấn-đề ấy đăng trong tạp-chí *Empire Review*, báo *Courrier d'Haiphong* lược-thuật ra chữ Pháp. Ông kết-luận nói rằng nên ước-ao cho khỏi sinh ra cái chiến-họa đó và tìm cách điều-đình thế nào cho nhất-diện thời nước Nhật được có chỗ thực-dân cho bớt cái hoạn dân-mãn của mình, nhất-diện thời các liệt-cường Âu-Mĩ vẫn giữ được các quyền-lợi ở Á-châu. Nhưng xem ra thật cũng khó lắm.

. . .

Việc nước Tàu. — Nước Tàu đã nghiệp-dĩ là một nước loạn, nên có yên cũng chỉ được ít lâu, rồi lại hình như nhớ loạn mà không sao yên được. Từ khi Nội-các Nhiếp-chính của Đoàn Kỳ-Thụy lên cầm quyền, tưởng rằng chiến-cục đã đổi ra hòa-cục, ai cũng có bụng mong và mừng cho nước Tàu, nhưng chưa được bao lâu cái ngòi chiến-tranh đã lại sắp bén lên rồi. Gần đây chỉ thấy nói tin Trương Tác-Lâm với

Phùng Ngọc-Tường sắp đánh nhau. Báo *Politique de Pékin* (Bắc-kinh chính-văn) có nói rõ về tình-hình và nội-dung cái chiến-họa sắp tới ấy như sau này.

Trương và Phùng hai người vẫn có ý ghen ghét nhau. Ngoài mặt thì tử-tế mà trong lòng thật hiểm-thù, vả hai bên cũng công-nhiên dự-bị để đánh nhau, không có giấu-giếm gì. Phùng đã đặt bản-doanh ở *Kalgan* (Trương-gia-khẩu, Mông-cổ), đương chỉnh-bị quân đội, nghe đâu có tới tám vạn người. Tuy các báo phò Phùng vẫn nói rằng Phùng chỉ mua binh-khí đủ dùng để huấn luyện quân đội và giẹp yên giặc-giã mà thôi, nhưng kỳ-thực thời hằng ngày những ô-tô chở hàng vẫn tải những binh-khí đạn-dược ở đường *Ourga* lại cho Phùng nhiều lắm. Tài tự đâu đến, tất ai cũng đoán biết là nước Nga vậy. Ngoài mặt thì nước này vẫn chối rằng không có ý giúp bên nào, nhưng kỳ thực muốn cho hai bên lung-tung để mong đục nước béo cò. Phùng thì vẫn nói rằng không có ý gì, nghiễm nhiên chiếm-cứ đất Mông-cổ nói rằng chỉ muốn làm lợi cho dân Mông-cổ mà thôi. — Về mặt Phụng-thiên thì Trương không nói chiến mà cũng không nói hòa, không hề tuyên-bố gì, cứ lẳng-lặng mà dự-bị. Bao nhiêu những nơi hiểm-yếu cho quân đóng sẵn cả. Nhờ có cái thanh-thế đã đánh được Ngô Bội Phu, lại đối với chính-phủ trung-ương có cái địa-vị phụ-trợ bảo-hộ, nên quân-đội hành-động hầu như được tự-do, không còn e-sợ gì. Trương có một bộ tham-mưu mấy tay tướng giỏi, tận-tâm phụng-sự, hằng ngày bày mưu lập kế, nhất-thiết bí-mật, không lộ ra ngoài. Nhưng đem quân đi lại lắm cũng sợ người ta nghi, nên bề ngoài vẫn dương-danh nói rằng đặt quân các nơi để giữ cho đường xe lửa được yên-ổn, cứ thế mà dần dần tiến vào mãi trong tỉnh Trực-lệ, thậm chí đến đóng ngay ở Bảo định-phủ. Cứ phương-diện ngoại giao thì Trương ra mặt ân cần đến các dân phụ cận đường thiết-lộ Sơn-hải-quan — Thiên-tân — Bảo-định-phủ, mà dùng binh để bảo-hộ. Nhưng cứ phương-diện quân-bị thì chính là chỉ chủ chiếm lấy các nơi ách-yếu và sự đóng quân ở Bảo-định chẳng qua là để ngăn đường cho Phùng ở *Kalgan* (Trương-gia-khẩu) không thể tiếp được quân cứu-viện ở ngoài. — Nay Trương chậm đánh bao nhiêu thì lại càng lợi cho Phùng bấy nhiêu, vì Phùng càng rộng thời giờ để tăng quân-đội và tăng cả ngân-khố nữa, hiện nay chứa tích cũng đã nhiều và thật là phần cốt-yếu cho cái thế lực của Phùng. Hiện nay thời hai bên vẫn đò nhau, mỗi bên cũng rõ cái khuyết điểm của bên kia lắm. Song dẫu cái chiến-cục đã manh-nha ra hiển nhiên như thế, nhưng kẻ khách-quan cũng còn mong rằng có cơ tránh được. Trương Tác-Lâm hiện nay là tay có thế-lực-nhất ở Tàu. Quân đội đã chỉnh-bị lắm, mà tướng tá cũng tập luyện giỏi, binh-khí cũng đầy-đủ cả. Thứ nhất là kim-tiền lại nhiều, không sợ gì sự bất-kỳ, cũng không lo về tương-lai. Trương vẫn thường nói rằng tự ý ông không muốn gây ra chiến-họa làm gì, bên kia khêu ra trước thì ông phải chịu mà thôi, chứ tự ông không gây sự, nhưng phòng-bị thì ông vẫn làm, không hề sao nhãng, để làm thời hoặc dùng thế công, hoặc dùng thế thủ, đều được sẵn-sàng. Hiện nay đội tàu bay của ông đã chỉnh bị lắm, và mỗi ngày một tăng thêm lên, tự ông thân hành đốc suất, lại có người con là Trương Huệ Lương (?) giúp đắc lực lắm. Lại địa-thế Mãn-châu tiện lợi cho sự giao-thông, lâm thời việc vận-tải, việc cứu-viện cũng được dễ; có lẽ vì cớ đó, nên Phùng còn ngần-ngại chưa dám khêu chiến vội. Vả lại, dẫu trong hai bên có một bên quyết-chí đánh nhau nữa, thời cũng còn nhiều cớ khác làm cho sự chiến-tranh cũng khó. Vì cái chiến-cục này không phải

chỉ quan-hệ đến sự thắng-bại trong hai bên mà thôi. Có người nói rằng quân quá-khích ở Mông-cổ sẽ giúp cho Pháng, và chủ-ý là muốn thừa-cơ để tuyên độc lập đất Mông-cổ và kết-liên đất ấy vào cuộc liên-bang Sô-viết. Nếu xảy ra như thế thì có khỏi được nước ngoài can-thiệp vào không? Nước ngoài can-thiệp vào thì có một nước sẽ lấy tiếng là bênh-vực cho Tàu mà kỳ thực là thừa cơ khuếch trương cái thế-lực của mình về chính-trị, thật là một sự nguy-hiểm cho Tàu về sau này, mà ảnh-hưởng đến cả thời-cục thế-giới nữa. Vậy thời hiện nay súng đại-bác còn im hơi lặng tiếng, nên mong rằng qua mùa đông cũng không xảy ra sự gì nữa; nhưng vạn nhất mà hai bên đến đánh nhau, thời cũng lại mong rằng người Tàu sẽ tỉnh ngộ mà những kẻ thức giả sẽ hiệp lực lại mà cố ngăn ngừa cho khỏi diên-man ra.

.·.

Thời-cục nước Tàu.— (*Theo báo Tàu*). — Hiện nay lâm thời Chính-phủ Tàu, nguyên là do mấy đảng thực-lực sự-đời lên, chứ không do nhân-dân chính-thức công nhận, nên trong khi thiện-hậu hội-nghị có đảng đại-biểu Tây-nam xướng ra cái nghị-án xin tổ chức lại lâm-thời chính-phủ. Vả lại các đảng thực-lực khi trước suy đời lâm-thời chính-phủ, nay lại tỏ ý không bằng lòng, cho nên Bắc-kinh chính-phủ bây giờ có cơ nguy ngập không vững. Chính phủ đối với phái thực-lực phải sai người đi giảng-giải hứa sẽ thay đổi tòa Nội-các, đem bổ nhiệm thêm người đại biểu phái thực-lực vào để tỏ ý liên lạc. Đối với thiện-hậu hội-nghị thì tìm cách dìm bỏ cái nghị án tổ chức lại lâm-thời chính-phủ ấy đi, mà định sắp đặt ra một lâm-thời tham nghị-viện có quyền lập pháp, chực lập ra pháp luật để duy trì lấy cái nền lâm thời chính-phủ may ra còn đứng vững được vài ba năm chăng.

Hà nam. – Kỳ báo trước đã nói về việc Hồ Cảnh-Dực với Hàm Ngọc-Côn đánh nhau ở Hà-nam, đã đến hơn một tháng nay, quân Hồ đã đánh cướp được Lạc-dương, thừa thắng kéo đến mặt Thiểm-tây chống nhau với quân Lưu Trấn-Hoa 劉鎮華 để chực đánh Đồng-quan; quân Hàm bị thua. Lưu Trấn-Hoa phải lui về mặt Sơn-tây, quân của Hàm Ngọc-Côn thì đã cơ-hồ tan tác cả. Cứ xem như bên được bên thua như thế, thì chiến sự ở Hà-nam có thể yên được. Nhưng về mặt Hồ Cảnh-Dực thì có Tôn Nhạc 孫岳 ra điều-đình mà lại có ý nhập đảng để giúp cho Hồ; về mặt Hàm Ngọc-Côn thì có Lưu Trấn-Hoa cũng mượn cớ ra điều-đình để cứu viện cho Hàm. Tôn với Lưu hai bên cùng thông điện về Bắc kinh chính phủ đổ lỗi lẫn cho nhau. Chính-phủ thì chỉ điều hòa nhùng nhẳng chứ không được việc gì cả. Nguyên do về Bắc-phương nước Tàu sở-dĩ không yên là bởi tại phía đông-bắc (về đảng Trương Tác-Lâm) và phía tây-bắc (về đảng Phùng Ngọc-Tường) có hai đảng thế lực lớn không chịu dung nhau, hai đảng thế-lực lớn ấy không chịu nhau nên mới sinh ra những sự chiến tranh nho nhỏ, để trừ bớt các đảng thế-lực nhỏ ấy đi, nên mới thành ra đánh nhau mãi. Bao giờ hai đảng thế-lực lớn ấy có giải-quyết thống nhất xong thì mới yên được.

Thiện-hậu hội-nghị. — Các công việc Thiện hậu hội nghị, Bản chí mấy kỳ trước đã nói qua, ngày 16 tháng 3 mới rồi là hội-nghị lần thứ bảy, quyết-nghị từ ngày 17 trở đi thì nghỉ hai kỳ chủ nhật, đến ngày 31 lại khai hội nghị 20 ngày nữa. Nhưng trong hai tuần lễ nghỉ ấy thì có khai cuộc đàm-thoại riêng bàn về những điều nghị-án trọng yếu, thế là hội-nghị lại thêm dài ra 34 ngày nữa. Hội-nghị này cốt là chính đốn thời-cục cho yên-ổn, thế mà từ khi khai-hội đến giờ các phái thực lực lại làm nhiễu loạn thêm; bàn về định chỉ quân sự trong nước, thì không những là hội-nghị không có quyền, mà

đến Chính-phủ mệnh-lịnh cũng không có hiệu-lực gì cả. Trong hội-nghị phát biểu ra có 5 điều nghị-án: 1) Lập ra điều-lệ quốc-dân làm đại-biểu cho hội-nghị; 2) Chỉnh-lý tài-chính; 3) Chỉnh-lý quân-sự; 4) Tổ-chức lại lâm-thời chính-phủ; 5) Liên-tỉnh tự-trị. Trong 5 điều ấy thì Chính-phủ tỏ ý-kiến bảo rằng điều thứ 2 thứ 3 thì đem ra bàn được, điều thứ 1 cũng có thể giải-quyết được. Duy điều thứ 4 thì có phần trở-ngại làm cho không thành được chính thức Chính-phủ thì không thể đem ra bàn được. Điều thứ 5 thì nghị-hội không có quyền nghị-quyết được.

Đến ngày 31 là ngày hội-nghị lần thứ tám thì Chủ Phụ-Thành 褚輔成 nhất-định xin giải-quyết cái vấn-đề tự-trị, nhưng đảng đại-biểu về Phụng-thiên và đảng đại-biểu về chính-phủ thì hết sức phản-đối, nhất-định bác-bỏ cái nghị-án liên-tỉnh tự-trị ấy đi, thành ra đảng co nhau mãi. Đến ngày 4 tháng 4 lại họp hội-nghị, thì đảng đại-biểu Phụng-thiên và đảng đại-biểu chính-phủ vì có cái nghị-án tổ-chức lại chính-phủ, hai đảng ấy đều không ra dự-hội, nên hội-viên đến dự-hội không đủ cái số pháp-định ít nhất là 40 người, bởi vậy không thành hội-nghị, thế thì cái kỳ Thiện-hậu-hội-nghị dẫu dài thêm ra hơn một tháng cũng không có kết-quả gì cả.

Trương Tác-Lâm và Phùng Ngọc-Tường. — Về mặt bắc-phương nước Tàu, ai cũng biết rằng Trương Tác-Lâm đứng đầu phái Phụng-thiên là có thực-lực hơn cả, trước kia còn có Trực-phái Ngô Bội-Phu chống lại, từ khi Ngô thất-bại rồi, lại có phái quốc-dân-quân là Phùng Ngọc-Tường chống với Phụng-phái, đôi bên vẫn không bằng lòng với nhau, nên mới sinh ra những việc nhiễu-loạn ở về lưu-vực sông Tràng-giang sông Hoàng-hà, như là việc Tề Nhiếp-Nguyên chống lại quân Phụng-thiên, và việc Hồ. Hàm đánh nhau ở Hà-nam, việc tranh nhau đất Bảo-định, đều là bởi có quan-hệ đến Trương Phùng hai phái mà phát-sinh ra. Gần đây mới có tin đồn rằng Trương Phùng muốn giao-hoan với nhau, một là vì Phùng có sai đại-biểu đến mừng thọ ở Thẩm-dương, Trương tru-đãi một cách đặc-biệt, các báo cho thế là Phùng có ý cầu-hòa với Trương; hai là vì đương lúc Bắc-kinh chính-cục khẩn-cấp, Đoàn Kỳ-Thụy có sai Vương Ấp-Đường 王揖唐 đến Thẩm-dương để tỏ-bày ý-kiến của chính-phủ và nhân thể điều-hòa cả Trương Phùng hai phái. Phùng ở Trương-gia-khẩu cũng tuyên-bố rằng chuyên-chủ hòa-bình. Vì thế nên cái tin đồn Trương Phùng giao-hoan truyền khắp cả trong nước. Nếu chính-phủ Tàu nhân lúc này mà hay lấy cái đạo công-bình điều-hòa đối-phó với hai phái thì may ra cũng có cơ hòa-bình được.

Đường Kế-Nghiêu. — Hồi tháng chín năm ngoái Tôn Văn còn làm Đại-nguyên-súy có khai quân-sự-hội-nghị ở Quảng-đông, bàn định nhiệm-mệnh Đường Kế-Nghiêu làm Phó-Nguyên-súy, ý là muốn Tôn Đường hợp sức lại ở mặt tây-nam để đánh đổ đảng Trực-lệ. Nhưng nay thời-cục đã biến-đổi đi khác cả rồi, thế mà ngày tháng 3 mới rồi Đường lại mới thông-điện cho đảng quốc-dân Uông Tinh-Vệ 汪精衛 ở Bắc-kinh, tuyên-bố nhận chức Phó-nguyên-súy. Các báo-chương đồn rằng Đường mà tuyên-bố như thế là có ý không thừa-nhận Bắc-kinh-chính-phủ, mà trong đảng Quốc-dân (nguyên là đảng Tôn Văn) có một phần về bè với Đường, giục Đường nhận chức Phó-Nguyên-súy làm lĩnh-tụ mặt tây-nam để khuếch-trương thế-lực. Nhưng xét ra ở Bắc-kinh cũng không có tin-tức gì, mà Đường phái quân qua Quảng-tây, lại phải Lý Thôn-Nhân đồi ý cùng với Phạm Thạch-Sinh 范石生 liên-quân chống cự. Đường phái quân đến Hồ-nam thì Triệu Hằng-Dịch cũng không hoan-

nghênh, Nghị-hội Hồ-nam liền thông-điện cự-tuyệt, như thế thì Đường cũng không thể khuếch-trương thế-lực ra được.

Giang-nam. — Đất Giang-nam từ khi Lư Vĩnh-Tường đem quân Phụng-thiên đến đánh đuổi Tề Nhiếp-Nguyên tan đi rồi, thì toàn-cảnh Giang-tô thành ra một nơi cung hương-hưởng cho 10 vạn Phụng-quân, những chỗ đánh nhau đều bị tàn-phá tiêu-tụy cả. Nhân-dân Giang-tô kêu xin triệt Phụng-quân đi, nay mới thấy kéo đi đóng trú-phòng ở Từ-châu, ý chừng cái chính-sách của Trương Tác-Lâm đối-phó với các đảng khác có thay đổi chăng.

Lời bình-luận của báo Chiêu-nhật (Nhật-bản) bàn về chính-cục nước Tàu sau khi Tôn Văn đã mất. — « .. Đại-ý Tôn Văn nghĩ rằng ở Bắc-kinh đã trừ được phái Trực-lệ đi rồi, thì đại-thế nên lấy hòa-bình mà thống-nhất, nên mới bỏ Quảng-đông mà lên Bắc-kinh. Không may Tôn chết đi mất, thì dân-đảng nước Tàu thiệt mất một ông thầy hướng-đạo, mà muốn duy-trì cái thế-lực quan-hệ phương nam với phương bắc không khéo cũng đoạn-tuyệt đi mất, thế thì Tôn mà mất đi rất là có ảnh-hưởng quan-hệ về chính-cục nước Tàu lắm! Trong đảng Tôn có phân ra tả hữu hai phái, đã có ý tranh-cạnh nhau kịch-liệt, không biết Tôn mất đi rồi hai phái ấy có khởi đánh nhau không? Miền tây-nam các tỉnh có khởi-cái vạ binh-đao không? Đường Kế-Nghiêu lúc Tôn còn sống, thì ý-kiến còn lửng-lơ, cũng mượn tiếng đem quân bắc-phạt để trừ Trực-phái, xuất-binh đến Quảng-tây, đến nay lại đột-nhiên thông-điện nhận chức Phó-Nguyên-súy Quảng-đông, tự-nhiệm là nối sau Tôn Văn. Chẳng biết sau này dân-đảng có đồng-ý với Bắc-kinh chính-phủ không? Hay lại độc-lập cát-cứ như trước? Ta (nhà báo) xem ra không khéo lại phân ra hai ba đảng tranh nhau, chính-cục nước Tàu sợ lại càng thêm rối-loạn, chưa chắc đã mong hòa-bình thống-nhất được. Hoặc có người bảo rằng Tôn mà chết đi thì dân-đảng gần đến ngày suy-kém, cũng là một cái cơ sau này nước Tàu có thể thống-nhất được. Nói thế vị-tất đã phải...»

Việc trong nước

Sự võ bị của Đông-Pháp. — *Mới đây, Thượng-Nghị-viện bên Pháp nhân thảo-luận về sổ dự-toán thuộc-địa, có bàn đến Đông-Pháp ta. Ông nghị* Gaudis de Villaine *năm trước đã xướng lên lời bàn rằng Đông-Pháp không có ích-lợi gì cho Đại-Pháp, lại thêm phiền bận cho Đại-Pháp phải phòng-bị giữ-gìn, bất-nhược đem bán đi để trừ nợ các Đồng-minh cũ lại còn hơn. Lời bàn ấy đã khiến cho dư-luận Tây ở bên Pháp và bên này khởi lên phản-đối rất kịch-liệt. Năm nay ông lại giở đến câu chuyện ấy ra, nhưng ông nói hơi khác trước một chút. Ông nói rằng: Nước Pháp muốn giữ lấy thuộc-địa Đông-Pháp thì phải phòng-bị cho cẩn-thận. Nếu không có cách phòng-bị được cẩn-thận thì thà bán đi quách. Xét ra hiện nay sự võ-bị của Đông-Pháp sơ-sài quá. — Thuộc về vấn-đề phòng-bị thì các báo Tây cũng phải chịu rằng lời ông nói là phải. Cứ xét cái tình-thế chung trong thế-giới và cái tình thế riêng ở Á-Đông, thì biết sự võ-bị của Đông-Pháp quả là sơ-sài thật, không đủ đối-phó với sự bất-kỳ. Mà sự bất-kỳ ấy không phải là không đáng lo.*

Ở Á-Đông ngày nay có hai nước chỉ chực có dịp là đánh nhau, nước Nhật và nước Mĩ. Có người nói sự chiến-tranh sở dĩ chưa phát ra chỉ vì người Mĩ chưa được chắc rằng hải-quân mình thật đã đủ sức mạnh. Từ khi Nhật ký ước với

Nga, và Nga thông-đồng với Tàu, thì cái tình-hình lại nguy-hiểm hơn nữa. Ở chung-quanh ta đây đều chăm-chút phòng-bị cả. Nước Anh đặt quân-cảng ở Singapore *là có ý phòng sự bất-kỳ. Các nhà chính-trị Anh vẫn nói rằng quân-cảng ấy không phải là có ý đối với Nhật-bản. Dù thế nào mặc lòng cũng là để phòng-bị cho quyền-lợi của Anh ở Á-Đông. Lâm-thời có sẵn ở cạnh mình chừng sáu bảy cái đại-thiết-hạm, chừng ấy cái xung-chiến - tuần-dương - hạm, mươi mười hai cái khinh-tiện-tuần-dương hạm, và ít nhiều tàu ngầm, tàu lặn, ngư-lôi, vân-vân.., thì có thể cử bằng chân như vại, không phải ngại gì. Nay Đông-Pháp ở giữa ngay chỗ trọng-yếu như thế mà không phòng-bị sao được. Vẫn biết rằng dù xảy ra sự chiến-tranh thế nào, nước Pháp cũng nhất-quyết giữ trung-lập. Nhưng phải biết rằng có khi muốn trung-lập cũng không được, xem như cái gương Tỉ-lợi-thì*(Belgique), *năm* 1914 *thì đủ biết. Vả lại muốn giữ trung-lập cũng phải có phòng-bị, nhất là xứ mình lại có hai thứ thổ-sản rất cần cho người ta, là gạo và than. Có một tờ báo Tây đã nói rằng Đông-Pháp là một cái kho gạo của Á-Đông. Đã là một cái kho gạo thì phải giữ cho người ngoài khỏi xâm-phạm. Ví dụ trong các nước đánh nhau có nước nào khan gạo hết than đem tàu chiến áp-đảo đến Sài-gòn để chở gạo hay đến Hòn-gay để lấy than, thì bấy giờ Đông-Pháp sẽ xử-trí ra sao? Hiện nay cách phòng-bị của Đông-Pháp chỉ có hai chiếc pháo-thuyền nhỏ và hai chiếc tuần-dương cũ, thật là không đủ quá. Vẫn biết rằng Đại-Pháp bây giờ đương lúc tài-chính quẫn-bách, không dư-dật đâu mà nghĩ đến phòng-bị cho bên này được. Nhưng Đông-Pháp mỗi năm cung-cấp tới* 80 *triệu phật-lăng về việc quân-phòng không phải là không nặng, tiền ấy cũng phải thêm dùng vào việc võ - bị cho bản - xứ một đôi chút. Hiện nay không làm được chiến-hạm lớn, không làm được quân - cảng to, thời hẳng nên đặt lấy mấy nơi « căn-cứ »* (points d'appui) *chắc-chắn và suốt đường duyên-hải nên đặt tàu ngầm thủy-lôi để phòng-bị. Hiện nay thì hải-quân chỉ có nơi « Vũng tàu »* (Cap Saint Jacques) *làm căn-cứ, mà nơi ấy đề-phòng rất sơ-sài lắm.*

Ấy các báo tây bàn về sự phòng-bị về mặt bể như thế. Còn sự võ-bị trên đất, xem như cũng còn khuyết-điểm lắm. Ở Nghị-viện bàn rằng nếu quân-quan và binh-lính Tây không đủ thì nên rộng cho người bản-xứ cũng được tham-dự vào việc quân-phòng trong đất nước mình; lại bàn nên đặt ra một ngạch quan võ cho người bản-xứ vui lòng theo nghề quân. Lời bàn ấy thật là chánh-đáng lắm. Quân-lính ta cũng có tư-cách tốt và trước sau vẫn một lòng trung-thành với Đại-Pháp. Nay nếu được tham-dự vào việc quân-phòng bản-thổ một cách mật-thiết hơn, thì chắc sẽ hết lòng hiệu-lực để cho xứng-đáng cái danh-dự ấy. Quốc - dân An-Nam thật mong-mỏi lắm.

∴

Kỳ họp phi-thường của Hội-đồng Chính-phủ. — *Quan* MOSGUILLOT *mới lĩnh chức quyền Toàn-quyền Đông-Pháp liền họp Hội-đồng Chính-phủ một kỳ phi-thường ngày* 24 *và* 25 *tháng* 5. *Lệ thường thì Hội-đồng Chính-phủ chỉ họp mỗi năm có một lần về cuối năm để nghe quan Toàn-quyền tổng - thuật về tình-hình Đông-Pháp trong năm thế nào và duyệt các sổ dự-toán về năm sau. Sổ dự-toán năm* 1925 *đã duyệt kỳ hội-đồng cuối năm ngoái rồi. Còn tình-hình Đông-Pháp từ cuối năm ngoái đến giờ cũng không có sự gì mới lạ cho lắm. Vậy kỳ phi-thường này tất phải có một việc gì đặc-biệt cần phải giải-quyết ngay. Việc đặc-biệt ấy là việc như sau này. Nguyên sổ dự-toán thường năm* 1925

thì bên Bộ đã chuẩn-y rồi ; còn sổ dự-toán phi-thường về các việc công-chính lớn thì gửi sang Bộ xét, nay Bộ lại gửi trả, bắt phải sửa lại cho bên chi bên thu thật xác-đối nhau, rồi mới chuẩn-y. Bởi thế nên phải kịp họp hội-đồng ngay để xét nên tăng giảm thế nào. Ngay sổ dự-toán thường về năm nay, các khoản tính cũng chưa được xác lắm. Có nhiều khoản thu không chắc thu được toàn-số, mà các khoản chi thì nhiều khoản chi đã quá số rồi. Nếu không chấn-chỉnh ngay lại thời sẽ có cái nguy-hiểm khiếm-khuyết về sau. Bởi thế nên phải xét lại mà giảm bớt các khoản chi về sổ dự-toán phi-thường năm 1925. Muốn giảm bớt bây giờ chỉ có một cách, là đem mấy khoản dự-tính về việc công-chính năm nay sang dự-toán sang năm, nghĩa là hãng hoãn các việc ấy lại mấy tháng. Nghe đâu các khoản hội-đồng định đem về sang năm như thế tổng-cộng tới một triệu rưỡi bạc. — Song đó chẳng qua là việc dự-toán khi trước làm không được minh-xác mà thôi, chứ không phải là tài-chính có quẫn-bách gì. Nay chỉ cần phải dịch khoản năm nọ sang năm kia là các số dự-thu dự-chi được quân-bình và sổ dự-toán được hợp-thức. Chứ tình-hình kinh-tế trong bản-xứ, dẫu không được thịnh-vượng lắm như mấy năm trước, nhưng cũng vẫn bình-thường không có sự gì đáng lo. Từ mươi năm trước đến nay, việc tài-chính ở Đông-Pháp được một hồi thịnh lắm, số thu nào cũng nhiều hơn số chi, kho dự-bị mỗi ngày một tăng lên được nhiều. Nhờ có tiền dự-bị đó, nên mỗi năm làm sổ dự-toán thêm những khoản về các công-trình mới, như làm xe lửa, đào sông máng để dẫn-thủy nhập-điền, v.v. Các khoản công-trình mới ấy, trong sổ dự-toán năm 1925 tới 13 triệu rưỡi bạc, thật cũng nhiều vậy. Nhưng không ngờ vài năm về sau này số thu mỗi ngày một kém, tiền dự-bị cũng chỉ thấy giảm đi mà không thấy tăng thêm, thành ra sổ dự-toán năm nay có cái nguy chênh-lệch như thế, khiến cho phải rút bớt mấy khoản chi đi mà đem sang năm sau, và phải định mấy việc công-chính lớn lại. Có người sợ rằng nếu hoãn như thế thì phải hoãn mãi, vì sang năm vị-tất hơn gì năm nay ; việc công-chính là việc ích-lợi cho cả toàn-dân, hoãn mãi như thế có thiệt-hại đến đường kinh-tế bản-xứ. Nhân đó bàn nên mộ quốc-trái để làm các công-trình lớn. Chính-phủ nghe đâu cũng có ý như thế, nhưng trước khi mở quốc-trái cần phải chấn-chỉnh các khoản chi-thu đâu vào đấy đã, định sổ dự-toán cho chắc-bằng chỉnh-đốn thì mới đủ đảm-bảo cho một cuộc quốc-trái được. — Ấy quan Toàn-quyền Monguillot *họp kỳ hội-đồng phi-thường vừa rồi là chủ-ý chấn-chỉnh sổ dự-toán năm nay cho các khoản chi thu được quân-bình thích-hợp, để Bộ duyệt-y cho thi-hành, chứ không phải vì việc tài-chính kinh-tế có điều gì nguy-cấp khó-khăn vậy.*

∴

Học-sinh An Nam ở Pháp. — *Mấy năm trước, những học-sinh An-Nam ta sang học bên Pháp, nhiều người được miễn bằng tú-tài vào học các trường Đại-học, thứ nhất là trường Luật. Các trường Đại-học bên Pháp đối với học-sinh ngoại-quốc thường khoan-dung như thế, là vì học-chế mỗi nước một khác, nếu bắt ai cũng phải có bằng tú-tài Pháp mới được vào Đại-học thì học-trò ngoại-quốc không sao vào học được. Bởi thế nên nghị-định quan Học-bộ ngày 5 tháng 1 năm 1912 đặt ra một khóa thi cho học-trò những nước ngoài mà bậc trung-học không tổ-chức giống như nước Pháp, hễ thi trúng-cách thì được vào học các trường Đại-học, không cần phải có bằng tú-tài Pháp. Nay phủ Toàn-quyền có tư về bên Bộ nói rằng người An-Nam, dù là Bắc-kỳ, Trung kỳ hay Nam-kỳ, không thể coi là người ngoại-quốc được, vì ở Đông-Pháp đã có trường*

trung-học tổ-chức theo như bên Pháp, vậy các học-sinh An-Nam muốn vào học các trường Đại-học bên Pháp cần phải có bằng tú-tài Pháp như học-sinh Pháp mới được. Bộ Thuộc-địa cũng đồng-ý như thế, bèn tư sang Bộ Học. Bộ Học ngày 8 tháng 6 năm 1923 có gửi tờ chu-tri cho cả các quan Chánh-đốc các trường Đại-học dặn rằng đối với các học-sinh ở các thuộc-địa Pháp muốn xin vào học trường Đại-học thì không nên cho theo nghị-định ngày 5 tháng 1 năm 1912 chỉ để riêng cho học-sinh ngoại-quốc mà thôi. Vậy từ nay trở đi người An-Nam sang học bên Pháp, hoặc học luật, học thuốc, hay học về chuyên-môn gì, cần phải có bằng tú-tài Pháp, không được miễn như trước.

∴

Giới-thiệu sách mới

1. — Quốc-văn Trích-diễn. Cao-đẳng tiểu-học độc-bản. Textes choisis d'explication annamite, à l'usage des élèves des Ecoles normales et primaires supérieures franco-annamites. *Par* Dương Quảng-Hàm, *professeur au Collège du Protectorat. — Hanoi, Imprimerie Nghiêm Hàm*, 1925, *I-XVIII + 234 pages. Prix*, 0$,85. — *Lâu nay trong chương-trình các trường cao-đẳng-tiểu-học vẫn có mỗi tuần-lễ mấy giờ giảng về quốc-văn, nhưng vì sách giáo-khoa độc-bản không có, nên sự giảng dạy cũng sao-nhãng nhiều. Nay ông giáo* Dương Quảng-Hàm *biên-tập ra sách* Quốc-văn trích-diễm *này, trích-lục cả các thơ văn của ta từ đời Trần cho đến lối tản-văn mới ngày nay, theo đúng như chương-trình nhà trường, giải-thích rõ-ràng, lại phụ một thiên « Hán-Việt văn-biểu » tóm-tắt lịch-sử văn-học của nước ta trong mấy thế-kỷ, thật là bổ được một sự khuyết. Bản-chí rất vui lòng giới-thiệu không những cho học-sinh các trường Cao-đẳng-tiểu-học mà cho cả các người muốn nghiên-cứu về quốc-văn nữa.*

2. — Nữ-học ngũ-ngôn-thi. *Cảnh* viêm Đinh Gia-Hân *soạn. — Hải-phòng, Đắc-lợi ấn-quán*, 1925. 24 *trang. Giá* 0$,15. — *Sách tập-đọc và học thuộc lòng cho con gái dùng. Làm theo thể thơ bốn câu năm chữ, dễ hiểu, dễ nhớ; nói về đủ các việc: cư-xử, nhật-dụng, v.v.*

3. — Lá thơ rơi. *Tiểu-thuyết ngôn-tình của ông* Nguyễn Tường, *giáo-học ở Trà-vinh (Nam-kỳ) soạn, in ở nhà in Nguyễn Văn-Viết, Sài-gòn. Mới xuất-bản cuốn thứ nhất*, 48 *trang, giá* 0$35.

4. — Vì đâu nên nỗi. — *Ông* Dương Tự-Quán *mới xuất-bản một quyển tiểu-thuyết* Vì đâu nên nỗi, *là tả một khối sầu của cô thiếu-nữ, chỉ vì không hiểu chữ văn-minh, chữ tự-do, mà phải xót-sa về một chữ tình, cay-đắng về một chữ duyên, cho nên đến nỗi khổ-sở. — Sách dày độ 36 trang, giá* 0$,12.

5. — Truyện tiêu khiển. — *Là một bộ truyện đoản-thiên mới xuất-bản ở hiệu Thụy-ký. Tập thứ nhất ra ngày* 1er *Juin* 1925, *có năm truyện:* 1) *Trung hiếu một nhà;* 2) *Hồn Trương Ba da hàng thịt;* 3) *Thi tài không thi phận;* 4) *Phải đạo làm con;* 5) *Người đầu hát có trinh-tiết. — Mỗi tập in khổ giấy nhỏ, 32 trang, giá* 0$03.

6. — Câu chuyện làm quà. — *Cũng là một tập chuyện đoản-thiên để giải-trí tiêu-khiển cho bọn thanh-niên. Của ông* Vũ Tục *giáo học Hải-phòng soạn. Mới ra tập thứ nhất, có mấy chuyện như sau này:* 1) *Sử tử đá;* 2) *Kén rể kỳ khôi;* 3) *Cái sọ dừa;* 4) *Chuyện người hóa ra lừa;* 5) *Người thợ dệt cửi tài-tình;* 6) *Ở hiền gặp lành;* 7) *Luân-lý hi-kịch. — In ở Đắc-lợi ấn-quán, Hải-phòng. 98 trang, giá* 0$20.

7. — Chấp-trung chân-kinh. *Sách tập những văn khuyến-thiện của chư-tiên chư-thánh, như Văn-xương-đế-quân, Vân-hương-thánh-mẫu, Bảo-hoa-công-chúa, Hạnh-hoa-công-chúa, Phạm*

điện-suý-tướng-quân, vân vân... Nguyên bằng chữ Hán, bà nữ-giáo-sư ĐINH CHÍ-NGHIÊM *dịch ra quốc-âm. — In ở nhà in Vĩnh-Thành*, 148 *trang*.

Một tờ báo tây mới — *Bắt đầu từ* 1er Juin 1925 *ở Hà-nội mới xuất-bản một tờ nhật-báo bằng chữ Pháp tên là* L'Eclaireur, *ông* PEYROT *đứng chủ. Ông là nguyên chánh-đốc nha Học-chánh Bắc-kỳ, xưa nay vẫn có bụng tốt với người An-Nam ta. Nay ông lập ra báo này là công-nhiên để làm một cái cơ-quan bênh-vực giúp-đỡ cho người Nam, thông-đạt những sự nguyện-vọng chánh-đáng của quốc-dân ta cho Chính-phủ biết, tố-cáo những sự tệ-lạm của quan-lại cho dân được nhờ. Trong lời phi-lộ nói rõ-ràng như thế. Vậy các anh em đồng-chí ta ai là người biết chữ Pháp cũng nên đọc báo này, và nên cổ-động cho báo được phát-đạt.*

VỀ TẬP KỶ-YẾU HỘI KHAI-TRÍ

Kỳ Hội-đồng quản-trị Hội Khai-trí ngày tháng năm vừa rồi, theo lời bàn của ông Phạm Quỳnh, định rằng từ nay hội Khai-trí đã có lệ gửi giấy đạt cho các Hội-viên, thời những biên-bản cùng công việc của Hội, sẽ in cả vào giấy đạt, không phải nhờ báo *Nam-phong* in nữa. Hội có lời cám ơn ông Phạm Quỳnh đã có bụng tốt từ khi lập Hội đến giờ đem báo của ông cho Hội mượn làm cơ-quan, thật là giúp cho Hội được nhiều lắm. Nay công việc Hội mỗi ngày một nhiều, không lẽ tháng nào cũng in vào báo, không khỏi thiệt cho nhà báo ; vậy từ nay sẽ tóm-tắt những việc quan-hệ in vào tờ đạt gửi cho các Hội-viên biết, không phải phiền báo *Nam-phong* nữa.